

NOBEL VĂN CHƯƠNG 2008

J. M. G. LE CLÉZIO

BÃO

tempête

BẢO

(Nobel Văn Chương 2008)

Tác giả: J. M. G. Le Clézio

Người dịch: Nhóm Dịch Giả

Phát hành: Nhã Nam

Nhà xuất bản Văn Học 04/2015



ebook@vctvegroup

02/06/2020

Tặng những Haenyo, tặng những người đàn bà của biển trên đảo
Udo*

Đêm buông trên đảo.

Đêm lấp đầy những chỗ trống, len lỏi giữa ruộng đồng, một đợt thủy triều bóng tối dần bao phủ vạn vật. Cũng vào thời khắc đó, đảo vắng bóng người. Sáng nào du khách cũng tới trên chuyến phà lúc tám giờ, họ làm đông đúc những không gian trống, họ lấp đầy những bãi biển, họ trôi như một thứ nước bắn dọc theo cả những con lộ lớn lẫn những nẻo đường đất. Rồi khi đêm tới, họ lại rời khỏi những vũng vịnh, họ lùi ra xa, họ mất tăm. Những con tàu mang họ đi. Và đêm tới.

Tôi tới đảo lần đầu cách đây đã ba mươi năm. Thời gian đã biến đổi mọi thứ. Tôi chỉ loáng thoáng nhận ra những nơi chốn, những ngọn đồi, những bãi biển, và dáng hình của miệng núi lửa sạt lở phía Đông.

Tôi quay lại vì lẽ gì nhỉ? Phải chăng không còn nơi nào khác cho một nhà văn đang kiếm tìm lối viết? Một chốn nương náu khác, xa sự ồn ào của thế gian, đỡ om sòm hơn, đỡ ngạo ngược hơn, một chốn khác để ngồi vào bàn làm việc và gõ lên máy những dòng chữ, đối diện với bức tường chẳng? Tôi đã muốn thăm lại hòn đảo này, nơi tận cùng thế giới này, nơi không lịch sử, không ký ức này, một mỏm đá bị dập vùi bởi sóng gió đại dương, rã rời vì du khách.

Ba mươi năm, tuổi đời của một con bò. Tôi từng đến vì gió, vì biển, vì lũ ngựa bán hoang đã lang thang kéo theo dây buộc, vì lũ bò cái ban đêm giữa những nẻo đường, tiếng rống thê thiết của chúng nghe như tiếng tù và báo sương mù, vì những tiếng sữa ăng ăng của lũ chó bị xích.

Cách đây ba mươi năm trên đảo không có khách sạn, chỉ có các phòng ngủ cho thuê theo tuần gần đê chắn sóng, và những lán gỗ bán đồ ăn bên bờ biển. Chúng tôi đã thuê một ngôi nhà gỗ nhỏ trên đồi,

không tiện nghi, ẩm ướt và lạnh giá, nhưng vậy là lý tưởng rồi. Mary Song hơn tôi một giáp, mái tóc tuyệt đẹp đen nhánh gần như ngả biếc, đôi mắt màu lá thu, nàng hát những tình khúc buồn trong một khách sạn dành cho du khách giàu có tại Bangkok. Có gì nàng lại muốn cùng tôi tới hòn đảo hoang vu này? Tôi chắc đây không phải ý tưởng của mình, chính nàng đã bàn đến chuyện này trước. Hoặc nàng đã nghe ai đó nhắc đến một đảo đá hoang sơ, mỗi khi có bão là hết đường tới. “Em cần tĩnh lặng.” Hoặc giả đó là ý của tôi, chính tôi đã nghĩ tới sự tĩnh lặng. Để viết, để lại bắt đầu viết sau nhiều năm uổng phí. Sự tĩnh lặng, khoảng cách. Sự tĩnh lặng, trong gió và biển. Những đêm lạnh, những đám sao.

Giờ thì toàn bộ chuyện này chỉ còn là một kỷ niệm. Ký ức không quan trọng, không hậu quả. Duy có hiện tại là đáng kể. Tôi đã học được điều ấy qua những kinh nghiệm xương máu của mình. Gió là bạn tôi. Gió thổi không ngừng trên các mỏm đá, gió đến từ chân trời phía Đông rồi vấp phải bức vách gãy vỡ của núi lửa, ập xuống những ngọn đồi rồi lườn lách giữa những bức tường nham thạch thấp, lướt trên cát san hô và vỏ sò vỏ ốc vỡ. Ban đêm, trong phòng khách sạn nơi tôi ở (*Happy Day**, làm cách nào cái tên này tới được tận đây, một cái tên không trọn vẹn trên chiếc thùng gỗ mắc cạn), gió lùa qua khe cửa sổ và cửa ra vào, xuyên qua căn phòng trống nơi chiếc giường sắt han gỉ cũng y hệt một mảnh tàu đắm. Không có lý do nào khác cho chuyến biệt xứ của tôi, cho nỗi cô đơn của tôi, duy có sắc xám của trời và biển, và tiếng gọi ám ảnh của những người đàn bà mò bào ngư, tiếng kêu của họ, tiếng huýt của họ, một dạng ngôn ngữ cổ, xa lạ, ngôn ngữ của những động vật biển đã từng lui tới thế giới rất lâu trước con người... *Aouah, iya, ahi, ahi!*... Những thiếu nữ làng chài đã ở đó khi Mary dẫn tôi đi thăm đảo. Bấy giờ mọi chuyện khác hẳn. Những thiếu nữ mò ốc tuổi chừng đôi mươi, họ lặn không trang phục, thắt lưng buộc đá, đeo những mặt nạ dưỡng khí lấy từ xác lính Nhật. Các cô không có bao tay cũng chẳng có giày. Giờ đây họ đã già đi, họ mặc bộ

đồ lặn liền thân bằng cao su đen, họ đeo bao tay dẹt bằng sợi hóa học, đi giày nhựa màu sắc sặc sỡ. Kết thúc ngày làm việc, họ bước đi dọc con đường ven biển, đẩy xe nô chở những thứ thu hoạch được. Đôi khi họ có xe máy điện, xe ba bánh chạy xăng. Họ có dao inox giắt ở thắt lưng. Họ cời bộ đồ lặn giữa những mỏm đá, gần một túp lều gạch nện xây riêng cho họ, họ gội rửa ở vòi nước lộ thiên rồi trở về nhà bước thấp bước cao, tiêu tụy vì chứng thấp khớp. Gió đã cuốn theo những năm tháng của họ, những năm tháng của tôi cũng vậy. Bầu trời xám xịt, màu của hối hận. Biển động, nổi sóng lừng, biển xô vào đá ngầm, vào những chỏm nham thạch, biển quay cuồng và vỗ bập bênh trong những vũng lớn, nơi lồi vào những vịnh hẹp. Không có những phụ nữ ngày ngày mò hải sản này, biển có lẽ sẽ thù địch, khó gần. Mỗi sáng tôi lắng nghe tiếng kêu của những người đàn bà của biển, âm thanh rè rè từ hơi thở của họ khi họ ngoi đầu khỏi mặt nước, *ahouiii, iya*, tôi hình dung khoảng thời gian đã qua, tôi hình dung ra Mary, đã mất tích, tôi nghĩ đến giọng hát tình ca của nàng, đến tuổi thanh xuân của nàng, đến thời trai trẻ của tôi. Chiến tranh đã xóa đi tất cả, chiến tranh đã phá tan tất cả. Thời đó tôi thấy chiến tranh đẹp, tôi muốn viết về nó, trải nghiệm nó và rồi viết về nó. Chiến tranh là một cô gái đẹp với thân hình trong mộng, mái tóc dài đen nhánh, đôi mắt sáng, giọng nói mê hoặc, rồi nàng biến thành mục giã tóc tai bù xù và nanh nọc, thành ác phụ báo oán, bất nhân, tàn nhẫn. Đây là những hình ảnh trở lại trong tâm trí tôi, chúng dâng lên từ nơi sâu thẳm nhất. Những thân thể trật trẹo, những cái đầu bị cắt rời, rải khắp các đường phố bẩn thỉu, những vũng xăng, những vũng máu. Một vị hắc trong miệng, một thứ mờ hôi nặng mùi. Trong một căn nhà không cửa sổ, chỉ có một bóng đèn điện không chao duy nhất, bốn gã đàn ông giữ chặt một người đàn bà. Hai gã ngồi lên chân cô, một gã đã trói hai cổ tay cô bằng một dây đai, gã thứ tư mài miết với một vụ cưỡng hiếp bất tận. Không có tiếng động, như trong những cơn mơ. Ngoại trừ tiếng thở khàn khàn, tiếng thở của kẻ cưỡng hiếp, và một hơi thở khác, nhanh, dữ dội, của người phụ nữ, nghẹt lại vì sợ, có lẽ thoát đầu cô đã kêu bởi dấu vết một cú

đánh vẫn còn lưu trên môi dưới của cô, nó đã rách toạc, và máu chảy tạo thành một vết loang hình sao trên cằm. Hơi thở của kẻ cưỡng hiếp dần gấp gáp, một dạng thở khò khè sâu, nghẹt lại, một âm thanh trầm và giật cục của máy móc, một âm thanh gấp gáp và dường như sẽ không bao giờ ngưng.

Mary là lâu sau đó, Mary uống rượu nhiều quá mức, và biển đã mang nàng đi. “Em có thể làm điều đó,” nàng đã nói khi chúng tôi băng qua eo biển ngăn cách đảo với đất liền. Nàng đi vào lòng biển lúc hoàng hôn. Thủy triều đã làm lóng mướt những con sóng, những vòng tròn chậm rãi tiến lên, màu rượu vang. Những người đã nhìn thấy nàng đi vào lòng biển đều nói rằng nàng điềm tĩnh, rằng nàng mỉm cười. Nàng đã mặc đồ bơi, một bộ liền màu lam không tay, rồi nàng luôn lách giữa những mỏm đá đen, nàng bắt đầu bơi cho đến khi những con sóng, hoặc ánh mặt trời lặn che khuất nàng khỏi tầm mắt những người chứng kiến.

Tôi đã không biết gì, không thấy gì, không dự đoán gì. Trong phòng ngủ ở căn lều của chúng tôi, quần áo của nàng được gấp và xếp sấp như thể nàng đi du lịch, thể thôi. Những chai rượu gạo rỗng không, những bao thuốc lá bóc dở. Một túi xách đựng vài vật dụng thân thuộc, lược và bàn chải tóc, nhíp, gương, phấn, son môi, khăn mùi soa, chìa khóa, ít tiền Mỹ và tiền Nhật, mọi thứ như thể hai tiếng nữa nàng sẽ quay lại. Viên cảnh sát duy nhất trên đảo này - một người đàn ông trẻ tuổi, tóc húi cua, trông như một thiếu niên - đã kiểm kê. Nhưng anh ta đã để lại cho tôi mọi thứ, như thể tôi là một người họ hàng, một người bạn. Tôi là người được yêu cầu tùy tâm xử lý những di vật, nếu họ tìm thấy, hỏa thiêu chúng, quăng chúng xuống biển. Nhưng không bao giờ có gì khác ngoài những đồ dùng không quan trọng kia. Bà chủ nhà trọ đã chọn trong đám quần áo, bà ta giữ lại đôi giày màu lam xinh

xắn, chiếc mũ rơm, đôi tất dài, cặp kính râm, chiếc túi xách. Tôi đã mang các giấy tờ ra sân đốt. Những chiếc chìa khóa, những đồ vật riêng tư, tôi đã quăng chúng xuống biển, từ boong con tàu đưa tôi trở lại đất liền. Một ánh vàng rực lấp lánh giữa hai làn nước, tôi nghĩ một chú cá phàm ăn, một chú cá tráp hồng, một chú cá đối đã nuốt chửng chúng.

Thi thể chưa bao giờ được tìm thấy. Mary, với làn da mềm mại, óng vàng sắc hổ phách, đôi chân chắc lắn của vũ nữ, của vận động viên bơi lội, mái tóc đen dài. “Nhưng vì lý do gì?” viên cảnh sát đã hỏi. Đó là tất cả những gì anh ta đã nói. Như thế một ngày nào đó tôi có thể có câu trả lời. Như thế tôi có chìa khóa giải mã ẩn ngữ.

Giờ đây khi bão nổi, khi gió thổi liên hồi từ chân trời phía Đông, Mary trở lại. Không phải tôi gặp ảo giác, cũng không phải chớm điên (nhưng tay bác sĩ của nhà tù, khi thảo báo cáo, hẳn đã viết lên đầu hồ sơ của tôi chữ Y nguy hại), ngược lại là khác, mọi giác quan của tôi thành sắc bén, cảnh giác, nhạy cảm đến cực độ để thu nhận thứ mà biển và gió mang lại. Chẳng có gì rõ rệt, tuy nhiên đó là một cảm giác sống chứ không phải chết, nó tỏa vầng hào quang quanh da tôi, điều này đánh thức ký ức về những trò yêu đương của chúng tôi, của Mary và tôi, những cơn trốn dài từ dưới lên trên, trong bóng tối phòng ngủ, hơi thở, vị đôi môi, những nụ hôn sâu khiến tôi rùng mình, cho đến tận cơn sóng tình chậm rãi, cơ thể hai chúng tôi hòa quyện, bụng áp bụng, toàn bộ những chuyện này tôi đã bị cấm đoán từ lâu, là tôi tự cấm đoán, bởi tôi đang ở chốn ngục tù cho phần đời còn lại.

Trong bão tôi nghe thấy giọng nàng, tôi cảm thấy trái tim nàng, tôi cảm thấy hơi thở nàng. Gió rít qua các khe của vách kính lớn, lùa vào qua phía mặt hẹp han gi, xuyên qua căn phòng và khiến cánh cửa đập đập. Bấy giờ trên đảo mọi thứ ngưng lại. Những cơn phà không băng qua lạch nữa, những chiếc xe máy và ô tô ngưng vũ điệu của chúng, ngày giống như đêm, âm u, có những tia chớp không kèm tiếng sấm xuyên qua. Mary đã ra đi vào một buổi chiều tĩnh mịch, trong mặt biển

phẳng lạng như một tấm gương. Nàng trở về trong cơn bão, từng mảnh nhỏ li ti bị biển thẩm tống xuất. Ban đầu, tôi không muốn tin vào điều đó. Tôi từng ghê sợ, từng ép chặt thái dương giữa hai bàn tay để dập tắt những hình ảnh này. Giờ đây tôi nhớ đến một người chết đuối. Không phải một phụ nữ mà là một đứa trẻ lên bảy, một tối nọ thằng bé mất tích, Mary và tôi đã cùng dân làng tìm bé nhiều giờ trong đêm. Chúng tôi men dọc bờ biển, tay cầm đèn pin, chúng tôi gọi bé nhưng không biết tên nó, Mary hét gọi: “Này cưng ơi!” Nàng thảng thốt, nước mắt giàn giụa trên má. Bấy giờ có chính cơn gió này, những đợt sóng này, thứ mùi đáng nguyền rủa này của vực biển sâu thẳm. Rạng sáng có tin báo đã tìm thấy xác thằng bé. Trên một bãi cát lẫn sỏi giữa các mỏm đá, chúng tôi lại gần, nhờ một tiếng thở than giống như tiếng gió dẫn đường, nhưng đó là mẹ thằng bé. Chị ngồi trên cát đen, thằng bé đặt trong lòng. Thằng bé trần truồng, áo quần biển đã lột sạch, trừ chiếc áo phông bẩn tạo thành một chuỗi vòng xoắn vụn quanh thân trên. Gương mặt bé trắng bệch, nhưng điều tôi tức khắc nhìn thấy, đó là lũ cua và cá đã bắt đầu rĩa xác bé, gặm chóp mũi và cu của bé. Mary không muốn lại gần, nàng run lên vì sợ và vì lạnh, và tôi đã ôm nàng sát gần mình, chúng tôi ở lại trong phòng, nằm quần lẩy nhau trên giường, không vuốt ve nhau, chỉ miệng kề miệng thở.

Giờ đây hình ảnh ấy ám ảnh tôi, thân thể người đàn bà ấy nằm dang chữ thập trong khi tụi lính hành sự, và dưới khuôn miệng bầm giập máu đã khô thành hình ngôi sao đen. Và đôi mắt cô đang nhìn tôi, trong khi tôi lùi lại gần cửa, đôi mắt cô nhìn thấy xuyên qua tôi, nhìn thấy cái chết. Tôi chưa bao giờ nói gì với Mary, vậy mà chính vì cảnh tượng tàn bạo ấy nàng đã ngụp xuống biển để không bao giờ trở lại. Biển rửa cái chết, biển gặm nhấm, phá hủy và không trả lại gì, hoặc trả một cái xác trẻ em đã bị róc rĩa. Thoạt đầu, tôi đã nghĩ rằng cả mình cũng trở lại hòn đảo này để chết. Tìm lại được dấu vết của Mary, đi vào lòng biển một tối rồi biến mất.

Giờ đây trong cơn bão, nàng tới phòng tôi. Đó là một giấc mơ tỉnh thức. Tôi bị mùi thân thể nàng quyến với mùi biển thắm đánh thức. Một mùi hương nồng và hắc, chua, gắt, u uất, xộc lên. Tôi ngửi thấy mùi rêu tảo trong tóc nàng. Tôi cảm thấy làn da nàng hết sức mịn màng, nhẵn mượt nhờ sóng bào mòn, lóng lánh ánh xà cừ vì muối. Thân hình nàng bồng bềnh trong ánh sáng lờ mờ buổi hoàng hôn, luồn vào trong chăn, và bộ phận sinh dục cương cứng của tôi đi vào nàng, tới rùng mình, quấn siết tôi trong niềm mê đắm lạnh băng của nàng, thân nàng trườn sát thân tôi, môi nàng kề trên dương vật tôi, tôi hoàn toàn quyến vào nàng, nàng quyến vào tôi, cho tới cơn cực khoái. Mary, chết từ ba mươi năm nay, chưa bao giờ tìm thấy xác. Mary trở về từ đáy đại dương, đang nói vào tai tôi bằng chất giọng hơi khàn, trở về để hát cho tôi nghe những ca khúc bị lãng quên, những ca khúc về những ngôi sao trời, mà nàng đã hát tôi nghe ở quán bar khách sạn Phương Đông, lần đầu tôi gặp nàng. Không hẳn là quán bar dành cho lính tráng, và nàng không hẳn là ca sĩ quán bar. Khi nhìn thấy nàng tôi đã không hình dung ra nàng là ai, con một lính Mỹ được một gia đình *nhà quê* vùng Arkansas nhận nuôi, sinh ra từ một vụ cưỡng hiếp, bị bỏ rơi và trở về để chiến thắng kẻ thù truyền kiếp của mình, để hoàn thành một cuộc báo oán, hay đơn giản chỉ do sự lợi giống vốn hay xua loại người đi theo vết cũ cội nguồn một cách tất yếu. Nhưng tôi, tôi đâu phải một tên lính, nàng hiểu vậy, và chắc hẳn đó là lý do nàng chọn tôi, cái gã mặc *đồ lao động* và mái tóc húi cua, bám theo đám lính trong những cuộc hành quân, tay cầm máy ảnh để tường thuật mọi cuộc chiến tranh. Tôi còn nhớ lần đầu chúng tôi trò chuyện, sau lượt trình diễn của nàng, vào lúc đêm muộn, hoặc sáng sớm, trên khoảnh sân hiên nhô ra trên dòng Menam Chao Phraya, nàng đã cúi xuống để nhìn thứ gì đó trên mặt đất, một con bướm đêm màu đen đang đập cánh hấp hối, và qua phần cổ khoét của chiếc váy đỏ nàng mặc, tôi đã nhìn thấy bầu ngực nàng buông lơi, hết sức mịn màng, khô gợn. Nàng không biết gì về tôi và tôi cũng không biết gì về nàng. Bấy giờ tôi đã mang vết thương nham nhở của tội ác, tôi cứ ngỡ chuyện đó sẽ qua đi.

Tôi từng quen đi quá khứ, việc xử vụ khiếu kiện bốn tên lính đã cưỡng hiếp một phụ nữ ở Huế. Cái gã giữ tay cô gái quặt ra sau đã thụi vào môi cô để bắt cô im miệng, còn gã kia xâm nhập cô chẳng ngại ngần, thậm chí không cởi quần, và tôi nhìn, không nói gì, không làm gì hoặc gần như thế, chỉ chồm cương cứng, nhưng nhìn và làm tỉnh, đó là hành động.

Có lẽ tôi sẽ đánh đổi bất cứ thứ gì để khi ấy đã ở nơi nào khác, để không từng chứng kiến. Trước tòa, tôi đã không tự biện hộ. Thiếu phụ có mặt tại đó, ngồi hàng ghế đầu. Tôi đã liếc trộm và không nhận ra cô. Cô có vẻ trẻ hơn, gần như một đứa trẻ. Cô ngồi trên ghế băng, bất động, gương mặt được ống đèn nê ông của phòng xử án chiếu sáng. Khuôn miệng nhỏ, mím chặt, da mặt kéo căng ra vì búi tóc đen. Ai đó đã đọc lời chứng của cô bằng tiếng Anh, còn cô vẫn không nhúc nhích. Bốn gã nhà binh ngồi trên một ghế băng khác, cách cô vài mét, và chúng cũng không nhúc nhích. Chúng không nhìn ai, chỉ nhìn bức tường đối diện, cái bục nơi thẩm phán ngồi. Chúng thì ngược lại, tôi thấy chúng già hơn, đã phị ra vì mỡ, với nước da nhợt nhạt của những kẻ tù phạm.

Tôi chưa từng kể chuyện này với Mary. Khi tôi gặp nàng tại khách sạn Phương Đông ấy, nàng hỏi tôi đã làm gì lúc rời quân ngũ. Tôi trả lời: “Không làm gì hết... Anh đi đây đi đó, vậy thôi.” Nàng không cần vặn, vả chẳng tôi có lẽ chẳng bao giờ đủ can đảm để nói với nàng sự thật: “Anh đã bị kết án tù vì đã chứng kiến một tội ác, và đã không làm gì để ngăn cản tội ác đó.”

Tôi muốn sống cùng Mary, đi đây đi đó cùng nàng, nghe nàng hát, san sẻ tấm thân nàng và cuộc đời nàng. Nếu tôi kể với nàng toàn bộ chuyện kia, hẳn là nàng sẽ xua đuổi tôi. Tôi đã sống cùng nàng một năm, cho tới khi đến hòn đảo này. Rồi một ngày nọ nàng đã quyết định đi vào lòng biển. Tôi chưa bao giờ hiểu được. Chúng tôi ăn mình. Không ai quen biết chúng tôi, không ai có thể kể cho nàng nghe. Có lẽ

nàng điên, chỉ vậy thôi, có lẽ chẳng có lời giải thích nào cho hành động của nàng. Nàng đã tự để sóng cuốn đi. Nàng vốn là tay bơi giỏi khác thường. Ngày còn ở Mỹ, năm mười sáu tuổi, nàng được chọn đi dự Olympic Melbourne. Nàng mang họ Farrell, Mary Song Farrell. Song bởi nàng được bố mẹ nuôi nhận về dưới cái tên này. Mẹ đẻ nàng tên là Song cũng nên. Hoặc giả bà ấy hay hát*, tôi không biết nữa. Có lẽ chính tôi về sau này đã suy diễn ra toàn bộ câu chuyện đó.

Tôi không suy diễn cho những người khác, họ không khiến tôi bận tâm. Tôi không phải kiểu người kể chuyện đời mình trong những quán bar. Tôi không quen những người gốc Arkansas này, những người nhà Farrell này. Những chủ trang trại. Mary học cách chăm sóc gia súc, cách sửa xe máy, cách lái máy kéo tại nhà họ. Rồi một ngày nọ, năm mười tám tuổi, nàng bay đi để tới nơi khác sống, để hát. Đó là thiên hướng của nàng. Nàng đã có một cuộc sống khác, nàng chưa bao giờ trở lại trang trại. Khi nàng mất tích trên biển, tôi đã cố gắng liên lạc với bố mẹ nàng, tôi đã viết vài lá thư gửi đến quận, để biết địa chỉ của họ. Tuyệt không thấy hồi âm.

Khi tôi quen Mary, nàng gần bốn mươi, nhưng có vẻ trẻ hơn tuổi nhiều. Bây giờ tôi hai mươi tám. Tôi vừa mãn hạn tù.

Bão truyền sang tôi cơn thịnh nộ. Tôi cần những tiếng ó biển của bão, những ống bễ lò rèn của bão. Chính vì bão mà tôi quay trở lại hòn đảo này. Bây giờ, mọi thứ khép kín, mọi người mất hút trong nhà của họ, họ đóng cửa chớp và chặn cửa ra vào, họ thu lu trong vỏ ốc, trong lớp mai của mình. Họ cũng đã biến mất, những du khách mặt bự phấn, những kiểu tạo dáng, những điệu bộ, những trò ỡng ẹo của họ. Những cô gái mặc quần soóc cực ngắn đạp xe, những cậu trai cười mô tô địa hình, những cặp kính Polaroid, những ba lô, máy ảnh, họ đã quay về thành phố, về những tòa chung cư, về xứ sở không bao giờ có bão của họ.

Người dân đảo này đã tự chôn mình. Họ chơi bài, họ ngồi bệt trong những căn hầm với cửa kính mờ hơi nước mà uống bia. Ánh điện chập chờn, chẳng mấy chốc sẽ cắt điện trên diện rộng. Tủ cấp đông của các cửa hàng sẽ rỉ thứ nước vàng như nước tiểu, những con cá ướp muối sẽ chảy nước và long mắt, những thanh sô cô la đông lạnh sẽ mềm nhũn trong bao bì. Chính vì bão mà tôi quay trở lại. Tôi lại cảm thấy mình đang trong thời chiến, trong rủi may, theo cuộc bỏ chạy tán loạn của các đoàn quân, nghe những chiếc loa thét lác những mệnh lệnh khó hiểu. Tôi ngược dòng thời gian, dựng lại đời mình. Tôi những muốn quay trở lại ngưỡng cửa ngôi nhà ở Huế, nhìn, và cái nhìn của tôi sẽ ngưng thời gian lại, sẽ gieo mơ hồ lẫn lộn, sẽ giải thoát người đàn bà khỏi những kẻ hành hạ cô. Nhưng trong những điều tôi biết sẽ không có điều gì nhạt nhòa đi. Hòn đảo là sự đoan chắc về nỗi vô phương cứu chuộc. Bằng chứng của sự bất lực. Hòn đảo là ụ nổi cuối cùng, bến đỗ cuối cùng trước hư không. Chính vì điều này mà tôi trở lại. Không phải để tìm lại quá khứ, không phải để đánh hơi tìm lỗi như một con chó. Mà để chắc chắn rằng mình sẽ không nhận ra điều gì. Để bão xóa đi tất cả, vĩnh viễn, bởi biển là chân lý duy nhất.

Tôi tên June. Mẹ tôi là một người đàn bà của biển. Tôi không có bố. Mẹ tôi tên Julia, mẹ có một cái tên khác, không phải tên Cơ Đốc, nhưng mẹ không muốn tôi nói đến. Khi tôi chào đời, bố tôi đã bỏ rơi mẹ tôi. Mẹ tôi đã tìm cho tôi một cái tên, ông của mẹ tên Jun, một cái tên Trung Hoa, bởi ông là người gốc Hoa, mẹ đặt tên tôi là June, bởi từ này trong tiếng Mỹ có nghĩa là tháng Sáu, và tôi được hoài thai vào tháng này. Tôi cao lớn, nước da sẫm, bên ngoài nguyên rủa tôi bởi tôi không có bố. Thế nên mẹ tôi dẫn tôi theo, và chúng tôi tới sống trên đảo này. Khi tới đây tôi bốn tuổi, và tôi không nhớ gì về quãng thời gian trước đó, cũng như về chuyến đi, ngoại trừ việc mẹ tôi đã lên một con tàu, và khi ấy trời mưa, còn tôi đeo một chiếc ba lô rất nặng, trong đó mẹ giấu toàn bộ nữ trang cùng những vật dụng giá trị, để không bị mất, bởi mẹ nghĩ người ta sẽ không trộm ba lô của một bé gái bốn tuổi. Sau đó, mẹ bán phần lớn nữ trang, nhưng vẫn còn lại đôi bông tai vàng và một sợi dây chuyền, cũng bằng vàng, hoặc giả chỉ là kim loại mạ vàng. Tôi nhớ khi ấy trời mưa trên biển. Có lẽ là tôi khóc. Hoặc chính mưa đã khiến mặt tôi ướt đẫm và tóc dính vào miệng. Suốt một khoảng thời gian dài tôi cứ ngỡ rằng khi trời mưa, đó là ông trời khóc. Giờ thì tôi không bao giờ khóc nữa.

Mẹ tôi không hẳn là một người đàn bà của biển, ý tôi là giống như những người đàn bà ở đây vốn làm nghề này từ khi còn nhỏ xíu, và giống những con cá voi to màu đen, nhất là khi họ ra khỏi mặt nước và loạng choạng trên đôi chân gầy guộc già nua. Mẹ tôi vẫn còn trẻ, mẹ rất đẹp và mảnh dẻ, tóc mẹ lóng lánh đẹp còn gương mặt hầu như không có nếp nhăn, nhưng càng đi mò vớt nhiều, đôi tay mẹ thành ra đỏ ửng và móng tay gãy. Mẹ tôi không phải là người ở đây. Mẹ sinh ra và lớn lên tại thủ đô, khi dính bầu tôi mẹ đang là sinh viên. Khi bố tôi bỏ rơi mẹ, để lại ra đi đến đâu kia thế giới, bởi ông không muốn có con, mẹ tôi đã

quyết định trốn đi để sinh tôi, và để khỏi trở thành nỗi ô nhục cho gia đình, mẹ đã tìm tới vùng nông thôn xa lắc mà sinh sống. Để mưu sinh, mẹ đã kinh qua đủ thứ nghề, mẹ từng sống trong một trang trại nuôi vịt, mẹ từng làm việc trong một nhà hàng, rửa bát và cọ hố xí. Mẹ đi từ thành phố này sang thành phố khác, cùng một hài nhi là tôi, tới tận phương Nam, rồi một ngày nọ, mẹ nghe nhắc đến hòn đảo này, mẹ đã bắt tàu thủy rồi tới tận đây. Thoạt tiên mẹ làm việc trong các nhà hàng, rồi mẹ mua một chiếc mặt nạ và một bộ đồ lặn liền thân, và mẹ bắt đầu mò bào ngư.

Phần lớn những người đàn bà của biển đều đã già. Khi trò chuyện với họ, tôi thường gọi họ là “bà”. Khi tới đất này mẹ tôi còn trẻ. Thoạt tiên những người đàn bà ấy bảo mẹ: “Cô đến đây làm gì? Quay về thành phố của cô đi.” Nhưng mẹ đã trụ vững, và cuối cùng họ cũng chấp nhận mẹ. Họ đã chỉ cho mẹ biết phải làm thế nào, để lặn, để giữ hơi, để xác định những nơi sò ốc sống. Nhưng điều dễ chịu, đó là họ đã chấp nhận mẹ mà không hỏi han về chồng của mẹ, hay về tôi. Họ là gia đình của tôi, cái gia đình mà tôi chưa bao giờ có. Ngay khi tới tuổi có thể dạo quanh một mình, tôi đã đến thăm họ. Tôi mang cho họ một chút xúp nóng, khi họ ngoi lên khỏi mặt nước, hoặc giả những loại trái cây. Tôi thì sống cùng mẹ trong một ngôi nhà ở trên cồn, chúng tôi thuê của một bà lão xưa kia cũng là dân thợ lặn. Một bà lão gù và đen nhẻm, tôi gọi bà là bà trẻ, bà đã thôi không lặn nữa từ khi gặp một tai nạn do ở lại quá lâu dưới nước, và kể từ đó bà hơi ù ì chạp chạp. Ban ngày, bà ở ngoài ruộng khoai, để xới đất và nhổ cỏ dại, tôi thường tới giúp bà mỗi khi tan học. Bà nuôi một con chó tên là Chubb, bởi nó to béo và chân ngắn ngắn, nhưng khá là khôn. Hồi năm ngoái, một gã đàn ông tới ở nhà mẹ tôi. Gã tự xưng là Brown, như thể gã là dân Anh, nhưng tôi thì không ưa gì gã. Trước mặt mẹ, gã nói năng nhẹ nhàng và ngọt ngào, nhưng khi có mình tôi với gã, gã dữ dằn, nói năng thô lỗ, gã sai khiến tôi, giọng gã nghe thật dị. Một hôm gã khiến tôi phát bực, tôi bèn nhại đúng giọng gã để nói với gã: “Vậy thì đừng có nói năng

với tôi như thế nhé, tôi đâu phải con gái ông.” Gã nhìn tôi như thể muốn hành hung tôi, nhưng từ đó gã dè chừng. Tôi không mấy thích cách gã nhìn tôi, tôi có cảm giác gã tìm cách nhìn xuyên qua quần áo tôi mặc trên người. Khi ở bên mẹ, gã giở trò tình tứ, và tôi càng ghét gã hơn.

Ở trường tôi không có bạn. Ban đầu, chuyện ổn cả, nhưng kể từ đầu năm học này, mọi thứ đã thay đổi. Có một bọn con gái cứ thích khiêu khích tôi. Tôi đã nhiều lần đánh nhau với chúng, tôi là đứa cao lớn nhất nên thường giành phần thắng, nhưng đôi lần nhiều đứa hùa vào cùng đánh tôi, khi tôi đang cuốc bộ về nhà, chúng ném những hòn đất hoặc những viên sỏi nhỏ vào tôi, chúng giả đờ sửa. Chúng bảo tôi không có bố, bảo bố tôi là đồ ăn mày, là tù phạm, và chính vì thế ông chẳng bao giờ đến thăm tôi. Một lần tôi nói: “Bố tao không phải tù phạm mà đã hy sinh trong chiến tranh.” Chúng đã cười chế giễu. “Chúng mình xem,” chúng đã trả lời như vậy, còn tôi không thể chứng minh chuyện đó. Tôi đã hỏi mẹ: “Bố con còn sống hay đã chết?” Nhưng mẹ không đáp, mẹ cúi đầu, làm như thể không nghe thấy. Suy đi nghĩ lại, tôi cho là chúng nói đúng, bởi mẹ tôi đã dạy tôi nói tiếng Anh từ khi tôi còn nhỏ, mẹ bảo đó là vì tương lai của tôi, nhưng có lẽ là để tôi cũng thông thạo ngôn ngữ của bố mình.

Trong cả đám học sinh ở trường, đứa độc ác nhất là một thằng con trai tên Jo. Nó cao và gầy, lớp nó ngay bên trên lớp tôi. Nó thật tai quái. Nó bảo tôi là mọi đen. Nó bảo bố tôi là một tên lính Mỹ da đen ở căn cứ quân sự, còn mẹ tôi là một ả điếm. Suốt ngày nó lái nhải câu đó, khi tôi một mình đi trên đường và người lớn không thể nghe thấy. Nó chạy theo tôi, và khi đi ngang qua, nó nói khẽ: “Mẹ mày là điếm, bố mày là mọi đen.” Nó biết tôi sẽ không nhắc lại chuyện đó với ai, nếu vậy tôi sẽ quá xấu hổ. Thằng Jo có đôi mắt gian xảo như một con chó khốn kiếp, mũi nó dài khoằm và đôi mắt vàng với những chấm đen ở giữa. Nó chạy tới sau lưng khi tôi đi một mình trên đường, nó túm lấy tóc tôi, bởi tóc tôi dày xoắn và những ngón tay nó ngoắc vào

bên trong rồi giật cho tới khi tôi chúc đầu xuống đất, còn mắt thì ầng ậng nước nhưng tôi không muốn cho nó hưởng cái thú vui ấy. Nó những muốn tôi kêu lên: “Gọi mẹ mày đi, gọi đi!” Nhưng tôi không nói gì, tôi đá nó vài cú và cuối cùng nó buông tóc tôi ra.

Biển chính là thứ tôi yêu hơn hết thảy mọi thứ trên đời. Từ khi còn nhỏ xíu, tôi đã dành phần lớn thời gian bên biển. Khi chúng tôi tới hòn đảo này, ban đầu mẹ làm việc trong những nhà hàng phục vụ các món sò ốc. Mẹ tới đó từ sáng sớm, và đặt tôi vào xe đẩy để trong một góc để tôi khỏi làm phiền ai hết. Mẹ dùng bàn chải cọ nền xi măng, mẹ rửa thau chậu và xoong nồi, mẹ quét sân rồi đốt rác, sau đó mẹ làm việc trong bếp, thái hành, rửa sò ốc, rồi nhặt rau nấu canh và xắt cá làm sushi. Tôi thì ngồi yên trong xe đẩy, nhìn mẹ mà chẳng nói chẳng rằng. Có vẻ như hồi đó tôi rất ngoan. Tôi không muốn ra ngoài chơi. Bà chủ thường nói: “Con bé này sao vậy? Cứ như thể nó sợ mọi thứ.” Nhưng tôi đâu có sợ mọi thứ, tôi ở yên để bảo vệ mẹ đấy chứ, để chắc chắn mẹ không gặp phải chuyện gì. Rồi một ngày nọ, mẹ phát ngấy việc làm đầy tớ cho những người này. Mẹ đã thỏa thuận với các bà già thường mang sò ốc tới, rồi cả mẹ nữa, mẹ cũng trở thành một người đàn bà của biển.

Kể từ khi ấy, ngày nào tôi cũng tới bờ biển. Tôi cuốc bộ cùng mẹ, mang túi xách, giày và mặt nạ cho mẹ. Mẹ thay đồ giữa những mỏm đá khuất gió. Tôi nhìn mẹ khi mẹ ở trần, trước khi mẹ xỏ bộ đồ lặn liền thân. Mẹ không cao to như tôi, đúng ra mẹ vừa gầy vừa nhỏ người, da mẹ rất sáng, ngoại trừ gương mặt sạm nắng. Tôi nhớ mình thường nhìn xương sườn của mẹ nhô lên dưới da, và hai bầu vú với những núm thâm đen bởi mẹ đã cho tôi bú suốt một thời gian dài, cho tới tận khi tôi lên năm hay sáu tuổi. Da bụng và lưng mẹ trắng nõn, còn da tôi thì gầy như đen ngay cả khi không phơi nắng, và chính vì thế mà ở trường lũ trẻ bảo tôi là mọi đen. Một hôm tôi hỏi mẹ: “Bố con đúng là một lính Mỹ và đã bỏ rơi mẹ con mình hả mẹ?” Mẹ nhìn

như thế muốn bạt tai tôi, rồi bảo: “Đừng bao giờ nhắc lại điều con vừa nói. Con không có quyền nói với mẹ những điều độc ác như vậy.” Mẹ cũng nói thêm: “Nếu con nhắc lại những điều độc ác mà thiên hạ nói với con thì có khác nào con tự nhổ vào mặt mình.” Bởi thế tôi không bao giờ nói về chuyện này với mẹ nữa. Nhưng dù vậy tôi những muốn biết được sự thật về bố mình.

Hồi nhỏ tôi không đến trường. Mẹ sợ tôi có thể gặp rắc rối, còn tôi tin chắc là mẹ cũng xấu hổ bởi tôi không có bố. Tôi ở lại giữa những mỏm đá. Tôi trông quần áo cho mẹ trong lúc mẹ mò sò ốc. Tôi thích việc đó. Tôi ở trong một thứ như cái tổ được làm từ những món đồ len, tôi nép mình giữa những phiến đá đen, và tôi nhìn biển. Có cả những con vật kỳ cục, những loại cua-bọ hung rụt rè ló ra từ những khe nứt để tới nhìn tôi. Chúng phờ mình dưới nắng không nhúc nhích, song hề thấy bất kỳ cử động nhỏ nhất nào là phóng vụt về chỗ nấp. Còn có nhiều loại chim, hải âu, chim cốc, và những chú chùn màu xám pha xanh đứng vắt vẻo trên một chân. Mẹ tôi mặc bộ đồ lặn bằng cao su, chỉnh lại mũ, bao tay, giày, rồi bước xuống nước, lúc đó mẹ mới đeo mặt nạ. Tôi nhìn mẹ bơi ra khơi, kéo theo sau cái phao đen trắng. Mỗi người đàn bà của biển có một màu phao riêng biệt. Khi đã ra đủ xa giữa những con sóng, mẹ lặn xuống và tôi nhìn thấy đôi giày màu lam của mẹ quẫy trong không trung, rồi đôi chân mẹ lướt về phía đáy biển và mẹ khuất hẳn. Tôi đã học được cách đếm giây. Mẹ từng bảo tôi: “Đếm đến một trăm nhé, nếu mẹ không ngoi lên con phải đi cầu cứu.” Nhưng mẹ không bao giờ lặn đến một trăm. Nhiều lắm là ba mươi hoặc bốn mươi giây mẹ đã ngoi lên. Tới đó, mẹ kêu lên. Tất cả những người đàn bà của biển đều kêu lên. Mỗi người một tiếng kêu riêng. Làm vậy là để lấy lại hơi, và tôi có thể nhận ra tiếng kêu của mẹ từ xa, ngay cả khi không nhìn thấy mẹ. Thậm chí là giữa những tiếng kêu khác, những âm thanh khác. Nghe như một tiếng chim hót, chói lói, rồi kết thúc trầm hết sức, thành tiếng *rira! uu-rrraurrra!* Tôi đã hỏi mẹ tại sao chọn tiếng kêu ấy. Mẹ bật cười, mẹ đáp không biết, cái

đó đến tự nhiên, vào lần đầu tiên mẹ ngoi lên mặt nước. Để chọc cười mẹ bảo tôi cũng từng kêu như vậy, lúc chào đời! Không phải ngày nào mẹ cũng lặn cùng một chỗ. Chuyện này phụ thuộc vào gió, vào sóng và cả vào quyết định từ những người đàn bà của biển. Mỗi sáng họ chọn vị trí sẽ lặn, bởi họ biết sẽ tìm thấy những loại sò ốc mới. Người ta có thể tưởng sò ốc nằm dính dưới đáy nước không nhúc nhích, nhưng thực tế chúng di chuyển rất nhiều. Chúng thay đổi vị trí hằng đêm, bởi chúng đi tìm thức ăn, hoặc bởi chúng bị bọn sao biển tấn công. Lũ sao biển là kẻ thù của sò ốc. Thịnh thoảng mẹ vớt chúng bỏ túi, rồi mẹ để chúng chết dưới nắng, còn tôi giữ lại những con sao biển đẹp nhất, và cả những nhánh san hô hồng, để bán cho các quầy đồ lưu niệm gần đê chắn sóng.

Khi đã bắt đầu đi học rồi, tôi thôi không ra bãi biển cùng mẹ nữa, và chuyện này khiến tôi vô cùng buồn bã. Ban đầu, tôi bảo với mẹ là tôi không muốn đi học, tôi muốn trở thành một người đàn bà của biển giống mẹ, nhưng mẹ bảo tôi phải học hành rồi trở thành ông nọ bà kia, chứ không phải một kẻ mò ốc bắt sò, bởi nghề đó quá vất vả. Nhưng sang hè, mẹ dẫn tôi theo suốt quãng thời gian trường cho nghỉ học. Tôi mặc nhiều lớp áo phông chồng lên nhau, mặc nguyên chiếc quần jean cũ thủng lỗ chỗ, xỏ đôi giày nhựa, đeo mặt nạ dưỡng khí rồi bơi cùng mẹ, ra khơi xa, để quan sát đáy nước. Ban đầu tôi nắm tay mẹ vì hơi sợ. Tôi nhìn những đàn cá, rong tảo, sao biển và nhím biển với những chiếc gai màu đen chuyển động như thể nhím đang khiêu vũ. Dưới nước, tôi nghe thấy những âm thanh kỳ lạ, những bọt nước, những tiếng lạo xạo trong cát. Đôi lúc là tiếng âm âm xa xăm khi một con phà ngang qua eo biển. Mẹ đã chỉ cho tôi chỗ ẩn nấp của lũ bào ngư dưới đám rong tảo và làm cách nào dùng dao tách lấy chúng. Tôi có một chiếc túi lưới giống mẹ để bỏ vào bên trong những thứ thu hoạch được. Tôi không có bộ đồ lặn bằng cao su nên thường nhanh chóng bị lạnh, bởi vậy mẹ quan sát hai bàn tay tôi và đưa tôi về tận bờ khi nhìn

thấy da tay trở nên trắng bột. Tôi cuộn mình trong một tấm khăn và nhìn mẹ quay ra khơi.

Khi ở trường, tôi không còn biết mẹ sẽ lặn ở đâu. Vừa tan lớp, là tôi chạy ra bờ biển, tôi cuốc bộ dọc đường bờ biển, và cố gắng nhận ra mẹ giữa những người đàn bà của biển. Tôi lắng nghe những tiếng kêu và khi nghe thấy tiếng *uu-rrraurrral* của mẹ, tôi biết mẹ đang ở đó. Nhưng cũng có khi tôi không tìm ra mẹ. Tôi đứng đó nhìn biển, tìm thất lại, tôi quan sát từng đợt sóng. Lũ chim cốc đậu trên đá ngầm với đôi cánh hơi xò ra để hong cho khô trước gió, trông cứ như thể những lão ngư quàu quạu. Khi tôi về lại nhà, mẹ đã ở đó rồi, mẹ không đi lặn mò vì biển động, hoặc bởi mẹ cảm thấy mệt, và tôi nhẹ nhõm khi nhìn thấy mẹ đến nỗi muốn bật cười. Nhưng dĩ nhiên tôi không nói gì với mẹ, bởi chính vì tôi mà mẹ theo đuổi cuộc sống khó khăn này, để trang trải tiền ăn học cho tôi.

Đôi khi mẹ kể với tôi về chú cá heo của mẹ. Ban đầu khi bắt đầu nghiệp mò lặn mẹ đã gặp chú, rồi thỉnh thoảng chú lại gần bờ thăm mẹ. Mẹ hào hứng kể về chú, mẹ bật lên tiếng cười trẻ thơ. Răng mẹ trắng đẹp nên khi cười trông mẹ rất trẻ. Còn răng tôi thì to cộ và xiêu vẹo giống những quân đô mi nô chuẩn bị đổ rạ! Mẹ rất đẹp. Để lặn, mẹ cắt tóc ngắn thành một vầng tóc đen hơi xù lên vì nước biển. Tôi thích gội đầu cho mẹ. Tóc tôi thì dài và xoăn, hẳn là thừa hưởng từ bố, nếu bố là người Phi như Jo nói, hoặc giả vì ông tôi người Hoa. Tôi không biết đã đọc ở đâu thấy hình như tóc người Hoa thường xoăn. Mẹ bảo mẹ rất thích tóc tôi nên không muốn tôi cắt tóc. Mẹ thường gội đầu cho tôi, sau đó mẹ xoa thêm dầu dừa để tóc tôi láng bóng.

Tôi đã quen một mình đi dọc bờ biển. Sau giờ tan học, thay vì về nhà làm bài tập, tôi cuốc bộ ra tận bờ biển. Tôi tới bãi biển lớn bởi vào mùa đông nó vắng tanh. Tôi rất yêu mùa đông. Tôi có cảm giác vạm vật đều nghỉ ngơi, biển, những mỏm đá, thậm chí cả lũ chim. Vào mùa đông, mẹ không rời khỏi nhà sớm quá vì bóng tối vẫn còn bàng lảng

nơi đáy nước. Trên mặt biển và dưới đáy biển, ngày không rạng cùng lúc. Tôi đến gặp mẹ giữa những mỏm đá. Biển xám, những con sóng được gió vuốt phẳng, chỉ hơi lăn tăn như thể da ngựa. Những ngày ấy phần đông những người đàn bà của biển không rời nhà. Mẹ không ngần ngại vì biết mình sẽ thu hoạch được gấp đôi. Những ngày đó mẹ có thể kiếm được sáu mươi đến bảy mươi đô. Mẹ bảo tôi mang giúp sò ốc tới các nhà hàng, nhất là khi có nhiều bào ngư, bởi chúng nặng trĩu. Mẹ lặn không xa lắm, gần cảng, có con đê che chắn, hoặc trong bãi đá cuối bãi biển. Tôi trú trong lều của những người đàn bà của biển, và nhìn mẹ bước xuống nước, chân mẹ thẳng đuột trong không trung trước khi lặn xuống, đôi giày đẹp màu lam sáng lấp lánh, rồi nước khép lại trên mẹ, và tôi đếm, như khi còn bé, hết sức chậm rãi, mười, mười một, mười hai, mười ba, mười bốn, rồi mẹ lại xuất hiện, đầu ngửa ra sau, mẹ kêu: *uu-rrraurrra*, còn tôi đáp lời mẹ. Tôi đã xem trên truyền hình một bộ phim về loài cá voi, tôi bảo mẹ: “Các bà, những người đàn bà của biển, các bà kêu như cá voi vậy!” Câu nói ấy khiến mẹ bật cười, mẹ kể thêm với tôi về chú cá heo của mẹ, chú cá thỉnh thoảng vẫn tới thăm mẹ vào lúc hoàng hôn. Không riêng mình mẹ. Bà lão Kando bạn mẹ, hình như bà là con hoang của một lính Nhật, đã kể với tôi rằng bà cũng từng gặp gỡ một chú cá heo, và bà biết nói chuyện với chú. Bà kể với tôi rằng đôi khi, lúc sáng sớm, hoặc ngay trước khi đêm buông, chú cá heo lại gần bà, và bà nói chuyện với chú bằng cách phát ra những tiếng kêu khe khẽ dưới nước, miệng mím lại, hoặc bà vỗ tay, và chú cá heo sát lại gần bà, sát đến nỗi bà có thể vuốt ve làn da vô cùng trơn láng và mịn màng của chú, bà kể như thế đấy. Thế là lúc chiều tối, khi biển thật lặng sóng, tôi cũng ra biển, đeo mặt nạ rồi bơi với hy vọng gặp được chú cá heo, nhưng cho tới lúc này vẫn chưa thấy chú đâu. Chỉ có mẹ và bà lão Kando là từng gặp chú. Nhưng chú thân nhất với Kando, chú không sợ Kando bởi bà đã già rồi. Tôi từng hỏi Kando xem mắt chú cá heo màu gì. Bà suy nghĩ: “Ồ kìa, mày hỏi đến lạ,” bà bảo vậy. Bà nói bà không biết, có lẽ mắt chú màu xanh lơ, hoặc có thể là xám. Mẹ chưa từng nhìn thấy chú cá heo

thật gần, đó chỉ là một bóng đen đôi khi lướt qua gần mẹ, nhưng mẹ hiểu ngôn ngữ của chú, những tiếng kêu nhỏ mừng rỡ khi chú bơi cạnh mẹ. Chuyện ấy không phải rất tuyệt hay sao? Chính bởi lẽ đó mà tôi cũng vậy, tôi cũng sẽ trở thành người đàn bà của biển.

Biển chứa đầy bí ẩn, nhưng chuyện ấy chẳng làm tôi sợ. Thi thoảng, biển nuốt chửng ai đó, một người đàn bà của biển, hoặc một người câu mực, hoặc giả một du khách bất cẩn bị sóng cuốn phăng từ một mỏm đá bằng phẳng. Thường thì biển không trả lại xác. Buổi tối, khi những người đàn bà của biển tụ tập trước túp lều dựng bằng gạch nén, để trút bỏ quần áo và tắm dưới vòi nước, tôi ngồi cùng họ và lắng nghe họ chuyện trò. Họ nói bằng thổ ngữ của đảo, tôi khó mà hiểu được hết. Giọng họ trầm bổng kỳ cục như thể họ không quên được những tiếng mình hô gọi khi ra khỏi biển. Họ nói bằng ngôn ngữ của biển, thứ ngôn ngữ không hoàn toàn giống với ngôn ngữ của chúng ta, trong ngôn ngữ đó pha trộn những âm thanh ta nghe thấy dưới nước, những tiếng rì rào của bọt nước, tiếng cát lạo xạo, những tiếng vỗ òa trầm đục của sóng khi xô vào đá ngầm. Tôi cho rằng họ rất yêu quý tôi. Họ gọi tôi bằng tên, June, họ biết tôi không phải dân gốc vùng này, biết tôi sinh ra ở thành phố. Nhưng họ không bao giờ căn vặn tôi, cả về bố lẫn về mẹ tôi, họ kín đáo, ngay cả khi tôi dám chắc rằng họ vẫn buôn chuyện khi tôi đi khỏi, nhưng chuyện đó không quan trọng, tất cả mọi người đều làm vậy. Họ già nua, con cái ở xa, chúng làm việc cho các công ty, chúng đi đây đi đó. Họ rất yêu quý tôi vì chắc hẳn tôi khiến họ nhớ tới con gái họ, một đứa con gái đã lớn và họ chỉ còn gặp mặt mỗi năm đôi ba bận, vào dịp kỷ niệm hoặc lễ tết. Họ gọi tôi là “con gái ta”, hoặc giả “con bé con”, ngay cả khi tôi cao lớn hơn họ.

Mẹ không thích lắm việc tôi suốt ngày ở bên những người đàn bà của biển. Mẹ đã cấm tôi đi bơi cùng họ. Mẹ sợ tôi giống như họ, sợ tôi cũng trở thành thợ lặn. Mẹ bảo tôi phải học ở trường cho giỏi, để sau này học lên đại học, để đạt được những gì mẹ đã vì tôi mà không thể

đạt đến. Mẹ bảo tôi phải trở thành bác sĩ, hoặc luật sư, hoặc giáo viên trung học, một nghề hẳn hoi. Hoặc cùng lắm cũng là nhân viên văn phòng. Nhưng tôi không muốn làm nghề nào trong số ấy, ngày ngày tới cùng một chỗ, nhận lệnh từ một bà sếp cáu bẳn và tai ác, rồi tối tối lại về nhà ngủ. Cái tôi thích là những gì biển dạy cho tôi, những gì các bà dạy cho tôi khi họ rời khỏi mặt nước, nhóm lên một ngọn lửa từ những tấm ván và trú trong túp lều gạch nén, khi dưới ánh chiều tà họ trải ra trên phiến đá đen những kho báu từ đáy biển, những con bào ngư ánh xà cừ, những con sò gai ngạnh và đen đúa, những con sao biển, những con mực. Tôi nghĩ hẳn dưới biển có tồn tại một thế giới, một thế giới hết sức đẹp đẽ, khác với tất cả những gì ta thấy trên mặt đất. Một thế giới không hề cứng nhắc và khô khan, không làm trầy da hay nhức mắt, một thế giới nơi mọi thứ lướt qua chậm rãi, êm đềm. Có nhiều truyền thuyết về biển, ví như câu chuyện về bà lão đã thoát khỏi nanh vuốt của hổ nhờ có rồng biển, hoặc câu chuyện về những quái vật nuốt chửng đoàn thủy thủ, tất cả những gì người ta vẫn kể cho lũ trẻ. Nhưng tôi không muốn nghe những câu chuyện ấy. Đúng ra tôi muốn nghe loại chuyện về một cánh cửa mở ra một thế giới khác, một xứ sở nơi vạn vật đều xanh biếc, vừa sáng rỡ vừa âm đạm, vừa trơn tuột vừa mạnh mẽ, một thế giới lấp lánh. Một thế giới lạnh lẽo, nơi sinh sống những đàn cá trong suốt, một thế giới nơi mọi âm thanh đều khác biệt, không phải âm thanh từ những con người đang trò chuyện, không có gì xảo trá hay độc ác, chỉ là tiếng ầm ì vây quanh ta, cuốn ta theo, và khi nó đã chiếm lĩnh ta rồi, ta không còn muốn trở lại mặt đất nữa.

Đó là điều mà những bà lão của biển cho tôi thấy khi họ rời khỏi mặt nước. Họ loạng choạng bước đi trên những mỏm đá, hai cánh tay hơi dang ra, thân hình đen bóng hơi phình lên ở bụng và ngực, họ không còn vẻ duyên dáng nhẹ nhàng của nước, nét thanh xuân của nước, gió xô đẩy họ, bầu trời đè nặng lên họ, ánh nắng khiến họ ứa

nước mắt. Họ lau mắt, họ đưa tay hỉ mũi, họ khạc vào những vũng nước. Họ đổ tất tột những thứ thu hoạch được như ốc xoắn và bào ngư, nhím biển ra một phiến đá phẳng, móng tay họ đen đúa và gãy nham nhở, da cổ họ nhăn nheo như da cổ rùa. Họ không trò chuyện. Họ cởi bộ đồ lặn cao su, tôi giúp họ kéo ống tay áo ra, không cười. Làn da họ tỏa mùi biển, mái tóc hoa râm xoắn lại vì ướt. Có lần tôi bảo: “Ơ này, hình như cháu sinh ra dưới biển nên tóc cháu xoắn sẵn hay sao ấy.” Rồi họ gom đồ vào xe đẩy, tôi nghĩ đó chính là những chiếc xe họ từng dùng để đẩy con gái đi dạo khi họ còn là những bà mẹ trẻ. Họ nối đuôi nhau rời đi trên con đường ven biển, không hề để ý đến những chiếc ô tô của du khách, đến những kẻ tò mò dừng lại chụp ảnh họ. Họ trở về nhà. Trên mặt đất, họ nặng nề, vụng về, cứ như thể lũ hải âu già trúng bẫy nhựa dính, nhưng riêng tôi thấy họ đẹp. Tôi yêu nhất bà lão Kando. Khi tôi về đến nhà, mẹ nhìn tôi nghiêm nghị. Brown đã có lần định lên lớp tôi, nhưng tôi lạnh lùng nhìn gã, và kể từ khi tôi coi khinh gã, gã trở nên dè chừng. Gã nên câm miệng thì hơn.

Tôi quên kể về Ngài Kyo. Tôi gọi ông như vậy nhưng kỳ thực, tên thật của ông là Philip. Đó là một người ngoại quốc. Tôi đã gặp ông lần đầu trên bến cảng, bấy giờ ông đang ở trên đê chắn sóng để câu cá. Ông có hẳn một bộ đồ lễ lụng củng cho việc ấy. Một bộ dụng cụ chuyên nghiệp. Một cần câu sợi thủy tinh, những ống cuộn dây câu cải tiến. Một hộp nhựa màu đỏ đựng đủ loại lưỡi câu, dây cước, phao, hòn chì, và thêm vào đó là một con dao nhỏ bằng inox có nhiều lưỡi và cây kéo gấp, một cái bấm móng tay. Ông có một hộp kim loại đựng đầy giun và tôm làm mồi câu. Tối hôm đó tôi tới đê chắn sóng để xem phà rời bến, và bấy giờ ông ngồi đó một mình. Vốn rất mến những người ngoại quốc nên tôi tới bắt chuyện với ông. Tôi không quen làm thế, vậy mà tối hôm đó tôi lại muốn trò chuyện với người đàn ông chưa quen biết ấy. Ông có dáng vẻ kỳ cục, hơi so vai rụt cổ và vụng về

trong y phục phở thị, cùng với cả bộ đồ linh kinh của dân câu. Trông khá kỳ quặc, và nói thực lòng, quả là mới lạ.

“Ngài trang bị siêu đầy đủ thế kia, chắc ngài câu thạo lắm nhỉ!” Ông nhìn tôi như thể cố hiểu xem tôi có đang giấu cợt ông không. Thậm chí ông không có vẻ ngạc nhiên khi thấy tôi nói trôi chảy thứ tiếng của ông.

“À ừ, cuối cùng ông lên tiếng. Nhưng trang bị thế nào thì đâu có quyết định được gì.” Ông khẽ mỉm cười thú nhận, và tôi thích thú vì đây là lần đầu tiên một người đàn ông không hề hổ thẹn khi nói ra điều này: “Ta chẳng biết gì đâu, đây là lần đầu tiên ta đi câu đó.”

Ông có bộ mặt rầu rĩ, làn da hơi tái, mái tóc xoăn khá dài, ấy là những gì tôi nhìn được bởi ông đội một chiếc mũ lưỡi trai in số 1986. Ông lực lưỡng, vai rộng với đôi bàn tay to. Ông đóng bộ com lê và đi giày đánh xi đen, đương nhiên không hợp để đi câu rồi. Trông ông cũng chẳng giống khách du lịch.

“Ngài đến đây để tập câu, đúng không?” Ông nhìn tôi không cười. Tôi đoán ông phải lấy làm lạ, cái con nhóc mười ba tuổi đang chất vấn mình. Ông quăng dây, nó rít lên trước khi đầu chì chạm xuống nước, cách mép đê khoảng chục mét. Ông bảo: “Thế cháu định dạy ta câu chắc?” Chắc chắn ông nói mỉa, nhưng tôi không nản lòng. Tôi trả lời ông: “Vâng, cháu có thể dạy. Cháu câu giỏi mà. Cháu câu từ hồi còn bé tí.” Tôi còn nói thêm để tỏ ra là một đứa thông minh: “Ngài biết đấy, ở đây nào có việc gì khác mà làm.” Ông không trả lời, chỉ cuốn dây câu, thế là tôi nói tiếp: “Phải biết chỗ câu cơ. Ví dụ như ở đây thì ngài sẽ chẳng câu được gì đâu. Nước không đủ sâu, rồi lưỡi câu lại vướng vào tảo cho mà xem.” Đúng lúc đó, cứ như trời xui đất khiến, dây câu của ông vướng dưới nước. “Ngài thấy chưa? tôi bảo. Ngài bị mắc rồi.” Ông buông một câu chửi thề và lấy hết sức kéo cần lên, đến mức nó suýt gãy. “Khoan đã, để cháu làm cho.” Tôi cầm lấy cần và lắc sang hai bên, nhẹ thôi, tôi bò ra trên kè và kéo từng tí một, như kéo một con vật bằng xích. Một lúc sau, dây tuột ra, ông ấy cuốn lại. Lưỡi

câu kéo theo một khóm tảo lên mặt nước. Cuối cùng thì người đàn ông cũng mỉm cười, có vẻ hài lòng. “Đúng là cháu không nói dối.” Ông trở nên thân thiện. “Cháu câu giỏi thế, nếu có thời gian thì dạy ta nhé.” Tôi bảo: “Ngoài lúc đi học cháu đều rồi.” Lúc này, ông nói tên là Philip Kyo. Tôi rất thích cái tên này. Ngay lập tức tôi đã nghĩ rằng chúng tôi có thể trở thành bạn bè, với cái tên như thế. Tôi nán lại một lúc lâu để giải thích cho ông phải câu như thế nào, tôi chỉ cho ông góc phía đằng kia con đê, nơi thủy triều không thể đẩy dây câu đi được. Đêm xuống, tôi trở về nhà. Nhưng trước khi đi, tôi nói với Ngài Kyo: “Mai là Chủ nhật, nếu ngài quan tâm, cháu sẽ đến chỉ chỗ câu cho ngài. Tức là những chỗ câu ngon ấy.” Ông vẫn khẽ mỉm cười nhìn tôi. “OK, sáng mai nhé?” Tôi nói: “Chiều đi, tại sáng cháu phải đi nhà thờ cùng mẹ.” Ông cất cần và mồi. “Cháu biết ta ở chỗ nào không?” Tôi ra hiệu là có: “Ai mà chẳng biết ngài ở đâu. Ở đây mọi người đều biết nhau cả, đảo này bé tí ấy mà.” Tôi nói thêm, vì không chắc ông hiểu: “Ngài chỉ cần đi ra khỏi nhà, chính cháu sẽ đón ngài.” Và chúng tôi đã thành bạn của nhau như thế đó, Ngài Philip Kyo và tôi.

Cuối hè, mọi sức mạnh như hợp lại. Tôi căm ghét mùa hè, đó là mùa của quên lãng, nếu không thì cũng là mùa mà người ta giả vờ quên. Hằng ngày, người người ùn ùn kéo đến như thủy triều lấp đầy mọi góc ngách, một dòng nước đục và dập dềnh len lỏi vào mọi khoảng trống, rồi chia thành vô số các nhánh nhỏ, nhân lên gấp bội. Chỉ được một lúc, vào tầm sáu giờ sáng mà trời đã sáng trưng, khắp nơi còn vắng vẻ, chờ đợi. Chỉ có những người đàn bà mò bào ngư đang bồng bênh ngoài khơi. Vài con chim. Loáng sau đó là sự xâm chiếm. Đám côn trùng đen bung ra. Chúng chạy khắp các ngả, râu vênh lên rình rập, cánh dang rộng, chúng bơi, chúng lặn, đôi khi chúng còn bay nữa, tôi từng thấy rồi: một người đàn ông đeo đai được một con tàu kéo vào tận bãi cát, gió thổi căng lớp dù mềm, kéo ông ta bò bằng bốn chân như một con cua khổng lồ sặc sỡ. Tôi chặn ngang giữa đường chạy của ông ta. Ông ta quay lại nhìn tôi, gương mặt đỏ au. Ông ta phúi cát trên người, rồi nói với tôi: “*Spasiba**!” Ngọn gió quái quỷ nào đưa ông ta đến tận đây thế không biết?

Ồn ào và nóng bức buộc tôi phải ra khỏi căn phòng chật hẹp của khách sạn nằm gần cảng. Ông chủ khách sạn có cho tôi thuê một chiếc lều - vật chứng của số quân cụ thừa sau chiến tranh, tôi đoán vậy - nên tôi bỏ ra phía bên kia của đảo, chỗ không hề có bãi tắm, một bờ biển đầy đá đen lờm chờm. Ở đó, tôi bị lũ gián biển tấn công, nhưng thà chịu đựng chúng còn hơn lũ sâu-bọ-người. Mary bảo tôi suốt đời chỉ là một gã độc thân gàn dở. Nàng giễu tôi: “Éo lả, nhu nhược.” Nàng đâu biết gì về đời tôi. Nàng không hay nói về mình. Vào một đêm, vì nàng cứ hát rống lên lúc đi bộ dọc bờ biển, tôi liền bảo nàng rằng nếu ở bất cứ đâu không phải nơi đây nàng sẽ bị coi là điên. Nàng bèn ngừng hát, cay đắng kể về ngôi nhà nàng từng bị nhốt theo lời gửi gắm của một

bác sĩ là bạn của gia đình. Nàng gọi nó là Nhà trắng. Bởi vì ở đó cái gì cũng trắng, từ tường, trần, đến áo bờ lu của y tá và thầy thuốc, cả nước da của bệnh nhân cũng trắng nốt.

Tôi cảm thấy mình nợ nàng một điều gì đó. Tôi nói, với một giọng dửng dưng: “Anh cũng thế, anh cũng từng bị giam.” Nàng hỏi: “Cũng trong một Nhà trắng ư?” Tôi đáp: “Không, trong tù.” Bất cứ, ai khác hẳn sẽ hỏi: “Tại sao người ta lại bỏ tù anh, anh đã làm gì?” Mary không hỏi. Nàng im lặng, còn tôi không nói thêm. Tôi không có khiếu thú tội.

Những lúc không đi câu tôi thường đi bộ xuyên qua đảo. Vào sâu bên trong, khách du lịch thưa dần. Họ thường để ý đến những bãi tắm và những điểm ngắm cảnh nổi tiếng chứ chẳng hề bận tâm đến những ruộng khoai lang và hành. Vào mùa hè những con đường mòn nóng như rang. Đất tỏa ra một mùi chua nồng. Đằng sau tường rào đám bò nấu mình thản nhiên. Nắng nhức mắt. Tôi nhớ trước đây Mary và tôi thường ngủ ban ngày và sống vào ban đêm. Ngôi nhà chúng tôi thuê khi ấy nay vẫn còn, một căn nhà nhỏ bằng gạch nện và ván ép lợp mái tôn uốn lượn. Một người nước ngoài đã mua lại nó, một kiến trúc sư người Nhật, người ta kể với tôi như vậy. Ông ta có nhiều dự án lớn trên hòn đảo này, một khách sạn bốn sao có bãi đáp trực thăng và spa nước biển. Thần tượng của ông ta chính là kiến trúc sư Tadao Andō, nói thế là đủ biết. Cũng tốt thôi! Thuở ấy Mary và tôi thường ra khỏi nhà khi hoàng hôn xuống, giống như ma cà rồng, vào lúc mặt trời nhòa trong màn sương. Chúng tôi bơi trong đêm, rùng mình mỗi khi những càn tảo chạm vào bụng. Vào một đêm trăng khuyết, chúng tôi làm tình dưới nước, ở bãi biển, quấn lấy nhau như cặp bò biển. Chuyện này xảy ra cách đây đã lâu lắm rồi. Tôi cứ ngỡ mình đã quên, nhưng khi quay trở lại đây, từng giây từng phút lại bắt đầu.

Khi đến được đảo sau gần ấy năm, tôi nghĩ mình sẽ không ở lại quá hai hoặc ba ngày. Tôi thuê phòng trong một khách sạn nhỏ ở cảng, gần bến phà, nằm bên trên những cửa hàng chuyên cho khách du lịch thuê xe máy và xe đạp. Thời gian đủ để kiểm chứng rằng không còn gì nữa, rằng quá khứ đã được xóa sạch, rằng mình không còn cảm thấy gì nữa, thời gian đủ để cười khẩy hoặc nhún vai. Ngày đầu tiên tôi không làm gì khác ngoài việc ngắm nhìn những con tàu đến rồi đi, đám đông xuống thang tàu lên bờ, xe máy và xe đạp qua lại. Phần lớn khách tham quan còn rất trẻ, những cặp tình nhân và những nhóm trẻ em. Tôi cứ thế nhìn họ đến mức buồn nôn và đau đầu nhói. Họ đến đây làm gì? Lấy quyền gì mà đến? Họ mong đợi điều gì? Những kẻ săn mồi vô vị mặc áo gió màu sặc sỡ, đi giày thể thao, đội mũ lưỡi trai và đeo kính râm. Họ có biết gì về mối nguy hiểm đang lảng vảng quanh đây, có biết gì về những quỷ thần của đêm tối, những thế lực đang rình rập từ đáy biển, nấp dưới những khe sâu? Đã bao giờ họ thấy người chết đuối chưa? Tôi thực tình căm ghét những người này. Tôi cứ đếm họ đến rồi đi, hàng trăm, hàng nghìn người. Ai cũng giống ai hết thấy.

Đêm xuống, tôi đi bộ trên những con đường, ven bờ biển, hết ngang lại dọc. Du khách bỏ đi hết rồi. Tuy nhiên dường như vẫn còn vài người nán lại, nấp sau bụi rậm để rình rập tôi. Trời lạnh, gió thổi cùng với thủy triều lên. Đêm không trăng, trời đặc quánh hơi nước, biển là một khối mịt mù tối tăm. Tôi cứ thế lảo đảo bước, hai tay hơi dang ra để giữ thăng bằng. Lũ chó bị xích sủa inh ỏi khi tôi đi ngang qua. Một con bò rống lên từ một kho chứa cỏ tối om. Rồi ký ức chợt ùa về. Tôi đứng đó, trên con đường này, cô độc và mù lòa, một lần nữa tôi trở lại ba mươi năm về trước, với Mary. Tôi đi cạnh nàng, và bắt chợt hôn lên cổ nàng, lên gáy nàng. Nàng nhích người ra, chắc hơi bị bất ngờ, tôi kéo nàng lại, chúng tôi vừa bước vừa quấn lấy nhau ra đến tận bãi biển và ngồi xuống bờ cát. Chúng tôi lắng nghe âm thanh của biển. Đây là lần đầu tiên chúng tôi hôn nhau.

Hai chúng tôi nói chuyện khá khuya trước khi trở về căn nhà nhỏ. Đêm ấy vẫn còn trong tôi, và giờ đây nó sống lại như thể chưa có gì chia cắt nó khỏi chúng tôi. Đó là một nỗi đau, đồng thời là lạc thú, nó bứt rứt, cào cứa và mãnh liệt. Nó khiến tôi cảm thấy chóng mặt và buồn nôn. Lúc đó tôi hiểu ra rằng mình đến đây là để ở lại, không liên quan gì đến đám người như sâu như bọ nở ra và chết đi mỗi ngày. Tôi phải tiếp tục phần sau tất yếu của cuộc phiêu lưu này, sự mất tích của Mary chưa kết thúc gì cả. Tôi phải cố hiểu. Tôi phải đi đến tận cùng nỗi cay đắng, tận cùng niềm lạc thú trong bất hạnh.

Thế là tôi giữ căn phòng khách sạn và ở lại đó. Để phỉnh ông chủ, tôi mua của ông ta một chiếc cần câu với bộ lưỡi và hộp mồi. Tôi thuê lều của ông ta. Những đêm gió lạnh, tôi ra cồn cát, sát bờ biển hoang vắng, không xa khu nhà vệ sinh bằng xi măng. Tôi lắng nghe biển.

Những người dân trên đảo không nói gì với tôi. Họ đã không chấp nhận, nhưng cũng không chỉ trích. Đây là cái hay của những địa điểm nhiều khách du lịch. Cái từ người ngoại quốc không thực sự nói lên điều gì ở đây nữa.

Không ai bận tâm đến tôi. Không ai còn nhớ ra tôi. Không ai còn nhớ cái tên Mary. Chuyện đó xưa rồi, vào một thời xa xôi lắm rồi, nhưng thời gian không phải là lý do. Nơi đây, gió biển xóa nhòa tất cả, bào mòn tất cả. Nơi đây có hàng chục người từng chết đuối. Những người đàn bà của biển, chìm ngấm, ngạt thở, trôi dạt dưới đáy biển cùng đai lưng giặt chì. Rồi những tai nạn do giảm áp, ngừng thở, trụ tim. Gió thổi trên những mảnh ruộng nhỏ xíu này, rền rĩ qua những bức tường nham thạch lỗ chỗ khe thưa. Tôi đắm chìm trong một cuộc tìm kiếm cay đắng và vô vọng. Làm sao những con người này có thể hiểu được? Mối lo của họ là cuộc sống thường nhật, ngày nào hay ngày ấy, và những ai ra đi không bao giờ trở về nữa. Niềm đam mê trong tôi khiến tôi đau nhưng đồng thời cũng làm tôi dễ chịu. Theo ngôn ngữ y học thì người ta gọi nó là một nỗi đau tuyệt vời. Đám lính vẫn mô tả với tôi điều đó hồi tôi còn đi theo họ với quyển sổ ghi chép

trên tay. Họ không nói về nỗi đau vật. Họ nói về một trò chơi, một nỗi đau lặp đi lặp lại, ám ảnh và trở nên không thể thiếu. Một nỗi đau mà ta phải yêu nó, bởi lẽ, nếu nó chấm dứt, thì mọi thứ trở nên trống rỗng và chỉ còn nước chết đi cho rồi.

Ngày nào tôi cũng gặp Ngài Philip Kyo. Thời gian đầu, tôi tìm đến gặp ông. Sau giờ học, hoặc vào những ngày nghỉ, tôi băng qua cánh đồng, đi dọc bờ biển cho đến khi gặp được ông. Bây giờ thì ông đến tìm tôi. Tôi thường đợi ở bãi đá. Ông đến mang theo cần câu. Ông quăng cần một lúc, nhưng chán ngay bởi ông chẳng bao giờ câu được gì. Chỉ vài con cá bé tí trong veo mình đầy xương dăm. Tôi mà thả cần thì toàn được những con cá to, điều hồng hoặc cá bơn chẳng hạn. Ngài Kyo không có khiếu cho lắm. Ông chặt vật mãi mới móc được con tôm vào lưỡi câu, tôi đã giải thích cho ông phải làm thế nào, bắt đầu từ đầu rồi xiên đến tận đuôi nhưng vô ích. Ông vẫn không làm được. Ngón tay ông to, vụng về. Nhưng tay ông được giữ gìn cẩn thận, tôi thích thế. Móng tay ông không bị gãy, ông chăm sóc chúng bằng một chiếc bấm móng tay và chiếc giũa, và tôi thích vậy. Tôi không thích đàn ông có móng tay bẩn thỉu như gã Brown, bồ của mẹ tôi. Ngài Kyo có đôi bàn tay hơi nhăn nheo, da khá đen, và lòng bàn tay hồng hào. Kể cả là đôi tay ông có vụng về thì da lòng bàn tay lại rất nhăn và khô, bởi tôi ghét nhất trên đời đàn ông có đôi tay ướn. Bàn tay nóng và ướn khiến tôi rùng mình ghê tởm. Tôi ấy à, tay tôi lúc nào cũng khô, khô và lạnh. Cả chân tôi cũng lạnh, nhưng hình như phần lớn phụ nữ đều vậy cả.

Chúng tôi cùng nhau câu và trò chuyện cho đến khi trời tối. Thường thì chúng tôi chẳng để ý đến câu. Khi gió lớn và biển động thì câu cũng chẳng được gì. Đám cá sẽ ở sâu dưới nước, nấp trong hang của chúng. Ngài Kyo ngồi trên mỏm đá, bất động, ông ngắm biển. Khi ngắm biển trông ông buồn lắm. Cứ như thế màu của biển nhập vào đôi mắt ông.

“Ngài nghĩ gì thế?” tôi hỏi ông. Liệu một con nhóc mười ba tuổi có thể quan tâm đến điều mà một người già suy nghĩ không? Ông thậm

chí chẳng ngạc nhiên. “Ta nghĩ về đời ta, ông bảo vậy. - Ngài đã làm được nhiều việc trong đời chưa?” Ông không trả lời ngay. Tôi biết khá rõ người già, tôi vẫn thường gọi chuyện được những người đàn bà của biển. Tôi tin chắc nhiều người thấy thế thật kỳ, việc tôi hay nói chuyện với họ ấy. Nhưng tôi biết khi người ta già, người ta rất thích được người trẻ hỏi chuyện. Tôi cho là khi nào già tôi sẽ rất thích điều này. “Ta đã đi học để làm kiến trúc sư, rồi sau đó lại thành nhà báo. Ta vào nghề khi đi nghĩa vụ quân sự, ta gửi bài viết về những chuyện xảy ra ở mặt trận. Ta rất thích viết, nhưng không tài nào viết được một quyển sách. Ta đến đây để có thời gian viết một quyển.” Ông nói với một giọng lơ lớ, ông nghĩ mãi mới ra từ. Tôi rất thích cách ông nói tiếng Anh, ông có một chất giọng rất Anh, tôi nghe và nhắc lại các từ khi chỉ còn lại một mình. Tôi có cảm giác như đó là một ngôn ngữ khác với ngôn ngữ mẹ đã dạy cho tôi. Ngài Kyo bảo rằng ngữ điệu của tôi khá tốt, có thể vì bố tôi là người Mỹ, tất nhiên tôi không kể chuyện này với ông, nó chẳng liên quan đến ai cả. Tôi rất thích nói được một thứ ngôn ngữ khác, để bọn ranh ở trường không thể hiểu được. Vì thế tôi bảo Ngài Kyo: “Ngài dạy cháu những từ khác trong tiếng của ngài đi.” Tôi nghĩ ông cũng thích thế. Ông đã bật cười, tôi tin chắc là ông cảm thấy tự hào. Người lớn nào mà chẳng thích dạy điều gì đó. Nó bù vào việc ông câu không được giỏi. Thế là ông dạy tôi những từ mới như: “*Angle, thread, hooks, snapper, starfish.*” * Ông còn nói những từ tôi chẳng hiểu gì, những từ của thủy thủ: “*Starboard, stern, seabass, bow, aft bow, mooring.*” * Những từ này tôi không định nhớ, chỉ muốn nhớ cách phát âm. Cách hát chúng. Tôi yêu cầu ông nhắc lại những từ này, tôi nhìn miệng ông để nắm được âm điệu trong đó. Điều mà tôi thích là khác với phần lớn mọi người, Ngài Kyo không bao giờ hỏi tôi những câu riêng tư. Ông chưa bao giờ hỏi tôi: “Cháu bao nhiêu tuổi rồi?” hoặc “Cháu học lớp mấy?” Có lẽ ông cho là tôi đã lớn, chưa hẳn là một người lớn nhưng gần như thế, và vì vậy ông chấp nhận nói chuyện với tôi. Tôi thường bảo mình đã mười sáu thậm chí mười tám tuổi. Đúng là tôi khá cao lớn, tôi cao hơn đa số đàn bà con gái ở đây,

và đã có ngực, còn kinh nguyệt thì cũng đã có được một thời gian. Tôi bắt đầu có từ đầu năm học. Lần đầu tôi thấy là ở trường, ngay trên lớp, tôi xấu hổ đến mức không dám đứng dậy khỏi ghế. Một lần khác, tôi làm giường ướt đến mức cứ ngỡ mình tè dầm trong lúc ngủ, nhưng hóa ra là máu. Tôi phải dậy giữa đêm và giặt ga ngoài trời với nước lạnh, bởi mẹ luôn nhắc tôi muốn giặt sạch vết máu phải dùng nước lạnh.

“Thế còn ngài thì sao?” Tôi gọi ông là “ngài”. Giống như trong quân ngũ người ta thường nói: “Vâng, thưa ngài chỉ huy” hoặc “Không, thưa ngài chỉ huy.” Như thế đến lượt tôi có quyền được hỏi. Nhưng tôi quên mất là ông đã hỏi gì đâu. “Ngài có vợ không? Ngài có con không?” Ông lắc đầu: “Không, không vợ, không con. - Thế thì buồn nhỉ, ai sẽ chăm sóc ngài khi về già?” Ông nhún vai, rõ là ông chẳng bận tâm.

Sau đó, cả tôi lẫn ông không nói gì thêm, một lúc lâu. Tôi nghĩ những câu hỏi đời tư làm phiền ông. Ngài Kyo có một gương mặt dễ dàng bùng kín lại. Đó không phải kiểu người mà bạn có thể gặp hằng ngày, kiểu người sẵn sàng hơi một tí là bắt chuyện. Ông là một người khá bí hiểm. Trên mặt ông có một bóng đen. Khi tôi nói với ông, bất ngờ có gì đó như một đám mây lướt ngang trước mắt ông, phía trên trán ông.

Tôi và Ngài Kyo cùng nghĩ ra một trò chơi ngộ nghĩnh. Tôi không nhớ ông bắt đầu trước hay tôi nữa. Chúng tôi thường chơi trò này khi bóng đen ấy xuất hiện trên gương mặt ông. Lúc đầu chúng tôi chạm vào những vật trên bờ biển, những thứ vớ vẩn như mẩu gỗ hay lá tảo. Rồi chúng tôi quyết định làm như thế lần lượt từng người một, giả vờ như đang di chuyển những quân cờ hay những con bài đô mi nô. Chỉ là những thứ vớ vẩn thường tìm được trên cát, hoặc dưới hốc đá, những cành cây nhỏ, lông chim, vỏ sò rỗng. Chúng tôi đặt chúng trước

mặt, trên khoảnh cát đã được dọn sạch và cào phẳng. “Đến lượt cháu,” Ngài Kyo nói. Tôi đặt một mẫu dây. “Đến lượt ta,” Ngài Kyo nói. Ông để một cọng tảo khô xoắn vặn. “Đến lượt cháu.” Một mảnh thủy tinh nhám. “Đến lượt ta.” Ông đặt một hòn sỏi det. “Đến lượt cháu.” Tôi đặt một viên sỏi khác, bé hơn, nhưng có vân màu đỏ. Ông bối rối, ông tìm kiếm xung quanh, nhưng rõ là không có gì khá khẩm hơn. “Cháu thắng rồi,” Ngài Kyo nói. Trò này có vẻ ngớ ngẩn, nhưng khi chúng tôi chơi với nhau nó thực sự có nghĩa. Viên sỏi có vân đỏ thực sự chiến thắng. Đặc biệt là khi chúng tôi chơi trò này, Ngài Kyo quên đi những muộn phiền. Vết tối biến mất khỏi đôi mắt ông, chúng lại trở nên trong sáng và tươi cười. Chúng phản chiếu ánh nắng ngoài biển.

Đó là trò chơi của chúng tôi. Tôi gọi nó là “Đến lượt ngài, đến lượt cháu”, đơn giản thế thôi. Khi chơi, chúng tôi không còn nghĩ đến bất cứ điều gì khác. Thời gian không còn tồn tại. Chúng tôi có thể chơi mãi không bao giờ ngừng. Tôi thì thấy buồn cười, nhưng Ngài Kyo tỏ ra nghiêm túc. Ngay cả khi ông đưa ra một cái gì đó kỳ quặc, hoặc buồn cười, thì gương mặt ông vẫn giữ vẻ nghiêm nghị. Nhưng mắt ông ánh lên điều ngược lại. Tôi thích màu mắt của ông khi chúng tôi chơi.

Tôi đã nói về màu mắt Ngài Kyo chưa nhỉ? Chúng xanh lục. Nhưng là một màu xanh luôn thay đổi, màu xanh của rau xà lách, hoặc màu xanh của nước. Đôi lúc nó mang màu của lòng con sóng vỗ bờ, khi bọt khí và nước mưa hòa vào nhau. Trên gương mặt âm thầm của ông, đôi mắt như hai đốm ánh sáng. Nếu nhìn vào mắt ông nhiều quá, tôi có cảm giác chóng mặt. Thế là tôi thôi không nhìn nữa, tôi cúi xuống cát tìm một thứ gì đó để tiếp tục trò chơi. Tim tôi đập nhanh hơn, tôi có cảm tưởng nếu tiếp tục nhìn vào con người ông, tôi sẽ ngã xuống. Hoặc ngất đi. Nhưng đương nhiên tôi không thể kể điều này với ông. Và lại ông chẳng nhìn ai đăm đăm thật lâu bao giờ, thực ra tôi muốn nói là nhìn tôi ấy, bởi tôi đã bao giờ thấy ông đi với người khác đâu.

Thế rồi, lúc ông ra về, tôi để ý thấy ông đeo kính râm, ngay cả vào lúc đêm đang buông xuống.

Chúng tôi gặp nhau hằng ngày hoặc gần như thế. Ngài Kyo đã chiếm một vị trí quan trọng trong cuộc sống của tôi. Tôi đã viết điều này vào nhật ký, bởi tôi không thể kể với bất cứ ai khác. Cứ tan học, và cả vào Chủ nhật sau khi đi lễ nhà thờ, tôi lại chạy băng qua ruộng khoai đến tận bờ biển. Từ xa tôi đã nhận ra bóng dáng ông, bộ com lê phấp phới trong gió. Thời gian đầu, ông còn đeo cả cà vạt đi câu. Nhưng nó cứ quất vào mặt ông khi có gió mạnh, thế là sau này ông cởi nó ra. Nhưng tôi thích ông thanh lịch, trái hẳn với đám du khách lúc nào cũng nghĩ đã đi là phải mặc quần soóc hoa hòe hoa sói hoặc áo gió màu vàng. Những lúc trời mưa, ông mang theo ô, không phải loại ô gấp bé tí trông nực cười mà là một chiếc ô màu đen giống như những thương gia ở nước Anh. Cuối cùng thì nó bị gió thổi bật, thế là ông quyết định chẳng cần ô nữa. Nước mưa rùng rùng trên mũ lưỡi trai và ướt đầm áo vest của ông. Những ngày thời tiết thực sự tệ, ông trú trong lều. Ông dựng lều trên một đụn cát khá xa các bãi tắm. Đó là một chiếc lều ni lông màu xanh lá cây, buộc vào cọc kim loại. Ông chủ khách sạn cho ông thuê. Thế là chúng tôi cùng trú mưa trong lều. Lều có một kiểu mái hiên, nên chúng tôi tuy ngồi trong nhưng Ngài Kyo thò được chân ra ngoài. Tôi cực thích điều này! Tôi có cảm giác chúng tôi đang ở một nơi rất xa, ở một xứ không ai biết tới, ở châu Mỹ, hoặc ở Nga. Một xứ sở nơi chúng tôi sẽ ở lại, không bao giờ trở về nữa. Tôi ngắm nhìn những con sóng đang nổi đuôi nhau trên mặt biển trắng đục. Xa xa sương mù ngày càng dày. Tưởng như chúng tôi đang ngồi trên một con tàu, sắp ra đi đến đầu bên kia thế giới.

Chúng tôi nói, nói và nói. Thực ra tôi nói là chủ yếu. Ngài Kyo trả lời được mọi câu hỏi, cái gì ông cũng biết. Ông là nhà văn mà. Nhưng ông không tự phụ, chỉ là ông có câu trả lời cho tất cả các câu hỏi, thế thôi. Ông đã biết mọi kiểu người, mọi đất nước, ông đã làm đủ mọi nghề. Tôi nghĩ cũng vì thế mà ông buồn. Cái gì cũng biết chẳng đáng

buồn sao? Lúc đầu ông không trả lời nhiều. Ông ngồi nghe tôi nói ba lảng nhãng, có vẻ như ông nghĩ đến điều gì đó khác. Tôi hỏi ông về các chuyến đi, về nghề nhà báo, nhưng hình như ông không nghe thấy. Thế là tôi hích ông: “Này, thưa ngài!” Ông giật mình: “Cháu muốn gì? - Sao ngài không nghe cháu nói? Có phải ngài thấy cháu còn ít tuổi nên nghĩ cháu chẳng nói được điều gì ra hồn phải không?” Tôi thế đấy. Người lớn chẳng làm tôi sợ được. Kể cả các thầy các cô giáo. Tôi có thể đấm họ, cẩu họ. Tôi làm thế một cách nhẹ nhàng dễ thương, chỉ để khiến họ chú ý thôi. “Ngài ngủ à? Ngài ngủ mở mắt được sao? Cẩn thận đấy, gió sẽ thổi ngài ngã, gió sẽ đẩy ngài xuống biển đấy!” Ông tươi tỉnh hẳn lên. Giờ thì ông để ý rồi. Thỉnh thoảng những câu đùa của tôi khiến ông bật cười. Tôi bắt chước giọng ông, cách ông nói, bắt đầu tất cả các câu bằng “ờ, à” bởi ông không biết phải trả lời ra sao. Nhưng ông biết rõ tên các loài chim, hải âu nhỏ, hải âu funma, chùn mỏ kéo, chim nhạn biển, cả côn trùng nữa, các loài bướm, bọ hung, và cả loài gián biển gớm ghiếc lúc nhúc ở bãi đá mỗi khi nước rút. Có thể ông là thầy giáo, một thầy giáo thôi không đứng lớp nữa. Có thể ông đã bị đuổi việc vì một vụ tai tiếng, bởi ông là kẻ ấu dâm, sờ soạng các nữ sinh trong một ngôi trường ở đất nước ông, và vì thế ông đến tận đây ẩn náu. Tôi thấy ý này thật hài hước, thậm chí tôi đã thử nói về chuyện đó, nhưng ông không hiểu. Hoặc ông không muốn nghe. Không, tôi không thể hình dung ông là một lão già đốn mạt lợi dụng giờ thể dục để sờ mông các cô bé. Và lại trông ông không có dáng làm giáo viên. Ông không cao lắm, lưng hơi gù, nhưng đôi vai đẹp, những lúc ông không đội mũ mái tóc ông dày và xoắn điểm sợi bạc, trông thật thanh lịch. Có lẽ ông là cảnh sát, có lẽ ông đến đảo này để điều tra một tội ác. Ông đóng vai một người đi câu để quan sát kẻ đến người đi. Nhưng nếu vậy thì đóng bộ com lê đen và sơ mi trắng, ông sẽ là một tay cảnh sát kỳ cục.

Tôi hỏi ông những câu lạ đời phi lý, ý tôi là lạ đời so với một đứa trẻ ở tuổi tôi. Thí dụ như tôi hỏi ông: “Ngài muốn chết ở đâu?” Ông

nhìn tôi không trả lời, chắc hẳn chưa bao giờ ông nghĩ đến điều này.

“Cháu ấy à, cháu muốn được chết dưới biển. Nhưng không phải chết đuối. Cháu muốn biến mất trong lòng biển, và không bao giờ trở về nữa. Cháu muốn được sóng cuốn đi thật xa.”

Ông nhăn mặt lại, tôi cứ tưởng ông sắp cười to. Nhưng nhìn kỹ hơn tôi thấy đúng ra mặt ông nhăn lại vì tức giận. “Sao cháu lại nói như thế! Ai nói với cháu chuyện biến mất trong lòng biển?” Lần đầu tiên tôi thấy ông có vẻ cáu vì những gì tôi nói. Ông nói thêm, bằng một giọng dịu hơn: “Cháu có biết mình đang nói gì không! Cháu toàn nói những điều ngu xuẩn thôi!” Tôi xấu hổ quá, tôi nghĩ mình nên ôm lấy cánh tay ông, dựa đầu vào vai ông để được ông tha thứ, nhưng thay vì làm thế, tôi lại thấy bực trong lòng: “Sao lại là ngu xuẩn ạ? Cháu có phải con ngốc đâu, cháu nghĩ đến cái chết, dù cháu còn rất ít tuổi.” Đúng vậy, đã nhiều lần tôi ra sát biển, toan lao mình vào những ngọn sóng, mặc cho biển cuốn đi. Chẳng vì một lý do thực sự nào, chỉ là vì tôi chán đến trường, chán gã bố của mẹ tôi lúc nào cũng xoèn xoét với mẹ những lời âu yếm và gian xảo.

“Không nói về chuyện này nữa, nghe chưa June.” Đó là lần đầu tiên ông gọi tên tôi, nó làm tôi tan chảy, vì như thế có nghĩa là tôi cũng quan trọng đối với ông, chứ không chỉ là một con oắt ngu xuẩn chán đời đến cản ngấm chiếc phao ở dây câu của ông bập bênh trên mặt nước. Trước khi ra về, tôi thơm nhẹ lên má ông, thật nhanh, chỉ đủ để cảm nhận làn da thô ráp hơi chua của ông (người già không ít thì nhiều đều có mùi chua này). Như thế ông là bố tôi, ông tôi hay gì đó. Rồi tôi cầm đầu chạy mà không ngoái lại.

Tôi không hiểu chuyện đó xảy ra với tôi như thế nào. Hơi giống kiểu phần lớn mọi chuyện vẫn xảy ra với tôi, tôi không để ý lắm, tôi nói, tôi nghe, tôi lơ đãng, tôi nhận thấy có ai đó, ở đây, ngay bên cạnh, trong khi trước đó chẳng có người nào cả. Trên một ghế băng, trong một nhà hàng, hay trên bãi biển. Trên triền đê dài đổ bê tông nơi tôi đến để câu, dù tôi có biết câu kẹo gì đâu, chỉ là vì ra đó câu thì tôi có thể ngồi lì hàng giờ để ngắm biển mà không ai thắc mắc tại sao, thế thôi. Cô bé đến bắt chuyện với tôi. Cô bé đã ào vào cuộc đời tôi. Một con nhóc! Nó tự nhận mình mười sáu tuổi, nhưng tôi thừa biết nó nói dối, nó vẫn còn đi học mà, ở cái xứ này mười sáu tuổi là phải đi làm, lấy chồng, chứ chẳng ai lang thang trên đường hay dọc đê với một lão già bao giờ. Tôi cần điều đó lắm đấy. Quá khứ của tôi đã thế rồi, giờ đây người ta lại thấy tôi với một con nhóc! Tôi tin chắc viên cảnh sát duy nhất trên đảo vẫn theo dõi tôi, ở mỗi góc đường đều thấy anh ta, anh ta lượn chầm chậm trên chiếc ô tô hai màu, lườm nguýt tôi. Anh ta đang chờ thời cơ để bắt tôi ấy mà. Anh ta nhận ra tôi không phải đến đây chỉ để du lịch, mà là một gã ưa sống đơn độc, một kẻ khả nghi. Nhiều lần anh ta lái xe qua trước mặt chúng tôi lúc chúng tôi đi câu về. Anh ta không nói gì, giả dờ không trông thấy chúng tôi, điều này còn tệ hơn ấy chứ.

Cô bé tên June. Phải thú thật rằng tôi rất thích tên nó. Tôi tin Mary nếu còn chắc cũng muốn quen biết nó. Cái mái tóc của nó, một bờm tóc đen, quăn, dày và ánh hung. Thường thì cô bé búi tóc lên rồi buộc lại bằng dây chun. Nhưng khi ra biển, nó thả tóc, cả mái tóc ánh lên dưới nắng để mặc gió thổi tung. Tóc Mary cũng rất dày, nhưng đen nhánh và mượt mà, những lúc búi tóc trông nàng giống như một geisha.

Tôi phải định thần lại thôi. Tôi đến hòn đảo này đâu phải để đi câu vài con cá phèn và tám chuyện với một con bé chưa đến tuổi dậy thì! Tôi đâu phải gã du khách rồi hơi lượn một vòng các địa điểm cần xem, chụp hình rồi lần lượt đánh dấu, kiểu như: ghế đá của nụ hôn đầu tiên, *done**. Ngọn hải đăng ở nơi tận cùng thế giới, *done*. Con đường của nổi cô đơn, khu vườn của những hẹn ước, bãi biển có tàu đắm, *done, done, done*. Rồi lại ra đi khi đã được thiên hạ làm cho cả đầu óc lẫn túi tiền thành rỗng tuếch! Với tôi hòn đảo này là một ngõ cụt không lối thoát, nơi mà người ta không thể vượt qua, sau nó không còn gì nữa hết. Đại dương, có nghĩa là quên lãng!

Mary, cuộc đời nàng, thân thể nàng, tình yêu nàng đã biến mất, không để lại dấu vết, không để lại lý do. Và cả cô gái ấy nữa, ở Huế, người phụ nữ bị đè ngửa trên nền nhà và không hề kêu rên khi đám lính lần lượt qua cô. Miệng cô chảy máu, đôi mắt như hai vệt tối. Còn tôi đứng nhìn, trên ngưỡng cửa, không cử động, không một lời. Ánh mắt tôi là ánh mắt của kẻ sát nhân. Chính vì những hình ảnh đó mà tôi ở đây lúc này, để tìm ra thứ nắm giữ chúng, chiếc hộp đen giam kín chúng mãi mãi. Không phải để xóa nhòa chúng, mà để thấy được chúng, để không bao giờ thôi khiến chúng tái hiện. Để bước chân vào những dấu vết xưa, tôi giờ đây là một con chó đang đánh hơi tìm lối. Nơi đây hẳn phải có một lý do biện minh cho tất cả những gì đã xảy ra, một manh mối cho những sự kiện khiếp khủng này. Lúc tới đảo, tôi đã bị một cơn rùng mình. Nói đúng theo nghĩa đen là khắp da thịt tôi lông dựng ngược lên, sau lưng, trên cánh tay, trên vai. Một điều gì đó, một người nào đó đang đợi tôi. Một điều gì đó, một ai đó, nấp sau những tảng đá đen, giữa các vết nứt và các khe hở. Hết đám côn trùng gớm ghiếc kia, hàng nghìn con gián biển đang bò dọc bờ biển tạo thành một tấm thảm lúc nhúc khi thủy triều rút khỏi đê và dải đá ngầm cản sóng. Thời còn Mary, không có đám sâu bọ này - hoặc chúng tôi không để ý đến chúng? Tuy vậy, Mary ghét côn trùng. Đây là dạng

sống duy nhất mà nàng gớm ghét. Một con bướm đêm đủ khiến nàng khiếp đảm, một con rết đủ làm nàng buồn nôn. Nhưng chúng tôi hạnh phúc, và bởi thế lũ côn trùng ấy không lộ diện. Chỉ cần một thay đổi trong cuộc đời, là lập tức những điều ta không biết đến bỗng trở nên cực kỳ rõ ràng trước mắt, và choán lấy ta. Tôi có mặt ở đây không vì một điều gì khác. Để hồi tưởng lại, để cuộc đời tội lỗi của tôi xuất hiện trong tôi. Để tôi thấy được từng chi tiết của nó. Để đến lượt mình, tôi có thể biến mất.

June đang đợi tôi. June muốn hỏi tôi. Đôi lúc tôi muốn hung bạo với con bé. Tôi muốn nói với nó bằng những lời lẽ tàn ác, những lời khiến người ta đau: “Này bé con, ta sẽ giải thích. Ta từng bị đi tù vì tội đồng phạm trong một vụ hiếp dâm một cô gái trẻ trạc tuổi cháu. Vài tháng đã giữ cô ta rồi lần lượt cưỡng hiếp cô ta, còn ta chỉ đứng đó nhìn mà không làm gì. Chiến tranh mà, mọi điều đều được phép. Ta đã ở tù, xem này, ta vẫn còn số tù xăm trên cánh tay trái, vì thế lúc nào ta cũng mặc sơ mi dài tay và khoác áo vest.” Tôi biết rồi mình sẽ nói với cô bé. Tôi ghét bộ dạng ngọt ngào, ghét giọng líu lo con trẻ của nó. Tôi sẽ nói ra để cô bé sợ tôi, để nó hiểu rằng tôi có thể tái phạm, đè ngửa nó ra giữa các mỏm đá và làm bất cứ điều gì tôi muốn với nó, lấy tay bịt miệng nó để nó không thể kêu la, túm tóc mà giữ chặt nó dưới đất, các ngón tay ngoắc vào mái tóc xù của nó, hít thở nỗi sợ từ trong miệng nó! Khi thấy cô bé bên bờ biển, tôi thậm chí vẫn còn cơn thịnh nộ của đêm đen trong mình, con sóng mù quáng từ biển dội vào và làm rầm không dứt suốt đêm, hòa vào cơn gió lạnh và màn sương mù, cái màn mờ đục bao phủ bầu trời, tắt hết trăng lẫn sao ấy! June ngồi trên bãi đá, mặc váy dài, tóc buông xõa trên vai, cô bé quay lại khi thấy tôi đến, ánh nắng làm làn da nó sáng rực lên và khiến đôi mắt lấp lánh. Còn tôi, tôi đến bên cô bé với bóng đêm đen, mang trên vai những mảnh tơi tả chiêm bao và ác mộng, mang gương mặt xám

ngoét, mái tóc hoa râm, như thể vừa bước ra từ một chiếc giường đầy tro.

“Ngài ngủ không ngon à?” cô bé hỏi bằng cái giọng vui vẻ mà tôi ghét. “Sao người già thường hay khó ngủ thế?” Nó đã tìm ra câu trả lời: “Vì họ thường ngủ ngày, thích ngủ trưa nên tối không ngủ được nữa.” Cô bé nói đúng. Hôm nay không phải ngày tôi sẽ kể cho nó các tội ác của mình.

Tôi từng mơ Ngài Kyo là bố tôi. Không phải vì nước da và bộ tóc xoăn tự nhiên của ông mà tôi mơ như thế. Mà vì tôi tin ông quan tâm đến tôi như một người bố thực thụ. Thời gian gần đây thằng Jo trở nên hung tợn hết sức. Lúc tan học, nó thường đợi tôi ở góc phố và khoái tìm cách trêu chọc tôi. Khi nó chỉ nói bậy và chửi rủa, tôi mặc kệ và cứ tiếp tục đi. Nhưng bây giờ nó tóm lấy tôi, giả đờ bóp cổ và gí chìa khóa chẹt cổ tôi, rồi nó túm tóc và ấn đầu tôi xuống đất cho đến khi tôi phải quỳ xuống. Tôi ứa nước mắt, nhưng cố kìm nén. Tôi không muốn nó thỏa mãn. Tôi không nhớ đã kể chuyện này với Ngài Kyo lúc nào. Ông chỉ nghe, không nói gì, tôi tưởng ông chẳng thèm bận tâm đến chuyện vặt của mấy đứa nhóc bản thủ. Thế rồi một hôm, lúc tan học, khoảng ba giờ chiều, thằng Jo đã đứng đó, túm tóc tôi như mọi lần. Thế là Ngài Kyo đến, ông đi rất nhanh, băng qua đường và đến chỗ thằng Jo, tới lượt ông túm tóc nó và bắt nó quỳ trước mặt tôi. Ông cứ thế túm lấy nó một lúc lâu, thằng oắt vùng vẫy, cố giằng ra để thoát thân, nhưng Ngài Kyo giữ chặt. Ông không cao lắm, như tôi đã nói trước rồi, nhưng tay ông rất khỏe. Tôi đứng lùi ra xa, nhìn cảnh này và thấy tự hào vì có người bảo vệ mình. Vẻ mặt Ngài Kyo lúc đó rất lạ, một vẻ mặt mà trước đó tôi chưa bao giờ thấy, vẻ tức giận, hung bạo, mắt ông sáng lên trên gương mặt u tối, hai tia sáng xanh lục, không lạnh lẽo, mà lúc đó nóng bỏng và sắc lẹm. Rồi tôi nghe thấy ông nói: “Không bao giờ được làm thế nữa, nghe chưa? Không bao giờ!” Ông nói tiếng Anh, thằng Jo chẳng hiểu được gì, nhưng giọng ông gầm lên, tôi có cảm giác như tiếng sấm rền, và thằng oắt run lẩy bẩy khi nghe ông quát. Nhưng tôi lại không sợ. Ngài Kyo khỏe thật, đẹp thật, tôi có cảm giác ông từ một thế giới khác, hoặc từ mãi tít trời cao đến tìm tôi trên hòn đảo này và mang tôi đi khỏi nỗi bất hạnh của tôi. Như thế tôi vẫn luôn đợi ông từ khi còn là một đứa bé, và ông đã nghe thấy những

lời cầu nguyện của tôi. Không phải một thiên thần, không phải một phúc thần, mà đúng hơn là một chiến binh, một chiến sĩ không cần đến áo giáp, một hiệp sĩ không cần đến ngựa. Tôi cứ đứng nhìn ông, bất chợt ông thả thẳng kia ra, nó lúi một hơi. Còn Ngài Kyo không thèm quay lại nhìn nó chạy mất. Ông nán thêm một lúc, mặt vẫn sầm lại vì giận dữ, đôi mắt xanh trông như những mảnh gương vỡ, và tôi không thể nhìn ra nơi khác. Rồi ông rảo bước bỏ đi, còn tôi hiểu không nên đi theo ông lúc này.

Chuyện xảy ra thế đấy. Tôi không kể cho ai, nhất là mẹ. Nhưng tôi hiểu rằng từ hôm đó mình có một người bạn. Thậm chí là hơn thế, tôi mơ ông là bố tôi, ông đến đảo này để tìm tôi, để một ngày nào đó dẫn tôi theo ông đi thật xa, tới đất nước ông, ở châu Mỹ.

Không lâu sau, khi gặp lại Ngài Kyo, tôi bèn hỏi ông: “Ngài có muốn hôm nào đó qua nhà gặp mẹ cháu không?” Tôi nói thêm: “Mẹ cháu nói tiếng Anh giỏi lắm.” Tôi nói tiếp ngay, để ông không nghĩ rằng tôi nói thế vì phép lịch sự: “Chỉ là nếu ngài muốn như thế thôi, tất nhiên là cháu không ép đâu.” Ông chẳng bảo có cũng chẳng bảo không, ông không trả lời gì, và tôi có chút xấu hổ vì đã hỏi như thế. Vậy nên tôi vội vàng nói với ông về chuyện khác, chuyện câu cá, chuyện những con sò mẹ tôi bán cho các nhà hàng, như thế tôi muốn ông trở thành khách hàng của mẹ và mua bào ngư cho mẹ.

Tuy nhiên, sau chuyện xảy ra ở cổng trường, thằng Jo không bao giờ quấy rầy tôi nữa. Nó vẫn lăm bằm chửi mỗi khi tôi đi ngang qua trước mặt, nó gọi tôi là đồ khỉ cái, nhưng có phần dè chừng. Tôi thấy hai con mắt bé tí, xảo trá của nó nhìn quanh nhìn quẩn, rình xem liệu Ngài Kyo có ở gần đó, nấp sau cột cổng, hay khuất trong bóng râm một cánh cửa. Hoặc trong tiệm thuốc, ở ngay ngã tư.

Tôi quên kể cả chuyện này nữa, đó là một sự kiện mới xảy đến trong cuộc sống của Ngài Kyo. Một hôm, trong khi chúng tôi trèo lên mấy mỏm đá, trong cơn gió thốc lên bởi biển động, tôi trượt chân và đầu gối bị trầy xước vì va phải một hòn đá nhọn. Tôi đau, và còn bị

chảy máu rất nhiều. Ngài Kyo đã lấy con dao nhỏ dùng để đi câu cắt ra một mảnh áo sơ mi và băng bó cho tôi. Nhìn miếng vải thấm máu, ông nói: “Cháu nên đến hiệu thuốc để họ khử trùng và băng bó cho cháu cẩn thận hơn.” Không có gì phải bàn cãi nữa. Tôi không thể nhảy trên mấy tảng đá, thế nên ông đã bế tôi ra đến đường, và dù cho đầu gối đang đau nhưng tôi vẫn vui vì được ông bế trên tay, ông rất khỏe và tôi cảm nhận được ngực ông kề sát người mình. Rồi chúng tôi đi bộ về làng, và tôi dựa vào ông, cố tình bước khập khiễng để được dựa sát vào cánh tay ông trong lúc bước đi. Tôi chưa từng đến tiệm thuốc của dược sĩ, cô là người mới đến đảo này. Cô xinh đẹp, với gương mặt khá trắng và đôi mắt có quầng. Quầng thuốc của cô rất nhỏ, phía ngoài được che bằng một tấm ri đô vải trắng phải vén lên mới vào được bên trong. Ngài Kyo ở trong hiệu thuốc một lúc lâu trong khi cô dược sĩ rửa vết thương của tôi bằng cồn, và bôi thuốc mỡ lên miếng băng, rồi quấn quanh đầu gối tôi bằng một dải dây vải. Tôi không thực sự đau nữa nhưng vẫn cố làm vẻ nhăn nhó và thở dài để gây chú ý.

Tôi ngay lập tức hiểu ra rằng Ngài Kyo bị người phụ nữ ấy quyến rũ. Thật là lỗ bịch, nhưng điều đó làm tôi tức giận. Tôi không thích người lớn cư xử như trẻ con. Nhất là, tôi không muốn một người quan trọng như Ngài Kyo để cho một phụ nữ bình thường, cái cô dược sĩ ấy, phỉnh phờ, dù cô ta có xinh đẹp đi nữa. Chuyện đó khiến tôi cảm thấy ông trở nên giống cô ta, ý tôi là một người bình thường, không xứng làm bố tôi. Một người vô vị, nói những điều mà chính họ không tin, rồi cười cợt, ba hoa. Ngài Kyo thì hoàn toàn ngược lại, ông mạnh mẽ, ông có thể cất giọng như sấm rền, ông có thể nhìn bằng đôi mắt xanh lục khiến người ta phải sợ hãi.

Nhưng sau đó, tôi ngẫm nghĩ và hiểu ra rằng chắc hẳn ông đã quen người phụ nữ ấy từ trước, và chính vì thế ông đã can thiệp vào sự việc xảy ra ở cổng trường. Khi Jo kéo tóc tôi, Ngài Kyo đang ở trong tiệm thuốc, chỉ cách vài bước chân. Tôi đã tưởng ông đến từ nơi nào vô định, vị thần hộ mệnh của tôi, nhưng chỉ là lúc ấy ông đang bận nói

chuyện với người phụ nữ này. Điều đó làm tôi buồn, nhưng cùng lúc tôi cảm thấy yên tâm, bởi mình đã có một thiên thần hộ mệnh. Một vị thiện thần. Chung quy, cô được sĩ cũng chẳng có gì quá quan trọng, đó chỉ là một cô gái xinh đẹp nói hơi nhiều. Một phụ nữ bình thường.

Bây giờ khi chúng tôi đã thực sự là bạn bè, Ngài Kyo và tôi, tôi cảm thấy thực sự thoải mái khi ở bên cạnh ông. Chưa đến mức nói chuyện thân mật với ông hay gọi ông bằng tên riêng (mặc dù tôi rất thích cái tên Philip). Mà tôi thấy thoải mái vì được nói những gì mình muốn vào lúc mình muốn. Thí dụ như, tôi bịa ra nhiều chuyện, nhiều giai thoại, để ông khuây khỏa, để làm ông cười. Tôi hát cho ông nghe tất cả những bài hát tôi biết, những bài hát cũ bằng tiếng Anh, *Little Boy Blue*, *Mary Quite Contrary*, *Old King Cole* cứ đòi chiếc bát, cái thìa và ba nhạc công vĩ cầm. Và cả những bài tôi đã nghe trên radio, của Elvis, hoặc của Nina Simone, hay cả những bài trong phim *The Sound of Music*, vì tôi vẫn thường xem băng phim đó mỗi khi ở nhà một mình. Tôi thấy rõ điều đó làm ông thích thú, gương mặt ông trở nên dịu dàng hơn, đôi mắt không còn ánh thủy tinh ấy nữa, mà mờ nhòa đi. “Cháu có chất giọng hay đấy, một hôm ông nói với tôi. Khi nào lớn, cháu có thể trở thành ca sĩ.” Lời khen ấy làm tim tôi đập thình thịch, hai má nóng bừng. “Ồ vâng, cháu rất thích được làm ca sĩ, tôi đáp. Nơi duy nhất cháu có thể hát là ở nhà thờ, mục sư chơi dương cầm, còn cháu hát thánh ca.” Ông có vẻ quan tâm đến chuyện này. “Vậy thì có thể ta sẽ đến nghe cháu hát vào một Chủ nhật nào đó.” Tôi quá vui sướng, tôi nghĩ vậy, và reo lên: “Vâng, thưa ngài. Ngài hãy đến nhé, ngài đến nhé.” Tới đó, ông bỗng sa sầm nét mặt. “Có thể, ta sẽ tới, để xem đã.” Tôi nghĩ mình có đôi chút xấu hổ vì đã thể hiện niềm vui như vậy, nhưng tôi thật lòng tin rằng ông sẽ tới nhà thờ vào lần sau, là ngày Chủ nhật tới đây. Nếu có đến thật thì hẳn ông đã trốn rất kỹ, bởi tôi đã mất công tìm kiếm mà chẳng thấy ông đâu. Có lẽ ông không thích nhà thờ cho lắm vì tôi để ý thấy mỗi lần tôi nhắc đến nhà thờ, hay mục sư là ông lại nói sang chuyện khác, hoặc im lặng như

những con cá chúng tôi câu được. Thậm chí có lần, khi tôi đang nói với ông về trời, về thiên đường, thì ông bật cười khẩy. “Cái đó chỉ là chuyện người ta kể cho trẻ con nghe thôi. Làm gì có ông trời nào.” Tôi không thích khi Ngài Kyo cười nhếch mép như vậy, ông để lộ hàm răng xấu xí, đặc biệt là ông có một cái răng khểnh, cái răng nanh sắc nhọn, một cái nanh chó đúng nghĩa.

Tôi rất muốn đọc được suy nghĩ của ông, muốn hiểu lý do tại sao ông lại như vậy, ủ ê và lặng lẽ, đôi mắt ánh lên nỗi buồn. Nếu như ông quả thật là bố tôi, tôi sẽ có thể hiểu được về cuộc đời ông, tôi sẽ biết cách hỏi han, an ủi và làm ông cười. Thay đổi suy nghĩ của ông. Chia sẻ câu chuyện của ông. Đôi khi ông khiến tôi nghĩ đến cái chết. Tôi nghĩ về điều sẽ xảy ra nay mai, ông sẽ không còn ở đây nữa, cả mẹ tôi cũng vậy. Tôi nghĩ đến việc mình sẽ đơn độc, và không bao giờ tôi còn được gặp một người như ông nữa, không bao giờ còn có cơ hội mơ về bố nữa.

Nhưng may sao việc đó không kéo dài. Tôi nghĩ ra thứ gì đó để làm ông khuây khỏa, một trò chơi, một câu đố. Một câu chuyện vui trong vùng. Và đây là câu chuyện tôi đã kể cho ông nghe vào một chiều Chủ nhật, khi chúng tôi ở trên đỉnh vách đá, ngồi giữa những bụi hoa trà:

CÂU CHUYỆN VỀ CON BÒ

Ngày xưa trên một hòn đảo

Hòn đảo không có súc vật, cũng chẳng chim chóc

Chỉ có những người đàn ông và đàn bà

Người dân ở đây buồn chán, vả lại họ cũng chẳng có nhiều thứ để ăn

Chỉ có khoai lang và hành tây

Nhất là vào mùa đông thì thật buồn vì đêm dài

Trời lạnh, nhiều gió, và mưa, rồi sương mù

Một hôm, có một người đến đảo

Một du khách ngoại quốc giống như ngài

Không ai biết tên ông ta là gì
Đó là một người đàn ông thật kỳ lạ
Ông cao lớn, khỏe mạnh, với gương mặt dài và đôi mắt vàng đáng sợ
Ông ăn vận chỉnh tề choàng áo khoác dài và đội mũ đen
Ông không nói chuyện với ai bao giờ
Và nếu có nói thì giọng ông rất to và trầm, khiến tất thảy đều sợ
Một đêm, người đàn ông ngoại quốc biến mất
Một đêm sương mù
Một đêm mà người ta sợ phải ra ngoài vì có thể bị rơi khỏi vách đá
Và dân trên đảo nghe thấy một tiếng thét
Đó là giọng của người đàn ông ngoại quốc
Giọng ông vang vọng trong sương mù
Và người ta còn nghe thấy tiếng bước chân trên đường phố
Những bước chân lang thang, lọc cọc, lọc cọc
Sáng ra, sương tan
Người ta trông thấy một con bò giữa đồng
Một con bò đen thật đẹp
Chính là người đàn ông ngoại quốc ấy đã biến thành bò
Đây là lần đầu tiên người ta nhìn thấy bò trên đảo này
Vậy là dân đảo không còn sợ nữa
Họ hỏi xin sữa của bò và trẻ con đã có sữa uống
Chuyện là thế đấy
Bây giờ, mỗi khi trên đảo có sương mù
Một người nào đó lại biến mất
Và sáng hôm sau lại có thêm một con bò
Vậy nên ngài phải rất cẩn thận khi có sương đấy
Vì ngài là người ngoại quốc mà

Ngài Kyo lắc đầu: “Cháu đúng là giàu trí tưởng tượng.”

Trong khoảnh khắc, đôi mắt xanh của ông chuyển sang hơi vàng, đúng y màu mắt bò.

Lần đầu tiên tôi tới nhà thờ. Thực ra nhà thờ chỉ là tầng trệt ngang tầm mặt vườn của một tòa nhà nhỏ nằm ở giữa làng. Chỉ cần bước xuống vài bậc cầu thang là đã ở trước một cánh cửa đôi bọc nệm chần, và dù có lớp nệm chần ấy, tôi vẫn nghe thấy tiếng nhạc từ bên trong vọng ra, tiếng đàn dương cầm pha tiếng hát lao xao. Khi đẩy cánh cửa ra, tôi nghe thấy giọng June. Cô bé đứng trên một thứ giống như cái bục, xung quanh là những đứa trẻ trạc tuổi, nhưng June cao hơn chúng một cái đầu. Bên phải sân khấu, mục sư ngồi bên cây dương cầm, ông chơi một giai điệu hơi chậm và buồn, nhưng nhịp nhàng, và các cô bé vỗ tay theo nhịp.

June hát bằng tiếng Anh: *nobody knows but Jesus**, tôi biết lời bài này. Giọng cô bé rất trong, không lạnh lót như giọng trẻ con, mà khỏe và hơi trầm, và tôi thấy rung mình. Tôi dừng lại trước cửa, mặc dù những người ở hàng cuối đã ngồi xích lại với nhau để chừa chỗ trên ghế băng cho tôi. Tôi không thể tiến lên. Có gì đó ngăn tôi bước hẳn vào phòng, như thể tôi không có quyền. Như thế người ta đột nhiên sẽ yêu cầu tôi ra ngoài, như thể họ sẽ nhận ra tôi và tôi không còn chỗ trong nhà thờ này nữa. Hoặc đó là bởi chính tôi, tôi không thể bước tiếp. Tôi cứ đứng dựa vào khung cửa, giữ nó không đóng lại, để cảm nhận khí lạnh bên ngoài, đẩy không khí nóng và đầy mùi người từ bên trong ra, một thứ mùi kỳ lạ của da và gỗ, hoặc của áo quần vải vóc mới, một thứ mùi gần gũi và nhạt nhẽo khiến tôi ghê tởm.

Bỗng tiếng hát ngừng lại. June vẫn đứng trên sân khấu, một bóng đèn công suất lớn chiếu vào cô bé. Ánh đèn làm nổi bật thân hình cô bé dưới lớp váy, vết hằn chỗ bộ ngực mới nhú, phần bụng hơi nhô lên. Ánh đèn lấp lánh trên trán vì cô bé vuốt tóc ra sau thành một búi tóc dày, màu hung vàng. Khuôn mặt không tươi cười, cô bé dường như

thu mình, chỉ khẽ nhếch miệng, cổ gập lại, mắt sụp xuống như đang nhìn một điểm bất định trước mặt, giữa cử tọa. Mục sư thuyết giảng một bài ngắn, và đọc mấy đoạn trích trong cuốn sách kinh. Ông ta còn trẻ, nhưng có vẻ tự phụ và thiển cận, và những cô bé con đứng quanh ông ta trông như lũ cào cào châu chấu. Chỉ riêng June là nổi bật giữa đám người lộn xộn và phù phiếm này, với đôi mắt sụp xuống, thân hình cao lớn, hai chân hơi choãi ra, cánh tay buông dọc thân người, không duyên dáng.

Rồi cô bé chợt nhìn thấy tôi. Khuôn mặt bất động, không cười, nhưng tôi thấy đôi mắt cô bé mở to, tôi cảm thấy mối liên hệ của ánh nhìn ấy trong ánh mắt tôi, như thể đang nghe thấy tim cô bé đập qua một sợi dây. Cô bé không nghe lời mục sư nói nữa, cũng không quan tâm đến những đứa trẻ bên cạnh, hay các tín hữu đang nhìn mình. Cô bé hoàn toàn gắn với tôi bởi sợi dây đó, và không còn điều gì khác quan trọng nữa. Còn tôi, tôi cảm thấy một nỗi bối rối chưa từng biết đến, chưa từng trải qua. Tôi có cảm giác như thể chóng mặt, một cảm giác bạo lực. Tôi là chủ nhân, không phải một chủ nhân thống trị, mà là người có thể điều khiển được từng suy nghĩ trong cô bé, từng cử chỉ, từng ý nghĩ. Đã mấy lần mục sư hăng giọng, bắt nhịp lại câu đầu bài thánh ca, và tôi không biết mình đã làm gì, chắc là tôi đã giơ tay trái lên một chút, lòng bàn tay hướng về phía cô bé, không phải để chào, mà để bảo nó hãy bắt đầu, và June cất giọng hát. Phải chăng cô bé chưa bao giờ hát hay đến vậy, với giọng hát trong trẻo và mạnh mẽ như thế, hông cùng vai hơi lắc lư, tôi nghĩ đến Mary ngày xưa trong chiếc váy đỏ, khi ánh đèn chiếu rọi vào nàng? Mục sư chơi đàn say sưa một cách thái quá, mấy cô bé con gầy gò xấu xí vừa uốn éo vừa nhìn June, còn cử tọa bắt đầu vỗ tay, và khi bài thánh ca kết thúc, họ hoan hô, dù đó là điều cấm kỵ, không ai hoan hô một lời cầu nguyện, nhưng đây không chỉ còn là một lời cầu nguyện. Còn tôi, tôi chậm rãi lùi bước, cho đến khi cánh cửa bọc nệm chần đóng lại và cắt ngang sợi dây kết nối ánh mắt, cắt ngang làn sóng nhạc.

Tôi đấu tranh với bản thân để không thay đổi. Tôi cảm thấy mỗi nguy hiểm bao quanh mình. Tôi cảm thấy điều đó, một âm mưu, một kế hoạch bí mật nhằm ép buộc tôi, hạn chế tự do của tôi. Để ngăn tôi di chuyển, chặn lối ra của tôi. Tôi không muốn quên đi mình là ai, và vì sao mình tới đây. Tôi không muốn bị ru ngủ bằng những lời hay ý đẹp, những lời tụng ca, tôi không muốn người ta gán cho mình những tình cảm tốt đẹp. Tôi không phải là người tốt. Tôi là một con yêu tinh, đúng vậy. Mary trước kia đã nói với tôi như vậy. Nàng bảo rằng tôi tồn tại chỉ để ăn thịt người khác, để quyến rũ rồi ăn thịt họ.

Tôi tới đây để thấy. Để thấy khi biển hé mở, để lộ những vực thẳm, những kẽ nứt, và lớp tảo đen di động dưới lòng biển. Để nhìn những người chết đuối với đôi mắt đã bị đục khoét dưới đáy huyết, nhìn những vực sâu nơi lắng đọng tàn tro hài cốt.

Sự tình cờ đã để một thiên thần xuất hiện trên con đường tôi đi, một đứa trẻ thơ ngây và lạ lùng. Đã rất lâu rồi, đây là lần đầu tiên tôi được gặp một con người.

Ở nhà tù, trong trung tâm cải tạo, tôi đã gặp đủ loại đàn ông và đàn bà, phần lớn đều là những kẻ bình thường. Chẳng độc ác hơn chẳng xấu xí hơn những kẻ khác. Còn giờ đây, khi tôi không còn trông đợi gì nữa... Nhưng tôi không muốn vậy. Tôi không muốn nữa. Đã quá muộn rồi. Tôi muốn cứ là mình của hiện tại, Philip Kyo, một nhà báo thất bại, một nhà văn kém cỏi, dù không muốn nhưng vẫn bị mắc bẫy do những bản năng xấu của mình giăng ra, bị kết án vì một tội mà mình không phạm phải. Không có hy vọng cải tà quy chính.

Trong phiên tòa, công tố viên đã nói về tôi, ông ta bảo tôi là một quái vật máu lạnh. “Anh ta không tham gia vào tội ác, thưa quý vị. Không, không, các vị có thể tin là vậy, vì chính nạn nhân đã làm chứng cho điều đó. Anh ta không làm gì cả. Anh ta chỉ nhìn. Và khi nạn nhân, người phụ nữ vô tội đáng thương kia, hướng mắt về phía anh ta, để cầu xin, van nài anh ta trong im lặng rằng hãy cứu giúp cô ấy, anh ta không động đậy. Anh ta chỉ nhìn. Thế thôi. Anh ta không

cảm thấy bất kỳ một sự thương cảm, hay phần nộ nào. Anh ta nhìn. Nhìn, liệu điều đó có nghĩa là vắng mặt hay không? Anh ta có làm điều gì khác không? Anh ta có cảm thấy bị kích thích, có nói gì để cố vũ cho những kẻ hiếp dâm hay không? Anh ta từ chối nói về chuyện đó, thưa quý vị, anh ta giam mình trong im lặng, để không phải trả lời các câu hỏi, để không cảm thấy có trách nhiệm, để không đối mặt với sự thật. Ngay cả khi anh ta không trả lời các câu hỏi, những chiếc kim của máy phát hiện nói dối đã nói thay anh ta, chúng tố cáo anh ta. Các vị hãy xem, với những câu hỏi mà chúng tôi đặt ra cho anh ta về trách nhiệm, về vụ hiếp dâm qua ủy quyền trong đó anh ta không chỉ là nhân chứng, mà là một trong số những kẻ gây án, máy đã ghi nhận hiện tượng giải phóng adrenaline, nhịp tim tăng nhanh, mồ hôi toát ra mang ý nghĩa tiết lộ. Một sự thú nhận, thưa quý vị bồi thẩm. Một sự thú nhận.”

Những cánh cửa khép lại. Trong sáu năm, tôi đã nghe tiếng cửa đóng mở, tiếng chốt cửa, tiếng khóa lạch cạch. Trong sáu năm, tôi đã bị nhốt trong sự im lặng. Những xà lim. Những hành lang. Những căn phòng ở bệnh viện tâm thần, chái nhà dành cho đám bệnh nhân nguy hiểm. Khi được thả tự do, sau gần ấy năm, tôi không còn biết gì về thế giới nữa. Cùng với Mary, tôi tìm kiếm một nơi để ẩn náu. Với tôi là để chạy trốn quá khứ, còn với nàng là để thoát khỏi một cuộc tình tuyệt vọng. Tất cả vẫn còn có thể. Hồi ấy chúng tôi còn trẻ, chúng tôi đã nói đến chuyện có một đứa con. Và rồi một hôm, vì nàng say, nàng đã đi vào lòng biển và đã không trở về.

Tôi đã quay lại đất liền, để rút tiền ở ngân hàng, hoặc gửi một bức thư, tôi cũng không biết nữa. Tôi đi chuyển tàu buổi sáng, tầm tám giờ. Chiều hôm ấy, Mary đi vào lòng biển. Nàng là một tay bơi giỏi. Biển không có bão. Chỉ có đôi chút sóng lừng, là biển nổi gió như người ta vẫn thường gọi. Chắc là đợt thủy triều lớn cuối hè. Mary để lại áo quần trên bãi đá, nàng mặc bộ đồ bơi không tay bằng cao su,

nàng buộc gọn mái tóc dài, nàng đeo kính nhật màu và nàng bơi về phía mặt trời.

Vì sao tôi trở lại nơi này? Tất cả những chuyện ấy đã xảy ra từ rất lâu rồi, ở một cuộc đời khác. Tôi đã làm việc như hết thảy mọi người. Nghề báo, đã kết thúc rồi. Để sống sót, tôi nhận giảng dạy về ngôn ngữ tại một học viện ở Manila. Tôi từng môi giới chứng khoán, xuất khẩu thực phẩm khô, phân phối đất sét rải chuồng mèo, thậm chí tôi còn quản lý một quán bar ở Philippines, ở miền Nam, trên một bãi biển mà du khách Nhật Bản và Canada thường lui tới. Tôi quen biết nhiều phụ nữ, hầu hết là những gái làng chơi chuyên nghiệp, tôi từng mắc bệnh lậu ở Thái Lan, bị rận mu, có lúc tôi thậm chí còn ngỡ mình đã mắc sida, nhưng xét nghiệm máu âm tính. Lẽ ra tôi đã phải chết hai mươi lần rồi nhưng tôi vẫn đang ở đây. Đã từ lâu lắm rồi, tôi không còn điều gì giống như một gia đình. Lần cuối tôi nhận được tin tức về anh trai, khi ấy anh đang ở New Zealand, và đã kết hôn với một phụ nữ người Anh. Khi tôi ngồi tù, không ai đến thăm tôi. Không ai tìm tôi. Chắc chắn có ai nhớ tôi.

Có lẽ tôi quay lại hòn đảo này để chết. Tôi không thực sự nghĩ đến điều đó, vì xét cho cùng thì chết ở đây hay ở nơi khác với tôi đều như nhau. Dù sao người ta cũng đâu có được trải nghiệm cái chết của mình, không phải tôi đã nói điều đó. Nhưng June đã hỏi tôi, khi chúng tôi gặp nhau để câu cá trên đê, và câu hỏi của cô bé đã khiến tôi suy nghĩ. Một đường vòng dài bắt đầu từ bờ biển này rồi cuối cùng quay trở lại đó. Điều mà tôi không lên kế hoạch trước - đã lâu rồi tôi không còn lên kế hoạch cho tương lai nữa. Điều tất yếu sẽ xảy đến. Không có bất kỳ lối thoát nào khác. Không có lời giải thích nào khác cho việc tôi trở lại nơi đáng nguyên rủa này.

Vì nàng, Mary, người mà tôi đã biết thân hình và đã hưởng thụ nó, giờ đây không còn lại gì, không một hình ảnh, không một ký ức có thể chạm tới được. Biển đã nuốt chửng tất cả, biển đã xóa đi thể xác và

tinh thần của nàng khỏi mặt đất. Nàng không còn tồn tại, bởi vậy nàng chưa bao giờ tồn tại. Tôi đã tìm kiếm trong ký ức nhưng vô vọng, đã đi khắp những con đường mòn, ngồi trên những mỏm đá, mà chẳng nhận ra bất cứ điều gì. Vậy là đến lượt tôi phải chết. June có lý, tôi phải tìm ra nơi để chết, nhưng tôi không hề muốn chết đuối. Tôi biết chuyện đó diễn ra như thế nào, chúng tôi đã từng dìm vài người xuống nước trong những lần tác chiến, tôi đã chứng kiến cả việc ấy. Làm vậy để bắt họ khai. Tôi là thư ký, tôi nhìn và ghi vào sổ mấy điều rời rạc. Những thân thể bị đẩy vào chậu nước, cổ tay và mắt cá chân bị cùm, những khuôn mặt co giật vì sợ, tiếng thở khò khè. Những tiếng la hét. Tôi nhìn, tôi viết. Họ luôn khai ra, những gã kia bảo là họ hót! Không, đuối nước không dành cho tôi. Thà trèo lên đỉnh vách đá và nhảy xuống còn hơn. Cú va chạm với mặt biển cứng và đen y như một tấm gang đúc. Thân thể tôi nát tan, bị những dòng nước cuốn đi, thân thể tôi xé vụn dưới đáy sâu. Bởi vậy tôi đã nhiều lần đến chỗ vách đá hướng về phía mặt trời mọc. Tôi rất thích ý tưởng được chết trong khi ngắm cảnh bình minh. Dường như với tôi điều đó logic, và hợp lẽ. Giống như chết vào đúng giữa trưa. Khi mặt trời dừng lại trên thiên đỉnh vài mi li giây, bất động, suy tưởng về tận thế, rồi uể oải đi xuống phía chân trời, trong trang phục hoàng hôn diêm dúa.

Dù không muốn nhưng hằng ngày tôi đều tới cuộc hẹn. Chẳng phải là trớ trêu sao? Cuộc hẹn với một cô bé con. Gọi là hẹn cũng được, vì chúng tôi không bao giờ nói gì, nhất là lời chào tạm biệt, không bao giờ hẹn gặp ngày mai, chẳng có gì định trước. Với cái vẻ tự tin kỳ cục của một đứa trẻ ở tuổi đó, chính cô bé đã quyết định: “Không cần phải nói lời hẹn gặp lại đâu, vì chẳng lẽ chúng ta cũng ở trên một hòn đảo, có thể trốn đi đâu được chứ?”

Chiều chiều, tôi ra chỗ con đê mang theo dụng cụ câu, tôi ngồi trên những tảng đá, giống một thứ bánh đường bằng bê tông có lỗ hà bám vào. Tôi chuẩn bị lưỡi câu. Tôi đã thuộc bài, và biết rõ cách xâu con

tôm từ đầu đến đuôi. Khi triều dâng, tôi quăng dây câu, và chờ đợi. Tôi đã luyện tập chút ít và giờ đã câu được cá, những con cá bống trắng, cá chào mào, và thi thoảng là một con cá thu đi lạc. Trên đê chỉ có mình tôi. Chỗ này không nhiều cá lắm, do là nơi những con phà qua lại. Tháng hoặc có một cặp du khách, cũng lạc đường, người đàn ông chụp ảnh cho người phụ nữ, hoặc có khi nhờ tôi chụp chung cho họ một tấm.

June đang ở đây. Cô bé đến lặng lẽ, như một con mèo. Cô bé ngồi trên những tảng đá bên cạnh tôi, và chúng tôi cứ ngồi như vậy một lúc lâu, chẳng nói năng gì. Nó cũng đã quyết định chúng tôi không bao giờ phải chào gặp gỡ, để thời gian cứ tiếp diễn không gián đoạn. Nó kể tiếp những gì đang nói ngày hôm trước, mà chưa nói xong. Hoặc bắt đầu một câu chuyện mới, với cô bé, thời gian không tồn tại, từ khi nó ra về vào ngày hôm trước cho đến giờ mới chỉ có một tiếng đồng hồ, nó chỉ sống trong hiện tại.

“Trong giấc mơ của cháu, có một con người lạ lùng ở dưới đáy biển, một cô gái to béo đang ngủ, một cô gái khổng lồ... Cô ấy ngủ dưới đáy biển và cháu bơi đến gần cô ấy, cháu nhận ra mắt cô ấy đang mở, đôi mắt to có màu xanh của cá chết, cô ấy nhìn cháu, còn cháu thì cố gắng thoát khỏi cô ấy, cháu bơi lùi lại, nhưng biển cứ đẩy cháu về phía cô ấy, cô ấy dang tay ra, thân hình bắt đầu động đậy, da cô ấy rung rung như lớp sừng đông cứng, sợ lắm...”

Chính những giấc mơ của cô bé nối liền ngày này với ngày khác. Cô bé chỉ sống vì những giấc mơ. “Ngài kể cho cháu nghe về những giấc mơ của ngài đi.” Nhưng tôi chẳng bao giờ ngủ mơ. Tôi chỉ có thể kể cho cô bé về người phụ nữ mà tôi yêu, người đã đi vào lòng biển, và không bao giờ xuất hiện trở lại nữa. Khi tôi quyết định kể cho cô bé nghe chuyện đó, nó kêu lên: “Cô ấy chính là người cháu đã nhìn thấy dưới đáy biển ấy!” Tôi đáp với giọng chua cay: “Nhưng người phụ nữ ta kể với cháu đâu có to béo, và mắt

cô ấy không xanh biếc.” June vẫn cố nài: “Không, đúng là cô ấy mà, cháu chắc chắn đấy, và nhất là cô ấy có thể đã thay đổi, mọi người đều thay đổi khi già đi mà!” Tôi không biết tại sao chuyện đó lại làm cô bé bối rối. June không chịu hài lòng với những vẻ bề ngoài. Cô bé có nếp nhăn giữa hai chân mày làm khuôn mặt tối đi, bỗng nhiên nó không còn dáng dấp của một đứa trẻ nữa. “Sao vậy, bé con? Tại sao lúc này cháu lại buồn thế?” Cô bé quay mặt đi để giấu những giọt nước mắt, nhưng tôi thấy đôi vai nó rung lên vì thổn thức. “Sao cháu lại khóc?” Tôi vòng tay quanh người cô bé, ôm nó vào lòng, cảm nhận thân hình nó, chạm vào hai bờ vai tròn của nó. Cô bé giơ tay lên, úp hai lòng bàn tay che lấy mặt. Cô bé nói: “Bởi vì ngài sắp chết, ngài sắp ra đi và cháu chỉ còn lại một mình ở đây với những người cháu ghét.” Tôi gắng nói với nó: “Nhưng cháu ở với mẹ mà, cháu không ghét mẹ.” Cô bé không nghe tôi nói. Nước mắt vẫn lăn chã rơi làm tóc dính bết vào miệng. Nó đặt năm tay lên mí mắt để ngăn nước mắt trào ra. “Ánh mắt ngài thật buồn, cô bé nói rành rọt. Ánh mắt ấy nói với cháu rằng ngài sẽ chết, hoặc sẽ đi thật xa.”

Đúng lúc ấy, tôi bỗng cảm thấy mình tươi mới, dường như tất cả những năm tháng tôi đã không sống đều được dung thứ, cuốn bay theo gió. Nhờ những giọt nước mắt của một cô bé mười ba tuổi. Tôi ôm June chặt hơn một chút, quên đi mình là ai, cô bé là ai, nó một đứa trẻ, còn tôi một ông già. Tôi siết chặt June đến nỗi xương cô bé kêu răng rắc. “Ái, ái!” Cô bé không kêu to, mà chỉ khẽ nói, và tôi hôn lên trán nó, gần mái tóc bù xù hoang dã, tôi hôn lên chỗ gần môi, để cảm nhận những lọn tóc ướt đẫm, để nếm những giọt nước mắt của cô bé, đó là chất rượu thần của tuổi xuân tôi.

Và thế đấy, tôi không yêu cầu mà bỗng nhiên hai chúng tôi bắt đầu nói về Chúa. Ngài Kyo, chắc chắn là không tin vào Chúa rồi. Ông thậm chí còn không muốn nhắc đến tên Chúa. Ông bảo: “Tại sao, chẳng lẽ lại có thứ gì chẳng? Tại sao, chẳng lẽ tất cả những thứ này, trái đất, động vật và con người, biển cả, như vậy vẫn chưa đủ hay sao?”

Tôi chẳng biết trả lời thế nào, tôi không biết gì về cuộc sống. “Nhưng ngài không cảm thấy bên trong mình có cái gì đó khác ư? Còn cháu thì thấy, nó là một cục tròn nhỏ, ấm nóng ở bên trong cháu, ở đây, phía trên rốn, ngài không cảm thấy sao?” Trước khi ông kịp cười nhạo, tôi đã cầm lấy tay ông và đặt nó lên bụng mình, đúng vào chỗ ấy. “Ngài hãy nhắm mắt lại. Hãy nhắm mắt lại và ngài sẽ cảm nhận được cục nóng đó.” Ông đã làm như vậy, ông nhắm mắt ngồi yên, và tôi cảm thấy hơi ấm đi từ bụng mình đến lòng bàn tay ông, rồi quay trở lại. Tôi vô cùng chắc chắn là ông sẽ thấy được Chúa. Tôi vô cùng hạnh phúc khi ông không còn niềm ưu uất, nỗi tuyệt vọng. Tôi vô cùng tự hào vì đã tặng ông món quà ấy. Bây giờ thì ông không thể quên nó được nữa. Ngay cả khi chúng tôi có trở thành những người xa lạ với nhau, thì ông cũng sẽ nhớ mãi khoảnh khắc này, khi lối đi ấy đã mở ra tới chỗ ông, đi đến tận trái tim ông.

Ông đã xúc động, tôi nghĩ vậy. Ông rút tay về, nhưng không nắm lại, ông đặt tay lên đùi như thể bàn tay ấy vẫn đang chứa đựng hơi ấm từ bụng tôi.

“June này, ta chỉ tin vào những gì mình nhìn thấy, ta là như vậy đấy.” Ông vẫn mang bộ mặt u tối, đôi mắt vô hình. “Có lẽ ta đã quá già để thay đổi rồi.” Tôi lại cầm lấy bàn tay ông, chỉ để siết chặt nó trong tay mình. “Nhưng ngài đã cảm thấy, đúng không? Ngài đã cảm

nhận thấy điều đó trong mình phải không?” Ông không trả lời. Ông không thể nói ra.

“Ta cảm thấy những gì bên trong cháu, nhưng ta không tin vào điều gì khác ngoài cháu, June ạ. Ta nói với cháu rồi, ta đã già và chai sạn, đừng cố bắt ta phải nói ra điều ta không thể nói.” Ông tiếp lời, giọng nhỏ nhẹ, từng từ một. “Nhưng còn cháu... Cháu là một cô bé tốt... Cháu chân thật... Ta tin những gì cháu nói... Ta tin cháu biết những điều ấy... Cháu đã được chọn, đúng vậy, được chọn cho những điều ấy.” Ông ở rất gần tôi, gần hơn bất cứ người nào hết, thậm chí là mẹ tôi hay mục sư David. Như thể ở ngưỡng cửa, chỉ cần một bước nữa thôi. Nhưng đúng lúc ấy, tôi biết ông sẽ không làm thế, ông sẽ không bước qua cánh cửa. Ông đã nói ra điều đó: “Ta ở phía xấu xa của thế giới, June ạ. Ta sẽ chẳng bao giờ đứng cùng phía với cháu.”

Tôi nói nhỏ mà không nhìn ông. Có lẽ là để ông hiểu, hay có lẽ để tôi nhớ kỹ hơn. “Cháu chưa kể chuyện này với ai, không ai khác ngoài ngài. Nhưng ngài không bao giờ được nhắc lại chuyện này, cũng không được chế giễu cháu, ngài hứa chứ?” Ông gật đầu. Có lẽ ông nghĩ rằng tôi sẽ kể cho ông nghe những câu chuyện nhỏ ngọt ngào mà bọn trẻ con đôi khi bịa ra để dỗ dành người già.

“Chuyện này xảy ra trong nhà thờ, sau khi hát xong, cháu ở lại một mình, mọi người đã về hết, cả mẹ cháu cũng vậy. Cháu đã hát trong đội hợp xướng, và cháu ngồi trên ghế của mình, cháu lạnh, cháu cảm thấy cô đơn và buồn, và rồi lúc sau, ở đây, trong bụng mình, cháu cảm thấy hơi ấm nóng dần lên, nó chạy trong cơ thể cháu, cháu cảm nhận được cục nóng đó, cháu thấy mình đang trôi, cháu nhắm mắt và cảm thấy hơi nóng ấy tận sâu trong mình, rồi cháu không còn sợ nữa, cháu không còn cô đơn nữa, có một tiếng nói phát ra bên trong cháu, trong tâm trí cháu, nó chỉ nói toàn những gì cháu hiểu được, không phải là những từ ngữ thông thường, đó là tiếng nói chỉ dành riêng cho cháu, cho một mình cháu.”

Tôi nhắm mắt, và dường như tôi vẫn nghe thấy tiếng nói ấy, ở đó, bên bờ biển. Đó là một giọng nói không trầm không bổng, một giọng lao xao, vo ve. Tôi những muốn Ngài Kyo nghe thấy tiếng nói ấy, nếu nghe thấy nó, chắc ông sẽ không bao giờ còn như trước nữa. Liệu ông có nghe thấy không? Phải chăng là tôi đang nói? Tôi đặt tay ông lên bụng mình, bàn tay to và khỏe của ông, và giọng nói ấy chắc sẽ đi qua những ngón tay dài, qua lòng bàn tay mở ra, bàn tay ông hẳn có nghe thấy giọng nói đang thì thầm những lời rung động, những lời chậm rãi và nặng trĩu, những lời sẽ không chấm dứt. Ông là người duy nhất biết bí mật của tôi, tôi chưa từng nói chuyện này với mẹ hay bất cứ ai, chưa từng kể với mục sư. Nhưng còn ông, Ngài Kyo, ông đang đứng bên bờ, chỉ cần bước một bước nữa thôi là mọi thứ sẽ thay đổi. Có một lát, tôi thấy dường như ông đã nghe thấy tôi, rồi ông rút tay lại, và nhích ra xa. Ông sợ những gì thiên hạ sẽ nghĩ nếu họ nhìn thấy chúng tôi, bàn tay ông đặt trên bụng một cô bé mười ba tuổi. Ông đã tránh ra, mặt tối sầm, đôi mắt không ánh sáng. Ông bảo: “Ta không thể, June ạ. Ta không phải là người tốt. Ta không thể là người mà cháu mong đợi, ta chỉ là một người như bao người khác.” Ông đã lùi lại, lưng dựa vào một mỏm đá. Ánh hoàng hôn như một đám sương mù giăng xuống mặt ông. Vào ban đêm, con người ta không còn là chính mình, điều đó tôi đã hiểu ra từ lâu, khi cái gã ấy đến ở nhà chúng tôi, và mẹ tôi cùng gã thì thầm những lời ngọt ngào. “Rồi cháu sẽ sống cuộc đời của cháu, cháu sẽ rời khỏi đảo này và đi ra thế giới. Cháu sẽ quên ta, sẽ quên tất cả, cháu sẽ trở thành một người khác, June ạ.” Những lời ông nói khiến tôi rất đau lòng. Những lời ấy đâm xuyên qua người và cắm sâu vào tim tôi. Tại sao ông không lắng nghe tôi? “Tại sao ngài không tin cháu? Cháu...” Nhưng nước mắt ngăn tôi thốt nên lời. Ông nhào tới định ôm tôi vào vòng tay, nhưng tôi không muốn nữa. Không bao giờ muốn nữa. Tôi không cần sự âu yếm của ông. Tôi không phải là con bé đã làm hỏng mất đồ chơi, tôi không phải là người phụ nữ si tình bị người ta bỏ rơi. Muốn vậy, ông chỉ cần tới gặp cô dượng sĩ của ông. Đây là chuyện khác, thế mà ông đã không hiểu gì hết. Tôi bỏ chạy,

hướng về phía nhà mình. Tôi chạy ngược sườn dốc lên mạn cao của đảo, tôi muốn hét lên: “Cháu ghét ngài!” Tôi muốn chết. Lũ chó sủa trong những ngôi nhà, trời đã tối, đèn đã tắt, vài chiếc xe hơi từ từ lướt qua.

Chúng tôi đã có một đêm bên nhau. Đừng nghĩ rằng chúng tôi là tình nhân rồi mọi chuyện. Tranh thủ lúc mẹ đang bận bịu với gã bồ, tôi nhảy qua cửa sổ và chạy băng qua những cánh đồng đến tận bờ biển, nơi Ngài Kyo dựng chiếc lều quân dụng nhỏ. Khi trời không có gió, và biển lặng, ông tới ngủ ở đó, để nghe tiếng sóng vỗ. Ông không biết là tôi sẽ đến, nhưng không có vẻ ngạc nhiên khi tôi dừng chân trước cửa lều. Tôi không biết ông có uống gì không, nhưng ông có vẻ vui, ông mỉm cười. “Vào đi, ông nói, cháu không muốn đứng mãi ngoài đó đấy chứ?” Bên trong lều rất nhỏ, với một cái mái thấp tè. Các mặt lều đính những loại túi may bằng vải chống muối. Khi ngồi xuống đất, không khí nhẹ nhàng lưu thông, và ta nghe được mọi âm thanh của biển. Mái lều đung đưa trong gió. Đêm nay, trời có trăng và nhiều sao, một ánh sáng mờ êm dịu chiếu vào bên trong lều. Thật dễ chịu, tôi không muốn nói chuyện. Chúng tôi ngồi yên, với cửa lều mở khe va đập trong gió, lắng nghe và nhìn ngắm. Tôi nghe tiếng tim mình đập trong lồng ngực, chậm, thật chậm. Tôi cũng nghe thấy cả tiếng thở của ông, lướt qua thật sâu, ra vào chuyển động như những con sóng. Thật dễ chịu, tôi không muốn động đậy. Tôi muốn cứ thế này mãi, cho tới sáng. Để lắng nghe và cảm nhận đêm tối, biển cả, gió, mùi của cát và tảo biển, tiếng nhịp tim tôi và hơi thở của Ngài Kyo, cho đến cuối, đến sáng mai. Tôi không muốn ngủ. Có lúc, Ngài Kyo đi ra ngoài, bước về phía những đụn cát. Tôi nghĩ ông đi tiểu ở nhà vệ sinh công cộng. Rồi ông trở lại, mang khuôn mặt ướt đẫm nước biển. Đến lượt tôi đi ra tận bờ, tôi cởi giày và lội xuống biển, còn ông ở bên tôi. Tôi còn đang ngập ngừng thì ông đã bế tôi lên và cùng tôi bước đi trong biển. Tôi cảm nhận nước biển đang ấm lên trong ống quần, dưới lớp áo thun của

mình. Ông lội nước đến ngang người. Bãi biển nhộn nhọt dưới ánh trăng, nhưng dưới nước có rất nhiều con cá trong suốt đang lượn quanh chúng tôi.

Khi trở lại lều, tôi run lên vì lạnh. Ngài Kyo đã giúp tôi cởi quần áo, rồi chà xát khắp người để sưởi ấm cho tôi. Tôi nhớ đôi tay to lớn của ông xoa trên lưng, trên vai tôi. Một lúc sau, tôi buồn ngủ, tôi cuộn mình trong chiếc khăn tắm và nằm sát bên ông, hai tay choàng qua người ông. Tôi không ngủ, nhưng cứ nằm yên như vậy, mắt mở to, không chờ đợi. Nhiều giờ trôi qua, trăng đã lặn sau những đám mây, nước biển dâng lên gần cửa lều đến mức tôi cảm nhận được mùi của nó. Tôi chưa từng trải qua điều gì như vậy. Tôi đã quay về một thời gian khác, thời bố mẹ tôi yêu nhau. Được bế trong vòng tay người đàn ông này, tôi nhẹ lướt vào thời gian ấy. Có lúc, không hiểu vì sao, tôi quay mặt về phía ông. Ngài Kyo cúi xuống tôi, khuôn mặt u tối không thấy rõ. Nhưng đôi mắt ông sáng rực, đôi mắt ấy nhìn tôi, nghiêng ngấu tôi. Tôi đã rùng mình, vì sợ hay vì tức giận, tôi cũng không biết nữa, nhưng ông giữ chặt tôi trong tay, và tôi giấu mặt đi để không nhìn thấy ông nữa. Thế rồi, sáng ra, tôi vội vàng mặc quần áo và chạy một mạch qua những cánh đồng chìm trong sương mù.

Ngài Kyo đã già rồi. Ông cần tôi. Tôi quyết định kể từ hôm nay, ông sẽ là người đàn ông của đời tôi. Tôi biết các người sẽ nói gì. Khoảng cách đến như thế về tuổi tác giữa ông và tôi khiến ý tưởng này trở nên ngớ ngẩn, điên rồ và bất khả. Đúng là như vậy, đúng là có sự chênh lệch ấy, chính xác là bốn mươi lăm tuổi. Nhưng khi tôi nói ông sẽ là người đàn ông của đời tôi, tôi không có ý là mãi mãi. Có điều gì tồn tại mãi mãi được không? Ngay cả cây cối cũng không tồn tại mãi được. Ngay cả những vì sao. Thầy giáo khoa học của chúng tôi đã nói như vậy: “Những ngôi sao mà các em nhìn thấy trên trời ở xa đến mức một số ngôi đã chết mà ánh sáng chúng phát ra vẫn tiếp tục đi tới trái đất trong hàng triệu năm nữa.” Tôi thừa biết Ngài Kyo rồi sẽ chết. Một

hôm, trong khi đang ngắm biển và những con sóng, ông đã thổ lộ với tôi điều này: “June à, cháu không nên yêu ta, bởi vì ta là một người chết đang hưởng án treo.” Thấy tôi có vẻ không hiểu, ông nói thêm: “Ta đã chết từ lâu rồi, ta đã gây ra một chuyện khủng khiếp, và không thể sửa chữa được. Mọi thứ ta nhìn thấy đều nói với ta về cái chết, cháu có hiểu không?” Tôi đáp: “Cháu không biết tại sao ngài lại nói như vậy, sự sống là một quà tặng cơ mà.” Ông nói: “Hãy nhìn biển mà xem. Nó dường như đang sống, nó di chuyển, chứa đầy tôm cá và sò ốc, mẹ cháu là một người đàn bà của biển, hằng ngày bà mò lặn dưới đó để cháu không phải chết đói. Nhưng biển cũng là một vực thẳm nơi mọi thứ biến mất, nơi mọi thứ bị lãng quên. Bởi vậy ta thường ra bờ biển mỗi ngày, để ngắm biển, để không quên, để biết rằng ta phải chết và biến mất.” Tôi ghi nhớ lời ông nói. Đó là những bài học thật nhất mà tôi từng được nghe. Không ai nói điều này ở trường hay nhà thờ cả. Người lớn không ngừng kể những điều dối trá. Họ cả quyết như đinh đóng cột điều mình nói, nhưng họ nói dối, họ chẳng biết gì. Ngài Kyo là người nói thật. Ông không tìm cách tô vẽ cuộc sống. Ông không ngọt ngào. Ông đắng và mạnh như cà phê. Giờ đây tôi mang vị cà phê trong miệng, vị đắng ấy, và tôi không thể sống thiếu nó. Chính Ngài Kyo đã ban tặng nó cho tôi, vào cái đêm tôi nằm nép vào người ông dưới mái lều. Bây giờ, khi tan học, tôi không còn đi cùng với bọn trẻ vào tiệm tạp hóa mua kẹo mút hay kem que. Tôi tới quán cà phê-pizza của một anh chàng đồng tính, như người ta đồn, nhưng tôi thân kệ, anh ấy là người tử tế và phục vụ tôi một tách cà phê đen mà không hỏi han gì. Khi tôi kể chuyện này với Ngài Kyo, ông mỉm cười: “Đồ uống đó không dành cho trẻ con!” Tôi đáp lại cộc cằn: “Nhưng cháu có còn là trẻ con nữa đâu!” Tôi không nói cho ông biết quyết định của mình, rằng ông sẽ là người đàn ông của đời tôi. Tôi không muốn đột ngột hấp tấp vì ông dễ phát hoảng. Có thể thực ra ông là người rụt rè, có thể ông sợ người đời đàm tiếu. Không, tôi không nghĩ vậy. Ngài Kyo thờ ơ với chuyện ngồi lê đôi mách, với điều đồn thổi, với mọi lời độc mồm độc miệng. Ông quả cảm. Và chẳng, ông từng là lính. Ông

không kể với tôi như vậy, nhưng tôi hơi ngờ chuyện đó. Cách ông đi, đứng. Luôn thẳng băng, cả ánh mắt cũng vậy, cái cách ông đột ngột nhìn ta chăm chăm, không chớp mắt như thể muốn đọc suy nghĩ của ta, hay cân nhắc trong đầu ý nghĩa lời nói của ta. Cho nên mọi người sợ ông, họ dè chừng. Bố tôi cũng là lính, mẹ không muốn kể nhưng tôi tin chắc như vậy. Bố là lính, bố gặp mẹ rồi họ yêu nhau. Bố không bỏ tôi, không đâu, ông không thể làm việc đó được, có chuyện gì đó đã xảy ra với ông rồi ông chết, và thỉnh lạng bao phủ lên ông.

Người duy nhất Ngài Kyo giao du là cô dược sĩ, như tôi đã nói, cô ta thuộc loại đàn bà thích ăn tươi nuốt sống đàn ông và bắt họ làm nô lệ, nhưng cô ta không thể làm thế với Ngài Kyo vì tôi đã quyết định ông thuộc về tôi.

Chắc chắn cô dược sĩ có lợi thế (nhất là nếu ông cần đến thuốc men) nhưng cô ta không thể chăm lo cho Ngài Kyo tốt như tôi được. Và chẳng, trước đó, vào một chiều mưa, chúng tôi trú trong lều, trên bãi biển vắng bóng du khách. Ông buồn và ủ rũ quá nên tôi bắt đầu xoa bóp cho ông, mà không cần xin phép. Tôi biết cách xoa bóp. Hồi nhỏ, tôi đã tập xoa bóp cho mẹ. Buổi tối, khi đi biển về, mẹ đau ê ẩm khắp người, mẹ nằm duỗi dài và bảo: “Con làm đi, càng mạnh càng tốt, chỗ này, này và này.” Ngài Kyo bị bất ngờ nhưng để mặc tôi làm. Ông cởi chiếc áo vest đen ra, và tôi xoa bóp lưng ông qua lần áo sơ mi. Tôi quỳ bên trên người ông và đưa ngón tay dọc theo các bắp thịt, hai bên cột sống, trên gáy, tới tận chân tóc ông. Chúng tôi trú trong lều, bóng tối dần buông. Tôi cho rằng Ngài Kyo đã ngủ thiếp đi, vì ông đã nằm nghiêng người trên cát, và tôi cảm thấy hơi thở của ông trở nên êm ả hơn. Tôi nghĩ khi xoa bóp cổ và đầu tôi đã có thể lôi ra những suy nghĩ u tối, chết chóc trong ông, nắm bắt chúng trong tay, rồi chúng đã bị gió cuốn đi và tan vào biển. Trời đã tối hẳn, một đám sương mù màu trắng chia cắt bầu trời, ánh nắng vẫn còn kéo một vệt lớn phía chân trời. Qua cửa lều, tôi ngắm biển và trời rồi thầm nghĩ mình có thể ở bên Ngài Kyo mãi mãi, ban đầu làm con gái ông, rồi mai này khi lớn

lên có thể thành vợ ông. Ý nghĩ ấy làm tôi vừa lòng dù tôi không thể thổ lộ với ông ngay. Tôi tưởng tượng sẽ đánh thức Ngài Kyo và cho ông hay: “Cháu quyết định mai sau sẽ lấy ngài đấy.” Tôi mỉm cười với ý nghĩ ấy, mọi chuyện thành rõ ràng, tôi đã mất thời gian mới hiểu ra. Tôi tiếp tục xoa bóp, nhưng nhẹ nhàng hơn, để ông không tỉnh giấc.

Nhưng chuyện không diễn ra đúng như vậy. Khi thấy trời tối, Ngài Kyo đứng dậy, khoác áo vest và đội mũ, ông kéo tay tôi để băng gấp qua cánh đồng về làng. Ông dắt tôi tới trước cửa nhà rồi bỏ đi, và tôi giận dữ vì tin chắc ông sẽ không quay lại khách sạn mà đi gặp cô ả dục sĩ. Đã thế, khi tôi vào nhà, Brown, gã bồ của mẹ, còn hỏi: “Mày chui rúc ở đâu?” như thể gã có quyền tra vấn tôi. Gã muốn ra vẻ quan trọng vì mẹ đang tới, mẹ vừa bước ra khỏi phòng ngủ, có vẻ giận dữ, mẹ lớn tiếng, tôi cũng hét lên nói rằng sẽ làm theo ý mình, mẹ đã tát tôi, đó là lần đầu tiên. Tôi xấu hổ tột cùng khi mẹ tát tôi trước mặt gã khốn ấy, tôi đi vào phòng nằm, tôi cuộn tròn trong chăn. Má tôi bỏng rát nhưng tôi đã quyết sẽ không bao giờ khóc nữa. Tôi ghét mẹ, tôi hận gã bồ hay tỏ vẻ quan trọng của mẹ, khi mẹ đi vắng gã nhìn ngực tôi không biết ngượng.

Rồi tôi trèo cửa sổ ra ngoài và bước đi trong đêm tối. Lúc qua trước phòng ngủ, tôi nghe thấy tiếng mẹ nói và giọng của gã khốn kia, rồi tiếng khóc nức nở, toàn diễn trò. Gã hẳn đang ra sức an ủi mẹ, vuốt tóc, rồi sau đó tôi biết mọi chuyện kết thúc như thế nào, đứng ra tôi những mong mình đừng biết thì hơn, những tiếng thở dài rồi tiếng “à hà hà” rồi “hừm” - chính gã tạo ra thứ âm thanh đó bằng mũi, như thể gã dùng tay bịt để hỉ mũi. Từ lúc gã tới ở nhà chúng tôi, tôi có thói quen đi dạo vào ban đêm mà mẹ không hay biết. Tôi đi theo lối mòn nhỏ qua ruộng khoai, không bao giờ ra đường lớn vì ở đó có thể gặp những gã say, hay viên cảnh sát đi tuần. Tôi ra tới biển. Đêm đó không trăng, bầu trời lúc ẩn lúc hiện sau những đám mây. Tôi ngồi ngắm sao trong một hốc đá, gần nơi những người đàn bà của biển thay đồ. Tôi còn tìm được một bãi sỏi cát đen, và đào một hố nhỏ để tránh gió. Tôi

ngắm trời, nghe biển. Sau vụ to tiếng với mẹ, tim tôi đập thình thịch. Tôi đợi bầu trời làm mình tĩnh tâm như mọi lần. Nhưng việc này tốn nhiều thời gian. Tôi dõi mắt theo những vì sao, chúng trượt ra đằng sau, mặt đất sa xuống. Tôi thấy chóng mặt. Tôi nghĩ rằng cả mình nữa, đêm nay mình có thể chết, thủy triều sẽ nuốt gọn xác mình, mọi người sẽ không tìm thấy gì của mình, thậm chí một chiếc giày cũng không!

Tôi nghĩ đến người đàn bà mà Ngài Kyo nói tới, người mà ông tới đây tìm kiếm. Hình như chính cô ấy đang gọi tôi, sâu thẳm trong giấc mơ. Cô muốn tôi đến gặp cô dưới biển. Tôi nghĩ tới đôi mắt mở trừng trừng của cô gái to béo trắng toát, tới ánh mắt của cô. Tôi cảm thấy rùng mình, thấy một hơi thở lạnh lẽo, thấy thần Chết lướt qua. Tôi chưa từng cảm thấy điều này trước đây. Tôi không cử động nổi nữa, tôi bị hàng ngàn sợi dây, sợi tảo, sợi thừng tết bằng tóc cột chặt xuống bãi cát giống như Gulliver. Tôi nghe thấy tim mình đập, thấy người sờn gai ốc từ chân tới đầu. “Ngài, ngài ơi, sao ngài không ở đây?... Sao không trả lời cháu? Cháu xin ngài...” Tôi rên rỉ, tôi mong ông sẽ nghe thấy, ông sẽ xuất hiện giữa những mỏm đá, mặc bộ trang phục đen bất di bất dịch.

Bầu trời bị che phủ, mưa khê rơi, tôi cảm thấy những giọt nước lạnh băng chảy trên tóc rồi thấm đẫm gáy tôi. Từ biển dâng lên một màn sương mù dày đặc mà những ánh đèn trên tàu câu mực chỉ lơ mờ rọi qua. Tôi nghe thấy giọng nói của những ngư dân trên mặt nước, một chiếc đài lạo xạo tiếng nhạc. Có thứ gì đó đang ngấm vào người tôi qua cát, qua nước mưa, qua biển, thứ gì đó tối tăm và buồn bã xâm lấn trái tim và chiếm lĩnh mọi góc ngách tâm trí tôi, tôi không rõ đó là gì, thứ gì đó thuộc về một người khác, một người đàn bà khác, một cái bóng, một hơi thở, một màn sương. “Cháu cầu xin ngài... cháu cầu xin ngài.” Tôi rên rỉ, tôi xoay trở trên cát để thoát khỏi cái bóng ấy. Giờ đây tôi nhớ lại, có lúc mình đã kêu lên. Trong đêm tối, tiếng kêu của loài vật, tiếng kêu của bò! “Oooooo, oooooo!” Nó giống y chang

chuyện tôi kể về người hóa bò lang thang đêm đêm trên trắng đất. Lũ chó rè rè giọng sủa đáp lời tôi, cả chúng cũng sợ. Tôi kêu lên, rồi lịm đi. Sớm hôm sau, chính bà lão Kando tìm thấy tôi. Hình như tôi lạnh toát và trắng nhợt nên bà định ninh tôi chết trôi dạt vào bờ. Bà cho tôi uống rượu khoai của bà, chà xát hai gan bàn tay và má tôi cho tới lúc tôi mở được mắt. Bà nói chuyện với tôi, nhưng tôi không hiểu được thổ ngữ, nhất là bà còn khuyết răng cửa nữa. Những người đàn bà khác của biển lần lượt tới, mang theo xe đẩy và đồ bơi. Tôi nghĩ họ đang tính cho tôi ngồi vào một chiếc xe đẩy về làng, nhưng tôi đã tỉnh lại và bảo rằng mình ổn, rồi loạng choạng đi về. Trên đường đi, mẹ đã được tin, mẹ ôm choàng lấy tôi, nhưng tôi cao lớn hơn nên hai mẹ con âu yếm ôm chặt lấy nhau cùng đi về nhà. Gã khốn đã bỏ đi, gã nên làm thế thì hơn. Tôi ngủ cả sáng, buổi chiều Ngài Kyo tới. Đây là lần đầu ông tới nhà. Ông mặc bộ com lê đen, còn mẹ tôi cung kính tiếp ông, như thể ông là một thầy giáo hay thanh tra. Ông còn để lại danh thiếp, mẹ đặt trên bàn, sau đó tôi đọc được, thật lạ, nó dường như là tên của một người khác:

PHILIP KYO

Nhà văn - nhà báo

Tôi thầm nghĩ sau này có thể dùng nó để trêu ông, hoặc để chơi trò dịch chuyển, đến lượt ngài đến lượt cháu.

Mẹ trang trọng mang trà và bánh quy ra, ông nhấp môi uống trà nhưng không đụng tới bánh. Ông trầm mặc và lịch sự như thường lệ. Ông hỏi mẹ về việc lặn bắt bào ngư, liệu ông có thực sự quan tâm tới việc này hay chỉ làm ra vẻ thế? Tôi thích thú khi người lớn bối rối, khi họ không biết nói gì. Bởi tôi biết rõ mẹ muốn hỏi ông điều gì. Ý định của ông thế nào, ông muốn làm gì với tôi, liệu ông có chăm lo cho tương lai của tôi không? v.v., mọi thứ mà người mẹ thường đòi hỏi cho đứa con gái, còn ông không muốn trả lời, dù sao chắc ông cũng không

biết nói gì, bởi ông vẫn chưa biết chúng tôi sẽ ở bên nhau cả đời, và dĩ nhiên ông không là cha tôi, nhưng lại quá già để làm chồng tôi.

Dù gì, mẹ vẫn hỏi xem ông ở đảo tới khi nào, ông lạnh lùng trả lời: “Không lâu nữa. Tôi cảm thấy mình sẽ không ở đây lâu được.” Ông dừng dừng nói những lời đó, và tựa như hàng ngàn nhát dao đâm vào tim tôi, tôi nghĩ mình đã tái mặt đi, tôi đứng dậy rồi chạy vào phòng lẫn trốn, tôi xấu hổ vì sự yếu đuối, hèn nhát của bản thân. Cùng lúc đó còn là sự phản bội, bởi vì mới đây thôi Ngài Kyo còn nói với tôi là muốn được chết ở đây, nhưng tất cả đã bị quên lãng, hoặc đó chỉ là lời nói suông. Nhưng tôi không muốn ông thấy tôi xúc động, tôi vốn ghét thể hiện cảm xúc của bản thân, nhất là những cảm xúc yếu đuối và hèn nhát. Mẹ ngồi nói chuyện với Ngài Kyo một hồi, tôi tưởng tượng mẹ xin ông thứ lỗi cho tôi, nói rằng tôi rất mệt, và mong ông đừng phật ý. Rồi mẹ mở cửa phòng tôi và bảo: “Thầy giáo sắp về, con không chào thầy à?” Với mẹ, cứ người già và thanh lịch thì đều là giáo viên. Tôi không đáp lời, nhưng trước khi về, Ngài Kyo có nói: “Không việc gì đâu, chị đừng làm phiền cháu.” Như thế mọi sự chỉ là chuyện xã giao. Mẹ tiễn ông ra cổng, tôi nghe giọng mẹ vui vẻ nhưng lạc điệu: “Xin cảm ơn thầy, cảm ơn, chào thầy ạ.” Còn tôi nghĩ ông đã cho mẹ tiền nên mẹ mới cảm ơn bằng cái giọng khúm núm kỳ cục như thế, lạnh lớt hơn bình thường, không hề giống giọng mẹ lúc mẹ tát tôi.

Ngay lúc ấy, tôi không nói gì, nhưng sau một hồi tôi nhìn thẳng vào mắt mẹ. “Ông ấy cho mẹ tiền phải không?” Thay vì trả lời, mẹ làm bộ hiền từ: “Chúng ta thật là may, Chúa đã nghe thấy lời cầu nguyện của mẹ con mình và phái thầy giáo tới giúp con.”

Tôi hiểu mẹ ám chỉ bài giảng đạo của mục sư David. Chủ nhật vừa rồi ông có kể câu chuyện về chiến tranh, khi không còn gì để ăn, nhưng người ta phải tổ chức một ngày lễ hay một đám cưới gì đó, tôi không rõ nữa, người dân cầu nguyện, rồi đột ngột có người gõ cửa nhà thờ, đó là nhà hàng gà quay gửi tới năm mươi suất ăn hộp, có thịt gà

và khoai tây chiên, thậm chí cả tương ớt và Coca, mọi người được ăn uống thỏa thích, và người ta còn cho cả ăn mày những phần thừa nữa.

Tôi hỏi mẹ: “Ông ấy cho mẹ bao nhiêu?” Mẹ vẫn không trả lời, nhưng bảo tôi phải nghe lời khuyên của ông và phải đến trường rồi sau đó học đại học để có địa vị cao. “Nhưng nếu con muốn làm người lặn bắt bào ngư thì sao?” Tôi chực gào lên, nhưng mẹ không chịu tranh cãi. Tôi giận tới mức nghĩ rằng sẽ không bao giờ gặp lại cái Ngài ấy nữa.

Bóng đêm tràn ngập đảo. Tối tối, hết vũng này tới vũng khác, hết vết nứt này tới vết nứt khác. Bóng đêm từ biển ra, lạnh và âm u, hòa trộn vào sự sống ấm áp. Với tôi dường như mọi sự đã đổi thay, mọi sự đều chất chứa bóng tối và hao mòn. Hằng ngày tôi ra bờ biển sau giờ học. Tôi không biết mình đang tìm kiếm điều gì. Dường như tôi không còn học được gì ở người lớn nữa. Tôi biết điều họ sắp nói ngay cả khi họ chưa mở miệng, tôi đọc được trong mắt họ. Lợi ích, chỉ có lợi ích mà thôi. Chuyện tiền nong, của cải, tình dục, những thứ người ta sở hữu.

Có một bí mật trong lòng biển, một bí mật mà có lẽ tôi không nên khám phá, nhưng mỗi ngày tôi lại tìm kiếm ráo riết hơn. Tôi thấy dấu vết, trong những hốc đá đen, trên cát, tôi nghe thấy những giọng nói lẩm bẩm. Tôi bịt tai lại để không nghe thấy nữa, nhưng tiếng thì thâm nhập vào tôi, choán đầy trí óc. Những giọng nói ấy bảo: hãy tới đây, hãy trở lại đây với chúng ta, lại đây với thế giới của người, từ giờ trở đi nó thuộc về người. Những giọng nói ấy lên tiếng, lặp lại không biết mệt, hết đợt này tới đợt khác: người còn đợi gì nữa? Chúng còn trò chuyện với gió. Ban đêm tôi không tài nào ngủ được. Tôi trèo qua cửa sổ, tôi dạo bước trên trăng đất. Mới đây thôi, chắc tôi sẽ sợ chết khiếp. Chỉ một cái bóng, chỉ một bụi cây nhỏ cũng có thể khiến tôi rùng mình. Nhưng giờ đây tôi chẳng còn sợ nữa. Một người khác đã nhập vào tôi. Một người khác đã được sinh ra trong thân xác tôi. Tôi không

biết đó là ai, không biết sự thể diễn ra thế nào. Từng chút, từng chút một mà tôi không hay biết. Những người khác không biết. Ở trường, Jo vẫn lảng nhục tôi, nhưng khi tôi nhìn nó thì nó lảng mắt đi chỗ khác. Qua gương tôi phát hiện ra một tia sáng màu xanh lục ở tròng đen mắt mình, một tia lạnh lẽo. Những điểm đen của đồng tử mắt tôi ngập trong một thứ nước lạnh băng. Màu nước biến mùa đông. Vì thế thằng Jo sợ ánh mắt tôi. Khi tôi soi gương, tim tôi bắt đầu đập nhanh và mạnh hơn, vì đó không phải đôi mắt *của tôi*.

Tôi cảm thấy mình già, cảm thấy mình nặng nề và xấu xí, tôi không chạy được như trước, không còn nhảy qua bờ ruộng được nữa. Thêm vào đó, tới kỳ kinh nguyệt, tôi có cảm giác chướng bụng. Tôi ngồi trong sân trường, trên ghế băng, dưới ánh nắng, và xem bọn con gái con trai chạy tán loạn, xô nhau nô đùa, tán tỉnh nhau trong góc sân. Giọng chúng lanh lảnh. Giọng ấy phát ra những tiếng kêu của loài vật. Còn tôi, giọng trở nên trầm, nó làm tôi rất cổ hợm. “Trò bị sao vậy? Trò ốm à?” Đó là thầy Andy, giám thị tôi rất quý, thầy cao và gầy, giống loài chim hay đậu lưng bò. Thầy đứng trước mặt tôi, thân hình mảnh khảnh chắn ánh mặt trời, cứ như một thân cây nhỏ. Tôi không biết nói gì. Tôi đáp với giọng khó chịu: “Thầy đừng che mắt nắng của em.”

Khi về nhà, sau giờ học, tôi không trò chuyện với ai. Mẹ nhìn tôi bằng ánh mắt lạ lùng, tôi không biết mẹ giận dữ hay lo lắng. Có thể mẹ sợ tôi thay đổi giới tính! Hình như Ngài Kyo đã tới nhà tôi hai lần. Ông có nói đến tương lai của tôi không? Tôi suýt đã hỏi: “Tháng này ông ấy cho mẹ bao nhiêu tiền?”

Những người duy nhất tôi còn tới thăm là những người đàn bà của biển. Đặc biệt là bà lão Kando. Tôi đi bộ ra tận chỗ túp lều, ngồi xuống nền xi măng ẩm ướt và tôi đợi họ nhô lên từ biển. Rốt cuộc, tôi cho rằng họ đã chấp nhận tôi, dù tôi là người ngoại quốc. Thịnh thoảng họ cho tôi lặn cùng. Tôi chui vào bộ đồ lặn cao su, hơi rộng

bụng và mông, nhưng vẫn ổn, tôi đeo đai lưng giắt chì, đeo mặt nạ che mắt và miệng, rồi trườn xuống nước lạnh. Ngay lập tức tôi có cảm giác bị dòng nước túm lấy, tôi trườn xuống đáy biển cùng các bà. Tôi dùng tay không gỡ sò ốc, sao biển, tôi bỏ chúng vào một túi lưới nhỏ. Thình lạng ép chặt tai tôi, một sự thình lạng êm mượt như nhung, đầy tiếng thì thầm. Tôi ngấm những dải tảo đen dập dờn, những tia sáng lấp lánh ánh bạc của những đàn cá. Tôi nghĩ tới Ngài Kyo ngồi hàng tiếng đồng hồ và chẳng câu được gì, thật buồn cười. Lẽ ra ông nên thử xem, tôi tưởng tượng ông đang lặn biển trong bộ com lê đen, với mũ lưỡi trai và đôi giày đánh xi! Tôi để sóng cuốn mình đi, tay dang ra, mắt mở to, bất động, nín thở. Tôi đã học được cách ở dưới nước quá một phút mà không phải ngoi lên, và khi nhô đầu khỏi nước, tôi ngửa cổ và bật ra tiếng kêu, đó là tiếng kêu của tôi, không người nào khác kêu tiếng kêu của tôi, eeeearh- yaaarh! Mấy bà già trêu tôi, họ bảo tôi rỗng như bò!

Tôi thôi học. Học để làm gì chứ? Tất cả việc ta làm ở trường là ngồi hàng giờ liền, giả vờ lắng nghe và ngủ mở mắt. Trẻ con, toàn là trẻ con thôi. Ngay cả Jo cùng mớ trò hề của nó, vẻ độc ác, mấy câu lăng nhục nhỏ mọn thâm hại của nó. Một hôm, nó ném đá vào người tôi lúc tan học. Tôi quay lại nhìn và nó hét lên: “Mày, con điếm, đi gặp lão người Mỹ của mày đi!” Tôi tiến về phía nó và nó sợ hãi, nó vốn cao hơn tôi hẳn một cái đầu, vốn khoái giật tóc và dúm đầu tôi xuống sát đất, nó sợ một đứa con gái cao chưa tới vai mình và nặng chỉ bằng một nửa. Nó lùi lại. Bộ mặt chó đáng ghét của nó tỏ vẻ sợ sệt. Lúc đó tôi hiểu ra rằng tôi không còn là tôi khi trước nữa. Giờ đây tôi mang khuôn mặt của Ngài Kyo, khuôn mặt lúc ông giận dữ, bất động, xám ngoét, lạnh băng, với đôi mắt như hai khe nước màu xanh lục, đôi mắt giống như thủy tinh được biển mài nhẵn. Tôi tiến về phía thẳng kia, và rồi cuộc nó bỏ chạy, chuồn mất ở chỗ đường rẽ ngoặt, chính hôm đó

tôi quyết định sẽ không trở lại trường nữa, và sẽ trở thành một người đàn bà của biển.

Tôi hãnh diện về quyết định này, nhất là việc có một diện mạo mới, thế nên tôi đi một mạch về nhà, nhưng mẹ không ở đó. Chỉ có gã bồ của mẹ, tôi nhìn gã bằng đôi mắt nước thủy tinh, nhưng gã ngà ngà say như mọi khi. Gã hỏi: “Mày về làm gì vào giữa trưa thế này? Lại trốn học hả?” Tôi đi qua trước mặt gã, thậm chí đẩy gã mà không thèm nói gì. Tôi thấy mình mạnh mẽ hơn gã, có thể tống gã trở lại chỗ của gã, trở lại công việc thảm hại của gã, trở lại quán rượu nơi gã chơi bài với lũ bạn say cùng hạng. Tôi đã vứt đồ dùng học tập lên giường, tôi đã thay y phục, tôi mặc quần áo mới, quần jean và áo phông đen, búi tóc rồi đi ra biển. Giờ đây tuổi thơ đã ở phía sau, tôi có thể lựa chọn đồ mình muốn mặc, đó là một bộ quần áo kiểu thành phố, trang trọng, có thể gọi là một bộ tang phục. Mọi người không nhận ra khi bắt gặp tôi, hẳn họ nghĩ tôi là một du khách muôn mắt của đợt nghỉ giữa mùa, một cô gái thủ đô, bị đuổi khỏi nhà giống như mẹ khi sinh tôi ra.

Tôi không nói gì với Ngài Kyo. Tôi gặp lại ông ở chỗ quen thuộc, trên bờ kè. Ông không mang đồ câu. Ông mặc trang phục mà tôi không thấy quen, áo gió vàng, quần vải cũ, nhưng vẫn giữ đôi giày đánh xi. Tôi cho rằng ông không đi bộ được bằng dép tông. Ông đang ngắm mọi người cập bến phà, hàng đoàn ô tô, xe máy. Nhìn thấy tôi, ông nhoẻn miệng cười, lần đầu tiên, một nụ cười rạng rỡ bừng sáng gương mặt.

“Ta không chắc là cháu sẽ đến, ông nói. Ta nghĩ cháu giận... Cháu không giận chứ?”

Tôi không đáp lời. Nhìn thấy ông, đột nhiên oán hận lại trào lên, tôi lợm giọng suýt nôn. Chúng tôi đi bộ một hồi dọc theo bờ biển, đến tận bãi cát tôi từng ở qua đêm.

“Sao ngài nói dối cháu?” cuối cùng tôi cũng cất lời. Nhưng tôi không biết ông đã nói dối ở chỗ nào. Tôi cảm thấy sự phản bội ở ông, tim tôi nhói đau.

Ngài Kyo đáp: “Ta không nói dối cháu. Nếu ta bảo rằng cháu xinh đẹp thì đó là sự thật.”

Ông không lắng nghe. Ông giễu tôi. Tôi có đòi ông dỗ ngọt đâu?

“Ngài nói dối, nói dối, cháu biết. Cháu từng mong ngài là bạn cháu, nhưng ngài đã lừa dối cháu.”

Đột nhiên, thay vì nói với tôi, ông bắt đầu chạy dọc bãi biển trên bờ cát rần đanh vì nước triều đã rút. Ông chạy, quay lại, rồi chạy nữa, thành những vòng tròn nhỏ như một chú cún con. Thật lỗ bịch, không chấp nhận được. “Ngài dừng lại, dừng lại đi!” Tôi vừa kêu vừa dang tay chặn ông lại, nhưng ông né tránh rồi vừa chạy vừa cười. Tôi mệt quá nên ngồi luôn xuống bãi biển, hay đúng ra là buông mình, quỳ trên cát, tay buông thõng. Thế là ông dừng bước, quỳ xuống đằng sau tôi và vòng tay ôm lấy tôi. “Sao cháu khóc, June?” Miệng ông áp sát tai tôi, tôi cảm nhận được hơi thở ấm nóng của ông phả qua tóc tôi. Không xa lắm, có mấy người đi bộ trên bờ cát, trông giống những chú chim. Một cặp vợ chồng lớn tuổi, lũ trẻ con. Giọng họ vọng tới chỗ tôi đã nhỏ đi, mơ hồ. Chắc họ nghĩ tôi là một cô con gái lớn đang để cha dỗ dành.

“Cháu không khóc,” tôi nói rành rọt. Tôi nhấn từng tiếng. “Cháu không khóc nữa, chỉ có trẻ con mới khóc.”

Ông nhìn tôi không hiểu. Hay có thể ông hiểu điều tôi muốn nói và hài lòng với thay đổi ấy. Ông ngồi xuống bên tôi trên bãi cát rồi bắt đầu chơi trò dịch chuyển, như buổi đầu gặp gỡ. Ông dịch một cành tảo khô, một viên cuội đen, một mẫu nút bần, rồi nhường tôi thắng như mọi bận, tôi đã đặt một mẫu xương chim trắng muốt và nhẵn bóng, chắc chắn ông đã dành cho tôi mẫu xương kia để tôi thắng. Trong giây lát, tôi cảm thấy được trở lại là một bé gái, một đứa trẻ, đôi chút bối rối, mau cười mau khóc.

Chúng tôi chạy cật lực trong gió dọc theo một mặt biển âm u màu xanh pha sắc trắng đục, trời đã trở lạnh, đông sẽ sớm về. Chúng tôi dừng lại trong một vụng cát, chính ông lại xoa bóp cho tôi, nhưng ông

không rành việc này, tay ông khỏe và cứng quá, có lẽ vì trong nghề lính khi xưa, phải siết thật chặt khẩu súng để súng khỏi tuột mất khi họ bắn. “Sao giờ cháu lại mặc đồ đen?” Ngài Kyo hỏi. Tôi trả lời không do dự: “Vì trời sắp sang đông rồi, vì ngài sắp đi và vì trời sẽ âm u lạnh giá trong lòng những đứa trẻ buồn bã.” Ông không biết đối đáp ra sao. Ông nằm nghiêng người trên cát, hơi tách ra. Ông bỏ mũ và tôi thấy ông cắt tóc rất ngắn, kiểu nhà binh.

Điều này khá kỳ lạ, bởi Ngài Kyo đang nhìn tôi và tôi cảm thấy một ai đó khác. Như thế lúc này đây có hai con người trong ông, một người điềm tĩnh và mạnh mẽ, tôi vốn biết rõ người này còn người kia thì khác biệt, khiến tôi sợ, chăm chăm nhìn tôi như đang nhìn qua lỗ của mặt nạ. Tôi rùng mình, lùi lại, còn ông nhích gần, đôi mắt xanh lục ánh lên tia sáng xa lạ.

“Sao ngài lại nhìn cháu?”

Ông không trả lời, tôi có cảm giác mình đang bơi giạt lùi, trôi nổi, như thể sắp ngất đi. Tim tôi đập thình thịch, tôi cảm thấy mồ hôi túa ra trên lưng, trên ngực.

“Tới lượt ta, ta sẽ kể cho cháu một câu chuyện, ông đáp. - Câu chuyện có thật không?” tôi hỏi. Ông ngẫm nghĩ: “Một câu chuyện trong mơ, nên nó có những điều chân thật hơn cả thực tế.”

Tôi chờ đợi. Trong chốc lát, tôi vẫn là một đứa bé không muốn lớn, nép vào một vầng ngực đàn ông to rộng để được bảo vệ khỏi trần thế và phong ba.

Đêm tối đại dương lảng vảng quanh chúng tôi, nhưng giọng Ngài Kyo nhẹ nhàng, giữ được bóng đêm quây thành vòng tròn, giống như màn sương mù bị gió ngăn chặn.

“Trong mơ, ta gặp một người đàn bà đẹp hết mức tưởng tượng. Không những đẹp, nàng còn có giọng hát thiên thần. Nàng đến từ trời cao hoặc biển sâu, nàng xuống hạ giới để hiểu về con người. Nàng đi

khắp các xứ sở, ca hát nơi nơi, trên phố, giữa quảng trường, trong vườn, và mọi người đều dừng chân để lắng nghe nàng. Hát trở thành nghề của nàng.

“Một hôm, nàng quen một người đàn ông. Người đó yêu nàng, nhưng không đủ để cưới nàng làm vợ và anh ta bỏ rơi nàng. Nàng buồn bã khôn nguôi, và quyết định sẽ không lưu lại thế gian lâu nữa.

“Rồi nàng gặp một người đàn ông khác, nhưng nàng không còn yêu được như lần đầu tiên. Để thử thách, nàng bảo anh ta thổ lộ tâm tình.

“Anh ta không muốn, anh sợ thổ lộ tâm tình rồi nàng sẽ phát hiện ra điều xấu xa ghê rợn trong đó.

“Nhưng một ngày, anh ta đã làm việc ấy. Anh say, hoặc giả anh đã quên mất mình là ai.

“Và khi anh ta thổ lộ tâm tình, người đàn bà thấy ghê sợ. Tâm hồn đó đen ngòm, bị sâu bọ đục khoét, nó đã chết.

“Thế là người đàn bà của biển không muốn hát nữa. Nàng im lặng ngồi ngắm biển, rồi một hôm, bão tới, gió rít còn sóng tung bọt lên tới vách đá.

“Người đàn ông đưa bạn tình về nhà trú bão, họ thao thức tới khuya, nhưng cuối cùng người đàn ông ngủ thiếp đi. Sáng hôm sau, khi thức giấc, anh thấy chỉ có mình anh ở nhà.

“Ngoài trời bão đã tan, anh gọi, gọi mãi nhưng không có tiếng trả lời.

“Bên bờ biển, anh thấy quần áo người tình được gấp cẩn thận. Anh chờ đợi cả ngày, cả đêm và ngày hôm sau nữa. Nhưng người đàn bà ấy đã không bao giờ trở lại.

“Nàng đã quay trở về biển khơi vô tận.

Một câu chuyện buồn, tôi nói. Đó có phải chuyện của ngài không?” Ngài Kyo không trả lời. “Đó chỉ là một giấc mơ thôi, cuối cùng ông cũng nói. Giấc mơ nào cũng buồn.

Ngài có tin là biển ăn thịt người không?” Tôi thậm chí không chắc câu mình hỏi có nghĩa hay không. Ngài Kyo ngậm ngừng rồi bảo: “Trước đây ta tin như thế. Bởi vậy ta mới tới đây để xác minh điều đó.

Thế bây giờ ngài đã biết chưa?

Chưa, Ngài Kyo đáp. Ta chẳng biết được gì. Nhưng ta cho rằng quên đi thì hơn. Ta cho rằng hồi ức không nên ngăn chúng ta sống.”

Tôi dường như không thể chịu nổi điều ông nói. Cổ họng tôi nghẹn lại, tôi thấy mồ hôi túa ra trên lưng, trên tóc. Tôi nghẹn ngào.

“Thế có nghĩa là...”

Tôi không nói nốt thành tiếng được

“Thế có nghĩa là ngài sẽ ra đi mãi mãi?”

Ngài Kyo khẽ mỉm cười mãn nguyện. “Ta không biết... Ta đã thấy thích sống ở đây.”

Ông cho là tôi hỏi xã giao, nhưng tôi căm ghét xã giao.

“Nếu ra đi, ta sẽ nhớ nhiều điều lắm. Sẽ nhớ cháu, June à. Không phải ngày nào một người đàn ông cũng gặp được người như cháu.” Ông nói thêm, khiến tôi càng tê tái: “Ai khác sẽ dạy ta câu cá đây?”

Ông đứng dậy, cất bước đi về phía làng. Ông không hề cứng nhắc và trịnh trọng nữa. Ông đút tay vào túi áo gió vàng. Có thể ông còn đang huýt sáo nữa. Ông hơi xoay người lại. “Sao, cháu có đi không?”

Tôi ngồi trên cát ẩm. Trời bắt đầu mưa. Tôi cảm thấy những giọt nước lạnh lác đác rơi xuống mặt. Một mùi hắc, nồng, bốc lên từ biển. Tôi nghẹn ngào trả lời: “Không, cháu nán lại chút nữa.” Ông không trả lời. Hoặc ông đã nhún vai, điệu bộ của người thực sự bất cần. Hoặc ông đã chào tạm biệt nhưng câu nói bị gió cuốn mất.

Tôi thích đàn bà. Tôi thích thân thể, làn da, mùi trên da, trên tóc họ. Suốt những năm tháng trong tù, lúc nào tôi cũng mơ về những thứ ấy. Tôi không thể tin rằng thế là hết, rằng nỗi hổ thẹn sẽ biến tôi thành kẻ bị ruồng bỏ, một gã đàn ông bị kết án sống không đàn bà. Đêm cưỡng bức ở Huế. Bọn lính lấy hết mọi thứ chúng tìm thấy, tượng thờ, bát đĩa, áo thêu, đồng hồ quả lắc, thậm chí cả những bức hình đen trắng đã cũ trong khung, những kinh sách gấp theo nếp. Hàng xấp giấy bạc, hàng túi xu đồng. Tôi bước vào nhà, một tư gia tư sản xây từ thời Pháp, trần cao, sân vuông có một bể nước thả hoa súng làm cảnh. Bọn lính vào trước tôi. Tôi không quen biết chúng. Tôi là một nhà báo tự do của United Press, đang săn ảnh. Tôi đã chụp được cảnh những tay lính thủy đánh bộ mang đi đài hay đồng hồ. Bọn lính không bận tâm tới tôi, thậm chí không thèm nhìn tôi. Chúng đang tìm thứ gì đó, không phải một đồ vật để cướp bóc, mà là một phụ nữ đang ẩn nấp trong nhà. Chúng tìm thấy cô trong gian phòng trống, hẳn là một phòng giặt cũ vì có chiếc bồn đá được gắn vào tường. Tôi đứng lại ở ngưỡng cửa, đợi cho mắt quen với bóng tối, và tôi nhìn thấy cô. Cô ngồi xõm, lưng tựa vào tường, mắt sáng rực, hai tay bó gối như đang chờ đợi. Trong căn phòng nhỏ hẹp trống trải, cái nóng hầm hập, nhấp nháp. Tôi thấy những vết mốc trên tường, chỗ kê những đồ đạc đã bị lấy đi, dấu vết của rèm kéo. Mạng nhện chằng mắc những hình sao màu xám trên trần. Đèn đã bị rút ra, dây điện đung đưa. Chỉ còn lại cô, người phụ nữ bị nỗi sợ biến thành không tuổi, mái tóc đen búi vội đã xõ sang một bên. Lưng bọn lính to bè, tôi phải di chuyển, bước một chân vào phòng để thấy được khuôn mặt người phụ nữ, đôi mắt cô, tôi cho là cô đã nhìn tôi một lần duy nhất, tôi xin thề, cô không van xin, không kêu gào hay nài nỉ, chỉ có ánh mắt cô bắt gặp ánh mắt tôi, một ánh nhìn đã trống rỗng, xa xăm, thất thần, chỉ là những viên bi đen

trong màu trắng của tròng mắt. Rồi ánh nhìn chao đảo. Trong phòng xộc lên một mùi chua, mùi của mồ hôi và sợ hãi, mùi của bạo lực.

Tôi tới đây, tới đảo này để chết. Đảo là một chốn đáng mơ ước để chết. Một hòn đảo, hay một thành phố. Nhưng tôi không tìm thấy thành phố. Với tôi, mọi thành phố đều là nhà tù coi nới, với phố xá biến thành hành lang, những ngọn đèn vàng, những quảng trường có tháp canh, những tòa nhà có cửa sổ đóng kín, những khu vườn xơ xác, những ghế xi măng nơi những gã vô gia cư gà gật. Cùng với Mary, tôi đã đi du lịch, đã học lại cách sống. Nàng hát và uống rượu. Nàng là một chốn bình yên. Thân thể, khuôn mặt, giọng nói. Nàng hát cho tôi những bài thánh ca thời thơ ấu, và khi hát, nàng trở lại là đứa bé ấy, dù viên mực sứt từng sạm sỡ nàng, một tay nghệ sĩ và một gã điên trai khốn kiếp mà nàng phải bỏ nhà để trốn chạy. Nàng hát cho tôi, nàng đứng trước tôi, được ngọn đèn trong phòng soi sáng, còn tôi lặng người lắng nghe. Rồi một hôm nàng ra đi. Nàng đi vào lòng biển và không bao giờ trở lại.

Đảo này là chốn thích hợp để chết. Tôi biết điều ấy ngay khi chúng tôi đến đây. Mary muốn thăm những ngôi mộ trên đỉnh đồi, những gò nhỏ đơn sơ hình tròn giống như những nắm đất do chuột chũi đào nên. Một chiều, có bầu quạ vây quanh chúng tôi. Hàng ngàn con, chúng lượn lờ trên bầu trời trắng bệch, rồi sà xuống nghĩa địa. Mary chăm chăm nhìn chúng đầy kinh hãi. “Đó là linh hồn những người chết không được chôn cất,” nàng bảo vậy. Tôi cố gắng giải thích rằng quạ chọn chỗ này để được yên ổn, nhưng nàng chẳng nghe tôi. Nàng kể về những người chịu oan ức, tất cả những người đàn ông đàn bà từng bị ngược đãi, bị giết chết. Cái chết lôi cuốn nàng. Nàng, hay tôi, đã chọn nướng náu ở hòn đảo này? Từ trên boong tàu, vừa nhìn thấy đảo, dải đất kéo dài tới một ngọn đồi đen lẻ loi, nàng đã siết tay tôi. “Đây rồi, đây chính là nơi em mong đợi.” Tôi không hiểu điều nàng muốn nói, nhưng về sau thì rõ ràng rành rành. Nàng tìm kiếm một nơi ở tận cùng thế giới, một mỏm đá, một nơi trôi dạt để tiêu hủy nỗi tuyệt vọng. Nàng

cần hòn đảo này, chứ không cần tôi, để hoàn thành định mệnh của mình, định mệnh mà nàng đã tưởng tượng ra. Dù tôi có là một tên tội phạm, một kẻ trộm cắp hình ảnh, bị kết án tù vì tòng phạm trong một vụ cưỡng hiếp, thì với nàng cũng vậy thôi. Một hôm nàng đã vừa cười vừa bảo tôi thế. Đôi mắt nàng tối sầm, hẳn là nàng đã bắt đầu căm ghét tôi: “Anh, kẻ tra tấn.” Tôi đã không kể với nàng những gì mình thấy, những vụ đìu tù nhân xuống nước, những mũi tiêm gây mê, những cú sốc điện. Nhưng nàng đoán ra, hẳn là những nạn nhân biết cách nhận ra những tên đao phủ.

Tôi thích thân thể đàn bà. Khi chạm vào làn da ấm, mềm, khi lướt qua núm vú, khi nhấm nháp từ đầu lưỡi những cảm giác sâu kín, cấm đoán, khó tả, tôi cảm thấy sức mạnh hồi sinh trong mình, trong cơ bắp, không chỉ ở dương vật mà khắp thân thể, trong trí não, và lên tới tuyến ấy, điểm nút ấy, tôi không biết tên, nó nằm ở chẩm, ở điểm giao nhau giữa cột sống và sọ. Không có ham muốn này tôi chẳng là gì hết. Cuộc đời, tác phẩm, năm tháng trong trại giam không dạy được gì cho tôi. Nhưng một đêm, chỉ một đêm ở gần thân thể đàn bà cho tôi cả nghìn năm! Ở đây, trên đảo này, một chốn gần cái chết, tôi nhận thấy sức mạnh của ham muốn rõ hơn ở nơi khác.

Tôi đã tới để chết, có lẽ vậy. Tôi không biết nữa. Để tìm ra nơi trung chuyển tới hư vô, thế mà sự sống lại hồi phục nơi tôi. Ở tuổi tôi, tôi không còn tin vào chuyện này nữa. Tôi không hy vọng điều thần kỳ nữa.

Tuy nhiên, mỗi đêm, trong khi gió thổi và bão rít qua khe cửa chính cùng cửa sổ, tôi lại vén tấm màn che màu trắng và tôi khám phá thân thể người đàn bà, trần truồng trong ánh sáng lờ mờ. Tôi nằm bên cạnh cô, trên tấm nệm trải ngay xuống sàn, giữa những lọ dầu long não và hương thảo, tôi ngấm làn da cô được chiếu sáng bằng ngọn đèn nhỏ mà cô thấp lên tỏ ý rằng cô chờ đợi tôi. Tôi không biết tên cô. Cô đã bảo tôi vào hôm đầu tiên và rồi tôi quên mất. Tôi đã bịa một cái tên để

nói với cô. Cô không biết gì về tôi và tôi không biết gì về cô. Tôi biết rằng cô đã kết hôn, đã có con. Tôi hiểu ra điều đó vào lần đầu tiên thấy cô, qua cách cô băng bó đầu gối cho June. Những động tác chậm rãi, của người mẹ, nụ cười dễ mến. Với tôi thì cũng thế thôi, đó không phải điều tôi đến tìm kiếm. Có thể nói là chúng tôi không trò chuyện với nhau. Chúng tôi làm tình, nhiều lần, theo đủ mọi tư thế. Sau đó tôi nằm nghỉ bên cạnh cô, tôi lắng nghe âm thanh của gió trên mái tôn lượn sóng. Tôi ngủ một chút, rồi dậy không gây tiếng động và trở về khách sạn. Một ngày, thêm một ngày...

Tôi đã nhìn thấy điều không nên thấy. Chủ nhật, khoảng ban đêm, tôi từ biển về. Trời u ám, thời tiết của những cơn dông, với gió lốc, biển động, những người đàn bà của biển không đi mò bắt, khách du lịch rời đi sớm bằng chuyến phà chiều. Tôi lang thang trên đê với hy vọng gặp Ngài Kyo lần cuối, trong chiếc áo vải dầu mới màu hoàng yến. Những nhân viên bến cảng đang ở trong quán rượu, họ vừa nốc cạn mấy chai bia vừa hút thuốc, những tấm cửa kính bị trét một lớp hơi nước nhầy nhụa. Mấy con chó nằm ngủ mũi rúc trong bụng, vắt vẻo trên đồng thùng gỗ để khỏi thấy cái ẩm ướt của đất. Các cửa hàng trong làng đã đóng cửa, thậm chí cả quán cà phê-pizza, trước cửa có tấm biển thông báo: tôi sẽ trở lại sau một giờ nữa, thế nhưng chắc chắn là đến mai quán mới mở cửa. Điều này làm tôi phật ý, bởi vì tôi không thể uống cà phê, mấy quán cà phê ngoài cảng sẽ không bán cho tôi. Hơn nữa, đám khách sẽ cười nhạo tôi, họ thích chỉ có đàn ông với nhau, họ sẽ không bao giờ chấp nhận một con nhóc nhìn họ khi họ say. Tôi cũng không thể về nhà, vì hôm nay là ngày mẹ ở nhà cùng gã bồ xem ti vi, mấy trò chơi hoặc phim truyền hình não nuột. Vậy là không biết tại sao, tôi đi về phía hiệu thuốc. Những bước chân cứ dẫn tôi đến đó mà tôi không chú ý, tôi cho đó là do bản năng, như thể xuôi theo một sườn dốc.

Hiệu thuốc đóng cửa, tấm màn che màu trắng phấp phới trong gió sau cánh cửa, nhưng tôi thấy có ánh sáng lờ mờ ở gian sau cửa hàng nên tôi đi vòng ra phía sau, bước đến bên cửa sổ mà không gây tiếng động. Tôi nghe thấy tiếng người nói, những lời thì thầm, tôi cố hiểu xem ai đang nói. Qua kẽ màn, tôi nhìn thấy ánh đèn leo lét, không phải bóng điện, mà là ánh sáng vàng của nến. Đây là nơi cô dược sĩ xếp những thùng thuốc, dầu gội, nước xúc. Cánh cửa chống bão không đóng, đó là cánh cửa găng lưới sắt để ngăn côn trùng vào nhà mùa hè

khi trời nóng. Nó hơi rít khi mở ra, nhưng tiếng cọt kẹt bị chìm lấp giữa tiếng gió trên mái tôn. Tôi có cảm tưởng mình đang phạm tội, và tôi hầu như không dám động đậy. Tôi không cố mở cánh cửa thứ hai. Chính sau cánh cửa ấy có tiếng người nói và ánh nến.

Tôi đứng im một lúc, tai áp vào cánh cửa, mà không biết mình sẽ làm gì. Bỏ đi, quay lại với đêm tối và màn mưa. Tim tôi đập thình thịch, tôi cảm thấy ruột thắt lại. Đã lâu rồi tôi không bị như thế này, kể từ ngày còn bé tẹo khi ngóng đợi mẹ đi mò bắt về. Ngày ấy trời cũng mưa và gió, cũng tiếng nước chảy bên ngoài, và tôi tưởng tượng những con quái vật biển nắm tóc mẹ để lôi mẹ xuống đáy sâu. Tôi ở đây, trong khoảng phòng hẹp, một nơi mà tôi không nên vào, lắng nghe tiếng động bên kia cánh cửa, đúng là những tiếng thở và tiếng kêu khe khẽ, tiếng cười nhỏ, không phải ti vi, không, mà rõ ràng là thật. Tôi khuyu gối rồi dán mắt vào lỗ khóa. Tôi không nhận rõ được ngay, bởi vì khi bạn nhìn qua một cái lỗ nhỏ như thế, bạn bị lóa mắt, và rìa lỗ cứ dịch chuyển như mí mắt chim vậy, bên này sang bên kia, từ dưới lên trên. Bên trong chái nhà được chiếu sáng bằng một cây nến đặt trên đĩa. Trong ánh sáng chập chờn tôi nhìn thấy một thứ kỳ lạ, tôi không hiểu được tức thì cho dù có biết ngay đó là Ngài Kyo và cô được sĩ. Tôi muốn lùi lại, bỏ đi, nhưng không cưỡng nổi, mắt cứ dán vào lỗ khóa và tôi nhìn. Ngài Kyo, tôi không thực sự nhận ra ông, bởi vì ông nằm ngửa, chân duỗi thẳng và đây là lần đầu tôi nhìn thấy cẳng chân ông, to bè, cơ bắp, da sẫm màu phủ lông xoắn, còn hai bàn chân có vẻ rất to, gan bàn chân hồng, những ngón chân xò rộng ra. Ở trên ông, con mụ khốn kia trần như nhộng, cũng nằm ngửa, cô ta cùng với chân Ngài Kyo tạo thành một góc vuông. Song cô ta lại đặt bàn chân xuống nền còn thân hình ưỡn cong, đầu ngửa ra sau, mái tóc nâu xõa xuống nền gạch, đôi cánh tay gầy dang ra, và tôi nhìn thấy phần da trắng ở bụng và hông cô ta, những vòng xương sườn, hai bầu vú nặng hơi choãi ra, và cần cổ dài với phần yết hầu hơi lộ, như đàn ông, nhưng bộ phận sinh dục của cô ta thì đúng là của nữ, khum khum, với

một chòm lông đen dựng đứng như mào gà! Tôi nhìn thấy tất cả rất rõ, dù tranh tối tranh sáng, tôi để ý từng chi tiết, từng hình bóng, từng nếp da. Tôi không nhìn thấy ai quen biết nữa, chỉ là một người đàn ông với một người đàn bà. Cùng nhau họ giống như một động vật không tồn tại trên trái đất, một loài cua-nhện tám chân, trắng và đen, lông lá từng phần, gần như không đầu, đang cử động chậm rãi, chậm rãi, tại chỗ, không tiến lên, xoay quanh chính nó, trượt và xoay, những bàn chân chống xuống nền gạch, những cánh tay dang rộng, thờ, thì thầm, thờ, thờ dài... Còn tôi lại dán mắt vào lỗ khóa! Và con vật tiếp tục cử động, chậm chạp và uể oải, tôi thấy da thịt nó rung lên dọc hai đùi, bụng phồng lên rồi xẹp xuống, lộ một lỗ đen mở rồi khép, và ngực ngửa lên, cổ căng ra với nhịp lên xuống của yết hầu, và nó khẽ rên rỉ, và nó rì rầm với giọng trầm, giọng kếp, nhưng không nói thành lời, chỉ là những tiếng làu bàu, tiếng khọt khẹt, tiếng của loài vật thờ, tiếng của bò trong đêm, tiếng chó chạy, tiếng sò khép lại khi triều xuống, tiếng chết chóc khi con dao đâm sâu vào đầu cá. Và mắt tôi dán chặt hơn nữa vào lỗ khóa! Tôi không còn hiểu điều mình đang thấy nữa! Những người này là ai, những cẳng chân kia của ai, những cánh tay kia của ai, những sợi tóc rủ trên nền gạch kia của ai, những giọng nói kia, những tiếng rên kia, những tiếng thì thầm kia của ai? Của ai? Tôi không biết mình đã bỏ đi thế nào. Giật lùi, bò bằng cả chân lẫn tay, hoa mắt vì ánh nấn rọi luồng hình ảnh dập dồn qua lỗ khóa. Trong vài giây, tôi bước trên những con phố lộng gió, hai tay dang ra, mắt không thấy gì.

Trong hõm đá, tôi còn nhớ, đó là nơi tôi chờ đợi mẹ, khi mẹ quyết định trở thành một người đàn bà của biển. Gió thổi trên đầu tôi, sóng đập mạnh lên dải đá ngầm, tôi hầu như không nhìn thấy sóng trong ánh ngày mới rạng. Những đường viền màu xám bình thản tiến lên, tôi thường nghĩ đến những con vật nặng nề, đến những đàn bò bước đi cùng nhịp, và khi những mỏm đá sắc nhọn xén mất chân, chúng quy xuống, rống lên, mép sùi bọt. Mẹ đã chọn góc này vì ít người qua lại, và vì mới vào nghề nên mẹ không dám lặn ở những góc yên ắng hơn, ở vịnh phía Bắc, hoặc chỗ gần con đê. Tại đây mẹ đã nhìn thấy những con cá heo lần đầu tiên, những bóng sẫm lướt gần mẹ, dùng cái mũi to hít ngửi những ngọn tảo dưới đáy trong khi mẹ nhấc những hòn đá để lấy bào ngư khỏi nơi trú ẩn. Thậm chí mẹ còn khẳng định một con cá heo đã bơi cùng mẹ thuở ban đầu, để chỉ cho mẹ nơi ẩn náu của những loại ốc quý. Sau đó, khi mẹ quyết định mò bắt cùng với những người khác, mẹ không bao giờ gặp lại con cá heo đó nữa.

Bão kéo dài. Gió thổi mạnh liên tục từ phía Đông, đem mây đến, xua mây đi, lại kéo mây tới, nhiều đám mây khác vờn vũ phía chân trời. Những người đàn bà của biển nghỉ chờ biển lặng. Trên đài, người ta nói đến một trận đại phong ba, một quái vật có thể nuốt chửng cả đất liền lẫn các hòn đảo. Tôi ước đây là ngày tận thế. Tất cả sẽ biến mất, chỉ còn lại mẹ và tôi, chúng tôi bập bênh trên một bè gỗ, một cánh cửa lớn bung ra từ đâu đó, đi tìm một hòn đảo mới. Trong giấc mơ của tôi, nơi chúng tôi sống không phải hòn đảo đen đúa này, mà là một bãi cát trắng với những hàng dừa, một bầu trời êm ả và quang đãng. Nhưng tất nhiên một nơi như thế không tồn tại.

Hình như Ngài Philip Kyo đã rời *Happy Day*, tôi không gặp lại ông nữa. Ông đã ghé qua để chào tạm biệt tôi, ông chỉ để lại một lá thư, trong đó ông chúc tôi may mắn trong cuộc sống. Tôi đọc thư, và nát

rồi vứt bỏ. Những lời nói có ý nghĩa gì khi người ta sẽ không bao giờ gặp lại nhau? Tôi căm ghét kiểu xã giao lịch thiệp và cách hành xử chuẩn mực. Tôi căm ghét những diễn văn chính trị và những bài học đạo đức. Ở nhà thờ, mục sư David đã đọc câu chuyện về Jonas, có lẽ ông nghĩ là rất đúng lúc, với trận phong ba đang đến gần. Dù không tin chuyện đó nữa, nhưng tôi vẫn rất thích một số đoạn, được kể bằng giọng trầm rất hay của mục sư:

Trong cơn tuyệt vọng, tôi đã khẩn cầu Thượng đế và Ngài chấp thuận.

Từ địa ngục tôi đã kêu thét và Ngài đã nghe thấy tiếng tôi.

Ngài đã quăng tôi xuống vực thẳm, giữa biển khơi, và những dòng nước cuốn quanh tôi.

Tất cả các con sóng xô qua tôi.

Khi trời sáng hẳn, tôi chậm rãi mặc đồ lặn. Tôi cởi quần jean và áo pull, tháo giày, tôi xếp cẩn thận tất cả vào một góc gần như khô ráo, dưới một mái đá, và tôi đặt một viên đá lên trên để gió không mang thứ gì đi mất. Tôi mặc bộ đồ lặn bằng cao su màu đen, nó hơi lúc lắc ở vai và trên bụng, nhưng tôi to cao hơn mẹ, hai tay và hai ống chân ôm khít da tôi. Ngay lập tức tôi cảm thấy nhiệt khí từ huyết mạch lưu thông bên trong bộ đồ lặn, điều đó cho tôi năng lượng để tiếp tục. Tôi thắt chiếc đai chì. Đôi giày của mẹ quá nhỏ, nên tôi thích để chân trần hơn, ngay cả khi đá ở rìa nước sắc nhọn. Tôi đeo mặt nạ vào. Không cần mũ trùm. Dầu sao, tóc tôi cũng quá dày, và tôi thích thú với ý nghĩ chúng phất phơ xung quanh tôi như những nhánh tảo.

Tôi đi xuống biển, và ngay lập tức, những con sóng ôm lấy tôi. Chân tôi nhấc lên khỏi những viên đá nhớt nhúa, tôi trườn trên mặt nước, theo hướng mặt trời mọc. Tôi cảm thấy một làn sóng hạnh phúc, tôi sắp ra đi, tôi đến với nơi tận cùng thế giới. Tôi sắp gặp người đàn bà mà Ngài Kyo từng kể, tôi tin chắc cô đang đợi tôi, cô sẽ nhận ra tôi. Sóng chậm và mạnh, tôi phải lặn xuống để vượt qua chỗ sóng đánh vào vách đá. Nhưng biển nhẹ, lấp lánh sao, biển chảy và mang tôi đi

trong một dòng nước mạnh, biển làm lóng mướt thân hình màu đen của tôi, làm lóng mướt mặt và tóc tôi, biển vây quanh tôi bằng sự hiện hữu thân tình. Biển không ngọt ngào, biển đắng và hắc, biển mở ra rồi khép lại những thung lũng âm u, những bí ẩn, những đón đau. Rốt cuộc tôi những muốn gặp cô gái trong giấc mơ của tôi, to béo, trắng nõn, nằm dưới đáy nước trên tấm thảm bằng tảo, muốn cảm nhận trên người mình ánh mắt trong suốt của cô, ánh mắt biếc màu hồ thủy. Những đám mây mang mưa bay ngang sát mặt biển, rắc xuống từng vốc hạt mưa, tôi ngửa mặt và há miệng để uống nước ngọt, tôi thả mình nổi trôi giây lát, tôi là một mẩu gỗ mà sóng đu đưa. Đai lưng giắt chì kéo tôi xuống phía dưới, tôi từ từ đi xuống lớp cỏ đang phất phơ trong làn gió đáy biển. Ánh mặt trời dần choán đầy biển, chiếu sáng những vật lấp lánh như vàng, đá trắng, san hô. Tôi lộn nhào, hai tay dang rộng, tôi bay dưới bầu trời rạn vỡ của mặt biển.

Một cái bóng lướt qua, một cái bóng nhạt màu, và tim tôi run lên vui sướng bởi tôi nhận ra con cá heo mà những người đàn bà của biển thường nói đến, con cá heo của bà lão Kando. Đây cũng chính là con cá heo đã chào đón mẹ tôi từ cách đây rất lâu, khi mẹ mới đến đảo này. Nó lại gần, trườn qua, quay tròn và xoay tít, mắt nó nhìn tôi, một hòn bi lấp lánh giữa mí mắt nhắm nheo. Tự nhiên tôi thấy vui vì có ngay tắp lự lời đáp cho câu hỏi mình từng đặt ra với bà lão Kando: đen là màu mắt của nó. Con cá heo qua ngay đằng sau tôi. Nó dừng lại, bơi tại chỗ, mõm hướng lên trời. Mình nó hơi nghiêng, theo chiều ánh sáng. Nó đợi tôi. Nó muốn chỉ cho tôi, cả cho tôi nữa, nơi ẩn náu của đám bào ngư giữa những hòn đá. Khi tôi ngoi lên mặt nước để thở, nó cũng ở đó, bên cạnh tôi, nó phì ra hơi thở bị nén, còn tôi, tôi kêu lên, tôi bật ra cái tên của mình theo ngôn ngữ những người đàn bà của biển, theo ngôn ngữ cá heo, *eeearh - yaaarh!* Giờ đây, tôi sẽ không bao giờ có cái tên nào khác. Ngày đã rạng hắt, những tấm màn mưa đã vén lên dưới ánh mặt trời, bọt sóng lấp lánh dọc bờ biển, hòn đảo ở xa xa, giống như một con tàu đen to lớn, tôi biết mình sẽ không quay

về đó nữa, tôi biết mình sẽ không bao giờ gặp lại tất cả những con người đó nữa, những sinh vật bé nhỏ của làng, của trường học, của quán cà phê, những con người yếu đuối, những con thú với thân hình mềm nhũn đang giao phối trong phòng sau cửa tiệm, tôi luyện tiếc mẹ, nhưng tôi phải ra đi, mẹ sẽ hiểu, mẹ sẽ không bao giờ ngừng yêu tôi.

Tôi đi xa, và sâu, tôi sẽ gặp lại cô gái đang nằm dưới đáy nước, tôi sẽ gặp lại đôi mắt mở của cô ấy, tôi sẽ đến với tất cả những người con gái đã biến mất, tất cả những người con gái đã bị bỏ rơi. Tôi sắp lặn, tôi nín hơi, tôi từ từ chùn xuống do sức nặng của chiếc đai, tôi thấy đáy biển sặc sỡ muôn màu, những ngọn cỏ xanh, nâu, đỏ, những dải ruy băng dài rập rờn, những con sao biển ánh lên trong cát đen, những con cá sọc vằn, những con mực trong suốt. Tôi sắp thiếp ngủ mãi mãi, hai mắt mở ra trước cái chết. Tôi sắp thay đổi, tôi sắp trở thành một người chết đuối, một người khác, Philip Kyo muốn thế, ông đã cho tôi quá khứ của ông, ông đã lấp đầy tim tôi bằng ham muốn và đắng cay, ông đã giải phóng mình trong tôi, ông đã choán đầy tôi bằng số phận của ông. Và tôi chìm xuống đáy, đầu ngửa ra sau, trong ánh sáng trắng ban ngày, trong sự tĩnh lặng đầy những lời thầm thì. Tôi dang đôi cánh tay, tôi xòe bàn tay, tôi lặn ngửa. Và tôi cảm thấy một làn da áp vào mình, một làn da màu xám mềm mịn, ấm áp, quen thuộc, bao lấy tôi và ôm tôi vào trong, một làn da rất êm dịu, rất mạnh mẽ, một thân hình trơn nhẵn ôm tôi và đưa tôi về với ánh ngày, với ánh sáng mặt trời, và khi tôi ra khỏi biển, tôi nghe thấy tiếng kêu của nó, khàn khàn, cao vút, tiếng kêu của mẹ tôi, và đến lượt mình tôi ngửa đầu rồi phát ra tiếng kêu, tôi mở họng, tôi nôn ra nước biển và tôi kêu tên của tôi, cái tên duy nhất của tôi. *Eeeearh-yaaarh!*

“Anh bạn tôi bỏ đi.” Cô ấy không kêu la, không trách giận. Cô chỉ ngồi bệt dưới đất, trong phòng sau cửa tiệm nơi chúng tôi đã làm tình.

Khi ấy là buổi tối. Những tối khác, mọi sự bắt đầu quanh giờ này, khi bầu trời còn sáng và bóng tối ra khỏi nơi ẩn nấp rồi lan tỏa trong các ngôi nhà. Tôi không cần giải thích, cô đã biết. Đây là lợi thế khi sống trên một hòn đảo, mọi chuyện đều được biết rất nhanh.

Cô đã không thắp những ngọn nến thơm. Chỉ một bóng đèn trần trụ lủng lẳng nơi đầu dây, nơi những con bướm đêm lao vào và tự thiêu. Chúng tôi không trò chuyện với nhau. Chúng tôi có thể nói gì chứ? Và lại, chúng tôi chưa bao giờ thực sự trò chuyện. Chỉ vài lời băng quơ, vài câu pha trò, vài lời ngọt ngào để mơn trớn nhau, vài lời để khám phá những thói trụ lạc của chúng tôi cũng nên. Hoặc giả vài tiếng kêu khê, vài tiếng làu bàu nhỏ, vài hơi thở và vài cái liếm nhẹ. Cứ như thể cô không có tên vậy. Vì chúng tôi người nọ chẳng có tên với người kia, có phải như thế nghĩa là chúng tôi không tồn tại? Cô gái Huế không có tên, cả cô ấy cũng vậy. Những tên lính hăm hiếp cô không phải là người, mà chỉ là những cỗ máy chiến tranh. Tôi nhìn người đàn bà này, ngồi xõm trong gian phòng nhỏ ngổn ngang thùng các tông, tôi có cảm tưởng như mình đang quay trở lại ba mươi năm về trước, trên ngưỡng cửa gian phòng u tối ấy lúc tội ác chuẩn bị diễn ra.

Tôi không thể ngồi với cô ấy. Tôi không thể làm gì khác ngoài đứng im, nhìn cô ấy, còn cô không nhìn tôi, cô đã quay mặt vào tường. Cuộc đời thật cay đắng. Cuộc đời không bao dung, trừ đôi khi, nhờ phép màu, khi ta gặp được ai đó mà ta không được chuẩn bị để gặp, một thiên thần, một thiên sứ, một người thân quen với Thượng đế.

Cô ấy, ở đây, trong hang ổ dục sĩ của mình, với những bình những lọ và dầu gội, cô ấy chẳng là sứ giả của thứ gì hay của ai, cô không

biết đến thiên đường. Cô chưa bao giờ bơi giữa biển để gặp một con cá heo, cô chưa bao giờ bơi qua eo biển. Cô là một người đàn bà như mọi người đàn bà, không tốt hơn cũng chẳng xấu hơn. Cô là một thân thể, tôi từng rất thích làn da cô, mùi da cô, có gì đó hăng hắc và khát khao, khi ham muốn trào dâng trong cô, khi tôi nghe hơi thở cô trở nên gấp gáp, tiếng rên trong họng cô, tiếng tim đập trên động mạch cổ, mồ hôi dán chặt chúng tôi với nhau và phát ra tiếng lẹp nhẹp lúc chúng tôi tách rời nhau. Vì tôi phải đi, nên tôi bứt khỏi thân thể cô, tôi rút lui, và tôi cảm thấy sự trống trải xâm chiếm gian phòng nhỏ, trống trải, lạnh lẽo, nhưng bất kỳ cảm giác nào khác chỉ có thể là hảo huyền. Không gì ngăn cản được cái chết, tội ác, cô đơn. Tôi đi đây.

Cô đã ôm quắp lấy chân trái tôi. Tôi đứng, nửa quay ra cửa, và cô đã ôm lấy chân tôi, một hành động con trẻ giữ tôi đứng im một lúc. Cô không nói. Tôi nhìn mái tóc đen của cô ánh lên những sợi bạc, vai cô, chân cô trông nghiêng, hơi thô một chút, nhưng đầu gối thật tròn trịa. Tôi cúi xuống, gỡ tay cô ra, từng ngón một, như thể tháo dây thừng. Tôi nói với cô nhẹ nhàng, nhưng không giải thích gì, vô ích thôi, vì cô biết tôi đến nói với cô điều gì. Đây là phần kết cho cuộc đời tôi ở nơi đây, cho cuộc sống ban đêm của chúng tôi trong cửa tiệm của cô, đối với cô, thời gian sẽ tiếp tục, không có tôi, không có những kỷ niệm, để làm gì cơ chứ? Cô thuộc về đảo, cô là của những hòn đá này và những cánh đồng khoai này, cô là của những người đàn bà mò bắt bào ngư này, ngay cả đám chim cốc cũng quan trọng hơn đối với cô. Hai bàn tay cô tuột ra sau, cô ngồi xuống, quay lưng lại cửa khi tôi rời khỏi căn phòng và bước vào đêm đen.

Từ cầu phà tôi nhìn bờ đảo xa dần. Đêm đã buông, đêm mùa đông, giữa bão tố và muện phiền bình lặng. Tôi đã tới đảo khi nào? Cách đây ba mươi năm, mọi sự đều khác. Khi ấy tôi ngỡ mình tái sinh. Nhưng đã chẳng điều gì được cứu vãn.

Ông chủ của *Happy Day* không để tôi lựa chọn: “Đi ngay bây giờ, hoặc cảnh sát sẽ để mắt đến ông.” Hình như ở đây người ta bỏ tù những kẻ ngoại tình. Nhưng tôi hiểu rõ đây không phải là lý do để đuổi tôi. Dần dần, từng mảnh ghép đã được đặt vào đúng chỗ. Tôi đã không dè chừng, nhưng quá khứ đã dâng lên, chẳng một ai quên. Phiên xử ở tòa án binh, nhà tù, lang thang. Mary, và rồi bây giờ là June, đứa trẻ bị làm cho hư hỏng. Dường như tôi là kẻ bị nguyên rủa.

Tôi đã muốn gặp lại June trước khi ra đi. Qua những người đàn bà của biển bán sò ốc cho nhà hàng khách sạn, tôi biết được rằng cô bé suýt chết đuối. Cô bé đã được các bà mò bắt sò ốc cứu vừa kịp lúc, do mẹ của June hô hoán. Khi họ lôi cô bé lên bờ, nó đã ngừng thở, nhưng mẹ June liền thực hiện các động tác cần thiết, bà hà hơi thổi ngạt, và June đã hồi tỉnh.

Khi đến nhà cô bé, tôi thấy cửa đóng. Tôi gõ cửa, và sau một lát, giọng mẹ June trả lời qua cánh cửa: “Hãy đi đi. Thưa ông, xin ông hãy đi đi.” Tôi không nài thêm. Trên phố, tôi gặp cái gã kỳ cục sống ở nhà mẹ June, tôi không biết tên gã, gã nhìn tôi bằng đôi mắt chó hoang, rồi vòng sang lối khác. Khi tràn qua đảo, bão đã dốc cạn nổi oán giận trong tôi. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm. Khi sắp xếp đồ đạc, thậm chí tôi còn bất giác huýt sáo. Một điệu nhạc mà Mary thường hát, thời nàng biểu diễn trong những quán bar ở Bangkok.

Tôi viết cho June một lá thư, trên cuốn vở học sinh. Tôi muốn nói với cô bé tất cả những gì cô bé đã cho tôi, tất cả những gì cô bé đã dạy tôi. Tôi cũng muốn nói rằng cay đắng là một món quà quý, đem hương vị cho đời. Nhưng tôi không chắc cô bé sẽ hiểu, vả lại tôi không thấy có cách nào gửi được cuốn vở cho cô bé, tôi đã giữ nó lại bên mình. Có thể một ngày nào đó, tôi sẽ tìm ra cách đưa cho cô bé. Tại một nơi khác. Ở một cuộc đời khác.

Tôi không chào ai. Tôi thanh toán mọi chi phí ở khách sạn, ông chủ đút tiền vào túi sau khi đã đếm khéo léo như một tay chơi bài poker. Rồi ông ta đóng cửa nhà, và quay lại xem trận bóng chày trên ti vi.

“Oh happy days, oh happy days...”* Tôi tin đó là câu tôi đã hát lâm râm trong đầu khi cuộc bộ về phía con đê dưới mưa phùn. Ngược lại mọi thực tế, trong giây lát tôi đã tưởng tượng June chờ tôi trên bến phà. Tôi ngỡ nhận ra hình dáng cô bé trong số hành khách đang xếp hàng trước cầu lên phà. Nhưng khi đến gần, tôi đã thấy, thay vì một cô bé với mái tóc buông lơi, một bà già nhỏ bé mặt đỏ người béo tròn cười với tôi bằng cái miệng móm mém.

Tôi ra đi không hối tiếc. Tôi không mang theo cần cũng như bộ đồ câu ngày Chủ nhật. Tôi sẽ không cần chúng nữa. Tôi sẽ chẳng bao giờ phải tìm cách khôn khuây, phiền lụy chốn nhân gian nữa, tôi tự do. Chắc chắn không trẻ trung lắm nữa, không kiên cường lắm nữa, nhưng sẵn sàng giành một vị trí, bất cứ vị trí nào. Tất cả như trong trò chơi dịch chuyển. Ta dịch chuyển một viên sỏi, đối thủ đưa ra một nhánh tảo, một cái lông chim cốc, một vỏ hào. Và đột nhiên, bất thành linh, ta tìm thấy một viên đá đen, nhãn thín, mộc mạc, nặng tay, mang lại cho ta chiến thắng.

Tôi đang trong thời kỳ lại sức. Ít ra đó cũng là điều mà bác sĩ nói, sau khi ghi nhận cơn sốt của tôi đã hạ. Sốt 38 độ 2 sáng nay. Những cơn đau trong đầu dịu dần, và vị đắng trong miệng trở nên quen thuộc hơn, hơi giống vị cà phê đen, mà tôi đòi, và mẹ không phản đối nữa. Có vẻ như bây giờ tôi đã lớn. Kỳ kinh nguyệt lại đến, khiến mẹ tôi nhẹ lòng. Tôi tưởng tượng có lúc mẹ đã cho rằng tôi đang chờ đợi một em bé ra đời. Vì mẹ từng trải qua chuyện này, mẹ đã mang thai tôi khi mới mười tám! Cuối cùng gã bồ khốn kia đã ra đi, mẹ tôi đã đuổi gã, khi những người đàn bà của biển chở tôi bằng xe cút kít gắn mô tơ đến tận cửa nhà tôi. Hình như gã đã sán lại trong lúc mọi người cởi quần áo cho tôi, và tôi nổi điên, tôi gào lên rằng gã ta là kẻ đồi bại và một kẻ ấu dâm. Hai mẹ con đã sống không rời nhau tất cả các ngày sau vụ đuổi nước của tôi. Mẹ chỉ ra ngoài một lúc để mua đồ ăn, mua cá khô, những hộp thịt bò muối. Do bão, người ta không tìm được những thứ mình muốn trong các cửa hàng nữa. Thậm chí có những thứ sạch bách, như kem đánh răng chẳng hạn. Nhưng cũng chẳng nghiêm trọng, có thể đánh răng bằng xút bicacbonat cũng rất sạch.

Ngày nào hai mẹ con cũng nói chuyện với nhau. Chúng tôi nói chuyện với nhau như chưa từng nói từ hồi tôi còn bé. Mẹ rất đẹp, da không nâu và tóc không xoăn như tôi, da mẹ rất trắng, với mái tóc mượt xen lẫn những sợi bạc. Mẹ bảo tôi nhổ tóc trắng cho mẹ, nhưng tôi từ chối, tôi muốn mẹ đừng mất đi thứ gì, mẹ đừng thay đổi gì.

Đây là lần đầu tiên mẹ thực sự nói chuyện với tôi về bố. “Bố cao và khỏe mạnh như con,” mẹ nói. Mẹ không bao giờ nói tên bố. Mẹ khẽ cười, mẹ bảo đã quên tên bố.

“Sao bố lại bỏ đi? Sao bố bỏ mẹ lại?”

Mẹ ngấp ngừng trước khi trả lời. Cuối cùng mẹ nói: “Đàn ông đều như thế. Họ ra đi. Họ không ở lại đâu.”

Tôi hơi bực. Tôi vươn thẳng người, gào lên: “Không đúng! Mẹ không muốn thú nhận điều ấy với con, không phải bố ra đi mà không nói gì!”

Trước tiên mẹ tìm cách làm tôi bình tâm. “Tất nhiên là có lý do, bố mẹ không kết hôn, khi mẹ nói với bố rằng mẹ sắp có con, mẹ muốn bố mẹ kết hôn ngay lập tức, bố đã trả lời rằng bố không thể, rằng không phải lúc. Mẹ đã ngây thơ, mẹ tin rằng bố nói thật. Còn bố, bố đã đề nghị được chuyển chuyển, bố đã rời căn cứ, nhưng mẹ không biết gì cả. Một hôm, mẹ gọi điện thoại, người ta bảo mẹ rằng bố đã đi.” Mẹ cười, cái cười hơi chua chát. Theo thời gian, tất cả đều trở nên khô khan. “Mẹ đã hỏi xem bố ở đâu, nhưng người ta không muốn cho mẹ địa chỉ, hình như đó là một bí mật đối với quân nhân. Bố ra đi không để lại địa chỉ. Họ khuyên mẹ viết cho bố, rồi quân đội sẽ chuyển thư. Mẹ đã gửi rất nhiều thư. Mẹ còn gửi cả ảnh con khi con ra đời, bố không bao giờ trả lời. Có thể bố đã chết, nhưng thậm chí là vậy thì quân đội cũng không có quyền thông báo.”

Tôi nghe câu chuyện của mẹ, câu chuyện làm tôi hơi run. Ngài Kyo cũng đã ra đi không để lại địa chỉ. Bây giờ tôi hiểu mẹ đã trải qua những gì, mẹ đã yêu tôi đến mức nào nên mới chấp nhận giữ lại tôi, khi cả gia đình bảo mẹ đem tôi cho trại trẻ mồ côi, quên tôi đi để tìm được một người chồng thực sự và tạo dựng một gia đình thực sự.

“Mẹ, con xin lỗi,” tôi nói khẽ. Mẹ ôm chặt tôi trong vòng tay, áp mặt vào mái tóc xù của tôi, còn xoắn hơn so với thường ngày vì đã ngấm từng ấy nước biển. Tôi muốn nhìn vào mắt mẹ, nhưng mẹ ôm tôi còn chặt hơn nữa, để tôi không nhìn thấy mẹ nhăn mặt.

“Tại sao...” Mẹ không cất lời được. “Mẹ không muốn con chết, mẹ quá yêu con.” Mẹ nói vậy khi mặt vùi trong tóc tôi, và điều đó làm tôi buồn cười, bởi vì mẹ chưa bao giờ làm như thế. Ngược lại, cho đến tận bây giờ, mẹ vẫn cứ bảo tóc tôi quá dày, tôi phải đi là tóc, để không

giống bố tôi. “Con không muốn chết,” tôi nói. Đó là sự thật, tôi không muốn thế. “Con chỉ muốn bơi xa ra biển, bơi đến tận bờ bên kia đại dương, tận châu Mỹ.” Tôi không thể nói với mẹ về niềm ham thích đối với độ sâu, với màu sắc, mùi hương, những thung sâu, những ngôi sao trên bề mặt khi ta ngửa đầu ra sau. Và lại mẹ biết rõ tất cả những thứ đó, mẹ là một người đàn bà của biển, và chính là để giống mẹ mà tôi đã xuống nước. Tôi không thể kể cho mẹ về cô gái to béo với đôi mắt mờ đục ngủ trên lớp tảo, dưới đáy biển. Tôi biết người lớn sẽ không tin. Ngay cả Ngài Kyo cũng không tin chuyện ấy, chính vì thế ông đã bỏ rơi tôi. Tuy nhiên chính ông đã cho tôi sự thật, sự thật quá nặng nề với chỉ mình ông, vậy nên một đêm trong lều, ông đã trao tôi tinh thần của ông, sự độc ác của trái tim ông, và giờ đây ông đang nhảy múa trên những con đường, ông quyến rũ những người đàn bà hiền lành và đặt họ nằm trên nền các gian buồng sau cửa tiệm, ông không còn muốn chết nữa, ông tự do. Nhưng tôi không muốn nghĩ đến tất cả những điều đó nữa, bây giờ tôi đã già dặn, tôi phải tự chịu trách nhiệm về bản thân. Tôi ôm mẹ chặt hơn trong tay, và miệng kề tai mẹ, tôi nói: “Con đã gặp con cá heo xám to.” Mẹ hẳn có thể tin tôi, vì mẹ đã được con cá tuyệt vời ấy đến gần một lần. “Nó ở bên con suốt quãng thời gian con dưới nước, chính nó đã giúp con.” Sự im lặng của mẹ nói với tôi rằng mẹ đã nín khóc. Tôi không thích lắm khi người lớn tự thương hại mình, như thế thật buồn nôn. “Chính nó đã cứu con.” Tôi nói những từ này to hơn, bởi chuyện đó không có gì phải bàn cãi. Tôi biết điều mẹ định nói, không, không, con nhầm rồi, con yêu ạ, không có cá heo xám nào hết, đó chỉ là truyền thuyết, chính những người đàn bà của biển đã lặn xuống và đưa con lên. Có lẽ mẹ tưởng tôi bị điên, không nên làm trái ý người điên, không nên đánh thức họ khỏi cơn mơ điên khùng của họ. Nên để họ tiếp tục, nhẹ nhàng, và rồi lại nắm lấy họ, như những chiếc lá khô trôi theo dòng suối.

Nhưng tôi biết mình đã thấy gì. Tôi biết mình đã chạm vào làn da mềm như nhung và ấm áp ấy, và con cá heo đã cõng tôi trên hai vai

nó, như có lẽ nó sẽ làm với con của nó, và nó đã dẫn tôi lên tới mặt biển, và đã kêu cùng tôi. Điều đó tôi sẽ không bao giờ quên được. Mẹ thật bé nhỏ và khiêm nhường trong vòng tay tôi, bây giờ chính tôi là người vỗ về mẹ. “Kết thúc rồi, con sẽ không bao giờ xuống biển nữa, kết thúc rồi.” Tôi thì thầm những lời ấy với mẹ một cách thật ngọt ngào, như thể người ta nói với một bé gái. Tôi biết điều đó có nghĩa thế nào: tôi phải đấu tranh chống lại miệng những hang sâu, tôi phải đành lòng với nỗi đắng cay thường ngày trên mặt đất. Tôi phải quên cô gái dưới đáy nước, đôi mắt nhợt nhạt của cô, thân thể bập bênh của cô. Biển là nơi chốn của cá. Biển cung cấp sò và mực, bào ngư và rong tảo. Thượng đế cho chúng ta quyền lấy thức ăn từ biển. Tôi nhớ tới ông già Jonas, trong truyền thuyết mà mục sư David đọc, ông đã trải những vực sâu, những then cài chặt cánh cửa mở ra mặt đất, và rồi ông đã trở lại từ nắm mộ của mình. Vì điều đó tôi có nghĩa vụ chăm sóc mẹ cho đến những ngày cuối cùng của đời mẹ. Đến lượt mình, tôi ôm mẹ trong vòng tay, tôi vùi mặt vào mái tóc dài mượt mà của mẹ. Tôi cảm nhận thân hình mẹ gầy guộc, mỏng manh, một thân hình đàn ông nhiều hơn là đàn bà. Một thân hình thiếu niên. Tôi nghĩ mẹ đã mang tôi trong vòng bụng chật hẹp này, mẹ đã nuôi tôi với hai bầu vú còm cõi này.

“Mẹ không cần quay lại biển nữa,” tôi nói với mẹ. Mẹ hơi sững lại, vậy nên tôi càng ôm mẹ chặt hơn, và nhắc lại sát bên tai mẹ: “Mẹ sẽ không bao giờ phải đi biển nữa, con sẽ ở bên mẹ, và con sẽ chăm sóc mẹ khi mẹ già.” Và sự châm chọc đã trở lại với tôi, cùng vị cà phê đen mà tôi rất thích, và tôi bỏ giọng kính cẩn thường dùng khi nói với mẹ: “Ngay cả khi bà tè dầm ra giường và cần đóng bím cho bà, ngay cả khi phải mớm cho bà ăn như với một em bé.” Hai vai mẹ khẽ rung rung, tôi nghĩ mình đã làm được cho mẹ cười.

Chúng tôi ra đi như thế đó. Vào buổi sáng, trong mưa và gió. Hình như trời cũng mưa giống thế này khi mẹ đến đảo lần đầu, cùng với tôi, em bé dụ trong chăn trên lưng mẹ.

Những chiếc xe bồn, ô tô, xe máy đua nhau lên phà, làm những mảnh ván nát trên lối lên xuống kêu rảng rặc. Động cơ gầm lên, mái tôn của con phà rung rung. Mẹ và tôi ngồi dưới sàn phòng hành khách, cùng một nhóm dân đảo vẫn chưa tỉnh ngủ, và một vài khách du lịch uể oải. Trong phòng nóng, hơi nước phủ trên cửa kính. Một thứ mùi kỳ cục của dầu ma dút và thức ăn khiến người ta buồn nôn. Khi phà rời bến, quay đầu hướng ra khơi, tôi không nhúc nhích. Tôi không muốn nhìn hòn đảo màu đen đang lùi xa. Tôi biết mình sẽ không bao giờ gặp lại nó.

NGƯỜI ĐÀN BÀ KHÔNG DANH TÍNH

Đoàn Hương Giang, Đỗ Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Vũ Hưng,
Phùng Hồng Minh, Hoàng Thị Nhụy và Hồ Thị Hòa *dịch*
Dương Tường *hiệu đính*

Tôi đã giật thót người trước biển.

Tôi còn nhớ, Takoradi, bãi dài cát trắng, những con sóng chậm rãi xô vào bờ, tiếng của biển, mùi của biển. Bibi và tôi, mũ rơm trùm bóng xuống mặt, và bọt sóng sáng lóa dưới nắng.

Con sợ. Tôi đã nói thế với người tôi vẫn ngỡ là mẹ mình, bà hơi giễu tôi. Sợ, cái gì cũng sợ. Không đúng, đâu phải cái gì tôi cũng sợ. Tôi sợ bóng tối, tôi sợ những tiếng động trong đêm, những hình thù đến trong đêm. Tôi ngủ một mình trong phòng ngoài, gần cầu thang. Đệm trải thẳng xuống sàn.

Không hẳn là tôi sợ. Mà đúng hơn đó là cô đơn, một cảm giác cô đơn mênh mang. Bố mẹ tôi ở trên tầng. Bố đã tái hôn ngay trước khi chúng tôi dọn đến ngôi nhà gần biển này. Tôi không nhớ rõ lắm, nhưng hồi đó, bà ấy đang mang bầu. Bibi đang ở trong bụng bà, khi em ra đời, tôi đã năm tuổi.

Trên bãi biển Takoradi, bố tôi cùng vợ ông, với Bibi trong bụng, và tôi. Chúng tôi là mấy cái chấm nhỏ trên một vùng mênh mông cát trắng, với hàng dừa nghiêng soi và biển xanh biếc. Tôi thì tôi chẳng giữ lại gì khác ngoài cái giật thót giữa lòng mình, kề bên trái tim. Một cái gì đó đang cựa quậy, run rẩy, như một sợi dây thần kinh.

Tám tuổi, tôi được biết mình không có mẹ. Hồi đó, chúng tôi ở một biệt thự ven biển. Cuộc sống dễ dàng. Bố tôi kiếm được nhiều tiền nhờ mua đi bán lại xe hơi. Chúng tôi được mặc đẹp, chúng tôi đi giày hàng hiệu, có túi xách, đồ chơi. Mẹ của Bibi không đi làm, mà giữ mỗi trung gian giao nước hoa và mỹ phẩm, được mọi người gọi là “nàng mỹ phẩm”, còn bố tôi gọi giễu là “nàng mèo phẩm”. Từ ít lâu nay, tôi không còn gọi bà là mẹ nữa, theo bản năng, hoặc giả chính bà đã khiến tôi hiểu rằng bà cũng chẳng thiết. Tôi gọi bà là gì? Đơn giản là “bà”, thế thôi, hay thường xuyên hơn là “bà Badou”. Dù gì, đó cũng là họ của bà.

Chúng tôi, Bibi và tôi, đi học ở trường dòng, tài xế riêng đưa đón chúng tôi mỗi sáng, trên một trong những chiếc xe mới, một chiếc Mercedes, hay một chiếc Audi, hay chiếc Chrysler mọi địa hình. Trường toàn cậu ấm cô chiêu con nhà giàu, con các bộ trưởng châu Phi, đại sứ Liban hay Mỹ. Cuộc sống như vậy lẽ ra có thể kéo dài. Bóng tối duy nhất của bức tranh, ấy là những cuộc cãi vã của phụ huynh. Bibi còn bé quá chưa biết gì, nhưng tôi, hồi đầu, tôi phát sợ. Khi những tiếng rít róng bắt đầu, những ngón chân tôi co quắp lại trong giày, tôi bịt tai lại để khỏi nghe thấy. Về sau, tôi học cách vặn dàn loa hết cỡ, nào rock, nào jazz hay Fela. Tôi nấu trong phòng Bibi. Thường thì tôi không được ngủ cùng Bibi, nhưng khi họ bắt đầu la hét, tôi biết sẽ chẳng ai vào đây tìm mình làm gì. “Tại sao bố mẹ lại hét thế?” Bibi hỏi. Tôi trả lời em: “Họ sửa đấy chứ.” Tôi nói thế cho vui, nhưng Bibi không hiểu câu đùa. “Tại sao bố mẹ lại sửa? - Bởi vì họ đã biến thành chó!” Đúng là họ sửa như những con chó đang loạn đả, cái giọng trầm của bố và giọng the thé liến thoắng của vợ ông. Tôi không biết đích xác tại sao họ gây gổ, tôi nghĩ đó là bởi bố có một người đàn bà khác trong phố, chính điều đó làm vợ ông phát điên. Tôi

bảo Bibi: “Đừng lo, họ không phải là chó, họ cãi nhau, thế thôi.” Đôi khi, đồ đạc bay tứ tung, những cái đĩa vèo qua cửa sổ và hạ cánh xuống vườn, những cái cốc vỡ tan, cả những đồ mỹ nghệ. Khi chuyện kết thúc, tôi giúp chị giúp việc thu nhặt mảnh vỡ. Tôi xấu hổ. Một vài thứ chỉ bị nứt, hay mẻ, tôi cho hết chị và nói: “Cầm lấy đi Salma, giữ hết đi. Dù gì, họ cũng không cần chúng nữa đâu!” Tôi nghĩ mình có khiếu hài hước từ rất sớm và tôi cảm ơn họ vì điều đó.

Về sau, tôi biết cất vào chỗ an toàn những đồ dễ vỡ, những bình sứ Trung Hoa đẹp đẽ, những đĩa ăn đồ tráng miệng trang trí cây nhựa ruồi, những ly có chân cùng những đồ mỹ nghệ. Tôi cũng đã biết xếp dao kéo cho kín. Ngay khi cuộc cãi lộn bắt đầu, và ngay khi tôi nhận ra rằng nó có chiều hướng xấu, mà hầu như bao giờ nó chẳng chuyển xấu, tôi khóa hết những hòm tủ đựng dao nhọn rồi giấu kéo vào trong phòng em gái, dưới đệm của nó, bởi tôi biết rằng họ không bao giờ tìm chúng ở đó. Salma trêu tôi: “Cứ kệ, họ chẳng giết nhau đâu mà lo!”

Thế mà một lần, tôi đã không đủ nhanh. Đó là một Chủ nhật, trời oi bức, một cơn dông quay cuồng trên biển. Tôi đang ở trong vườn, tôi đang đu võng và chơi với Zaza, con chó nhỏ của bà Badou. Tôi nghe thấy tiếng hét ở trên tầng, và khi tôi mở cửa ra thì bà Badou vừa đâm kéo vào ngực bố, máu loang ngập áo sơ mi trắng của ông. Bà ấy thì đang bị kích động, bà ấy la hét và khoa chân múa tay, đứng như trời trồng trước ông chồng đang bất động, tay dang ra, với cái kéo cắm thẳng trên ngực. Ông nhắc đi nhắc lại bằng giọng bi thảm, hơi lơ bịch, nhưng lúc đó, tôi chẳng cười nổi: “Em giết anh rồi. Esther, em giết anh rồi!” Đương nhiên là bố không chết. Tôi đặt bố ngồi vào ghế, và ở đó, không cần ai giúp, tôi rút cái kéo ra. Mũi kéo đâm vào phần xương sườn số bốn, làm chảy rất nhiều máu nhưng không nghiêm trọng mấy. Bác sĩ Kijmann đến, khâu hai mũi. Theo phiên bản của bố thì là do vấp ngã lên chiếc bàn đang để sẵn kéo may vá. Bác sĩ Kijmann không bình luận gì, ông chỉ bảo bà Badou: “Lần sau thì cẩn thận đấy, chuyện đã có thể nghiêm trọng hơn.” Hẳn ông đã ngờ có chuyện gì đó. Đa

phần, chính ông là người chăm sóc những vết bầm giập của bà Badou. Trong ngôi nhà này, người ta rất hay bị ngã.

Khi tôi nghĩ về thời kỳ này, cứ như thể có một hồi trước và một hồi sau vậy. Trước, tôi là một đứa trẻ, tôi không biết gì về cuộc đời, tôi không biết đến sự độc ác của người lớn. Sau, tôi đã là một người lớn, chính tôi, tôi cũng trở nên độc ác.

Tôi gắng nhớ lại khoảng thời gian trước. Nó tựa như một giấc mơ, mờ ảo, day dứt, nó làm tim tôi se thắt và đầu tôi đau nhức. Nó rất đẹp và dịu ngọt. Những buổi chiều với em Abigail. Chúng tôi ở trong vườn, chúng tôi nô đùa với những con vật. Chúng tôi trèo cây để nhìn vượt qua tường những con dơi treo mình rủ xuống từ những dây nho như những chùm quả xồm xoàm lông lá. Tôi rất yêu Abigail, tôi chỉ gọi em là Bibi, em là búp bê của tôi, tôi vui thích tết những lọn tóc vàng óng đẹp đẽ của em. Một hôm, ở bể bơi, em suýt chết đuối và tôi đã nắm được tóc em lôi lên khỏi mặt nước. Khi tôi lôi em lên, em giãy giụa hai tay và không thở được nữa, vậy là tôi hà hơi vào miệng em. Tôi hét: “Bibi, chị không muốn em *chiết!*” Em tỉnh lại và em ho. Nhưng mãi sau này, bà Badou vẫn còn giấu tôi, bởi tôi đã nói nhịu ra thành “chiết”.

Tôi cũng nhớ một buổi picnic trong rừng. Chỗ đó rất xa, chúng tôi đã đi cả ngày trời trên chiếc bán tải của bố. Bibi và tôi ngồi trên sàn xe với chú chó Zaza còn bà Badou ngồi với bố. Bà vẫn còn trẻ, mặc soóc, bà có cặp chân đẹp r ám nắng sáng lên dưới ánh mặt trời. Chúng tôi đã tắm dưới thác nước, dưới bóng những cây cổ thụ với những chú chuồn chuồn ớt nhờn nhờn liệng trên sông. Tôi nghe thấy tiếng Bibi cười, khi tôi té nước vào em, hòa với tiếng cười của chính tôi nữa.

Mọi chuyện đã diễn ra chỉ trong vài tích tắc. Đối với tôi, thời gian đã dừng lại vào ngày hôm đó, vào đúng lúc đó. Tôi vẫn luôn nghĩ khi chết chắc cũng sẽ như thế thôi. Đôi khi người ta nói rằng chết là khoảnh khắc duy nhất mà ta không thể nghiệm sinh. Tôi không biết có đúng thế không, nhưng cái khoảnh khắc ấy, tôi đã nghiệm sinh nó và còn tiếp tục nghiệm sinh nó lại lần nữa, cho dù đó không hẳn là cái chết. Tôi tưởng tận nó đến từng chi tiết.

Nhà chúng tôi có hai tầng, tầng trệt là bếp, kho, ga ra thường dùng để trữ những hộp các tông đựng hàng, và một nhà chái dùng làm phòng cho chị giúp việc Salma. Tầng trên, là các phòng ngủ, phòng của ông bà Badou, phòng ăn, còn phía bên kia là phòng Bibi, và cái góc của tôi ở gần cầu thang. Chúng tôi có hai phòng tắm, một ở trên tầng, lát gạch vuông có bồn tắm cùng hai la va xô, và một ở tầng dưới lát xi măng có vòi hoa sen và có chỗ để máy giặt. Ông thợ làm vườn tên là Yao sống ở cuối vườn trong một túp lều, bác là người mỗi tối sẽ châm lửa đốt lá khô và rác sinh hoạt. Còn có cả một cái lồng nhốt đầy vẹt, Yao nói chuyện với chúng, bác ta còn nói chuyện với con chó của mình nữa, một con lực lưỡng lông trụi, bị xích suốt ngày, chắc hẳn bà Badou sợ nó sẽ cắn Zaza. Rồi còn có một con khỉ, nó, cũng bị xích quanh mình, quẩn quanh suốt ngày trên một cái cây. Con khỉ này, tôi nhớ rõ lắm bởi lẽ nó luôn là đề tài cợt nhả vì cái dương vật dài đỏ và nhọn như một củ cà rốt. Chúng tôi không lại gần nó, bởi nó dữ và bố tôi nói rằng nó có thể truyền bệnh dại.

Chúng tôi chờ chọn Yao, nhưng dấu sao cũng rất quý bác. Bác ta cao lừng lừng, xấu xí, với khuôn mặt rỗ ăn lỗ chỗ. Túp lều nơi cuối vườn là chốn hẹn hò của bác ta với tất tạt những ả đàn bà kiếm được ở các quán bar trong phố, ít nhất thì ông Badou kể thế. Họ ở lại một đêm với bác ta, và hôm sau người ta nghe thấy các cô ả chửi rủa, nhiếc móc

bác ta thậm tệ, bởi bác ta chẳng là gì ngoài một kẻ say khướt và dối trá, thế mà đêm sau lại một cô nàng khác đến trám chỗ. Với tôi và Bibi, và nói không ngoa là với tất cả mọi người, Yao đúng là một huyền thoại sống, chúng tôi có thể nói chuyện hàng giờ về những người đàn bà của bác và chuyện làm thế nào bác ta quyến rũ được họ. Cuối cùng tôi hiểu ra đó là do phép thuật, bác ta có “bùa”, thế thôi. Nhưng rủi thay, chúng tôi chưa bao giờ biết được bí mật của bác ta, thứ kể ra rất cần cho cuộc sống chúng tôi sau này.

Tôi thường ra vườn sớm, ngay khi bình minh vừa chiếu sáng những cành cây. Tôi chưa bao giờ thích nằm ườn trên giường. Còn Bibi thì có thể ngủ một mạch đến trưa. Ngay cả khi nắng đã rọi vào phòng, em vẫn cuộn tròn trong chăn, trùm kín mắt chứ không hề tỉnh giấc.

Tôi thì ngồi trong vườn, dưới bóng cây xoài, tôi vừa nhìn lũ kiến lằng xằng giữa đám rễ cây vừa mơ mộng vãn vơ. Không thì tôi vẽ vào một tập vở, hình cây, hoa, những hạt mầm, tôi dán bên cạnh mỗi bức tranh một mẫu vật. Bố còn cho tôi formol để quét lên, bảo quản những chiếc lá, sau đó tôi bỏ chúng vào một túi nhựa nhỏ, loại dùng để đựng sandwich, mùi nó hăng hắc, bọn trẻ ở trường chế nhạo tôi, nhưng đó là thứ mùi mà tôi đã biết yêu. Đó phần nào là mùi của cái chết, là mùi của quãng thời gian này.

Họ nói chuyện. Tôi nghe thấy tiếng họ vọng ra ngoài cửa sổ phòng ngủ, cánh nào cánh nấy vẫn đóng im ỉm. Tôi có giác quan thứ sáu đối với những cuộc cãi lộn, tôi cảm thấy xung đột đang đến, tôi dỏng tai lên đoán xem chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo, để hiểu nguy hiểm đến từ đâu. Tôi nghĩ tới đồng bát đĩa, an toàn rồi, và tới cái kéo trong ngăn tủ com mốt, tới con dao rọc giấy trên bàn làm việc của bố. Tôi dỏng tai, nhưng giọng nói lúc này không quá gay gắt, nghe cũng chẳng ghen ngào, chúng liền thoảng một hồi rồi ngắt ngang chừng, và trong khoảng lặng giữa những lời trao đổi là những tiếng động đời thường,

tiếng ô tô trên phố, tiếng còi xe cảnh sát, tiếng rền của ống xả xe buýt. Khu vườn hoàn toàn yên tĩnh, bởi những giọng nói đã làm lũ chim câm lặng.

Trừ những giọng nói, cả ngôi nhà đang say ngủ. Tôi khẽ khàng leo lên cầu thang, bò bằng cả bốn chi để khỏi làm những bậc thang gỗ cốt két. Tôi đến trước cửa phòng họ. Những giọng nói đang ngừng, tôi cố đoán xem điều gì xảy ra phía sau cánh cửa. Tim tôi đập dồn và dữ dội, tôi có cảm tưởng như mình đang làm điều cấm kỵ. Tôi sợ thứ yên lặng đột ngột này. Hay họ chết cả rồi, hay họ đang chuẩn bị một cuộc tấn công, một quyết chiến mà khi đó họ sẽ tìm cách giết nhau? Tôi chưa bao giờ ưa cách họ im lặng. Im lặng, đó là bóng đêm, là trống rỗng. Im lặng, đó là tận thế. Tôi nhớ, hồi tôi còn bé tí tẹo, bà tôi chết. Tôi bước vào phòng bà, không nói gì với ai. Những cánh cửa khép hờ, ánh sáng xám ngoét, những chiếc chăn quấn kín người bà, đến tận cằm, và khuôn mặt bà cũng xám, mi mắt khép lại, thành hai vệt sẫm, miệng bà không còn môi, nó đã lẩn vào trong lợi, nhưng chính sự im lặng mới làm tôi khiếp vía, tôi không động đậy, những sợi lông trên cánh tay tôi dựng đứng, và phải cố lắm tôi mới dứt ra được và rời khỏi phòng.

Giờ, những giọng nói lại tiếp tục. Chúng kể chuyện gì đến là kỳ. Tai áp vào cửa, tôi nghe thấy mọi điều những giọng ấy nói. Hết mẹ, lại đến bố, nhưng chủ yếu là mẹ nói. Tôi chợt vỡ lẽ là bà đang nói về tôi. Sao tôi lại đoán được? Tôi nghĩ mình đã trông chờ điều đó, rằng tôi luôn chờ đợi thời khắc này. Trong những giấc mơ, chuyện xảy ra như thế, người ta biết trước cả khi người ta biết. Hoặc giả, vào lúc hiểu ra, người ta tự nhủ, thế đấy, chuyện này ắt sẽ xảy ra một ngày nào đó, mình biết mà. Mình vẫn luôn biết thế từ trước mà.

Tôi nghĩ về chuyện này luôn, tôi không còn biết liệu trí nhớ của mình có chính xác không. Tôi đã tưởng tượng ra cảnh này hàng nghìn lần, tôi, bò bốn chi lên cầu thang, tai áp chặt vào cánh cửa gỗ, những lời nói cứ tuôn ra. Những lời nói sát thương. Những lời bình thường, những lời mọi ngày, mà như đêm, như cửa.

“Con bé Rachel” (...) “Không gia đình, không có mẹ” (...) “Phải nói cho nó biết chứ, phải nói, anh hiểu không?” (...) “Anh phải nói cho nó sự thật, rằng nó không phải là con tôi, anh phải nói” (...) “Rachel không phải là con gái tôi, nó sẽ không bao giờ là con gái tôi” (...) “Lẽ ra anh cứ để nó ở đâu đó, thiếu gì người cần con” (...) “Rachel không có họ, đó là điều phải nói khi nói về nó, Rachel Không-Họ” (...) “Một đứa trẻ nhặt được, một đứa trẻ đầu đường xó chợ, chẳng ai muốn” (...) “một đứa bé ‘trót lờ’, chẳng may mà ra đời, đứa bé chẳng của ai cả, anh nghe rõ chưa, chẳng của ai hết?” (...) “Tôi sẽ không đời nào để nó chiếm chỗ của Abigail” (...) “Tôi không muốn nó gọi tôi là mẹ nữa” (...) “Mẹ, mẹ, nghe nó gọi thế tôi chỉ muốn nôn thôi” (...) “Phải nói cho nó biết, ngay bây giờ, ngay lúc này, phải nói cho nó rõ sự thật” (...) “Rằng ngẫu nhiên mà nó ra đời trong một cái hang” (...) “Không phải để đuổi nó ra khỏi nhà, không, chúng ta đâu phải quái vật” (...) “Khi nó nhìn tôi, tôi chỉ ước ao gì được tát nó một cái” (...) “Nó chọc tức tôi, anh biết đấy, tôi dám chắc là nó đã biết hết, người ta đã nói với nó rồi, nhưng nó cứ giả đờ như chẳng biết gì” (...) “Mắt nó rành rành ra thế, nó trâng tráo nhìn tôi, như để khiêu khích tôi, để nói rằng: nói đi, cứ nói đi, rằng bà không phải mẹ tôi!” (...) “Tôi không thể chịu đựng được nó nữa, ác tâm của nó, nọc độc của nó” (...) “Đó là vì Abigail, tôi không muốn con bé tin, tôi không muốn nó tưởng tượng...” (...) “Nó, nó chiếm chỗ của con gái tôi, đòi phần mình, nó, đứa con gái của một con đĩ” (...) “... bị hiếp trong một cái hang” (...) “Rachel bé nhỏ, thiên thần Rachel, thậm chí tên đó nó còn chẳng xứng, nó đáng lẽ phải được gọi là Judith hay Jezabel, nó làm tôi sợ, tôi nhìn nó, tôi không biết nó mưu toan gì nữa” (...) “Tôi không chịu được nữa” (...) “Nó ghét tôi, tôi nói cho anh biết, nó ghét tôi, nó ghét chúng ta, nó là một con quỷ” (...) “Phải, một con quỷ, anh không biết có những đứa con của quỷ sao?” (...) “Rachel bé bỏng đấy, Lilith* bé bỏng đấy, nó nghe lén sau cửa, nó do thám” (...) “Tôi sợ, đêm tôi mơ thấy nó mang dao vào phòng chúng ta, nó giấu dao ở giường nó, anh biết đấy” (...) “Nó bỏ thuốc chuột vào cà phê của chúng ta.”

Vân vân.

Tôi không còn nhớ, tôi chẳng biết mình đã làm gì cái ngày hôm đó. Tôi chạy một mạch xuống vườn, náu vào cái chỗ tôi thường đến mỗi khi muốn được một mình, dưới cây xoài, tay bịt chặt tai, để khỏi còn nghe thấy những lời lẽ cứ văng vẳng mãi không thôi: “... đứa con của quý... cần phải cho nó biết... một đứa trẻ nhạt được, một đứa trẻ đầu đường xó chợ... trót nhờ thụ thai trong một cái hang...” Vậy mà dường như những giọng nói vẫn tiếp tục, những từ ngữ đã lần theo tôi đến tận chỗ ẩn nấp, tôi nghe thấy chúng rõ mồn một như thể tôi vẫn đang bò phía ngoài cánh cửa phòng họ, giọng của mẹ (bởi tôi vẫn còn gọi bà như thế, dù sau tất cả những gì bà đã nói): “Rachel không họ, một đứa không mẹ.” Tôi hẳn đã thiếp đi sát thân cây, cuộn mình lại giữa đám rễ lớn, bất chấp cơn mưa lất phất sáng hôm đó, hay đám nhện, hay lũ kiến lửa. Tôi hẳn đã thiếp đi được một lúc lâu khi Yao đến tìm tôi, và Bibi, em cũng đến, em có biệt tài tìm ra tôi vào những lúc tồi tệ nhất, cứ dễ như không, và cọ mình vào tôi, nhõng nhẽo kêu nũng nịu và khe khẽ thở dài, “Chị làm cái trò gì thế? Sao chị lại trốn? Sao chị nhắm mắt, chị không muốn trả lời em à? Mẹ sẽ cáu cho mà xem!” Và đó là lần đầu tiên tôi ghét ai đó, lần đầu tiên, tôi đã lớn phắt lên và không bao giờ còn là một đứa trẻ nữa.

Tôi đã quyết định không bao giờ nói ra, nhưng sẽ không quên gì hết. Thế nên tôi mới nói tôi đã đột ngột lớn phắt lên, như thể được uống nước thuốc của Alice*. Khi còn là trẻ con, người ta không nghĩ tới tương lai. Nó không thực sự tồn tại. Với Bibi thì tôi thấy rõ. Em sống như một con thú nhỏ. Em có những nhu cầu nhỏ mọn như một con thú nhỏ. Khi đói, hay khát, em lè nè: “Mami, cho con cái kẹo, điiii! Mami, con muốn uống nước quả!” Khi buồn ngủ, em lăn ra bất kỳ đâu, trên trường kỷ trong phòng khách, trước ti vi, hay trên giường bố mẹ, thậm chí là vục mặt ngay xuống đĩa xúp, và thế là ngủ tít. Đôi

khi, em ngủ trên thảm, miệng há ra, em như một con chó tính khí thất thường. Mẹ rít lên: “Trông kìa! Rachel, đưa Bibi vào giường em, trời ạ, phải để ý em mà chút chút, đừng có để em nằm ra đất!” Bốn phận của tôi là phải đỡ em dậy, dìu em đi, em loạng choạng, mắt vẫn nhắm nghiền, miệng lúng búng, tôi đặt em nằm trên giường và giặt màn cẩn thận. Tôi làm như máy, không phản ứng gì, chẳng có gì phải tranh cãi, đó là một công việc, để đổi lấy cơm nuôi và chỗ ở. Bibi bám lấy tôi, em choàng đôi cánh tay nhỏ quanh cổ tôi, rồi từ từ ngả ra sau. Tôi rất thích em khi em thuộc phạm vi định đoạt của tôi. Một ngày, bỗng nhiên tôi nghĩ mình sẽ lấy gối làm em nghẹt thở. Tôi đã đọc thấy điều đó trong một vở kịch của Shakespeare, một cuốn sách lớn lăn lóc trong thư viện trường và tôi đã mang về nhà. Tôi nhớ như in đã cho Bibi đi ngủ, đã giặt màn cho em, và đã nghĩ rằng thật dễ dàng để làm em chết. Đó không phải lỗi của tôi, ai bảo chính mẹ em đã nói thế, rằng tôi là con của quý.

Lúc đó, tôi đâm thèm được là người dưng nước lã với họ. Tôi không nói điều đó với ai, tôi cũng không viết vào nhật ký, bởi tôi biết bà Badou đọc nhật ký của tôi, và tôi chỉ viết vào đó những thứ tầm phào, mấy cuộc hẹn hò, bài vở ở trường hay những câu trích dẫn mà tôi đã đọc, không ghi tên tác giả, cứ để bà ta tưởng chính tôi đã sáng tác và tôi có tài. Tôi nhớ một vài câu, như là: *“Một mức độ cô đơn nào đó trong không gian và thời gian là không thể thiếu để tạo nên sự độc lập cần thiết cho một công việc quan trọng.”* Đó là câu của Bertrand Russell, nhưng tôi không nhắc gì đến tên ông.

Kể từ giây phút đó, tôi đã quyết định sẽ không gọi họ là bố mẹ nữa. Họ sẽ là “ông ấy” và “bà ta”, hay, nếu cần cụ thể hơn sẽ là ông bà Badou. Ông ấy, Derek, bà ta, Chenaz, bởi bà ta thích những cái tên này kể từ khi nghe thấy trong một bộ phim truyền hình của Brasil. Tôi quyết thế, và tôi làm thế. Chẳng ai để ý, trừ Bibi, một lần em đã hỏi

tôi: “Tại sao chị lại gọi mẹ là Chenaz? Mẹ có tên như thế đâu?” Tôi chỉ khẽ cười: “Em chưa hiểu được đâu, em hãy còn bé quá.”

Tôi tiếp tục sống như trước, như khi tôi chẳng biết gì. Khác biệt duy nhất, đó là cái nút thắt ấy tận đáy cơ thể tôi, cái góc sâu kín ấy trong tim tôi. Tôi không khóc, tôi không còn cười nữa. Đôi khi tôi giả bộ buồn hoặc vui sướng. Những dịp lễ Tết, tôi giúp bà Badou chuẩn bị đồ ăn, tôi rửa chén bát và bởi khách khứa nườm nượp nên bát đĩa bẩn cũng ngồn ngộn. Tôi rửa như cái máy, chẳng nghĩ ngợi. Ở trường, điểm số của tôi sa sút. Tôi đến lớp, tôi ngồi yên không động đậy, tôi không nghe. Tôi cũng không còn mơ mộng nữa. Tôi chỉ là một mẩu gỗ, một con rối gỗ Pinocchio. Tiếng nhí nhéo của bọn học trò, tiếng ào ào của các thầy cô. Tôi đã trở nên trong suốt, tiếp màu bàn, màu ghế, một cái ghế trống, một cái bàn không ai dùng đến nữa. Bà Badou mắng tôi: “Tại sao mà không học hành gì ở lớp? Mà tưởng chúng ta trả tiền học phí cho mà để mà đến lớp ngủ sao?” Tôi giương mắt nhìn lại bà ta không nao núng. Tôi có điệu cười khẩy làm bà ta điên tiết, làm ai cũng phải điên tiết. Bà ta muốn cho tôi cái bạt tai, nhưng tôi đã học được cách tránh. Tâm trí tôi bất động, đông cứng như nước đá bao nhiêu, thì cơ thể tôi lại hành động mau lẹ bấy nhiêu. Chẳng ai theo kịp tôi khi chạy đua. Phốc hai bước, tôi đã ở trong vườn hay tót ra ngoài đường. Tôi còn leo thoăn thoắt lên ngọn cây, tôi là một con khỉ. Tôi còn dám cắn lại như một con khỉ cái. Bà Badou phát ngán. Bà ta bỏ cuộc. Cái miệng xinh đẹp của bà ta tuôn ra hàng tràng những lời đe dọa, mặt sát: “Con ranh con! Đồ đi! Mà sẽ chẳng được tích sự gì đâu, rồi cũng bán tròn nuôi miệng thôi!” Tôi nghĩ, lần đầu tiên bà ta rửa tôi như thế, tôi mới lên chín. Tôi đã mau chóng hiểu được rằng, nó chẳng có nghĩa lý gì. Nói cho cùng, bà ta cần tôi hơn là tôi cần bà ta, để chăm sóc Bibi, để đi chợ và làm vô khối việc khác. Và cái ông Badou, tên cúng cơm là Derek, thì chẳng ưa gì những cảnh cãi cọ, ông chỉ nhốt mình trong căn phòng trên cao và nốc whisky, điều đó hẳn giúp ông chẳng nghe thấy gì nữa hết.

Khi gia đình Badou lụn bại, tôi thực cũng chẳng lấy gì làm lạ. Những con người này có quan tâm đến gì đâu. Đối với họ, chẳng có gì khác đáng kể ngoài những cuộc cãi lộn, la hét, đập phá, thế rồi lại làm lành, nước mắt, xin thứ tha, rồi thề thốt, kiêu thề của những kẻ say. Tôi thờ ơ nhìn mọi trò đó, tôi có cảm tưởng như đang ở vườn thú, trong một chuồng khi. Ông ấy, bố Badou, một chúa đờn ươi, hói nhẵn đến tận chóp sọ, đầu bự, tay chân lông lá, bụng phưỡn ra. Bà ta, Esther tự Chenaz, kém đức ông chồng mười lăm tuổi, suốt bao lâu cứ giả bộ như tôi là em gái hoặc chị em họ của mình. Từ khi biết bà ta chẳng phải mẹ mình, tôi cũng chẳng buồn để tâm ba cái chuyện bà ta kể cố làm ra vẻ trẻ trung. Tôi cứ ngỡ bà ta chỉ ghét tôi, cho tới một hôm, tôi vỡ lẽ ra rằng bà ta ghen với tôi, bởi tôi trẻ măng, tôi sẽ chiếm chỗ của bà ta, làm bà ta già đi, chế ngự bà ta bằng sức mạnh và trí thông minh của tôi. Bà ta còn ghen vì Bibi. Tha hồ cho tôi chơi ác với em, chế nhạo em, làm em khóc, Bibi vẫn rất mực yêu tôi. Tôi là thần tượng của em. Em muốn làm gì cũng giống tôi, sao y cách tôi nói năng, đi đứng, ăn vận, chải tóc. Tóc tôi dài và cứng, tôi bện thành bím dày thả tới ngang lưng. Còn tóc Bibi là tóc tơ, loan xoắn, gần như vàng. Em cố tình nhúng ướt để làm nó duỗi ra, rồi cố tết lại, nhưng hiển nhiên là không được, bím tóc tuột ra ngay còn cái nơ ruy băng thì lủng lẳng, dính vào một món tóc như thể mắc vào mạng nhện. Tôi biến em thành trò cười. Khi chúng tôi đi học về, tôi cố tình rảo bước để đánh lạc em. Không thì tôi nấp vào một cánh cửa, rồi đứng nhìn em quay ngang quay dọc, thốn thức. Không phải để đùa vui. Mà đúng hơn, nó tựa như một thí nghiệm khoa học. Tôi muốn biết làm ai đó cảm thấy bị bỏ rơi là như thế nào.

Và rồi cũng đến ngày phải dọn nhà đi. Chuyện chẳng làm tôi bất ngờ. Ông bà Badou càng ngày càng cãi nhau to, và khi đến nghe lén ngoài cửa phòng họ, tôi nghe thấy những mẩu chứng tỏ rõ sự thể đó: những “thế là hết, chúng ta đường cùng rồi”, những “thế anh có nghĩ đến tôi khi làm mọi điều đó không?”, những “đồ đểu, đồ độc ác, đồ ngu, anh mất trắng rồi, anh làm hỏng hết cả rồi, anh chỉ nghĩ đến thân anh, còn con gái tôi, nó sẽ ra sao? Còn tôi, anh có nghĩ đến tôi không?” Tôi lắng tai nghe, tim đập thình thịch, nhưng không thể nói rằng tôi lo âu. Thậm chí, thực ra, tôi còn thấy khoái nữa, như kiểu người ta ngoáy vào một cái răng đau. Thứ vết thương mà người ta gãi vào để khơi lại cơn đau. Bởi chừng tôi có là gì đâu trong cái gia đình này, bởi chừng, người ta đã phản bội tôi. Chỉ cần mỗi việc tính điểm, một cú bên này, một cú bên kia, đối thủ loạng choạng, ha ha! chẳng mấy ông Badou sẽ gục, và bà ta cũng vậy, Chenaz với cái mặt xinh đẹp, cả hai sẽ cùng đo đài. Bibi hẳn ngỡ ngợ điều gì đó. Giờ đây em dính nhằng nhằng lấy tôi như một con chó con đang hoảng sợ. Chính tôi cuối cùng phải nói toẹt với em điều đó: “Này, ông bà Badou toi rồi!” Em đã đủ lớn để hiểu chuyện. Chỉ có điều, em thì em sống trong mơ, em tưởng đâu chẳng gì có thể xảy đến với mình, rằng em sẽ luôn có căn phòng màu hồng, những chiếc gối Bambi, những con búp bê ngu ngốc và những phong bao nhỏ đựng mấy tờ giấy bạc mỗi khi bà tiên đến mang chiếc răng sữa đi (người ta chẳng bao giờ nói đến chuột bởi Chenaz kinh tởm giống này). Còn tôi đây, ít lâu nay, ngủ dưới đất, trên một tấm thảm, để tập dượt.

Phải kê biên tài sản. Những chiếc xe đẹp đã biến mất từ lâu, chỉ còn lại độc một chiếc xe tải nhỏ Volkswagen han gí. Ngôi nhà đầy những đồ linh tinh, tất cả những gì đến từ cửa hàng, từ kho, những hộp giày, túi xách, mảnh vải mẫu, chai rượu, những lọ nước Cologne, những hộp đựng đồ trang điểm, hộp bánh quy Marie, những thùng xà phòng, hai hay ba bộ bát đĩa sứ và thậm chí cả những quả bóng đá xẹp lép. Tất cả những đồ tạp nham này không bị những tay mõ tòa tịch thu và

đã được ông Badou kín đáo tẩu tán khỏi cuộc truy thu với hy vọng hảo huyền là bắt đầu lại cuộc sống ở nơi khác! Phải nói là thật buồn cười, khi sống giữa đống hỗn độn này, phải vượt qua trùng trùng những kiện hàng và thùng các tông để vào nhà vệ sinh. Cứ như thể sống trên bãi biển giữa những vật trôi dạt. Nghĩ thế khiến cuộc phá sản này đỡ bi thảm hơn.

Trong nhiều tuần, Bibi và tôi đã vào vai thương nhân. Trên thực tế, những người hàng xóm hay các chủ nợ là đối tượng phục vụ, và chính tôi là người được ông Badou đã giao nhiệm vụ bán hàng. Tôi cò kè định giá, quyết không nhượng bộ và tôi giữ tiền, cả tiền giấy, tiền cedi của Ghana, tiền franc CFA* hay thậm chí cả đô la, cuộn tròn buộc dây chun, tôi giấu dưới giường Bibi, và mỗi tối, chúng tôi mang ra đếm rồi nộp cho ông Badou, rất trịnh trọng, chúng tôi là những người bán hàng thực thụ, thủ quỹ của ông. Thật kỳ lạ, giờ đây khi chúng tôi đã phá sản, mọi sự lại êm xuôi hơn trong cái gia đình này. Không còn những cuộc cãi vã trong phòng bố mẹ, không cả những lời than vãn. Tôi ngủ trong màn với Bibi, cùng giường, như ngày xưa khi em còn bé và hãy còn sợ bóng đêm.

Sau đó là tan tác.

Tôi còn nhớ mùa hè năm đó, chiều nào trời cũng mưa. Tôi hiểu đã sắp đến lúc phải ra đi khi khách khứa nối tiếp nhau tới thăm, nào bạn bè của ông bà Badou, nào họ hàng xa lơ xa lắc, một bà dì Alma truyền giáo ở Cameroun, những anh chị em họ từ Pháp, đủ loại người mà chúng tôi chưa từng gặp trước đây. Và tất cả những người này đều mang đi thứ gì đó, ngay cả một viên mỡ tùa đến kiểm kê cũng trở đi với một bộ thìa bạc của Chenaz. Trường học đóng cửa, nên chúng tôi cứ quẩn chân họ suốt, Bibi và tôi, chúng tôi giám sát họ, nhiều lần chúng tôi còn giữ rịt đồ đạc, vật dụng để chúng khỏi “ra đi” quá nhanh. Bibi đã cứu được những con búp bê đầu sứ từng thuộc về bà

ngoại em, còn tôi giữ lại được bộ cờ vua, dù tôi chẳng biết chơi loại cờ này, tôi chỉ mê những kỳ sĩ bằng gỗ mun, và cả bàn cờ bằng gỗ dát, tôi dấm dúi giấu dưới giường Bibi, để bà Badou không lấy lại nó.

Thế rồi, vào thời kỳ đó, lan tới những tin đồn về chiến tranh ở Bờ Biển Ngà, những cuộc nổi dậy, Gbagbo* bị bỏ tù, người Thiên Chúa giáo chống lại người Hồi giáo, hình như người ta sơ tán hết những người nước ngoài sang các nước khác, như Burkina Faso, Guinée và thậm chí cả Maroc, các trường học của người Pháp tiếp nhận những đứa trẻ nước ngoài. Tôi đã nghĩ, một ngày nào đó cũng đến phải xách va li chuẩn đi như những tên trộm. Như những kẻ hành khất. Chúng tôi biết đi đâu chứ? Tất cả những nước châu Phi này, không phải dành cho chúng tôi. Ở những nước này người ta liệu có đón tiếp những kẻ ăn mày?

Ngay trước kỳ nghỉ, chúng tôi đã nói về chuyện ấy ở trường dòng. Bọn con gái, Wendy, Lizbeth, Françoise Gélín, Mireille Forester, Cécile, cặp sinh đôi Audrey và Alix Perl, Zohra Wenge, Dinah, Aïcha Ben Kassem, Melanie Chan Tam Chan và tụi con trai từ trường quốc tế, Ramón, Simon d'Avrincourt, và Jackie con lai với đôi mắt sáng đáng yêu, chúng tôi đã hứa với nhau sẽ tìm gặp lại nhau bất kể chuyện gì xảy ra, hứa sẽ viết thư cho nhau, ngay cả khi chúng tôi biết rõ rằng đó chỉ là nói dối, rằng chúng tôi chắc chắn sẽ chẳng bao giờ gặp nhau nữa.

Cùng Bibi, chúng tôi đi dạo dưới phố, để ngắm những hàng cây và những con dơi treo mình trên cành. Nước trong phá đục ngầu vì trời mưa, những con đường tắc nghẹt xe hơi và xe tải, xe kéo tay. Cứ như thế cả thế giới đang chuyển nhà, có lẽ là bởi chiến tranh đang đến và bởi tất cả người nước ngoài sẽ phải rời đến đầu kia của thế giới. Bố của Jackie là người lái xe, một mẫu xe địa hình lớn màu trắng, với biểu tượng của Liên Hợp Quốc sơn trên cửa xe. Bố Jackie làm việc

trong văn phòng, ông sớm muộn gì cũng lên đường đến Congo. Tôi rất quý Jackie, trước kỳ nghỉ không lâu, cậu đã mời tôi dự sinh nhật, chúng tôi đã lên phòng áp mái lén lút hút “cỏ”, và rồi chúng tôi hôn nhau, đó là lần đầu tiên một cậu trai cho lưỡi vào miệng tôi. Tôi quý cậu bởi cậu cũng không có mẹ, bà đã bỏ đi khi cậu sáu tuổi, nhưng tôi không kể gì về mình cho cậu hay. Tôi nghĩ vào lúc đó, tôi đang muốn ra đi cho thật nhanh, chấm dứt với châu Phi, để bắt đầu cuộc sống mới ở Pháp, ở Bỉ hay bất kỳ đâu.

Chúng tôi vượt biên vào tháng Mười, cảnh tượng thật nhộn nhạo, dòng người châu Phi xếp hàng từ sáu giờ sáng trên đường băng sân bay Roissy, gió đã lạnh, mây và mưa phùn, thứ chúng tôi chưa thấy bao giờ, một cô cảnh sát mặc đồng phục vừa ngáp vừa soi giấy tờ, hạnh hợe tôi tại sao lại không có hộ chiếu, chỉ có duy giấy khai sinh bằng tiếng Anh, một cuốn sổ tiêm chủng và bảng điểm ở trường dòng, một chứng nhận mất giấy tờ và một đề nghị cấp hộ chiếu, và ông bà Badou với hộ chiếu Pháp mới tinh, và dòng người xô đẩy, muốn vào, rồi leo lên một hành lang dài, Bibi và tôi với ba lô trên lưng ních đầy những thứ vặt vãnh, ảnh kỷ niệm, tay kéo hành lý, taxi chở chúng tôi trên xa lộ, đèn các xe trên đường vẫn bật sáng, cái cần gạt lạng lẽ gạt những hạt mưa. Bibi ngủ ngon lành trên vai tôi, miệng há, một lọn tóc vàng dính trên má như khi em còn nhỏ xíu.

Trung tâm văn hóa Malraux, công viên Disney tại Kremlin-Bicêtre* là thế giới mới của chúng tôi. Một nơi kỳ dị, nửa bám vào một gò đất, các tòa nhà xung quanh, những con phố dường như chẳng dẫn tới đâu, trừ xa lộ với tiếng ã ã như dòng sông triều cường, và nghĩa trang lớn ở phía bên kia. Lúc đầu, tôi và Bibi bịt mũi lại khi đi qua đó, trước đây chúng tôi làm thế khi ngang qua nghĩa trang nằm trên đường từ trường đến bãi biển Takoradi. Với lại, tất cả những con người ấy, trong tàu điện ngầm, trên xe buýt, hay đi bộ trên phố, những con người ấy không bao giờ dừng lại. Chúng tôi nhanh chóng hiểu ra rằng cần phải xóa nhòa quá khứ. Đối với tôi thật dễ, bởi đã từ lâu tôi đâu còn được sống cho ra sống nữa. Tất cả những chuyện xảy ra ở nơi ấy cứ như là không thực. Nhưng với Abigaïl (em không muốn tôi gọi em là Bibi nữa) thì gần như không thể vượt qua. Khi từ trường trung học 14 Tháng Bảy về nhà, em giam mình trong phòng với những con búp bê, những bức ảnh và những tờ tạp chí thời trang mà Chenaz mang về từ chỗ làm, vì bà Badou đã kiếm được một chân thư ký cho một nha sĩ ở phố Friant, cũng là tình nhân của bà ta. Về phần mình, ông Badou không còn chỗ đứng trong chúng tôi nữa. Sau một lần qua Paris, ông đến sống ở Bỉ, trở thành người quản lý cho một quán ăn bình dân nằm ven bờ Biển Bắc. Ông đã cố thử đưa Bibi đi cùng nhưng Chenaz không muốn, bà ta đặt dấu chấm hết cho mối quan hệ giữa họ, thậm chí bà ta còn yêu cầu ly dị. Tất cả những chuyện đó chẳng quan trọng gì với tôi. Đó chẳng qua là những trò, những mảnh của đám người lớn chỉ biết đến bản thân mình. Nhưng người khiến tôi buồn, chính là Bibi, bởi vì tôi thấy rõ rằng em không gượng dậy được. Tôi ở bên em khi tan học, tôi thấy em giở trang tạp chí hay bện tóc cho búp bê cứ như mới lên mười. Chúng tôi trò chuyện đôi chút, chúng tôi vờ như vẫn còn ở nơi xưa, trong ngôi nhà màu trắng, với khu vườn và con khi

cái Chuchi, con chó Zaza, con chó thuộc chủng sói, cùng bầy chim, vờ như cuộc sống ấy còn tiếp tục mãi. Cứ như thế một hôm chúng tôi tỉnh dậy, mọi chuyện sẽ lại như trước đây.

Em ngủ trong vòng tay tôi, tôi vuốt ve mái tóc mượt mà của em. Tôi thì thầm kể chuyện cho em nghe. Ngoài kia, là cái thành phố xa lạ với chúng tôi, những người xa lạ với chúng tôi. Chúng tôi đang ở trong một giấc chiêm bao, nơi mọi sự vẫn còn có thể. Chỉ cần hạ màn xuống, bật vô tuyến lên, và để thế giới tắt lịm.

Đôi khi, nhích từng tí một, thế giới bên ngoài vươn tới tận chúng tôi. Sau giờ tan trường, lũ con gái gọi điện, hẹn hò với đám con trai trong công viên Disney, hay tại trung tâm văn hóa Malraux. Chúng tôi luôn ở bên nhau. Bibi lớn nhanh hơn tôi, chúng tôi ăn mặc giống nhau, quần bò, áo polo đen có mũ, đi giày basket đen, khi trời rét thật sự, chúng tôi mặc một loại áo nệm bông không tay, cổ giả lông thú, nom chúng tôi như bọn cà lơ, hay nói đúng hơn là trông như những bù nhìn rơm. Tôi trang điểm cho Bibi bằng bút chì đen, giặm mí xanh lơ để em có đôi mắt cú, em thì nói là đôi mắt gấu mèo Mỹ do quầng xung quanh mắt. Khi bọn con trai đưa chúng tôi tha thẩn trong công viên Disney, hay ở trung tâm Malraux, chúng tôi không chịu rời nhau nửa bước. Tôi muốn em là người đẹp nhất, em là người mà lũ con trai ngắm nhìn. Dần dần tôi trở nên gầy gò đen đúa, chỉ duy mái tóc là còn đẹp, để giấu mình, tôi thả tóc xõa xuống một bên mắt, một dấu phẩy đen chắn ngang khuôn mặt. Về phần mình, Bibi đã có cặp vú và hông nở nang, em muốn giấu chúng đi nhưng lũ con trai thích em là vì thế, khi chúng nhìn em, tôi có cảm giác như mình bị soi thấy suốt. Tuy nhiên, có lúc tôi chế nhạo chúng: “Mày tưởng mày thông minh lắm hả, thằng kia?” Cậu ta luống cuống, trở nên hung hăng. “Mày không bén gót em tao đâu, hiểu chưa?” Cậu ta nhún vai, Bibi cười, em ôm hôn tôi để cho thấy rằng chúng tôi luôn sát cánh bên nhau.

Mặt khác, ngày nào chúng tôi cũng va chạm với nhau. Chỉ vì những lý do vớ vẩn, bởi vì tôi đi chơi mà không đợi Bibi, hay ngược lại, tôi không chịu cùng em đến trung tâm văn hóa. Tôi thiết gì văn hóa chứ? Chúng tôi có gì chung với những vở kịch chết tiệt của họ, với những cuộc tranh luận liên miên về chính trị, với những kế hoạch tương lai vớ vẩn của họ? Ngay cả các ca sĩ nhạc rap hay disco của họ, chúng tôi cũng đâu có biết đến. Họ chưa từng nghe nói đến các ca sĩ thực thụ của chúng tôi, Fela Kuti, Femi, Fatoumata Diawara, Becca*. Một lần tôi cho em nghe trên máy nghe di động của mình một bài hát của Fatoumata, đệm đàn ghi ta và trống, với chất giọng sâu lắng, uốn éo và ngoắt ngoéo của cô, tôi thích cô ấy lắm bởi vì cô là người lai Tàu hay đại loại thế, thế mà tất cả những gì em có thể nói là: “Sao chị thích thứ này ư?” Đúng, tôi thích thứ đó, nhưng em thì sao hiểu được chứ?

Dần dần, tôi thấy Bibi tuột khỏi mình. Chuyện diễn ra dần theo năm tháng. Sau giờ tan học ở trường cấp ba, thay vì về nhà, em lại bắt đầu la cà bên ngoài, ngày càng muộn hơn. Em đến các quán bar, uống rượu vang đỏ, tôi ngửi thấy mùi rượu từ miệng em, cả mùi thuốc lá trong tóc em. Một số tối, em đi làm bồi bàn, em chưa đến mười bảy tuổi nhưng nhờ bộ ngực, trông em có vẻ nhiều tuổi hơn, còn tôi thì trông như một thiếu niên ốm yếu, hông hẹp, ngực phẳng lì, trừ mái tóc khiến tôi trông như một con điên.

Còn có cả vấn đề tiền bạc nữa. Em nhận được tiền chuyển khoản của ông Badou cho, và cả quà từ gia đình Chenaz, nhưng tôi đâu có ghen tị. Chỉ có điều tiền bạc xen vào giữa thành một bức tường thành ngăn cách chúng tôi mà tôi không thể hiểu tại sao. Tôi nghĩ vào thời điểm đó Bibi đã biết chuyện. Chắc người ta đã cho em biết về mẹ tôi. Em không bao giờ nói về chuyện ấy, trừ một đôi lần, khi cáu giận, em bảo: “Chị là ai kia chứ?” Cứ như tôi được nhặt về từ một thùng rác, như một con mèo bị bỏ rơi dưới gầm xe hay gì đó. Em còn nói: “Chị

không được bảo tôi phải làm cái này cái nọ, chị chẳng có quyền gì với tôi hết.” Những lần ấy khiến tôi thật sự bị tổn thương, và không biết đáp lại thế nào. Thế rồi, tôi quen với ý nghĩ đó. Chính tôi là người ngửa bài trước. Tôi nói với em: “Chúng ta chẳng là gì của nhau cả, chúng ta đâu phải chị em gái thực sự.” Tôi nói: “Đi tâu với mẹ đi, bà ấy chẳng là gì với tao sất, chỉ là một người đàn bà thôi. Một Madame thôi.” Cho đến giờ tôi vẫn gọi như vậy: “Madame, Madame đã nói, Madame đã yêu cầu,” tôi chơi trò làm người hầu của bà. Tôi cúi rạp người: “Madame, bàn ăn đã sẵn sàng.” Trò đó khiến bà Badou tức điên.

Để mưu sinh, tôi làm nhiều công việc. Bibi thì chẳng khi nào tìm được việc gì, trừ làm trong quán rượu. Còn tôi thì tôi xoay xở không đến nỗi nào. Có lẽ, bởi vì tôi biết rằng mình không thể dựa dẫm vào ai hết, và biết rằng luôn phải nói dối. Tôi làm nhân viên bán hàng cho một cửa hàng nước hoa tại sân bay Orly, tôi có thể vào khu vực miễn thuế, và ngay cả đối với cái thẻ này Bibi cũng ghen tị. Hễ đọc được một tin tuyển dụng hấp dẫn nào, tôi liền đến trình diện trước tiên, và chính tôi là người được nhận. Nhưng công việc giúp tôi kiếm ra tiền lại là làm giám thị tại một trường tư, nằm ở phía công viên Monceau, một trường Ba Lan dành cho con nhà giàu. Trong nhóm tôi phụ trách có con trai của Poltanski, con gái của Boltanski, những đứa trẻ dòng dõi kiểu như thế, rất xinh xắn, rất được cưng chiều, nhưng tôi đã có kinh nghiệm do được rèn từ trước với Bibi. Họ tuyển tôi mà không đòi hỏi gì, tôi không có giấy tờ cũng chẳng có ai tiến cử, nhưng tôi biết chính xác mình phải ra mắt như thế nào, phải bịa ra những câu chuyện gì, phải ăn mặc, đi đứng, nói năng ra làm sao, tôi cho rằng mình đã trở thành tấm gương phản chiếu hình ảnh mà đám nhà giàu tưởng tượng về bản thân họ.

Quay cuồng, hư không, ồn ào và biến động. Tình trạng này lẽ ra có thể kéo dài mãi. Quảng trường, đường phố, tàu điện ngầm, ở bất cứ

đâu, ở nơi nào đó. Bà Badou rời đi vào một ngày đẹp trời, bà ta bỏ rơi chúng tôi để đến ở với tay nha sĩ, bác sĩ Lartéguy trứ danh, chuyên gia trồng răng và phẫu thuật thẩm mỹ. Bà ta đến ở với ông ta tại một căn hộ ở Paris, ngay từ đầu Bibi đã từ chối đến ở cùng họ, và chính tay bác sĩ là người tiếp tục trả tiền thuê nhà ở Kremlin-Bicêtre.

Cứ như thể chúng tôi chẳng muốn thấy gì, hiểu gì. Quên đi, làm tê liệt cái phần đầu óc vốn tạo ra ký ức. Một hôm, tôi tống vào sọt rác tất cả các bức ảnh chụp ở châu Phi, những quyển vở học trên lớp được đám bạn gái viết những lời yêu thương, những vần thơ, rồi vé xem phim, thậm chí cả băng video cassette cũ ghi lại ngày hội ở trường dòng Thánh Mẫu, khi Bibi mặc váy dài bó sát người, hát các bài của Billie Holiday và Aretha Franklin. Đã nhiều đêm Bibi không về nhà, tôi bực tức, giận run người. Tôi xé hết mọi giấy tờ, đập đĩa CD, thậm chí tôi còn cứa ngón tay trở và máu bắn ra khắp nơi nhưng chẳng có ai để thương xót tôi, tôi chỉ dùng băng dính băng vết thương lại rồi quấn ngón tay trong miếng giẻ.

Thế rồi Bibi trở về. Khi em bấm chuông, tôi không nhận ra em qua lỗ nhòm cửa. Tôi hỏi “Ai?” vì em không phát âm được tên của mình, tuy nhiên, thật dễ ợt, Bi-bi. Thậm chí em còn nói Abigail, em đứng ở thềm nghĩ đầu cầu thang, dựa vào tường, và tất cả những gì tôi nhìn thấy là em đang chảy máu. Miệng em sưng vù, đầy máu, một vòng tròn đen quanh mắt như bị bôi than, nhưng không phải là do thuốc chuột mi mà là do những cú đánh, và tóc thì dính bết vào má do nước mắt hoặc dãi. Tôi dìu em đến xô pha, em nằm xuống, úp mặt vào hai bàn tay, và tôi phải tách từng ngón để lau mắt và miệng cho em. Tôi không hỏi gì cả, dù sao em cũng đã uống quá nhiều, chẳng nói nên lời, em nồng nặc mùi rượu và cần sa, khi em mở mắt, tôi thấy đồng tử lệch sang một bên, không chốt vào tôi được. Tôi không gọi cảnh sát, tôi dám chắc, nếu thấy em trong tình trạng thế này, họ sẽ đưa em đến nhà thương để tra hỏi. Tôi ngồi bên em chờ đợi. Em ngủ cả ngày, thậm chí cả buổi chiều, trừ một lúc trở dậy vào nôn trong toa lét.

Những ngày sau, gần như tất cả thời gian, tôi dành ở bên Bibi. Tôi gọi điện đến trường báo là mình ốm, tôi hủy mọi cuộc hẹn. Tôi cứ ngồi dưới sàn bên cạnh xô pha, tôi nhìn em ngủ, tôi nhìn em ăn, tôi đỡ em dậy, giúp em mặc đồ. Em không thực sự đã kể được gì. Tôi nghĩ em chẳng nhớ gì hết. Em bảo là bị ngã ngoài phố vấp miệng vào vỉa hè, thế nên gãy chiếc răng cửa. Háng em có những vết bầm, tôi nghĩ em đã bị chuốc ma túy rồi bị hiếp, hẳn bởi là tay quản lý quán bar, nơi em làm việc, một gã tên là Perrone, và cả lũ bạn của gã nữa, nhưng em không nhớ tên chúng. Đây là thời chiến tranh. Bibi từng ở một nước có chiến tranh, cùng với tôi, chúng tôi phải ra đi vì người ta kể những điều gớm ghiếc, và giờ ở đây, cái thành phố văn minh này với những tòa nhà đẹp, những công viên sạch, tàu điện ngầm, ở đây có cảnh sát giám sát mọi sự, chính ở đây mà chuyện ấy đã xảy đến với em, chính ở đây em đã bị đánh đập, hãm hiếp, em bé gái Bibi, Abigail của tôi, hồn nhiên thế và hiền hậu thế, đưa em gái mà tôi vẫn vừa vuốt tóc vừa kể chuyện cho nghe. Chính tại đây.

Bà Badou đến. Tôi đã gọi điện báo cho bà ta biết những gì đã xảy ra. Bà ta tới trong bộ trang phục lập dị, quần mốt da báo, áo trượt tuyết anorak có cổ lông thú. Bà ta đi qua trước mặt tôi mà không thèm nhìn, bà ta ôm hôn con gái mình: “Con gái yêu, con gái quý của mẹ, người ta đã làm gì con, tha lỗi cho mẹ, đáng ra mẹ phải có ở đây, con yêu con quý của mẹ, nói cho mẹ hay đi con.” Bà ta lắp bắp. Bà ta phân bua với tôi, rồi bà ta buộc tội tôi: “Tại sao mà chẳng làm gì? Nhìn xem mà ể em mà rơi vào tình trạng thế nào đây!” Tôi lạnh lùng đáp: “Theo ý tôi, đáng lẽ bà phải đưa nó về nhà bà, ở đây không tốt cho nó.” Chenaz lên cơn lôi đình thịnh nộ: “Đồ ích kỷ! Mà... mà thấy em trong tình trạng thế này, mà chẳng làm gì, mà mặc kệ, mà *xăng phú* em, mà *xăng phú* tao, *xăng phú* chúng tao, *xăng phú* tú, mà trả thù!” Bà ta hóa dại. Tôi bảo bà ta thế. Bibi khóc, em cố bênh tôi, rồi em vào phòng đóng chặt cửa lại. Và tôi thu vén đồ lè và tôi tếch.

Tôi đã sống lang bạt hầu như khắp mọi nơi, ở Bourg-la-Reine với mấy người bạn - một cặp vợ chồng cùng con nhỏ, rồi với một cô bạn cùng chỗ làm ở tận đầu kia Paris. Tôi chẳng còn tin tức của ai. Thậm chí nếu họ có giết nhau thì tôi cũng chẳng hề hay biết. Thịnh thoảng tôi đến trung tâm văn hóa Malraux, để tập dượt. Đó không hẳn là một vở kịch, mà là một màn trình diễn kết hợp múa và âm nhạc Ả Rập, Hakim King đã soạn kịch bản, cải biên dựa vào đêm thứ *Hai trăm lẻ hai* trong *Nghìn lẻ một đêm*, chuyện Badoure giả trai và được con gái vua đảo Ébène yêu. Chính tôi đóng vai Badoure, có lẽ chỉ cần đội khăn giấu tóc đi là tôi giống hệt con trai. Hoặ cũng có thể vì tôi mang họ Badou, đó là điều Hakim đã nói từ đầu, như số trời đã định. Tôi không dám chắc điều này có tốt hay không, nhưng tôi thích khán phòng chìm trong bóng tối, sân khấu tràn ngập ánh sáng và để cho âm nhạc lướt trôi.

Khi rời khỏi trung tâm, tôi tránh lối quảng trường, tôi ngược lên phố Verdun và vòng qua mấy tòa nhà. Một tối nọ, tôi liếc nhìn về phía cửa sổ và thấy màn hình đã buông. Điện thoại không kết nối được, có lẽ đã bị cắt. Bỗng chốc tôi thấy đau lạ lùng ở sườn phải, tôi cúi gập mình như vừa bị đâm.

Tôi thậm chí còn làm một điều mà tôi không bao giờ tin mình có thể làm được. Một tối thứ Bảy, tôi đến quán bar ngày xưa Bibi làm việc. Tôi muốn gặp Perrone. Tôi chẳng có gì để nói với hắn, chỉ là cơn giận, cảm giác trống rỗng và giận dữ. Tôi đến ngồi trong bar, uống một cốc bia. Điều đặc biệt ở quán của Perrone là các cô gái nhận lời đề nghị thông qua người phục vụ quầy bar để xuống tầng hầm gặp khách. Thế là bất hợp pháp, nhưng mọi người đều biết cả. Khi từ châu Phi tới, Bibi và tôi đã đến bar này, chúng tôi đang bình thản uống rượu thì một gã trai gửi đến một tờ năm mươi, và nói đợi chúng tôi trả lời. Chúng

tôi cầm tiền rồi vọt mất. Không phải là ăn cắp, mà chỉ để lũ chó đẻ ngạo mạn tưởng có tiền là mua được hết ấy một bài học.

Chẳng có gì xảy ra. Nói chung, lũ con trai để ý Bibi. Tôi đã chờ, nhưng chẳng ma nào đề nghị. Có lẽ Perrone đã được báo là tôi ở đó. Tôi có thể làm gì đây? Lẽ ra tôi đã có thể hét tướng vào mặt gã để cho thiên hạ ai cũng nghe thấy: đồ khốn nạn, mày đã hiếp em gái tao, mày đã đánh nó, làm gãy một cái răng cửa của nó! Tại sao Bibi không đi thưa cảnh sát? Tại sao em lại chấp nhận điều đó, như thể em chẳng là gì, chỉ là một cái giẻ, một món đồ chơi tình dục, một đứa con gái chẳng có tự ái? Đó cũng chính là lý do tôi rời bỏ căn hộ, tôi không thể chịu nổi việc nhìn thấy em nữa, không phải vì mẹ Chenaz điên rồ, mà chỉ vì em, vì em chấp nhận mọi thứ người ta làm với em, và có lẽ thậm chí một ngày kia, em sẽ trở lại bar này, đi chơi với Perrone và thành bạn gái của hắn cũng nên. Tôi muốn nôn mửa. Tiếng nhạc nện thình thịch trong đầu, trong bụng tôi. Tôi muốn đi xuống hầm, nhưng một thằng đã chặn ngang cầu thang. “Cô muốn đi đâu?” Tôi tưởng tượng ra cảnh Bibi đang uốn éo múa lượn rồi uống rượu trước mặt lũ đàn ông, tôi xây xẩm mặt mày. Tôi hỏi lối tới toa lét, tôi rửa mặt bằng nước lạnh, rồi bỏ ra đường. Trống rỗng và tức giận.

Một bức tường đã được dựng lên chia cách chúng tôi. Trong suốt hơn một năm, tôi không nhận được tin tức gì. Tôi gọi điện, di động của em lúc nào cũng ở trạng thái trả lời tự động, tin nhắn cũng chẳng có hồi đáp. Tôi chẳng còn biết gì về em. Tôi tới Friant rình đợi em. Sau đó tôi được biết bác sĩ Lartéguy đã chuyển đến gần Neuilly. Chính Chenaz đã cho tôi biết. Tôi bấm chuông và bà ta tiếp tôi ở thềm cửa. Người bà ta che hết tầm nhìn.

“Tôi có thể gặp Bibi không?”

- Nó không có ở đây. Mày muốn gì ở nó?

- Khi nào con bé về?

- Tao không biết, nó không ở đây nữa.

- Con bé có khỏe không? Con bé có đi làm không?”

Vẫn là đôi mắt ti hí đó của Chenaz. Lần đầu tiên tôi nhận thấy chúng ánh lên vẻ độc ác, chắc hẳn bà ta không có thời gian trang điểm, hàng lông mày cụt lùn của bà ta giống hệt cái đuôi chổi.

“Nghe này, hãy để cho nó yên, nó không muốn gặp mày nữa.

- Tôi muốn nghe chính con bé nói với tôi điều đó.

- Sau tất cả những gì đã xảy ra...

- Chuyện gì đã xảy ra? Đó là lỗi của tôi hay sao?”

Tôi dẫn tới một bước, Chenaz cảm thấy bị đe dọa liền làm động tác đóng cửa, một cách vô thức tôi liền dùng mũi giày chặn cửa lại.

“Đừng ngoan cố, nếu không tao sẽ gọi cảnh sát.”

Cơn giận dữ dâng trào trong tôi, khiến tôi run lên, nhưng lạ lùng thay, mắt tôi ráo hoảnh, tôi không muốn người đàn bà gớm ghiếc này tưởng có thể làm tôi tổn thương. Khi xuống cầu thang mà không buồn bật đèn, tôi nghe thấy cái giọng the thé của mẹ ta hét lên: “Cút đi! Đừng bao giờ trở lại nữa, Bibi và tao, chúng tao không muốn gặp mày nữa, mày có nghe thấy không? Đừng bao giờ trở lại nữa.”

Em có tất cả. Con bé có tất cả, còn tôi thì chẳng có gì. Một người mẹ, một người cha, tiền bạc, phòng ở, những kỷ niệm, quần áo từ thời thơ ấu, những cuốn vở học trò từ thời con bé còn tập viết, em không hề được chữ *r*, em toàn viết ngược, rồi bảng cửu chương, các phép tính, em không biết làm phép chia và phép trừ. Còn tôi, chẳng ai giữ gì về thời thơ ấu cho tôi. Tôi đã nghĩ điều đó là bình thường, vì em nhỏ hơn, tôi phải bảo vệ em. Tôi còn nhớ, một hôm, ở Takoradi, chúng tôi đi ăn tiệc với ông bà Badou, buổi tiệc diễn ra trong vườn một sứ quán, khắp nơi đầy con nít cùng cha mẹ chúng, ai đó đã hỏi ông Badou tôi là ai, ông ấy đã trả lời: “Con bé đó hả? Nó là con gái một người bạn.” Tại sao khi ấy tôi lại không nói gì? Khi ấy tôi vẫn chưa biết sự thật về

lai lịch của mình. Lẽ ra, hôm ấy, tôi đã phải hiểu. “Con gái một người bạn.” Lẽ ra ông ấy có thể nói: “Không ai hết. Đừng để ý làm gì.” Từng chữ từng lời trở lại trong trí tôi, từ rất xa, từ bên kia thời thơ ấu, một câu nói trong giấc mơ tồi tệ, tôi cảm thấy tất cả những gì Chenaz nói sau đó chẳng là gì so với những lời ấy. Thà nói “con gái của quý sứ” tôi còn thích hơn, vì như thế ít ra còn làm cho tôi cười được.

Tôi muốn xóa đi tất cả. Tôi không muốn nhớ bất cứ điều gì nữa. Tôi vùi đầu làm việc rồi uống bia trong các quán bar. Giờ đây tôi có một người bạn, anh ta khẳng định mình là nghệ sĩ, anh chàng Hakim Kang ở trung tâm văn hóa. Anh cao và gầy, tôi rất thích đôi bàn tay anh, sự dịu dàng, đôi mắt hình quả hạnh, nước da màu nâu sáng, tất cả làm tôi nhớ đến cậu con lai Jackie, người từng yêu tôi ở Takoradi. Hakim chơi ghi ta rất hay, anh viết nhạc cho đêm diễn *Hai trăm lẻ hai*.

Uống rượu, tức là ngã xuống một cái giếng rất sâu, xa khỏi mặt đất. Ở đáy giếng, tận cùng đáy giếng, là cỏ êm trải thảm, nhưng ngủ trên thảm cỏ này lại có vị ngọt khé, đến nôn nao. Hakim đưa tôi về nhà anh, về căn hộ gần quảng trường Disney. Lần đầu tiên về đó, anh cởi đồ cho tôi, và nhìn tôi ngủ sấp bụng trên giường anh, miệng dán chặt xuống nệm. Anh không chạm vào tôi. Anh kể là tôi ngáy rất nhiều, và nói thêm: “Em ngáy dễ thương lắm, giống như con mèo đang mơ, có lẽ vậy.” Tôi thấy điều đó thật lãng mạn. Nếu anh lợi dụng lúc tôi ngủ để cố làm tình thì tôi đã chẳng bao giờ gặp lại anh nữa. Khi tôi tỉnh dậy, anh đang chơi ghi ta với miếng giảm âm, không nối vào ampli. Các nốt được giảm âm tuôn ra nhẹ nhàng, giống như âm thanh đàn ba la phong. Phòng anh ở giữa tầng trệt và hầm, chỉ có cửa thông gió ngang mặt đường - một giàn song sắt đặc nghệt bụi. Phòng đầy mùi mồ hôi và ẩm mốc, tôi không thể ở lại quá lâu. Một lần khác, chúng tôi đã làm tình với nhau, hoặc gần như là vậy, bởi tôi vẫn còn trinh và anh không thành công lắm.

Thời gian trôi đi. Sau mùa hè nóng như thiêu, đường phố vắng tanh, rèm cửa được cuốn lên. Tôi nhốt mình trong một nơi như hang động, và lại phần lớn thời gian tôi ở thủy cung Trocadéro. Tôi những muốn được làm việc ở đó, nhưng họ không nhận những người không có giấy tờ. “Cô sinh ở đâu? - À, ở đây.” Đa số không muốn tin tôi. “Cô có thẻ căn cước hay sổ hộ khẩu không?” Tôi chỉ có sổ tiêm chủng, chứng nhận của trường dòng, và qua những mùa mưa mới giấy tờ ấy đã bắt đầu bị mục rách. Nếu bị kiểm tra, chuyện gì sẽ xảy ra với tôi? Họ sẽ đưa tôi đi đâu? Về Phi châu, tôi sẽ thích thế. Có lần, tôi đã nghĩ đến việc giả danh Bibi. Tôi vẫn giữ cái thẻ căn cước cũ mềm của con bé làm lúc mười sáu tuổi. Nhưng thậm chí cả ở đó, trên bức ảnh đã nhòe, chúng tôi cũng không hề giống nhau, em tóc xoăn hoe vàng mắt sáng

hơi sụp xuống, còn tôi ngăm đen, tóc xù và mắt hình quả hạnh. “Cô có vẻ giống người Việt Nam,” Hakim nói vậy hồi mới quen tôi. “Tại vì tôi là con nuôi,” tôi giải thích. Tôi nói thêm: “Tôi không biết cha mẹ mình là ai. Có thể họ là người Việt Nam.”

Thủy cung thường yên ắng. Ở dưới lòng đất rất mát mẻ, chỉ có thứ ánh sáng lờ nhờ màu lục nhạt hắt ra từ bể nước nơi lũ cá lịch biển đang bơi. Tôi ngồi trên một băng ghế, tôi ngắm những tia sáng phản chiếu, những mảng tối dập dềnh. Nó giống với thế giới mà tôi thường mơ thấy.

Tôi đi du lịch tại chỗ. Mang theo của cải trong ba lô. Ban ngày tôi đi bộ sớm qua các con phố, như khách du lịch, tôi dừng chân ở các vườn hoa công cộng. Vô số người giống tôi, những người trẻ, người nước ngoài. Đôi lúc là những người ăn mày chuyên nghiệp, những kẻ móc túi, tôi nhận ra họ từ xa qua dáng vẻ láo liên của họ, và tôi chuồn. Đối với những người còn lại, tôi gần như vô hình. Đó là điều tôi muốn, tôi muốn đi xuyên tường. Quãng ba giờ chiều, nắng ngọt ngọt. Đường phố dường như dài ra bất tận, không khí như rung lên trên lớp nhựa đường. Nếu đang ở quá xa thủy cung thì tôi kiếm bóng râm trong một vườn hoa công cộng, để ngủ một chút. Tôi biết ban ngày thì chẳng có gì nguy hiểm. Chỉ thỉnh thoảng bị mấy gã trai lơ sán đến cửa cấm cầu may. “You spik frenchie?” “Vats yur nem?”* Chỉ cần không trả lời hoặc nếu gã cứ gặng hỏi thì bỏ vào một cửa tiệm nào đó. Nói chung loại ấy cũng dễ bỏ cuộc thôi.

Những khi không đóng đô ở nhà Hakim, tôi kiếm một phòng nhỏ tạm trú ban đêm, ở chỗ các xơ, hoặc một khách sạn rẻ tiền nào đó gần ga. Tuy nhiên, số tiền tôi kiếm được ở trường Ba Lan đang bốc hơi nhanh chóng. Tôi tính mình sẽ cầm cự được khoảng ba tháng. Sáu, nếu tiết kiệm.

Tôi không mua thuốc lá nữa. Khi thấy ai đó trong phòng dành cho khách hút thuốc, tôi lân la đến hỏi: “Ông làm ơn cho tôi xin một mẫu thuốc được không?” Trò này cũng hiệu nghiệm với mấy cụ già ngồi trên ghế công viên, rồi tôi biến nhanh với mẫu thuốc đó trước khi họ kịp lên lớp tôi về đạo đức. Nguy hiểm nhất là mấy tay cớm mặc thường phục. Nhận ra họ cũng dễ thôi vì họ thường đi hai người, thành cặp, nhưng thấy ngay họ không phải là tình nhân. Vì lý do đó mà tôi luôn phải mua vé tàu điện ngầm. Dù vậy, có một lần tôi đã bị một cặp chặn lại. Họ tra hỏi tôi vài điều rồi gã đàn ông định để tôi đi nhưng người phụ nữ thì không tin, và họ cho tôi lên xe đưa về đồn. Ở đó, một viên thanh tra kiểm tra giấy tờ của tôi, và xem ra đồng chứng chỉ học đường với chứng nhận mất giấy tờ cũ mèm của tôi không thuyết phục được họ. “Cô ở đâu?” Tôi cho địa chỉ ông Lartéguy, họ liền gọi điện. Cuộc nói chuyện hơi kéo dài, rồi họ thả tôi về: “May cho cô, tội lang thang không còn được tính từ mấy năm nay.” Dù vậy họ vẫn lấy dấu vân tay và ghi chú họ tên tôi vào sổ. Tôi thấy thật khôi hài, vì đó là lần đầu tiên, từ lâu lắm rồi, tôi mới có một sự tồn tại chính thức.

#

Tôi là một bóng ma. Tôi nói vậy vì tôi không còn cách nào khác để diễn tả cuộc đời mình trong thành phố này nơi tôi cứ bước đi, bước đi hoài, lướt dọc theo những bức tường, rồi chạm trán những người mà tôi sẽ không bao giờ gặp lại nữa. Không quá khứ lẫn tương lai, không tên tuổi, không mục đích lẫn kỷ niệm. Tôi là một thân thể, một khuôn mặt. Hai con mắt, cùng với đôi tai. Thực tế chở tôi trên những con sóng trôi theo dòng, đây hay đó. Một công xe, một siêu thị, một sân chung cư, một con ngõ, một nhà thờ. Khi ta là một bóng ma, ta thoát ra khỏi mọi thời - thời gian và thời tiết. Mưa, nắng, những đám mây vội vã, những cơn gió nóng rồi gió lạnh. Rồi lại mưa. Trong những tia nắng đông đưa những hạt bụi, đôi khi là cả những chú ruồi. Những tiếng động vang lên, còi xe inh ỏi, tiếng ì ầm, tiếng lũ trẻ la hét trong công viên vắng. Tiếng lanh tanh chói tai, nhẹ nhàng rồi đình tai nhức

ốc của xe điện lao nhanh hết tốc lực trên mặt cỏ giả, tiếng phanh phạch của trục thẳng bay qua bầu trời. Lúc đó có phải tôi đang nói như thể tôi đang đeo tai nghe không? Tôi đã mất cái máy nghe nhạc, nhưng để tìm lại tôi chỉ cần đưa ngón tay út vào lỗ tai là nghe thấy giọng Aretha Franklin, Bessie Smith, Fatoumata, Becca. Tôi nghe Fela đang dẫn từng từ một, *I am not a gentleman*^{*}.

Đó là những từ duy nhất còn có nghĩa gì đó. Những từ khác đã chết cả. Những từ ngữ thành ra cái gì khi chúng chết? Chúng có về trời cùng những đám mây không? Hay về một thiên hà xa xôi nào đó, ở phía thiên hà Tiên Nữ, đậu lại trên một tinh cầu không tên mà người ta sẽ không bao giờ thấy? Là bóng ma không có nghĩa là không còn mắt nhìn. Ngược lại, tôi thấy tất cả, đến từng chi tiết nhỏ nhất. Từng nếp nhăn, từng kẽ nứt, từng vết bẩn trên bề mặt via hè. Đây, một vệt màu đỏ trên tường. Kia, những mẫu còn sót lại của những tấm áp phích, những chữ đứt rời, những âm trôi nổi

BLE

ond

PI

những con số

3077

n×0t125Ibtac1212

những mốc ngày tháng

từ nay thành rác thải vô ích của thời gian.

Và tất cả những con phố

Paterne

Pasteur

Fontame-du-But

Ruhmkorff

Valette

Ernestine

Antoine-Carême

Ecouffes

Gribeauval

Belzunce

Valmy

vạch ra những lộ trình điên rồ, như thể tôi đã đi hết mọi nơi, theo những con ngõ này, những hành lang này, những đại lộ này, dù chỉ một lần duy nhất trong đời.

Tôi đi bộ tay cầm một tấm bản đồ, một cuốn cẩm nang du lịch mà tôi mua bên bờ sông, lúc đầu là để ra vẻ du khách, lừa phỉnh mọi người là tôi đi thăm thú các bảo tàng, đền đài và những quán cà phê nổi tiếng. Rồi tôi nhanh chóng quên mất lý do, tôi liệt kê những con phố mình sẽ không đến và đọc to chúng lên.

Ngồi trên một băng ghế dưới kim tự tháp*, vì trời khá mát mẻ, và chúng tôi có đến hàng nghìn người, đàn ông, đàn bà, trẻ con, hàng nghìn người đang băng qua khoảng không, mắt vô hồn, chân rã rời. Tôi vạch ra những lộ trình phức tạp: từ Brochant, băng qua phố Moines, đi qua trước nhà thờ Sainte- Marie, rồi phố Legendre cho tới tận phố Dulong, băng qua đại lộ, phố Beme, Constantinople, phố Rome tới tận ga Saint-Lazare. Tới đó, đứng lại một chút, rồi nhìn, rồi nghe, rồi xác định mọi thứ.

Có gì đó cháy rát trên cơ thể tôi. Tất nhiên là nắng (nhưng không phải như thể ở châu Phi không có nắng). Ban đêm, sau một ngày đi bộ qua những con phố và công viên bụi bặm, băng ngang những khoảng

sân lớn, trèo qua hàng loạt cầu thang, ngồi trên những chiếc ghế đá, tôi cảm nhận những vết bỏng rát trên mặt, trên cánh tay, trên chân mình. Một kiểu sốt từ bên ngoài tới và chui vào tôi qua lớp da. Khi rửa mặt ở toa lét quán cà phê, tôi thấy mặt mình trong gương sạm đi, mắt đỏ ngầu. Dần dà tôi trở thành quái vật. Phụ nữ xa lánh tôi. Những người khác lén liếc nhìn tôi. Có một lần, tôi bắt gặp ánh mắt một phụ nữ trong gương. Ngay lập tức tôi nổi cơn điên. Tôi tóm lấy đôi vai cô ta và la lớn: “Mày muốn gì? Nói ngay, mày nhìn cái gì hả?” Cô ta vùng thoát ra rồi chạy mất, tôi nghe giọng cô ta tru tréo chửi rủa. Đầu tôi quay cuồng, tôi lại như nghe thấy giọng Chenaz: “Nó điên đó, con nhỏ đó điên đó!” Trong phòng, tay bồi bàn trả lại ba lô cho tôi. “Chỗ chúng tôi không phục vụ cô đây.” Tôi thậm chí còn không phải trả tiền ly cà phê. Đó là lần đầu tiên chuyện như vậy xảy ra, và về sau nó gần như trở thành một thói quen. Cà phê, cãi lộn, bị đuổi cổ. Những vụ như vậy lại làm tôi thêm tự tin: khi thiên hạ sợ tức là họ bắt đầu nhìn thấy ta. Ta tồn tại.

Dần dà, tôi đã nhích đến gần phố Friant, phòng nha của bác sĩ Lartéguy. Tôi thường lưu lại rất lâu ở Vườn Bách Thảo, trong nhà kính. Khi ấy là cuối hè, trời mưa suốt. Nước rùng rùng trên mặt kính, tôi thấy lại mùi đất Phi châu, tôi lắng nghe tiếng những giọt mưa lộp độp. Tôi hít hà mùi ẩm ướt. Tất cả đến như một thoáng rùng mình, như cơn sốt ngày xưa, một cảm giác vừa dịu vừa đau. Tôi hồ như muốn khóc. Tôi thì thầm: “Bibi, em ở đâu? Tại sao em bỏ chị?”

Con bé từng suýt chết vì sốt. Trên con đường dọc biển, khi từ Grand-Bassam về. Trời cũng mưa nặng hạt như thế này, cái nóng làm tóc ẩm ướt. Chiếc xe lắc lư trên những vết lún xe, bầu trời đen kịt. Ở biên giới, chúng tôi phải chờ hai giờ, giấy tờ xe không hợp lệ, tôi thì vẫn không có hộ chiếu, bố tôi điều đình, rồi nộp phạt hàng cuộn tiền cedi. Khi chúng tôi về đến nhà, Bibi nói không ra tiếng, đứng không vững. Tôi ở bên con bé cả đêm. Tôi muốn cầu nguyện nhưng không

thốt ra được điều gì khác ngoài việc lặp đi lặp lại cho đến đờ dại: “Chúa ơi, đừng để con bé chết.” Hôm sau, bác sĩ đến chích vài mũi chloroquine nhưng cơn sốt còn kéo dài thêm vài ngày. Ông ấy nói Bibi có thể lên cơn co giật và vẫn ở trạng thái chưa bình thường. Tôi canh chừng từng giây, từng cơn run rẩy, tôi đến tủ lấy khăn ướp lạnh, tôi ép em uống nước, tôi giúp em ngồi lên bồn cầu để đi vệ sinh. Sau này tôi nghĩ đó là lúc tôi bắt đầu rời xa Bibi. Có thể là tôi không muốn đau khổ, đơn giản thế thôi, và rồi tôi biết rằng Bibi không phải em ruột mình, rằng sớm muộn con bé cũng sẽ bỏ rơi tôi, rằng em sẽ về phe ông bà Badou. Rằng em sẽ sống cả đời bên nhà đó. Và điều đó đã xảy ra.

Hakim đón tôi về ở nhà anh. Anh yêu tôi, anh muốn tôi thành bạn gái của anh. Hay đúng hơn, anh muốn thành người tình của tôi, đó là từ anh đã dùng. Anh muốn chúng tôi bắt đầu cuộc sống chung, cuộc sống của người trưởng thành. Anh đã trốn khỏi gia đình, cha anh là người hung dữ, anh đã trải qua thời thơ ấu giữa mẹ và những trung tâm cơ nhỡ, anh đã nếm mùi những điều tồi tệ nhất, những cuộc trốn chạy, những cuộc chiếm ngụ, những băng du côn ngoại thị sống buôn gian bán lận và trộm cướp. Anh chỉ hơn tôi năm tuổi nhưng nói năng như anh lớn của tôi. “Đừng làm cái này, đừng làm cái kia, em còn tốt hơn cả lũ ranh này cộng lại.” Tôi nghe lời anh, tôi theo học khóa kịch, tôi đến những buổi gặp gỡ. Anh đã chọn tôi cho vở đêm thứ *Hai trăm lẻ hai*, anh nói tôi sinh ra để đóng kịch.

Anh có rất nhiều bạn, tất cả đều tin chúng tôi thực sự là một cặp uyên ương. Nhưng sau vài tuần, tôi lại cảm thấy trống rỗng và giận dữ, rồi tôi lại ra đi, đeo ba lô và mũ chụp xuống tận mang tai. Tôi cần yên lặng, nghĩa là cần tiếng động phố phường, cần chen vai thích cánh giữa đám đông. Tôi quanh quẩn ở Bicêtre, hoặc những con phố gần Jussieu và Vườn Bách Thảo, hoặc gần ga Austerlitz, Saint-Médard, Ortolan, Pestalozzi, Patriarches, và cả khu Denfert- Rochereau, Tombe-Issoire, Alésia, Broussais, Cabanis, rồi cả quanh bệnh viện

Sainte-Anne, Pascal, Cordelières, Broca, Croulebarbe, Reculettes, Boussingault, và dù ngày này hay ngày khác, hoặc đúng hơn, dù sáng hay chiều, bao giờ cũng trở về phía Friant, qua đại lộ Marne, Châtillon, Chantin, Cam, Carton, Coulmiers, tại sao luôn luôn là những tên phố bắt đầu bằng chữ c? Rồi cái sân trong ở khu Friant, bao quanh là những mảng tường gạch xấu xí, nơi có cái tháp chuông quen thuộc, những thanh niên lang thang, những mục già say khướt, thỉnh thoảng bị đám bảo vệ của siêu thị kể bên và những người gác cổng cấm cản đuổi đi, nhưng họ vẫn luôn quay trở lại như thể bỏ quên cái gì đó, vẫn ở chỗ ấy, trong những ngõ hẹp bẩn thỉu, giữa những chùm hoa bọ cạp vàng và hoa trúc đào, với ánh nắng dịu nhẹ phản chiếu lên những mặt tiền bằng kính, và trong số những ô cửa sổ kia có cửa sổ nhà nha sĩ Lartéguy cùng mục trợ lý da rám nắng, còn gọi là Chenaz Badou.

Tôi thuộc hội những kẻ lang thang: vô gia cư, ăn mày, trẻ nghèo đói, phường móc túi, gái làng chơi, những ông già tứ cố vô thân, những bà già chân bị loét phù tĩnh mạch, những người trẻ trầm cảm, những nông nô, những kẻ bị phát vãng, người Phi lưu vong, những tâm hồn nhạy cảm, những môn đồ mới đang tìm đạo sĩ, thầy bói về vườn, những kẻ rắp tâm tự sát, những kẻ giết người nhút nhát, những bà mẹ mất con, những người vợ bị ruồng bỏ, những thiếu nữ trốn nhà, những kẻ phô dâm đáng xấu hổ, và còn nhiều loại khác nữa. Còn tôi, kẻ không tên, không tuổi, không nơi sinh, tôi đến nền đất này như một chiếc vỏ bị sóng đánh dạt vào bờ.

Một ông lão người Mauritanie mặc áo choàng dài ngay giữa tiết trời mùa hè đang đọc sách, rồi xướng lên lời giáo huấn của nhà tiên tri Muhammad, thoát tiên bằng tiếng Ả Rập, sau đó bằng tiếng Pháp, chậm rãi, không vấp vấp:

“Con người ta, mỗi ngày mặt trời mọc, đều phải làm từ thiện trên từng khớp cơ thể mình. Công bằng giữa hai người là một điều từ thiện,

giúp ai đó cười lên lưng ngựa hay giúp người đó chất hàng là một điều từ thiện, một lời nói dịu dàng là một điều từ thiện, mỗi bước đi đến chỗ cầu nguyện là một điều từ thiện, dẹp mọi chướng ngại vật trên đường cũng là một điều từ thiện.”

Tôi không hiểu rõ lắm ý nghĩa những lời này, nhưng chúng khiến tôi cảm thấy thật thanh thản.

Một hôm, ông lão nhìn tôi và bảo: “Hãy yêu Thượng đế như thể con thấy Ngài, bởi dù con không thấy Ngài thì Ngài vẫn thấy con.”

Nhưng tôi đâu có kiếm tìm Thượng đế, tôi muốn nói với ông lão như vậy. Người mà tôi tìm kiếm là mẹ tôi. Người đã tạo ra tôi, đã nuôi dưỡng tôi bằng máu và sữa của mình, người mang tôi trong mình rồi quẳng tôi vào thế giới. Những chuyện khác liệu có quan trọng với tôi? Nào chiến tranh, đói nghèo, nào tội ác, cách mạng, liệu đó có phải việc của tôi không? Đúng hơn đó là việc của Thượng đế nhà ông, người nhìn thấy tất cả.

Hakim King nói liên tục hết chuyện này sang chuyện kia, mọi thứ trên đời, anh nghe đài, anh xem ti vi rồi anh phẫn nộ. Thảm sát người vô tội ở Beyrouth, Djenin, khủng bố cảm tử và đánh bom ở Iraq, Gaza, Phi châu. Thoải mái trong căn hộ của mình, anh có thừa thì giờ để nói về các chuyện đó, giữa đám bạn hữu và mấy trợ lý, với đồng lương nhân viên xã hội ở trung tâm Malraux, uy quyền của anh. Cái nhà hát chết tiệt của anh. Anh thì lúc nào chẳng ở bên hợp lẽ. Anh thì vẫn luôn có mẹ. Một hôm, anh giới thiệu tôi với mẹ anh, ở khu ngoại ô gần Melun, anh gõ cửa căn hộ của bà và bà ra mở cửa, một bà già nhỏ bé, nhăn nheo và còng, mặc áo caftan thêu, đôi tay và trán xăm màu xanh lơ. Bà nói tiếng Pháp không sõi, câu cú lúc lại xen lẫn những từ Ả Rập, bà mời chúng tôi trà ngọt và chà là khô, khi chúng tôi rời đi, Hakim hôn lên trán bà.

Tôi bấm chuông nhà bác sĩ Lartéguy. Tôi cứ ngỡ sẽ gặp Chenaz, nhưng người mở cửa lại là một cô gái. Cô bắt tôi điền một tờ khai. Tôi

không khai gian, rằng tôi hầu như cái nào cũng đau. Đúng vậy, đây là lần đầu tiên tôi đi khám bác sĩ. Tôi bịa ra một cái tên, Rebecca Kuti, tôi dám chắc ông bác sĩ chưa bao giờ nghe nói đến dòng nhạc afrobeat*. Phần địa chỉ, tôi định viết là Lagos, Nigeria, nhưng cô lắc đầu: “Không có địa chỉ ở Paris à?” Thế là tôi khai địa chỉ nhà Hakim King.

Cuộc thăm khám diễn ra chóng vánh. Bác sĩ quan sát miệng tôi, kéo khẩu trang xuống, đẩy kính lên và bản án được tuyên: “Cô gái ạ, răng cô ở trong tình trạng mà sẽ phải mất hàng tháng mới chữa khỏi hết cho cô, cô nên tính cách khác, đỡ tốn kém hơn.” Cách nào bây giờ? “Nhổ hết răng hỏng và trồng răng giả, nếu cô không có tiền thì có thể bảo hiểm sẽ trả cho cô.” Suýt chút nữa thì tôi phá lên cười. Liệu ông ta có nói điều tương tự với cô con gái nuôi của mình, với đứa trẻ tuyệt vời đã được ông ta đăng ký cho học trường Y để đến năm hai mươi tám tuổi, cô ta sẽ không còn cái răng nào nữa mà thay vào đó là mấy cái móc kim loại gắn vào hai cái răng hàm cuối cùng? Trên một tờ giấy có in sẵn tên, địa chỉ ở đầu trang, ông bác sĩ nguệch ngoạc tên một nha sĩ nào đó ở bệnh viện. Ông từ chối lấy tiền. Ông nóng lòng muốn tôi biến nhanh cùng ba lô và mũ trùm đầu của tôi, muốn tôi trở lại khu phố tôi ở, và tôi chẳng cần áp tai vào cửa nhà ông cũng vẫn nghe thấy tiếng ông nói qua điện thoại với vợ yêu của mình rằng bà phải làm thế nào để tôi đừng bao giờ đến phòng khám khiến ông mất thời gian nữa.

Tôi từng mơ thấy mình phóng hỏa.

Tôi không biết ở đâu hay cách nào. Tôi chỉ biết mình cảm thấy cái nóng dễ chịu của những ngọn lửa, và tôi thấy ánh màu cam trong đêm.

Ở trung tâm Malraux, lối xuống tầng hầm không bao giờ bị khóa. Tôi hình dung phía bên trong rạp hát, sơn đen, và những hành lang, những bức ảnh treo trên tường, những đạo cụ, những toa lét đầy hình graffiti. Lửa bén vào đồng hồ các tông, tức thì ngọn liền một tấm ga to bản màu đen dùng làm cảnh trí cho công chúa Badoure. Tôi hít hà mùi vải cháy, mùi nhựa chảy. Tôi nhảy múa trước ngọn lửa. Tôi nghe tiếng lửa reo, như ngày xưa người làm vườn đốt lá cọ trong vườn nhà chúng tôi. Có lần một cây cọ bén lửa, Bibi và tôi kinh hãi hau háu nhìn đám chuột vừa chạy lên ngọn cây vừa rít lên những tiếng chít chít tuyệt vọng. Cảnh đó tạo một niềm vui man dại, trước những ngọn lửa khi đêm xuống, ánh lửa hòa lẫn với ánh sao. Chúng tôi lắng nghe Yao, bác lầm rầm hát khẽ, giọng trầm, trong lúc ném lá cọ và những cành chà là khô vào than hồng. Chúng tôi thấy bác cứ như phù thủy. Bộ mặt bị giang mai ăn ruồng của bác nom to đùng, và những vết sẹo trên má thì ánh lên màu máu. Sau đó bố xuất hiện, bố mở van ống nước và tắt được đám cháy. “Lão ấy điên rồi, lão ấy không nên ở lại đây làm gì.” Bà Badou phát rồ, nhưng bố rất quý Yao, có lẽ là do bố ganh tị với bác vì đã có được tất cả đám đàn bà kia, thế nên Yao vẫn ở lại.

Dưới tầng hầm, lửa khiến đồng hồ các tông cong queo, biến mớ chai nhựa thành mấy cái vũng lấp lánh, những ngọn lửa đỏ, xanh, da cam. Tôi ngồi trên sàn, lưng dựa vào tường, tôi lầm rầm trong đầu những lời Yao từng hát, không bật ra thành từ mà thành những tiếng hmm, mmm, wooo, wooo, hmmm!... tôi mở ba lô, ném giấy tờ vào lửa, bảng điểm, thư từ, ảnh, và cả câu chuyện của Hakim King, mấy trang kịch bản, tôi sẽ không là nàng công chúa Badoure cải trang

thành nam nhi nữa, sẽ chẳng chàng hoàng tử nào thấy được tôi đang ngủ trong chiếc áo choàng hở ngực, tôi sẽ thôi biết tới đảo Ébène. Tôi ném giấy khai sinh có chữ ký của bố, tờ giấy chứng nhận tôi là con một bà mẹ vô danh, bị bỏ lại cho chính quyền từ lúc lọt lòng như hồi đó người ta vẫn nói, tất cả tan thành khói lửa trong cái xô rác rưởi này, tôi phải trở thành một người khác.

Tôi là đứa con của quý. Chính bà ta đã nói thế, bà ta, Chenaz Badou, người đàn bà khác của Derek Badou, mẹ của Abigail Badou. Chính vì vậy mà tôi yêu lửa. Những ngọn lửa nhảy nhót trong căn phòng chật hẹp dưới tầng hầm, chúng reo và lóe sáng, chúng rọi một ánh đỏ mỹ miều lên mấy bức tường bẩn thỉu. Nhựa thùng rác bắt đầu tan chảy, sủi ừng ực trên nền nhà, tôi chưa bao giờ chứng kiến cảnh núi lửa phun trào nhưng hẳn cũng giống thế này. Tôi là đứa con sinh ra từ một vụ hãm hiếp, đứa con bám vào tử cung người đàn bà bị cưỡng bức, đứa con của con chó cái bị con chó đực chiếm đoạt dưới hầm một ngôi nhà, trong ánh nện, trên một tấm nệm đặt dưới đất. Tôi là đứa con của sự hóa dại, ghen tuông, cau có. Đứa con sinh ra từ cái ác, tôi không biết đến tình yêu, tôi chỉ biết có thù hận.

Tôi nghĩ mọi chuyện xảy ra là do những lời tôi đã nghe được ở đấy, tại nhà chúng tôi ở Takoradi, khi tôi lên tầng trên áp tai vào cửa phòng họ, giọng người đàn bà đó, nói suốt, lặp đi lặp lại rằng tôi là con của quý dữ. Tôi ngồi xồm, tôi nhắc vở cho bà ta, như ở rạp hát tôi nhắc những lời trong miệng bà ta, rồi bà ta lặp lại chúng, bằng cái giọng rên rĩ và the thé, như những lời Hakim bắt tôi lặp lại ở rạp hát, tôi là Badoure, cải trang thành nam nhi để băng qua sa mạc và được ở gần người mình yêu hơn, người sẽ là người tình, là tình yêu của tôi.

Giờ thì tôi đã biết mọi chuyện. Tôi không cần ai phải kể tôi nghe. Tôi ráp các mảnh lại với nhau, những mảnh giấy bị xé rời trên đó viết rành cái câu kể lại chuyện đời tôi. Tôi tái dựng tất cả và giờ thì tôi thấy đời mình. Chính đó là nơi mọi thứ bắt đầu. Cho dù tôi không

được nghe kể chuyện thì vẫn là ở đó, ở Takoradi, trên bãi biển rộng. Mẹ mang tôi trong bụng đứng bên bờ biển, tôi đã nghe thấy tiếng sóng. Khi ấy, tôi chưa mang cái ác bởi tôi còn chưa chào đời. Tôi bồng bênh trong khoang bụng chật hẹp, mẹ nguyện rửa tôi vì tôi đè vào bàng quang và hai lá phổi của bà. Bà nôn mửa, bà nguyện rửa tôi. Giá có thể nôn được tôi ra đàng miệng, hẳn bà đã được giải phóng. Tôi là đứa con của cái ác. Nhưng tôi lắng nghe tiếng biển dịu êm trong bụng mẹ, tôi những muốn mình không ra đời, muốn cứ ở lì trong cái hang biển ấy, tránh ánh ngày, tránh sự báo thù. Bà đâu muốn có tôi. Khi tôi ra đời, ở cái xứ Phi châu đó, bà đã bỏ rơi tôi. Bà không muốn cho tôi sữa, bà giao tôi cho mấy bà xơ để người đàn ông ấy đến đón tôi. Chẳng hề có lá thư nào có đề họ của tôi, bà không phải người chọn tên cho tôi. Bà xơ tốt bụng người Phi mới là người chăm sóc tôi, cho tôi bú, cho tôi sữa dê vì tôi không chịu nổi sữa bò. Chẳng có tấn bi kịch hay sự giằng xé nào. Chỉ có sự trống rỗng. Chính những người phụ nữ Phi đã chăm sóc tôi, bế tôi trong lòng. Rồi bố đưa tôi về nhà bố, nhưng như thể tôi là một con vật. Ông không đăng ký cho tôi ở lãnh sự quán, ông không cho tôi mang họ của ông. Đó tựa như một dấu vết, một kiểu đánh dấu vô hình trên mặt tôi, một cái nếp trên bụng tôi. Cái vết sẹo mà tôi mang nơi bụng, phía dưới rốn một chút, bấy lâu nay tôi vẫn cho nó là kỷ niệm một vết bỏng, một tai nạn thuở ấu thơ, hẳn tôi đã làm đổ nồi nước sôi lên người mình. Một nếp lằn trong tim tôi, qua đó gió độc lùa vào. Cơn gió thổi những lời ấy vào miệng Chenaz, khi tôi lồm cồm bên cửa nghe lén.

Những ngọn lửa nhảy nhót, kêu phần phật, nhựa từ thùng rác chảy dài trên nền đất, khói xộc vào cổ họng tôi, tôi cảm thấy chóng mặt, tôi vẫn còn có thể nói, loay hoay, nhả ra những lời những chữ của mình, lầm bầm như cách ông lão Yao, những lời những chữ sẽ khuất phục được các vật thể, làm chúng đau đớn, định đoạt chúng. Tiếng rít của lũ chuột trên mấy cây cọ già, lúc đang hấp hối.

Tôi đang ở bệnh viện. Tôi không còn biết mọi chuyện đã kết thúc ra sao nữa. Hakim là người gọi cứu hỏa, sau khi bảo vệ trung tâm văn hóa bấm còi báo động. Một đám cháy đẹp! Đống thùng rác đựng giấy nóng chảy trên nền đất chẳng khác nào mớ kẹo cao su khổng lồ. Hakim bình luận thế này: “Em đã tạo ra một tác phẩm nghệ thuật đích thực, tất thấy cái thứ màu vàng và xanh ve trên nền bê tông ấy!” Trước mặt cảnh sát, anh ra sức bảo vệ tôi: “Con nhỏ tội nghiệp, nó phát hiện ra khói, nó muốn dập lửa, nó bị ngộ độc khói, các ông hiểu chứ?” Ai mà chẳng hiểu. Nào có ai mắc lừa đâu, bởi như có phép màu chai white-spirit* đã thoát nạn. Im lặng, lúc này đây, im lặng trước giờ tính sổ. Tôi biết vậy, ở nhà ông bà Badou, trước lúc nổ ra chiến tranh, bao giờ cũng thế mà. Tôi đã được “giáo dục” kỹ về điểm này.

Người ta nhốt tôi trong một phòng riêng, cửa sổ có lưới mắt cáo, tường vàng, không đồ đạc, chỉ một cái giường sắt và một thứ giống như cái bàn xoay, một bên cánh tay cầm kim truyền dịch, tôi ở trong tầm quan sát, chắc là để họ xác định xem tôi có nguy hiểm hay không. Tôi mặc áo ngủ màu xanh lá, tôi không biết quần áo lẫn ba lô của mình biến đi đâu, tôi chẳng có gì trên người cả, có phải người ta tìm chứng cứ trong đồ đạc của tôi không? Y tá là một anh chàng tóc nâu cao lớn, một anh chàng người đảo Antilles, trông anh ta hơi giống Hakim, lúc mở cửa, anh ta cười rất tươi, anh ta nói những lời dễ thương, anh ta gọi tôi là Quý Cô, anh ta không đặt câu hỏi gì, cũng chẳng bình luận gì. Từ bao lâu rồi nhỉ? Hai ngày, hay hai tuần? Tôi không biết đang là thứ mấy nữa. Có lẽ là Chủ nhật, bởi ngoài hành lang có tiếng ồn, những khách đến thăm bệnh nhân, cha mẹ thăm con trai bị tai nạn, mang theo hoa quả, hoặc đám thực tập sinh thay ca cho mấy cô y tá. Tay trái tôi băng bó, có vẻ như tôi bị ngã vào lửa, tôi đã

hít phải khói xanh, lửa xanh thường rất nguy hiểm, khi Yao đốt báo, tờ rơi và thùng các tông, lửa đổi màu tùy theo mực in trên ảnh.

Bibi đã đến. Con bé đi cùng Chenaz. Tôi không biết ai báo tin cho họ, có lẽ là Hakim. Anh vẫn giữ số di động của con bé suốt từ hồi chúng tôi còn cùng nhau tới trung tâm Malraux. Tôi tự hỏi liệu bấy lâu nay anh có còn giữ liên lạc với con bé, có lẽ anh phải lòng mái tóc vàng xinh đẹp và làn da sáng màu của con bé. Chỉ nghĩ thôi tôi đã thấy buồn cười, có vẻ chuyện này vẫn thường xảy ra: một gã cùng lúc đem lòng yêu cả hai chị em. Chenaz ở lại một lát, rồi bảo phải đi mua mấy thứ. Bà ta cũng hiểu Bibi muốn được một mình với tôi.

“Đờ hơn chưa?”

- Đờ rồi.

- Chị chắc chứ? Tay chị sao thế?

- Chẳng sao cả, bồng nhẹ ấy mà, không sao đâu.

- Sao chị không gọi em? Chị chẳng bao giờ gọi em cả.

- Để làm gì?

- Để nói chuyện với em.

- Đào ôi, chị chẳng có gì để nói hết, chắc chắn thế.

- Em đã rất lo lắng... Em không biết phải gặp chị ở đâu.

- Để nói gì với chị?

- Nhưng chị là chị của em mà, không phải sao?

- Chị không biết... Điều đó chẳng có ý nghĩa gì.

- Lẽ ra chúng ta đã có thể... lẽ ra chúng ta đã có thể trò chuyện với nhau như trước đây.

- Tán dóc thì có ích gì chứ?”

Tôi nhìn Bibi. Tôi có cảm giác như cả một cuộc đời đã trôi qua. Giờ em đã thực sự có vẻ đàn bà. Hông to, có mông có ngực, thậm chí cổ

cũng đẩy lên đôi chút. Tôi tin chắc con bé đang sống cùng một gã đàn ông. Em kể:

“Em làm việc ở bệnh viện. Em học để trở thành nữ hộ sinh, chị biết không?”

- Không. Ở đâu thế?

- Caen.”

Tôi nghĩ con bé đang có bầu. Tôi thì chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Chính vì thế cổ tôi vẫn khăng khiu. Khó khăn lắm tôi mới chịu nổi trọng lượng cái đầu mình.

“Rachel này.

- Gì cơ?

- Em biết về mẹ chị đấy.

- Thế hả?”

Tôi cứng sững người. Tôi nén chặt mọi dây thần kinh và cơ bắp mình, cần nhất là không được dao động.

“Bà ấy hỏi gặp chị.

- Chẳng quan tâm.”

Bibi ngồi phía cuối giường, cạnh chân tôi. Người em thật thơm, tôi quên mất đấy. Lúc nào người Bibi cũng tỏa mùi em bé. Chuyện đó khiến đầu óc tôi quay cuồng đôi chút.

“Nghe này, Rachel. Em biết chị sẽ nghe em.”

Lúc này, em là người lớn, còn tôi thì bé tí. Tôi chẳng thể làm gì khác ngoài việc lắng nghe em.

“Lúc chị bỏ đi... Lúc chị em mình không còn bên nhau nữa, em đến sống ở nhà bác sĩ Lartéguy với mẹ. Em đã tới Bruxelles nói chuyện với bố. Em hỏi bố. Chị biết không, em đã biết mọi chuyện. Chị cứ tưởng em không biết gì, nhưng em biết tất.”

Tôi không ngăn nổi tim mình đập nhanh hơn. Tôi cụp mắt, tôi không muốn nhìn thấy Bibi, tôi không muốn dõi theo cử động của

miệng em. Hai chúng tôi mỗi đứa sống ở một bên của bức tường, chúng tôi không thể hiểu nổi nhau. Bên phía em mọi thứ đều sáng sủa và đẹp đẽ, tương lai hiện hữu, em được tự do, em có một ngôi nhà, một người yêu, em sắp có một cái nghề, và chuẩn bị sinh con.

“Tại sao chẳng bao giờ chúng ta nhắc đến chuyện đó?”

- Nhắc đến chuyện gì cơ?”

Tôi nhớ lại tất cả những điều đã thay đổi. Trước đây, chúng tôi cười, chúng tôi khóc. Vô cớ. Chỉ vì chúng tôi sợ, hoặc vì ông bà Badou cãi nhau. Tôi nổi giận vì Bibi đi chơi đêm mà không nói tôi biết em đi đâu, và tôi phải tìm em trong một quán bar, bò lổm ngổm để đỡ em, giữ đầu em lúc em nôn mửa. Chúng tôi thật giống nhau. Giờ thì em sống ở phía bên kia, em chẳng còn biết gì về con người tôi nữa. Em có chìa khóa của tự do, còn tôi vẫn trong ngục tù. Tôi ghét con bé tới nỗi muốn bịt tai lại để khỏi phải nghe tiếng em, nhưng em vẫn đang nói bằng cái giọng thật êm đẹp trong trẻo, không như giọng tôi vốn đã bị rượu và thuốc lá làm cho khàn khàn như cái xoong rề.

“Bố đã kể cho em.

- Bố à...?

- Vâng, em đến quán của bố. Bố nhắc ngay tới chị, bố lo cho chị lắm. Bố đã già đi.”

Tôi muốn cười khẩy. Ông ấy, Derek Badou, kẻ quyến rũ. Với mái tóc nhuộm, ria mép và cặp kính Ray-Ban.

“Bố mập lên nhiều, hơi hói ở đây nữa, phía sau đầu ấy.

- Chị có quan tâm, em cứ làm nhảm làm gì? Em đến thăm chị chỉ để nói mấy chuyện đó à?”

Mọi người đi lại ngoài hành lang, họ mở hé cửa và thò đầu vào. Đã đến giờ tiêm qua ống truyền dịch, tôi cũng đã buồn ngủ.

Bibi hôn tôi. “Chị yêu à, mai em sẽ quay lại. Đừng có nhân lúc vắng em mà bỏ đi, em không muốn chúng mình lạc mất nhau nữa.”

Tôi không nói gì. Tôi đã chìm vào giấc ngủ. Hơi ấm dịu dịu bao quanh tôi, hơi ấm đến từ mọi nơi, từ những bức tường, từ cửa, từ trần nhà lấm bấn, thậm chí từ nền nhà lát nhựa. Tôi cảm thấy hơi ấm trong xương chân, nó lan ra khắp da tôi, như một vết bỏng hạnh phúc. Liệu hơi ấm ấy có thể tồn tại trên trái đất? Liệu nó có một cái tên?

“Mẹ đẻ của chị muốn gặp chị, bà ấy bảo bố chúng mình thế. Bà không biết làm cách nào, vì bà nghĩ chị ghét bà. Bà vẫn luôn biết về cuộc sống của chị, bà dõi theo chị, bà gửi ngân phiếu cho chị. Nhưng bà không muốn để lộ chuyện đó, bà đã có chồng, có thêm con, các em cùng mẹ khác cha với chị. Bà có một cuộc sống khác, nhưng bà không bao giờ quên chị. Những lúc khó khăn, bà vẫn luôn nghĩ đến chị, dù bà không biết chị. Bà thấy chị trong từng giấc mơ, luôn là vậy, bà nhắc đi nhắc lại tên chị, bà là người đặt tên cho chị lúc chị chào đời, bà nhờ người viết tên chị lên cái phong bì khi bà điền vào tờ khai làm thủ tục bỏ con. Hồi đó bà còn rất trẻ, bà đã rời xa gia đình, bà đã đưa chị đến thế giới rồi bỏ chị lại vì bà không thể chăm nom chị. Giờ đây bà muốn gặp lại chị, chỉ một lần thôi. Bà sẵn sàng tới gặp chị, ở nơi nào chị muốn, tại đây, Caen hay bất cứ đâu. Bà không muốn gặp lại bố chúng mình, bà quá đỗi căm thù ông. Nhưng bà sẽ đến nơi chị muốn để gặp chị. Bà đã nói điều này với bố chúng mình, và bố nói lại với em. Bà chỉ muốn gặp mình chị, không ai khác ngoài chị, bà không muốn gặp em hay bất cứ ai. Riêng hai người, chỉ một lần thôi.”

Bibi đã nói thế đấy.

Cuộc gặp diễn ra tại Kremlin-Bicêtre. Hakim đã gợi ý bờ biển, ở Dieppe. Anh thấy nơi đó thật lãng mạn. Chính vì điều đó mà đôi khi tôi thấy ghét anh, anh luôn có những ý tưởng ngớ ngẩn và yếu đuối, như thể cả thế giới là một màn dàn dựng trong cái nhà hát chết tiệt của anh. Quảng trường, vào ngày Chủ nhật, là một vùng trung lập. Không còn gì trống vắng hơn một quảng trường vào một buổi chiều Chủ nhật. Trời đã lạnh. Trên khoảnh đất đắp cao xám xịt, hầu như không có ai, vài bóng người với trẻ con, và mấy con bồ câu bước những bước nhỏ trên bãi cỏ. Tôi đã hình dung ra bãi biển Takoradi vào cái thời ấy, làn nước xanh lục, những con sóng xô, tiếng ù ù của động cơ trên biển, cơn gió ấm, những con bồ nông. Tôi không cảm thấy gì, không tức giận cũng không đau đớn, và nhất là cái giật thót mà tôi cảm thấy ở đó, mỗi lần bước lại gần đại dương. Tôi ngồi xuống một băng ghế, cổ áo khoác dựng thẳng, mũ sụp xuống tận mắt. Đã quá giờ hẹn, tôi đã định đi thì một hình dáng xuất hiện phía công viên. Hình dáng đó tiến lại gần tôi, chậm rãi, đi xiên xiên như thể bước ra từ hư vô. Tôi nhìn hình dáng đó, mắt nheo lại vì ánh sáng từ những cột đèn đường. Tôi rất ngạc nhiên, bà ấy quá nhỏ bé, mong manh, bờ vai hẹp, trông tựa như một đứa trẻ, trừ đôi chân hơi vòng kiềng, bà bước đi lập bập vì bề mặt xi măng gồ ghề của quảng trường, hai cánh tay hơi vung ra khỏi thân mình. Bà mặc áo vest, quần đen, tóc cắt ngắn, cũng đen nhánh, tôi không nhìn rõ mặt bà, tôi chỉ có cảm giác bà đang nhìn tôi. Bà nhận ra tôi ngay. Một đợt sóng hầm hập như sốt chạy suốt cơ thể tôi, trong huyết mạch tôi, lan khắp ngực, tôi không biết đó là giận dữ hay là tình yêu, tôi những muốn lên tiếng, đứng dậy đi lại phía bà, chạm vào bà, nhưng tôi không tài nào nhúc nhích nổi.

Phải chăng tôi đang mơ, bà đứng đó trước mặt tôi, không xấp tới gần hơn. Bà nói, và tôi nghe thấy giọng bà bên trong cơ thể mình. Bà

có chất giọng trong trẻo và trẻ thơ, hơi đanh, cái giọng của một cô bé nhần âm sai, khiến các âm tiết bị chặt vụn, giọng của người không biết nói, một người vốn đã nín lặng từ lâu, nay đang đọc trả bài. Bà có đúng là người mà bà vẫn tự nhận? Liệu bà có phải là một kẻ lừa bịp, như tất cả những người của quá khứ, những người vẫn quần quanh ông bà Badou ở Takoradi? Tôi lắng nghe bà mà không đáp lại. Tôi nhìn bà trân trân đến đau cả cổ. Trên quảng trường, không xa trung tâm Malraux, một bày trẻ con đang chơi bóng. Chúng la hét, chúng chửi bới nhau. Quả bóng nảy trên các thùng xe, phát ra những tiếng bình bịch khiến lũ bồ câu bay dáo dác. Đâu đó, có tiếng sửa trên ban công một nhà nào đó, tưởng như tiếng ăng ẳng của con chó nhỏ của Chenaz. Có lúc, một con bé lại gần chúng tôi, nó hần chừng mười một, mười hai tuổi, to béo, với một mớ tóc uốn xoắn tít, khuôn mặt Á Đông, con bé nhìn tôi chăm chăm. Tôi hét lên với nó, dữ dằn: “Mày muốn gì? Xéo đi, để chúng tao yên!” Con bé không nhúc nhích đến vài giây, rồi nó quay bước, rời khỏi “sân khấu”. Nó băng qua quảng trường, rồi khi đã nấp vào sau những gốc cây, nó lại bắt đầu nhìn về phía chúng tôi, vẻ ma mãnh. Tôi những muốn ném cho nó một cục đá, nhưng chẳng có gì dưới chân tôi, đến cả một viên sỏi nhỏ cũng không.

Người phụ nữ mặc đồ đen không tỏ phản ứng gì. Bà đã ngừng nói được vài giây, trong khi tôi to tiếng với con bé kia. Bà thậm chí còn không nhìn nó. Bà đăm đăm nhìn tôi, không chớp mắt. Bà không còn trẻ như tôi tưởng. Gương mặt mệt mỏi, hai mắt trũng sâu, miệng đã có dấu vết tuổi tác, những nếp nhăn nhỏ quanh khóe miệng mà không phụ nữ nào giấu được. Nhưng cổ bà vẫn trơn láng, tôi nghĩ hẳn bà mới đi căng da chưa lâu. Tôi ghét việc chúng tôi giống nhau. Có vẻ như đó là điều ông Badou đã kể lại với Bibi, khi ông nói với con bé về mẹ tôi. Rất xinh đẹp, như Rachel. Đúng là mái tóc bà dày, đen nhánh (hẳn là nhuộm), và đúng là bà mảnh mai, hơi gầy. Liệu tất cả những chuyện này có phải một trò đùa ác? Phải chăng ông Badou đã cho đăng quảng

cáo để thuê tuyển một nữ diễn viên? Nhưng ông ấy được lợi gì chứ? Liệu có phải đó là một âm mưu, vì một món thừa kế mà phải tìm lại mẹ tôi?

Bà ngồi xuống cạnh tôi trên băng ghế. Bà định cầm tay tôi, nhưng tôi không để bà làm thế. Tôi nhìn hai bàn tay bà, không hề giống tay tôi. Hai bàn tay bà nhỏ, khô, ngăm đen. Tôi thì tôi rất thích hai bàn tay to bè của mình, khi xòe các ngón của tôi có thể phủ cả một quãng tám rưỡi trên dương cầm. Tay tôi to hơn hẳn phần lớn tụi con trai. Chính vì thế mà tôi có thể đóng vai Badoure. Và bà, bà tên là gì? Bibi đã nói một cái tên gì đó, Michèle, hay Mathilde. Và họ của bà? Bà sống ở đâu? Bà làm nghề gì, bà có nhiều con không nhỉ? Chúng sẽ là em cùng mẹ khác cha với tôi, chỉ nghĩ đến đó đã khiến tôi thấy buồn nôn. Tôi không muốn biết, tôi không muốn nghe chuyện đó. Tôi nhồm người toan đứng dậy khỏi ghế, nhưng người phụ nữ đã đặt tay lên cánh tay tôi, bà chỉ hơi riết mà tôi thấy đau đến tê dại.

“Hãy nghe ta nói, cái giọng đó cất lên. Ta chưa bao giờ ngừng nghĩ đến con, ta muốn gặp lại con, muốn tìm hiểu về con. Ngày con ra đời, ta đã bế con trên tay, con bé nhỏ và nhẹ bẫng, con sinh khi mới tám tháng rưỡi, con không nặng hơn một con mèo con. Ta đã nhìn ngăm con, đêm đến ta thao thức trong bệnh viện và ta đi tìm con trong phòng trẻ sơ sinh, ta muốn ôm con trong tay, nhưng đó là điều cấm kỵ, ta đã chờ đến sáng, người ta mang con tới, mặc đồ sơ sinh bệnh viện, nhưng ta muốn bế con vào lòng, con quá nhỏ và lạnh, đôi mắt con nhìn ta, mới chào đời được vài giờ mà con đã biết mỉm cười với ta, ta không muốn để mất con, ta không muốn người ta đem con đi. Ta đã đặt tên cho con, chính ta đã chọn cái tên đó, và rồi người ta mang con đi... Người ta làm con đau, làm cho cả chính ta đau, con đã bị bứt ra khỏi ta, con đã được cấy vào trong ta để rồi lại bị bứt ra...”

Tôi nín thở lắng nghe. Tôi muốn đứng dậy, bước đi cùng bà trên quảng trường, chỉ cho bà xem nơi tôi đã sống cùng vợ chồng Badou, chỉ cho bà cái rạp hát tôi đã phóng hỏa, chỉ cho bà căn hầm nơi những thùng rác in thành những vệt xanh ve và vàng. Tôi những muốn đi cùng bà trên một bãi biển, trên nền cát cứng, cảm nhận làn nước lạnh dưới hai bàn chân, nhìn những vết chân của hai chúng tôi bị xóa nhòa. Bà ngồi thẳng lưng trên băng ghế, tôi rất thích cách bà giữ được tấm lưng ong, bà không ngả người dựa vào lưng ghế như phần lớn phụ nữ. Chân bà đi giày cao gót bóng bẩy, đúng hơn là một kiểu xăng đan quai mảnh gót cao.

“Ta sẽ kể cho con nghe chuyện về ngày chào đời của con, ta sẽ nói cho con nghe chuyện đó nhưng con sẽ phải quên ngay nó đi, vì trong những điều ta sắp nói với con đây, chẳng có gì nên dùng vào việc gì, dù tốt hay xấu, và không ai khác biết bí mật này. Năm con ra đời ta mới mười bảy tuổi, ta chẳng biết gì về cuộc đời, ta gặp cha con rất tình cờ, trên bờ biển, ở châu Phi, cha mẹ ta đã thuê một ngôi nhà. Người ấy thì có một chiếc xe hơi đẹp, chúng ta đã đi dạo bên bờ biển, ta vẫn còn nhớ làn sương mù, hồi đó ta rất thích, khi chúng ta dừng lại bên các cồn cát, sương mù bao quanh, ta có cảm giác mình đang sống trong một thiên tình sử, ta đã giấu cha mẹ ta mọi chuyện, đêm đêm ta lén lút ra ngoài. Và một buổi tối, khi chúng ta dừng lại bên cồn cát, người ấy bắt đầu chạm vào ta, ta không muốn thế, nhưng người ấy khỏe hơn ta, người ấy trở nên hung bạo, với giọng dữ tợn, ta đã cố trốn khỏi chiếc ô tô ấy, nhưng người ấy tóm được ta, đè ta nằm xuống băng ghế sau, ta muốn hét lên nhưng lại sợ, ta tưởng như mình sắp chết. Ta đành buông xuôi, người ấy đã làm chuyện đó, làm ta đau, người ấy lấy tay bịt chặt miệng ta khiến ta không thể thở nổi. Sau đó người ấy đưa ta về nhà cha mẹ ta, và ta cảm thấy xấu hổ, ta không dám nói gì. Ta tới đứng dưới vòi sen, tắm rất lâu, cha ta tới gõ cửa, ông tưởng ta bị ngất trong phòng tắm.”

Tôi không muốn nghe tiếp. Giờ là về chính tôi, chứ không phải bất cứ ai khác. Không ai có quyền nói về tôi. Tôi những muốn nghe một câu chuyện tình, một câu chuyện đẹp đẽ. Thậm chí Chenaz cũng có một câu chuyện tình và Abigail đã được sinh ra từ chuyện tình đó.

Tôi những muốn, tôi cũng thế, là cái điều diệu kỳ xảy ra trong toàn bộ sự tực tũ đó. Tôi không muốn nghe nữa, chiến tranh, hận thù, sự đánh cắp cuộc đời của tôi.

“Bà im đi, bà im đi!” Tôi dùng cái giọng cộc cằn như khi tôi la mắng cái bọn cửa cấm em gái tôi, tôi đứng dậy, nhắc lại: “Bà im đi, tôi không muốn nghe nữa.” Nhưng bà đứng dậy, chạy lại bên tôi, tôi nghe tiếng gót giày nện cồm cộp xuống vỉa hè, thứ tiếng động của một cô bé đang vội vàng và sợ hãi, tôi vẫn nhớ hồi Bibi xỏ đôi giày cao gót ánh vàng của Chenaz và khi con bé chạy trong hiên nhà, đôi gót cao nện xuống nền lát gạch, tiếng cười lạnh lóét như nhạc ngựa.

“Bà nói dối, chính bà đã bỏ tôi lại, bà đã đi và bỏ tôi lại, tôi cần bà ôm vào lòng mà bà thì vứt bỏ tôi như vứt một miếng giẻ rách vào sọt rác!”

Bà muốn nói tiếp, nhưng tôi hét lên để át tiếng bà: “Bà nói dối! Bà nói dối!” Và bà nhắc lại bằng giọng buồn tẻ, một bài đọc thuộc lòng được bà nói ra không chút cảm xúc: “Ta đã bị cưỡng hiếp, người ấy đã ép ta và người ấy cưỡng bức ta!” Tôi lại hét lên: “Đồ dối trá! Bà đã vứt tôi đi, bà đã bỏ rơi tôi và giờ thì bà đến đây kể lể với tôi những chuyện nhảm nhí, những chuyện khốn nạn của bà, tôi không muốn nghe nữa, bà xéo đi, hãy về với chồng bà, về với con bà đi, họ đang đợi bà, hãy xéo đi cùng với họ, và đừng bao giờ bắt chuyện với tôi nữa, với em gái tôi, với cả ông Badou nữa, đừng có quay lại gặp tôi nữa, hãy để tôi yên...”

Giọng tôi vỡ òa. Tôi đi như chạy băng qua quảng trường và khi tôi ngoảnh lại, bà đã biến mất. Chỉ còn lũ trẻ con đang chơi bóng, và con nhóc béo ú ma mãnh đang rình ngó tôi. Tôi làm một cử chỉ đe dọa, và nó cũng bỏ đi rồi biến mất. Tận đầu phố, tôi vẫn nhận ra bóng dáng

người phụ nữ ấy, bà đi xuống dốc theo hướng đại lộ, trông cứ như một con kiến đen đang chạy trốn chết.

Tôi đau, tôi càng đau dữ khi hít thở. Tôi cho rằng chất độc từ ngọn lửa vẫn chưa tan hết, tôi vẫn cảm thấy cái nóng rát trong cơ thể, và mùi cháy cứ vương vất mãi ở trung tâm Malraux, ở Disney, và cả khu phố này.

Tôi những mơ bức tường thành ngăn cách chúng tôi đổ xuống. Tất cả các bức tường thành trên thế giới. Tất cả những gì được dựng lên giữa tôi và Bibi, những ngăn trở, những khát lần, những bụi gai, những hàng rào dây thép gai, tất cả những điều ngớ ngẩn đã ăn mòn chúng tôi, ngày này qua ngày khác, những chuyện soi mói, những hành động ti tiện, những điều bất công. Tôi những mơ là gió sẽ quét sạch mọi thứ đó, một con gió mạnh từ biển khơi, và chúng tôi sẽ trở lại như xưa, là những người bạn tốt nhất trần đời của nhau. Tôi thực sự muốn thế.

Tôi vẫn là gái còn trinh, có thể nói thế. Khi xuất viện, tôi không muốn quay lại trung tâm Malraux nữa. Sân chơi, công viên đầy chim bồ câu, những ông già ở Disney, những tòa chung cư cả ngàn lẻ một cửa sổ, tất cả những điều đó không còn tồn tại với tôi. Suy cho cùng chúng chưa từng tồn tại. Đó chỉ là những mảnh mẩu của thực tại đô thị, chúng chỉ ở đó khi ta nhìn chúng. Ngay khi ta quay đi, chúng liền biến mất trong làn sương mù như những bóng ma.

Khi tôi báo với Hakim King rằng tôi sẽ không tiếp tục vai diễn trong vở *Hai trăm lẻ hai* nữa, rằng tôi sẽ không quay lại trung tâm Malraux nữa, anh không quá bất ngờ. Có một khoảng lặng trên điện thoại, rồi anh kết luận: “Tốt thôi, OK, anh... sẽ tự xoay xở mà không có em.” Tôi không nghi ngờ điều đó, thiếu gì các cô gái nhập cư được anh hứa trời hứa biển. Điều duy nhất, đó là anh sẽ không tìm được ai có mái tóc đẹp như tôi! Tôi nghĩ rằng anh đã thở phào nhẹ nhõm khi không còn phải thấy tôi nữa, anh muốn đắm chìm cuồng trong tiểu thuyết, nhưng trên thực tế, điều đó khiến anh chán ngấy. Hẳn anh sợ tôi sẽ lại châm lửa đốt luôn cả rạp hát, hoặc tôi sẽ phá hỏng bộ sưu tập đĩa Van Morrison của anh, album Moondance, những chiếc áo khoác

Perfecto của anh. Tôi không đến kiểm tra, nhưng tôi dám chắc anh đã thay khóa căn hộ của mình.

Tôi đến sống ở miền Tây. Để được gần Bibi, tôi đã thuê một căn phòng có sẵn đồ đạc trong một tòa biệt thự ở Arromanches, không hẳn là bên bờ đại dương, nhưng cách bãi biển có tàu cập bến khoảng nửa giờ đi bộ. Đó không phải là Takoradi hay Grand-Bassam, nhưng là một vùng trống trải, với khoảng trời rộng mở và mặt biển xanh lục không xa đó lắm. Chủ nhà của tôi là một bà già người Anh tên là Mrs Crosley, tôi nghĩ bà chuyển đến đây sống là để gần ông chồng từng đổ bộ lên bãi biển này trong chiến dịch Overlord, rồi qua đời vài năm sau đó. Ít ra thì đó là điều bà kể. Bà cho tôi mượn những cuốn sách cũ về lịch sử chiến tranh, về cuộc đổ bộ của liên quân Đồng Minh (tôi xin cảnh báo là trong tiếng Đức thì từ đó là “xâm chiếm”). Bà tha thiết yêu cầu tôi làm hướng dẫn viên cho những du khách hành hương đến đây, vì tôi nói tiếng Anh như người bản xứ. Tôi đã nói rồi đấy, tìm được việc làm chưa bao giờ là việc khó đối với tôi.

Khi biết ý định của tôi, Bibi đã rủ tôi đến sống cùng em và bạn trai của em, ở Caen. Cậu ta học ngành y trong trường đại học, cậu ta tên là Michael Lang, có vẻ là người tốt. Nhưng tôi không chắc là cậu ta có khoái chuyện bữa điểm tâm nào cũng thấy mặt tôi hay không. Và cả Bibi tôi cũng không dám chắc. Nên dè dặt khi xét đoán người khác có thể thông cảm mình đến đâu. Thậm chí chưa nói đến chuyện yêu thương, mà chỉ là lòng khoan dung, đó có thể là bài học cho toàn bộ chuyện này. Nếu nhất thiết phải rút ra bài học, mà điều này cũng chưa phải là chắc chắn.

Tôi đã quên điều kỳ cục nhất, buồn cười nhất - cho dù nó chất chứa một chút cay đắng tâm tối. Thật trái lẽ thường, mặc dù tôi biết rành về ông bà Badou, và đặc biệt là về cha đẻ của mình, tôi vẫn khó mà tin nổi khi Bibi báo cho tôi biết điều đó. Có vẻ như là ông bố, ông Derek Badou đẹp trai, cùng quần quá, đến nỗi phải yêu cầu mẹ đẻ của tôi (tôi

muốn nói cái bà mà tôi đã gặp ở Kremlin-Bicêtre) nộp cho ông một khoản chu cấp tiền ăn để bù lại những thiệt hại bà đã gây ra cho ông khi bỏ rơi tôi ngay sau khi sinh, và đòi ông phải công nhận có quan hệ phụ tử. Tôi có thể thấy cái con khỉ già trong phòng sau của quán ăn bán rau diếp xoăn và cá xốt, đang viết lá thư dầm nước mắt và nuối tiếc, mà cuối cùng không quên ghi số tài khoản ngân hàng của mình. Tôi hình dung thấy, dù không muốn, ông vẫn đánh rơi vào trong phong bì một vài sợi tóc quý báu của mình như là sứ giả cho sự nghiệp thất bại của mình.

Tôi đã tới Courcouronnes. Chính nhờ Bibi mà tôi có được cái tên này và địa chỉ của mẹ tôi. Con bé ngỡ là tôi muốn dàn hòa với mẹ, muốn tìm lại gốc gác của mình, đại khái thế. Điều đó khiến con bé xúc động: “Chị yêu quý, chị quyết định đúng lắm, em không muốn nói điều này với chị, nhưng chẳng có cách nào khác để xóa bỏ quá khứ đâu, chị phải đối mặt.” Đích xác ra, quá khứ không phải là điều tôi muốn xóa bỏ. Mà là con người đó. Thật kỳ lạ, đột nhiên Bibi trở nên chín chắn, còn tôi thành ra đứa trẻ mà người ta vỗ về khi nó buồn đau, là cô bé được kể chuyện cho nghe trước giờ đi ngủ. Con bé ghì chặt tôi vào ngực và tôi cảm nhận được hai bầu vú em đã căng lên nhờ thiên chức làm mẹ. Trước đây điều đó hẳn sẽ khiến tôi trào nước mắt. Nhưng giờ đây, tôi lạnh nhạt và xa cách, tôi không cảm thấy gì, trừ hai quả đạn trái phá ấy đè lên phần ngực phẳng lì của tôi, và điều đó khiến tôi thấy buồn.

Tôi đi tàu đến tận thành phố đó, giữa những cánh đồng và những vành đai cao ốc. Gần đường sắt, lần đầu tiên tôi trông thấy trại. Nơi đó không được ổn cho lắm. Trên tàu, có một lúc, một đàn trẻ con chạy khắp các toa, nện thành thành các ghế phụ. Một trong số chúng, một thằng nhóc chừng mười hai, mười ba tuổi, mặt mũi sáng sủa, đôi mắt đen láy, ngồi xuống trước mặt tôi để nhìn tôi: “Tên gì?” Tôi thừa hiểu nó định dọa cho tôi sợ. Những đứa khác chạy tới, những bé gái mặc váy ra ngoài quần dài, chúng nói chuyện bằng ngôn ngữ của chúng, còn đám con trai ngồi sát vào người tôi. Rồi khi thấy tôi không sợ, chúng bèn chạy đi xa hơn. Đến bến, tôi gặp lại chúng trên sân ke. Chúng tôi đi bộ cùng nhau đến tận trại. Chỗ đó như một ốc đảo nhỏ giữa mạng lưới chằng chịt các xa lộ, các lều lán được xây vô tội vạ, từ những mẫu ván hay tôn. Tiếng xe hơi âm ỉ không dứt, cứ như vùng biển Arromanches. Tôi đứng trước khu trại, và đúng lúc đó, một cô gái

trẻ tiến đến, hỏi tôi tìm gì. Ắ hơi béo, vẻ thô kệch. “Tôi tìm một xó để ở.” Ắ nhìn tôi khinh khỉnh một hồi, rồi ắ chỉ cho tôi một căn lều. “Kia kia, cô có thể ở lại nhà tôi. Có đệm đấy.” Khi tôi bước vào lều, ắ chìa tay ra với tôi. “Tên tôi là Rada. Dù sao cô cũng phải trả tiền đã.” Tôi nói tên, đưa một ít tiền rồi chúng tôi không nói gì thêm nữa.

Tôi đã bước vào trại theo cách như thế đó.

Tôi có một khẩu súng lục. Tôi lấy nó của Emma Crosley, trong ngăn kéo tủ ở phòng bà, dưới xấp quần áo. Chính bà đã chỉ nó cho tôi vào một hôm nào đó, khi bà kể với tôi về người chồng, *đại tá không quân* Crosley. Đó là súng công vụ của ông ấy, một khẩu ca líp 38, nhỏ và dầm. Trong mỗi lỗ ở ổ quay đều có một viên đạn mới.

Ngày nào tôi cũng rời trại ra ngoài, tôi đi bộ trên những con phố tĩnh lặng, xa đường lớn. Tôi băng qua khu phố toàn những biệt thự nhỏ xinh xắn bao quanh là những hàng rào cây râm. Quang cảnh ấy có lẽ giống như ở Arromanches, trừ một điều là nơi này không có biển ở cuối các con đường. Khi ấy là một sáng mùa thu, mỗi ngày qua đi ánh sáng lại héo hắt hơn một chút. Những đám mây lang thang trên bầu trời, đôi khi trời mưa, tôi rất thích được cảm nhận những giọt mưa lạnh buốt trên mặt, trên hai bàn tay mình. Tóc tôi trĩu xuống, xoắn lại, hơi giống tóc Bibi hồi nhỏ. Thật kỳ lạ, càng lớn tóc con bé càng sẫm màu và giờ thì gần như trắng mướt. Tôi quyết định đi cắt tóc thật ngắn. Ngày mai, hoặc ngày kia. Con gái, một khi đã quyết định thay đổi cuộc đời, thường rất thích đi cắt tóc. Tôi đã phát hiện ra một tiệm cắt tóc trong thị trấn, trên con phố dẫn ra ga. Tôi những muốn cắt một kiểu đầu giống con trai, như Audrey Hepburn trong phim *Sabrina*. Tôi không chắc là cô thợ cắt tóc có biết cắt kiểu đó không, cô ấy hẳn thuộc kiểu thợ suốt ngày phải uốn xoắn vĩnh viễn và nhuộm ánh tím cho các bà già. Tôi sẽ thay đổi, tôi sẽ là một ai đó khác.

Có thể là tôi sẽ chấp nhận đề nghị của bà Crosley và trở thành con nuôi của bà. Suy cho cùng, Rachel Crosley cũng không đến nỗi nào. Năm tôi chừng mười tuổi gì đó, một người đàn bà đã đến nhà, ở Takoradi. Đó là một bà bạn của Chenaz, một người đàn bà cao lớn, da rất trắng với cái mũi cao. Bà ta nhìn tôi, và bảo: “Cô nhóc này xinh xắn quá, cậu cho tôi được không?” Tôi không biết Chenaz đã trả lời ra sao, nhưng tôi đã tự cứu mình bằng cách bỏ chạy, và tôi trốn trong vườn. Tôi không muốn xuất hiện trở lại trước khi người đàn bà đó đi khỏi, tôi quá sợ người ta đem tôi đi.

Tôi luôn thủ khẩu súng lục nơi tay phải, trong túi áo gió. Nó không bao giờ rời khỏi tôi, từ khi tôi đến trại. Tôi giấu nó dưới gối, khi ngủ cũng ở tư thế sẵn sàng. Tôi không phô nó với ai cả. Nếu Rada hay một thằng trong đám con trai nhìn thấy, dám chắc là chúng sẽ thó mất đem đi bán. Dù gì nó cũng lợi hại hơn đám dao gập hay dao bấm của tụi nó. Với lại tôi không nên để mất khẩu súng công vụ của ông *đại tá không quân*. Tôi nhất định phải mang nó về Arromanches, trả nó vào ngăn kéo tủ dưới xấp quần áo, có thể bà Crosley vẫn chưa phát hiện ra nó bị mất. Nếu không, tôi sẽ phịa ra chuyện gì đó: “Súng lục ư? À vâng, cháu xin lỗi, cháu mượn nó để chụp ảnh thôi, cho một phim truyền hình dài tập ấy mà, họ muốn có súng thật, chứ không phải một món đồ chơi bằng nhựa.” Bà Crosley sẽ thông cảm, bà ấy rất thích xem phim dài tập. *Rosa salvaje*. Bà ấy còn ghi lại các bộ phim bằng một đầu máy VCR. *Tình yêu cuối cùng, MỘC LAN ĐEN, Emma Glück*. Ở Bicêtre cũng vậy, Chenaz Badou và Bibi ngày nào cũng xem ti vi mất hàng giờ.

Ở trại, không có ti vi, cũng chẳng có đầu DVD. Chủ trại có một cái máy vi tính, nhưng nó chỉ được dùng để xem kết quả các cuộc đua ngựa, hoặc các trận bóng bầu dục. Ông ta không thích bóng đá, ông ta bảo bóng đá toàn trò lòn lẹo bịp, hơi bị một cú vào chân là đám cầu thủ đã lăn ra sân như đàn bà. Ở trại, không có phương tiện giải trí. Tối đến, cứ chín giờ là tắt hết. Tôi nằm trên giường, tay đặt lên khẩu súng lục.

Tôi lắng nghe tiếng thở của Rada. Tôi biết là cô ta muốn tôi, nhưng tạm thời thì cô ta chưa dám làm gì. Thế là tốt. Tôi nghĩ đã lâu lắm rồi tôi chưa thực sự được ngủ yên trọn một đêm.

Khi ra đến phố, tôi đi từ từ. Tôi đi bên phía bóng râm, dọc các hàng rào. Đó là một con phố như mọi con phố ở khu này, với một cái tên như mọi cái tên khác, tên một loài cây, tên một loài hoa. Phố Hoa hồng, đại lộ Thích trắng, đại lộ Liễu bách, phố Dương, phố Liễu. Ban đầu, tôi bị lạc. Tôi đi lang thang, tôi không tìm thấy đường đi trong khu mê cung này nữa. Giờ đây, sau nhiều tuần, tôi đã biết mọi góc phố, mọi khúc quanh. Cần phải leo lên một gò cao, rẽ, đi qua trước những chung cư nhỏ, đi dọc một khu nhà chia lô, và ở đó, trước mặt, ở giao điểm của ba con phố dốc, ngõ Sen cạn, một ngôi nhà màu vàng với những cánh cửa trập bằng nhựa màu xanh lục, một hàng rào, một cổng màu trắng. Có một lối đi dưới bóng râm, một lỗ hổng giữa hàng rào, có thể đó là lối đi của những con mèo hoang. Tôi đã chui vào qua chính cái lỗ đó. Tôi ngồi xuống giữa đám cây bụi, với chiếc áo gió màu xanh lục nên tôi gần như vô hình. Tôi chờ đợi, có mòng, có muỗi, có đàn kiến đang đi thành hàng dọc bức tường thấp. Có những chú chim nhỏ, chúng kêu ríu rít khi tôi chui vào hàng rào, rồi chúng im bật, hoặc là chúng đã bay đi chỗ khác. May mà không có chó, ở nhà này, cũng như những nhà hàng xóm. Nếu có thì chỉ cần một con chó nhỏ chết tiệt như con Zaza của Chenaz cũng có thể đã đánh hơi thấy tôi và hẳn sẽ sủa. Trong hàng rào, tôi yên tâm, tôi có thể thám sát ngôi nhà này.

Tôi chẳng thấy có cái gì hay ho. Buổi sáng, từ tỉnh mơ, đã thấy người đàn ông nọ đi đổ rác, rồi cứ đứng trong khu vườn nhìn vào khoảng trống. Ông ta khá đậm người, vận đồ xám, mái tóc cũng màu xám. Ông ta hút thuốc dưới ánh mặt trời, như thể đó là điều quan trọng nhất trong buổi sáng của mình. Sau đó ông ta đi vào nhà, và tôi không còn nhìn thấy ông ta nữa. Tôi đồ chừng ông ta xem ti vi, hay làm lật

vật gì đấy trong bếp. Bà ta không ra khỏi nhà trước buổi trưa. Bà ta lấy xe hơi riêng, một chiếc Renault 5 màu xanh lơ tàn tạ, lái ngang qua trước hàng rào, bà ta nhìn quanh quất, rồi đi về phía Courcouronnes, hoặc về phía Évry, nơi có trung tâm thương mại. Có thể trên đường đi, trên đoạn đường nối với xa lộ, bà ta sẽ gặp những đứa trẻ của trại, những đứa con gái với mấy chai nước và cái giẻ lau bẩn thỉu của chúng. Có thể bà ta sẽ cho chúng ít tiền, để chúng không làm bẩn kính chắn gió của bà ta bằng miếng giẻ của chúng. Hoặc bà ta nghiêm khắc nhìn chúng, đôi môi mím chặt, kéo kính lên và chốt cửa lại. Dù thế nào đi nữa, bà ta cũng không bao giờ nghĩ rằng tôi có thể ở đó, với những đứa con gái ấy, và tôi cũng vậy, cũng mang chai nước và miếng giẻ của mình. Khi bỏ rơi đứa con gái của mình, liệu người ta có nghĩ đến chuyện sau này lớn lên nó sẽ ra sao không?

Buổi chiều, bà ta trở lại trong khu vườn. Vì trời vẫn còn đẹp và ấm áp, bà ta kéo cái ghế dài ra giữa bãi cỏ, rồi đọc một cuốn sách, hoặc là mơ màng ngủ dưới nắng. Tôi cố hình dung xem bà ấy đang đọc cái gì, đang nghĩ điều gì. Đôi khi, tôi như nghe thấy có tiếng nói. Giọng của bà ta. Những từ ngữ ấy quay cuồng trong đầu tôi, đến mức rú rít, đến chóng mặt. “Sự thật”, “quấy quả”, “bạo lực”, hay thậm chí những chữ bình thường hơn, kỳ cục, vô nghĩa, “hôm nay”, “lắm tằm”, hay những cái tên xa lạ với tôi, có lẽ là tên của các con bà, tên của người chồng mới, của đứa con gái bà ta, “Hélène”, “Marcel”, “Melanie”, “Maurice”, “Mauricette”... Thế là tôi bịt chặt tai lại, tôi ép chặt hết sức đôi tay lên hai tai, tôi đau nhói trong tai, tôi ép tới nỗi màng nhĩ muốn nổ tung. Dường như từ xưa đến nay, tôi vẫn luôn nghe thấy những cái tên này, từ rất lâu rồi, từ hồi thơ ấu, chúng luôn ở đó, ở Takoradi, ở trường học, ở Kremlin-Bicêtre, ở trung tâm Malraux. Tôi thấy như chúng đã hủy hoại đời tôi, đã từ từ vét rỗng tôi, hút kiệt sinh lực của tôi, của toàn bộ con người tôi, chúng chia tôi ra thành hai, thành ba, thành mười phần.

Tôi cầm báng súng trong tay phải, trong túi chiếc áo gió, tôi vượt nhẹ phần kim loại có khóa, cái chốt an toàn, tôi lên cò, tôi tháo đạn. Chính Hakim King là người đã chỉ cho tôi biết người ta phải làm gì với một khẩu súng. Một bữa nọ, anh đã đưa tôi tới trường bắn, ở mạn La Garenne. Tôi bắn vào bia, và khi mảnh bìa được đẩy trả lại, tôi thấy mình đã ghim tất cả các viên đạn vào hồng tâm, thậm chí có hai phát trúng cùng một lỗ. Từ chỗ này, khi muốn, tôi sẽ không thể bắn chệch mục tiêu. Một viên đạn, chỉ một viên thôi, và tất cả sẽ xóa sạch. Sẽ có một âm thanh kếp, tiếng thuốc súng bùng nổ và gần như đồng thời, nhưng tôi có thể nghe thấy nó tách bạch, tiếng của viên đạn găm vào cơ thể. Không một tiếng kêu, nhất là không để thốt ra một lời than van. Thậm chí cả một tiếng “ối!” cũng không. Chỉ độc một âm thanh đục và mạnh của viên đạn găm vào phổi trái và xuyên thủng động mạch chủ.

Tôi biết từng chi tiết của ngôi nhà này, của khu vườn, của những lối đi rải sỏi nhỏ, những vòm cuốn bồn hoa và tất cả những khóm hoa, những bụi gai, những thân cây, một cây liễu rủ đầy côn trùng và một bụi dương lá bạc. Cứ như thể tôi đã sống ở đây từ rất lâu rồi, thời ngôi nhà ở Takoradi, như thể tôi đã là một đứa trẻ ở đây, giữa những đứa trẻ khác. Nhưng họ không trông thấy tôi. Đối với họ, cũng như đối với Chenaz Badou, tôi vô hình. Tôi không biết vì sao tôi lại đến, tôi không biết mình chờ đợi điều gì. Từ khi tôi ở trại Courcouronnes, tôi đến đây, trong cái lỗ hổng giữa hàng rào này. “Cô đi đâu thế, đi làm hả?” Rada nhìn tôi đầy ngờ vực. Bọn nhóc trong trại theo tôi một đoạn trên phố, tôi nghĩ chính Rada bảo chúng canh chừng tôi, nhưng tôi cứ loanh quanh hết phố này qua phố khác, cho đến khi chúng phát chán liền chạy đi và tiếng la hét chói tai của chúng vang lên lạnh lót giữa khu phố vắng. Một bận tôi dẫn chúng tới trung tâm thương mại. Người quản lý tiệm đồ sửa chữa chưa kịp nhìn thấy chúng chạy vào thì chúng đã tỏa khắp các giá hàng và la hét như tiếng thổ dân. Ông ta muốn nói điều gì đó với tôi, và tôi lớn tiếng với ông ta, như chưa từng làm thế

với ai khác, tôi vừa nói vừa nghiêng răng, và tôi không rõ ông ta có biết tôi mang vũ khí hay không, ông ta xuống nước, tôi bảo: chuyện gì? chuyện gì? chúng đã làm gì, chúng đã ăn cắp cái gì của ông à? Nói đi, ông thấy chúng lấy cắp cái gì chưa? Bọn nhóc chạy lên tầng, chúng la hét chói tai, chúng chạy quanh những giá hàng, còn những khách hàng hiếm hoi sững ra tại chỗ, và khi tôi ra khỏi cửa hàng, lũ trẻ chạy theo sau tôi và biến mất trong phố, giữa những xe cộ, về phía móm đất nằm giữa các làn đường của xa lộ. Chính qua chuyện đó mà tôi hiểu rằng mình chịu trách nhiệm về chúng, rằng chúng là gia đình của mình theo một cách nào đó, quả thật là như thế vì tôi đâu còn gia đình nào khác. Chúng cũng thế, không tên tuổi không nhà cửa, sinh ra ở đâu đó, không quá khứ không tương lai.

Với Rada, tôi không nói chuyện nhiều. Cô ta không thật sự là người của trại, ngẫu nhiên mà cô ta tới đó, cô ta thô bạo và nặng nề, cô ta nói với một thứ giọng trúc trắc, có thể cô ta đã từng ở tù. Có thể cô ta là chỉ điểm của cảnh sát, và chính bởi thế mà cô ta có thể ở lại đây, với cái đám này. Nhưng tôi thích cái là không có gì bắt buộc, không có gì dứt khoát. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi cảm thấy mình tự do.

Sáng nay tôi đến ngõ Sen cạn từ sớm. Đó là một ngày thu đẹp trời, bầu trời rất sáng. Đã chớm cái lạnh mùa đông trong những rãnh nước lề đường, gió thổi ngang những con lộ. Tôi bước rất nhanh, hai tay giấu trong túi áo gió, hơi cúi người về phía trước vì sức nặng của chiếc ba lô kiêm cặp sách. Tôi gói ghém hết đồ đạc, như mỗi lần ra khỏi trại. Khi bạn sống ở một nơi như thế, bạn ra ngoài và không chắc sẽ trở về vào buổi tối. Tất cả đồ đạc của tôi, có nghĩa là chỉ có bộ quần áo trên người, một túi đựng đồ vệ sinh cá nhân, mấy chiếc khăn mùi soa và một hộp tampon, cùng vài thứ giấy tờ không quan trọng và một cuốn sách cũ mà tôi mang theo tới bất cứ nơi nào tôi đến, đã bị rách và lem bấn, cuốn *Nhà tiên tri* của Gibran, tôi lấy nó trên giá sách ở nhà Hakim, không có sự cho phép của anh. Đừng hỏi tại sao lại là cuốn

này mà không phải cuốn khác, tôi đọc nó từng đoạn ngắn một, như thể một bài hát, tôi đọc nó và ngủ thiếp đi. Một bận, tôi bị cảnh sát kiểm tra, họ nhìn cuốn sách, và ả cớm nữ hỏi tôi: cô theo đạo Hồi sao? Tôi cười không trả lời, từ khi nào người ta quan tâm đến tôn giáo của tôi? Lúc đó, tôi còn chưa có khẩu súng của *đại tá không quân* Crosley, nếu không chắc tôi không thể ra khỏi sở cảnh sát. Vậy nên tôi siết chặt cái vật nhỏ bằng kim loại ấy trong tay, và tôi dẫn những bước dài về phía ngõ Sen cạn. Tôi biết ngày hôm nay sẽ quyết định tất cả. Sẽ không có một mùa đông nào khác để mà lần nữa.

Ngôi nhà trở sững trong vẻ yên lặng uể oải. Ngay cả những chú chim cũng lặng thinh. Tôi đứng ngay đầu lối đi rải sỏi, tôi nhìn về phía những ô cửa sổ đóng kín. Liệu họ có quyết định gặp tôi không? Hay có thể là người phụ nữ ấy, Michèle, Gabrielle, có thể bà ta đã trông thấy tôi, và đã bấm số gọi cảnh sát. Đến nhanh đi, tôi tin cô ta có vũ khí. Tôi sợ, cô ta làm tôi sợ, cô ta đã phải điều trị ở viện tâm thần, người ta đã thả cô ta ra, hoặc cô ta đã bỏ trốn, cô ta rất nguy hiểm. Không, không, tôi không biết cô ta, tôi chưa bao giờ nhìn thấy cô ta, tôi không biết tên cô ta. Tôi nghĩ rằng đó là một người điên đáng thương, một kẻ lang thang, cô ta ở trong trại tị nạn ngoài xa lộ, cô ta lê la khắp các con đường trong thành phố với một đám du thủ du thực, ăn mày, phường lê lố, móc túi.

Đột nhiên tôi thấy rõ ràng. Không có gì khiến ta kiệt quệ hơn là hằng ngày phải tới trước một ngôi nhà đóng cửa im im, để nhìn một cái bóng lướt qua. Tôi ngồi bệt xuống đất, trên lối đi rải sỏi, tôi đặt ba lô bên cạnh. Hôm nay cần phải kết thúc những lời dối trá. Hôm nay mọi sự phải được làm sáng tỏ, rồi thì biến mất, kiểu như một bóng đèn điện lóe lên ánh sáng cuối cùng trước khi tắt ngấm.

Đó là một khoảng thời gian dữ dội, nó không trôi đi, hay đúng hơn là nó xé lẻ ra thành từng mảnh, từng mẩu nhỏ, như thể tôi sống đời sống của một con kiến. Tôi thấy từng hạt sỏi, màu trắng, vỡ ra theo góc vuông, một tảng băng trong một biển băng. Những cọng lá khô, những ngọn cỏ mà thuốc diệt cỏ đã tiêu diệt, những viên đá chết, những mảnh sành vỡ. Trên bầu trời trong những đám mây nhẹ trôi, như thể những chiếc thuyền đang căng buồm. Chúng thật xa mặt đất. Ngày xưa ở Takoradi tôi nhìn chúng trôi qua chu vi khu vườn, tôi nằm dưới đất và chúng trôi qua chậm rãi, nhẹ nhàng, theo hướng gió từ biển. Cùng với Bibi chúng tôi chơi trò chơi đặt tên cho những đám mây: nào cá heo, nào chim tu căng, nào yêu tinh trắng, yêu tinh xám, nào phù thủy, nào liễu bách. Tôi vẫn nguyên là con người ấy. Tôi là cái đĩa chuyên ngủ dưới đất vườn, ở phía bên kia thế giới, ở Phi châu. Cần phải có điều gì đó xảy đến, ngay bây giờ, để ngắt cái cuộc đời tôi đang mơ tưởng lại. Tôi cần phải đi vào nửa còn lại của cuộc đời mình.

Trước tiên họ tới trại, để trục xuất tất cả ra khỏi đó. Hình như họ đã thông báo rằng, chính quyền không muốn dung dưỡng bọn lang thang nữa. Rada đã chuẩn bị chuyến đi của mình, họ đã thu hết đồ đạc, và cùng với đám trẻ con họ lên xe cảnh sát đi về phía tòa nhà đón tiếp, ở đó họ sẽ có nhà vệ sinh và những căn phòng tử tế. Sau đó họ đã tới tìm tôi, họ tới không gây một tiếng động. Không rúc còi hiệu, không âm ào, không la lối. Lẹ làng, như thể họ đi trên cát, hay trên một tấm thảm mút. Hai nữ, hai nam. Không có dáng vẻ của những cặp đôi đóng giả tình nhân lượn lờ trên phố để tóm kẻ gian. Họ nói. Họ hỏi. Họ muốn gì? À phải, món đồ chơi của tôi. Là hỏi cái ấy. Tất cả đều muốn món đồ chơi của tôi. Tôi cười với họ. Tôi cười với người phụ nữ trẻ đứng trước mặt mình. Mặt trời chiếu sáng khuôn mặt màu đồng của cô. Đôi mắt cô thật dịu dàng, không giống như mắt Rada. Cô từ đó tới, từ thành phố của tôi, từ những con phố Takoradi, từ Cape Coast, từ Elmina. Tôi còn nhớ, tôi đã gặp người phụ nữ ấy ở đó, khi mà dì tôi

đưa chúng tôi, Bibi và tôi, tới tham quan nhà tù nô lệ. Bên cạnh pháo đài, những con phố nhỏ chật hẹp, những căn nhà xây bằng gạch và lợp mái tôn. Cô đứng dưới bóng râm một mái nhà, cô nhìn tôi. Cô bé nhỏ, một đứa trẻ với cái miệng sưng phồng, đôi mắt giương to vì sợ hãi. Tôi đưa kẹo cho cô. “Đừng sợ, cô gái. Tôi tên là Ramata. Chúng tôi ở đây để giúp cô. Hãy giao vũ khí của cô cho tôi, làm ơn.” Tôi không sợ. Tôi cười với cô, tôi muốn ôm chặt cô trong vòng tay, như thể chúng tôi vừa tìm lại được nhau sau một cuộc xa cách dài. Tôi thích tên của cô, một cái tên Phi châu. Một cách chậm rãi, tôi chìa khẩu súng ra cho cô, cô cầm lấy và đưa cho viên cảnh sát đứng bên cạnh. “Cô đi với chúng tôi, chúng tôi sẽ chăm sóc cô, đừng sợ.” Tôi đi với Ramata, cô không muốn người ta còng tay tôi. Tôi dựa vào cánh tay cô như thể một người già nhỏ bé, tôi đi bộ chậm rãi, từng bước nhỏ, những hòn sỏi lạo xạo dưới gót giày chúng tôi, một thứ tiếng động của cát bên bờ biển.

Tôi trở lại đó. Tôi đã nghĩ chuyện đó là hoàn toàn không thể xảy ra. Tôi đã nghĩ mình sẽ không bao giờ trở lại Phi châu nữa. Tôi đã nghĩ mình sẽ chết mà không được thấy lại mảnh đất này, ánh sáng này, không được hít thở bầu không khí này, không được uống nước của mảnh đất này lần nữa. Khi chúng tôi ra đi, như cách tôi đã ra đi, như một kẻ ăn mày, không giấy tờ không hành lý, liệu ai có thể nghĩ là một ngày nào đó mình có thể quay trở lại? Mình ra đi, nghĩ rằng mình sẽ không bao giờ có thể thành một du khách trên mảnh đất nơi mình đã ra đời, lớn lên, rồi bị phản bội. Tôi không biết rằng điều đó có thể xảy ra. Tôi chưa bao giờ nghĩ đến điều đó.

Trước hết cần phải tồn tại đã. Vì tôi chẳng có gì, tôi phải bịa ra một nơi sinh, một mốc ngày tháng, tìm được một số người làm chứng, những người cho mượn tên. Chính Ramata đã làm tất cả. Cô đã liên hệ với bà Crosley, rồi các bà xơ ở tu viện Conception ở Takoradi, cô đã nói chuyện cả với Chenaz và gọi điện cho ông Badou ở Bi. Vì tôi không muốn mang cái họ này, nên cô đăng ký cho tôi mang họ Crosley, trong khi chờ thủ tục nhận con nuôi. Tất cả đều khập khiễng, tất cả giấy tờ đều ghi ngày tháng đã được lùi lại, chữ ký thì thiếu, các con số đều giả mạo, nhưng cũng xong, như một chuỗi bánh xe răng cưa cái này khởi động cái kia, từ cấp sơ thẩm cho đến phán quyết cuối cùng của cấp phúc thẩm. Chính Bibi đã phát kiến cho tôi cách trở lại Phi châu, làm trợ lý tình nguyện cho bệnh xá Takoradi. Và tôi đã ra đi.

Nhóm tình nguyện đa quốc gia, có người Pháp, người Anh, người Hàn Quốc, người Mỹ, và thậm chí cả một cô người Úc. Phần lớn, cũng như tôi, không có lấy một chút kinh nghiệm về y học. Chúng tôi mặc một chiếc áo bờ lu màu lục bằng ni lông, đội một chiếc mũ cùng chất

liệu, đi giày trong suốt. Chúng tôi ở bốn người một phòng, những phòng hình khối vuông bằng xi măng có sưởi ấm, và dùng phòng tắm chung. Chúng tôi nói chuyện với nhau một chút vào buổi tối, trong khi hút thuốc trên thảm cỏ, để xua muỗi. Sau khi giới thiệu, chẳng ai hỏi tôi: “Vì sao cậu lại tới đây? Trước đây cậu làm gì?” Điều đó khiến tôi có cảm giác là chúng tôi đều ở tù ra. Bác sĩ phẫu thuật là người Ghana, tên là Dedjo. Khi tôi nói với ông rằng tôi sinh ra trên mảnh đất này, ông ấy nhìn tôi như thể tôi đang đùa. Ông nói tiếng Anh không chệ vào đâu được, giọng rất Anh. Nhưng ông có nhiều dấu vết trên hai má, tôi đoán ông thuộc dân tộc Ga. Có thể là người Akan.

Bệnh viện nằm xa biển, trên con lộ Tarkwa. Ngày Chủ nhật, khi rảnh rỗi, chúng tôi bắt xe buýt vào thành phố. Những cô gái khác đi dạo trong trung tâm, còn tôi bắt taxi ra biển. Tôi không cố tìm lại nhà chúng tôi ngày xưa. Giờ là hậu chiến, tất cả đã bị xóa nhòa. Bãi biển không còn giống như những gì tôi từng biết. Hoặc giả do chính tôi không còn nhớ rõ nữa. Ở kia, nơi từng có một khoảng cát trắng mênh mông với bọt sóng chồm lên liếm tới, giờ đây là một kiểu nhà xây bằng gạch pa panh với mái tôn bắt chước những túp lều của các resort hạng sang. Thuyền độc mộc của dân chài được thay bằng những chiếc thuyền mũi cong và thuyền đạp chân, và một cầu tàu bằng sắt thành nơi ẩn náu cho những chú bồ nông cuối cùng. Tôi bước đi trên cát mịn, trong gió Đông. Những đám mây sà thấp xuống, che lấp cả chân trời. Có vẻ như Takoradi đã kết thúc rồi, giờ đây những du khách muốn thám hiểm biển và lướt sóng nên tìm đến Kokrobite hay Amonabu thì hơn.

Tôi ngồi xuống để ngắm biển, trong khi đợi đến giờ quay về Tarkwa. Hẳn là đã có một cơn bão trong những ngày qua, bởi vì bọt sóng có màu vàng vàng, và bọt sóng không trắng lắm. Nhưng tôi nhận ra cái mùi quen thuộc, nó làm tôi rùng mình và nó thấm vào thẳm sâu trong tôi, tới tận não tôi, một mùi vừa dịu vừa hắc, không chút an bình hay văn minh, một thứ mùi của bạo lực không thể hiểu nổi. Đó là cái

mùi đầu tiên tôi cảm thấy khi chui ra từ bụng mẹ. Tôi còn chưa có mắt, nhưng tôi đã mở rộng hết cỡ hai lỗ mũi và tôi đã hít mùi biển, cho toàn bộ phần còn lại của cuộc đời mình. Tôi không tìm cách hiểu xem mình đã được hoài thai ở đâu, cái túp lều tối tăm ở đó mẹ tôi đã nhận lấy hạt mầm của cha. Suy cho cùng, có thể là trong một trong những bungalow góm ghiếc, bẩn thỉu này, trong khi trên cái bục xi măng của khách sạn một ban nhạc què quặt hành hạ một điệu *reggae*? Quan trọng gì đâu? Tôi ra đời ở đâu thì tôi biết: ở ngay trong cái nhà thương nơi tôi đang làm việc đây. Vào thời đó, đây chưa phải một địa chỉ chính thức của hoạt động nhân đạo (medecinsdumonde.org), mà chỉ là một bệnh xá nông thôn nhỏ do những bà xơ ở tu viện Conception đảm trách, cùng với một vài người Ai Len, một vài người Nigeria, một thầy thuốc người Anh đã về hưu. Tôi đã tham quan tất cả các phòng. Căn phòng cũ nhất nay dùng để làm kho chứa dụng cụ y tế, thùng thuốc ngậm, ống tiêm, dây truyền, bình truyền dịch. Có một chiếc tủ lạnh to cỡ lỗ từ thời hồng hoang, với cái tay nắm han gỉ, kêu ro ro và thi thoảng lại phành phành một tí. Cửa sổ mở ra sân đất nện, bao quanh là những cây chanh. Dĩ nhiên, tôi đã không nhìn thấy gì khi mới sinh ra, cả ở đây cũng như ở bãi biển. Tôi đã sống như một con thú nhỏ bị bỏ rơi, trong một chiếc nôi hai chỗ, hai tay nắm chặt, tim cũng khép kín, chỉ giãi bú và làm bần tã lót, cho tới khi ai đó trong gia đình Badou tới tìm tôi và đưa tôi về nhà họ. Có gì quan trọng đâu?

Nhà thương không mấy khi nhận trẻ sơ sinh. Những bé gái bị bỏ rơi được đưa tới trại trẻ mồ côi ở thủ đô. Ở Tarkwa chỉ toàn những ca cực hạn. Hôm qua, tôi đã phụ cho một ca bóc u bìu. Bệnh nhân là một người đàn ông tuổi lục tuần, nhưng trông ông ta có vẻ già hơn, vì cuộc sống nhiều biến động. Điều ông ta lo lắng nhất là khả năng sinh dục sau này của mình, và trước lúc gây mê, ông cứ nắm lấy tay tôi mà rên rĩ lặp đi lặp lại: “Cô sẽ không làm hỏng nó chứ, cô sẽ không cắt nó đi chứ?” và tôi chỉ biết nói với ông ta: “Này bác, bây giờ bác sẽ phải

ngoan hơn đấy.” Cuộc bóc u đúng là một lò mổ đích thực, máu me khắp nơi, vấy trên những đôi găng tay, trên chiếc áo bờ lu xanh, cả trên đôi giày nhựa của tôi. Một lát sau, tôi đi ra ngoài sân để hút một điếu thuốc với những tình nguyện viên khác. Năng thiêu đốt làm đầu óc quay mòng mòng. “Mọi chuyện thế nào?” một cô gái không dám phụ ca mổ hỏi. Tôi cười khẩy, có lẽ vì tôi nghĩ đến những gì đã xảy ra ở đây, đối với tôi, ba mươi ba năm về trước.

“Ờ, không tệ hơn đỡ đẻ.”

Tôi đi tìm Julia. Tôi không biết họ của bà. Tôi chỉ biết cái tên này, đấy là nhờ mấy người già ở bệnh xá mà tôi biết được. Bà ấy là nữ hộ sinh, sống cùng thời với các bà xơ tu viện Conception. Bà không theo đạo, bà đã bỏ nghề hộ sinh từ lâu, nhưng nhiều người vẫn nhớ tới bà, vì bà là người giỏi nhất, là người mà người ta sẽ cậy nhờ khi có một ca đẻ khó, đứa trẻ xoay không thuận chiều, hoặc là tử cung người mẹ không mở đủ rộng. Bà có bí quyết, các loại thuốc sắc, những lời cầu nguyện, bà biết cách làm dịu nỗi lo của các sản phụ, bà biết tìm thóp cho những đứa trẻ sơ sinh.

Nhờ cất công hỏi, tôi đã kiếm được địa chỉ của bà. Đó là ở gần chợ, đường Summer Road, ngay sát hiệu tân dược Kenrich. Tôi đã tới đó vào ngày Chủ nhật, để chắc chắn sẽ gặp được bà. Ngôi nhà bé tẹo, giữa hai khối bê tông. Nó sống sót sau các kỳ tu bổ, như một chiếc răng sâu giữa những chiếc răng giả trắng hếu. Khi tôi gõ cánh cửa sắt, một thằng nhóc chừng mười lăm tuổi đi ra, nó nhìn tôi đầy ngờ vực. Tôi đồ chừng nó tưởng tôi là phái viên nhà băng hay một ai đó đại loại như vậy, người sẽ đến đưa tờ giấy có đóng dấu và lấy đi cái nhà. Khi tôi nói tên của bà nó, nó lên tiếng gọi nhưng đầu vẫn không ngoảnh đi. Nó tiếp tục nhìn tôi, một vẻ thách thức trong ánh mắt nó, cùng với chiếc mũ cát két của bọn *rapper* rôm và đôi giày vải. Julia xuất hiện. Tôi không hình dung bà như thế, nhỏ bé, giản dị thế. Với chiếc váy tạp dề và đôi dép tông, trông bà giống như một nông dân. Mái tóc hoa râm

của bà tết thành bím, cột cao trên đỉnh đầu, kiểu tóc của mấy bé gái. Tôi nhìn bà không nói gì, rồi, không dừng được nữa, tôi nói: “Cháu Rachel đây ạ, bà có nhớ cháu không? Rachel.” Lố bịch. Bà hẳn đã đỡ đẻ cho hàng nghìn đứa trẻ, những Rachel và Judith, và Noma.

Nhưng bà không đuổi tôi đi. Ngược lại, bà nắm tay tôi dẫn vào nhà. Ngôi nhà bà, đó chỉ là một phòng nhỏ tối tăm, kèn càng mấy chiếc ghế bành và một chiếc bàn bên trên đặt một chiếc ti vi. Một tấm rèm che trước một cái cửa và tôi nghĩ đó là phòng ngủ của bà, một cái hộc kê giường thì đứng hơn, theo cái bóng đổ xuống. Thằng nhóc đã biến mất, bỏ lại chúng tôi trong căn phòng, nó chạy đi gặp đám bạn. Chúng tôi ở lại, Julia và tôi, không nói một lời nào. Sắc xanh của tường gạch và tấm rèm, sắc đỏ sẫm của gạch lát sàn, thảm và khăn lót, những khung ảnh treo trên tường ngăn cuộc nói chuyện, nhưng chúng tôi không chìm đắm trong yên lặng, bởi chúng tôi nghe thấy tiếng ồn ngoài phố, tiếng còi của những chiếc taxi tập thể, tiếng nhạc từ những chiếc đài boombox trong những quán bar bên cạnh. Khi tôi nói với Julia rằng bà là người đã đón tôi vào đời, cách đây hơn ba mươi năm, bà là người đã cho tôi bình sữa và chăm sóc tôi, thì bà không đáp gì, chỉ một tiếng à-à thể thôi, vừa gật đầu vừa hơi đu đưa trong chiếc ghế bành. Bà nói sõi tiếng Anh, bà học ở trường. Tôi mang theo mấy thứ giấy tờ - không phải là tấm hộ chiếu còn mới toanh mang tên một cô Rachel Crosley nào đó, mà là tất cả những gì tôi giữ lại được từ cuộc đời trước kia của mình, giấy khai sinh, sổ tiêm chủng và sổ học bạ. Bà xem rất cẩn thận từng thứ một. Tôi chỉ cho bà cả một tấm ảnh cũ mà tôi không bao giờ để mất, ngay cả khi tôi mất trí, trên tấm hình đó là Bibi và tôi, trên bãi biển Takoradi, tôi chín tuổi, còn Bibi lên bốn, tôi mặc một bộ bikini màu trắng và em chỉ mặc độc chiếc quần lót, chúng tôi đội mũ rơm, bọt sóng làm chói mắt chúng tôi. Julia cầm tấm hình, xoay nghiêng nó dưới ánh sáng để nhìn cho rõ. Bà mỉm cười, nhưng tôi cảm thấy bà đang cảnh giác. Một người phụ nữ như tôi đến gặp bà để làm gì? Có thể đứa cháu của bà, thằng nhỏ đội mũ cát kết, bảo bà

phải dè chừng, đừng có ký tá gì cả. Bà đưa lại đồng giấy tờ cho tôi, xếp gọn gàng ngay ngắn, không bình luận gì. Tôi có thể chờ đợi gì đây? Rằng bà sẽ nhớ ra, bà sẽ gọi đúng tên tôi, bà sẽ ôm hôn tôi? Tuy vậy, vào lúc tôi chuẩn bị đi, Julia đi vào phòng, bà trở ra với tập album, và cho tôi xem những tấm ảnh gia đình. Một trong số những bức ảnh đó, có hình bà hồi khoảng chừng ba mươi tuổi, bà mặc một chiếc áo bờ lu chắc hẳn là màu xanh nhưng bức ảnh chỉ lưu lại được màu ghi xám. Đầu bà chụp một chiếc mũ viền trắng, đôi chân đi giày trắng. Bà cười tươi, phía sau bà là những chiếc nôi nằm thẳng hàng, có màn che. Tôi biết vì sao tấm ảnh này làm tôi xúc động. Đây là lần đầu tiên tôi cận kề sự ra đời của mình đến vậy, từ giờ trở đi, tôi sẽ không biết thêm gì nữa. Julia hiểu cảm xúc của tôi, một đám mây thoáng qua trên gương mặt tươi tắn của bà, có cái gì đó như là kỷ niệm, nhưng hiển nhiên là không thể làm gì nữa rồi, vì đã quá lâu. Tên tôi và những giấy tờ chẳng nói với bà điều gì, chỉ khi tôi nghiêng hẳn người xuống tấm ảnh này, bà mới rút nó ra và đưa cho tôi, bà không còn gì khác để đưa cho tôi nữa, không còn gì khác để chia sẻ, và tôi thì không thể nhận lấy nó. Đúng lúc tôi sắp bước ra khỏi cửa để lao mình ra ngoài, trong ánh sáng và tiếng ồn của con phố, bà dang rộng đôi tay và tôi ôm chặt lấy bà, bà thật nhỏ bé và nhẹ bẫng, nhưng đôi tay vẫn mạnh mẽ như tay những nữ hộ sinh. *Ma-krow*, tôi nói với bà, những từ *twi* duy nhất mà tôi học được, *ma-krow auntie*. Bà bèn đặt tay lên đầu tôi, bà truyền sức mạnh lại cho tôi, một dòng nước dịu dàng mà nóng ấm chạy dọc suốt thân thể tôi khiến tôi run lên. Bà trở vào nhà và đóng cửa lại. Tôi lại bước đi trên phố, về bến taxi. Tôi thấy váng vất chóng mặt, hẳn là vì nóng và đám đông. Vả lại, bắt đầu một câu chuyện mới, bao giờ chẳng khắc khoải hồi hộp.

Table of Contents

1. [\(Untitled\)](#)
2. [\(Untitled\)](#)
3. [\(Untitled\)](#)
4. [\(Untitled\)](#)
5. [\(Untitled\)](#)
6. [\(Untitled\)](#)
7. [\(Untitled\)](#)
8. [\(Untitled\)](#)
9. [\(Untitled\)](#)
10. [\(Untitled\)](#)
11. [\(Untitled\)](#)
12. [\(Untitled\)](#)
13. [\(Untitled\)](#)
14. [NGƯỜI ĐÀN BÀ KHÔNG DANH TÍNH](#)
15. [\(Untitled\)](#)
16. [\(Untitled\)](#)
17. [\(Untitled\)](#)
18. [\(Untitled\)](#)
19. [\(Untitled\)](#)
20. [\(Untitled\)](#)
21. [\(Untitled\)](#)
22. [\(Untitled\)](#)
23. [\(Untitled\)](#)
24. [\(Untitled\)](#)

25. ([Untitled](#)).

26. ([Untitled](#)).

27. ([Untitled](#)).

28. ([Untitled](#)).

Table of Contents

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[NGƯỜI ĐÀN BÀ KHÔNG DANH TÍNH](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)

[\(Untitled\)](#)